

LỌAI SÁCH
DANH NHÂN
VIỆT NAM

Những
vĩsao
Đất
nước

thuongmaitruongxua.vn



tập ba

THANH **N**IÊN

NGUYỄN ANH — VĂN LANG — QUỲNH CÚ

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC

(Truyện danh nhân lịch sử Việt Nam)

TẬP III

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

MAI THÚC LOAN

Xa xôi vạn dặm về phương Bắc là kinh thành Trường An của nhà Đường. Giữa hoàng cung thâm nghiêm có tòa Phù lệ cung ngói vàng ngói bạc ẩn hiện qua những lùm cây quả quý hiếm của phương Nam. Những giống thảo mộc kỳ lạ đối với người Bắc phương này, là do An Nam đô hộ phủ⁽¹⁾ đôn đốc dân phu, lính tráng, đêm ngày lần đường chuyển về. Những người mắc nạn lao dịch chuyên chở ấy, vất vả cực nhọc vì đủ thứ cỏ cây công kênh phải mang theo, ngày đêm nối nhau lê bước trên các ngã đường cái quan hun hút dẫn về kinh đô, vậy mà tòa Phù lệ cung nguy nga vẫn luôn luôn thiếu cây gây đẹp. Bởi giống thảo mộc phương Nam không quen với khí hậu phương Bắc nên thật chóng héo tàn. Cho nên cứ phải không ngớt thay cây.

Ở Trường An, vua Đường có một nàng ái phi, nhan sắc thật là chim sa cá lặn, mà tính tình thì cũng thật nắng mưa nóng lạnh thất thường. Lầu son gác tía mọc san sát ở khắp nơi, nhưng chỉ riêng có tòa Phù lệ cung là được gót sen năng tìm đến. Bởi chỉ ở đó có thứ cây, đúng hơn là thứ quả mà nàng quý phi của vua Đường

(1) Cơ quan thống trị nước ta và miền Hoa Nam, do phong kiến nhà Đường đặt từ năm 679.

hằng khao khát khôn nguôi. Ôi, cái thứ quả xinh xắn như trái trứng gà đỏ rực ấy, lớp cùi mỏng nước trắng trong, giòn dai mà mềm mại, thơm tho thanh khiết, chua đấy mà ngọt đấy, thật kỳ lạ! Nhưng nếu người đẹp của vua Đường thường ứa nước miếng mỗi khi nghĩ đến thứ quả tuyệt diệu nọ, thì vua Đường đã cao tuổi, lại chỉ thích thú khi lim dim nhìn ngắm những ngón tay nuột nà làn bóc lớp cùi ngà ngọc, vẫn vợ so sánh khuôn miệng của mỹ nữ và vị ngon của trái cây kỳ thú kia, chẳng biết thứ nào hơn thứ nào...

Tóm lại, đấy là một thứ quả mà những người đang nắm giữ trong tay cả một nước Trung Hoa trung cổ, đã mệnh mông đông đúc, lại còn cộng thêm cả những miền đất đai đồ hộ trù phú, chạy suốt từ An Bắc, An Đông, An Tây đến An Nam⁽¹⁾ hằng ước muốn. Và, chính từ nỗi thèm khát thứ quả lạ ấy, đã nảy sinh một cái tên gọi rất đối hoa mỹ là *lệ chi*.

Quả « lệ chi » đó, ai cũng biết là chỉ có ở An Nam. Và ở An Nam thì ngon nhất lại là « lệ chi » của Hoan Châu⁽²⁾, mà người dân ở đấy vẫn chỉ quen gọi nôm na là *quả vải*.

I

Từ thuở còn nhỏ, Mai Thúc Loan đã được nghe kể như thế về những quả vải ở quê hương mình. Thứ trái cây dân dã, khiêm tốn và vô tội ấy, ngờ đâu lại trở thành tai vạ cho đất Hoan Châu! Liệt quả vải vào hàng cống phẩm đặc biệt, Phủ đồ hộ An Nam đã đặt hẳn một

chức *Tu quan* để chuyên lo việc đốc thúc dân chúng trong miền cung tiến vải quả và vải cây. Một cây vải về được đến Phủ lệ cung ở Trường An là cả trăm cây chết hồng dọc đường. Một chục quả dâng được tới tay vợ chồng vua Đường là nghìn vạn quả vải rải ra từ châu tới phủ và triều đình đô hộ.

« Sáu quả vải vì ai vạch là

Ngựa hồng trần kẻ đã héo hon »⁽¹⁾

Câu hát thở than vụng trộm của dân làng, Mai Thúc Loan nghe một lần rồi không để lọt đi nữa. Chú bé chỉ còn ngờ ngợ một điều và thì thào hỏi ngay mẹ:

— Tại sao ngựa hồng trần lại phải héo hon, mẹ?

Người mẹ trẻ giắt mình ôm lấy con trong gian nhà dột nát vắng vẻ ở nơi chân núi ven làng⁽²⁾:

— Đấy là ngựa chạy trạm phi đến kiệt sức để kịp chuyển vải tươi về Trường An. Nhưng con đừng nhắc đến chuyện ấy kéo mất đầu, nghe con!

Người mẹ đẩy con ra, nhìn ngắm hồi lâu rồi lại tần ngần ôm lấy con. Đứa bé vẫn thỉnh thoảng lại hỏi những câu làm người mẹ giắt mình:

— Người ở động Bằng Sơn⁽³⁾ xuống biển tìm mua muối. Họ nói ở trên núi, quan đồ hộ định giá một đấu muối ngang một con trâu⁽⁴⁾. Sao bắt người ta mua đắt quá vậy mẹ?

(1) Điệu hát châu văn sự tìm được ở Nam Đàn (Nghệ An)

(2) Gia phả đền Đông liệt chép: nhà mẹ Mai Thúc Loan làm ở núi Giẽ, thuộc thôn Ngọc Trừng.

(3) Sách *Thái Bình ngự lãm* đời Đường chép về Hoan Châu, nói người động Bằng Sơn họp chợ trong núi, 10 ngày một lần.

(4) Sách *Tân Đường thư* của phong kiến Trung Hoa thú nhận: chức Kinh lược sứ An Nam là Lý Trác hà khắc tham lam, đem mỗi đấu muối đổi lấy một con trâu, Người An Nam không chịu được.

(1) Từ Trung Á đến Triều Tiên, từ giáp Xibêri đến Việt Nam.

(2) Miền Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay.

Người mẹ chỉ còn biết sợ hãi nghĩ con trai không được nhắc đến những chuyện tây trời như thế nữa, mà không có cách nào giảng giải cho đứa trẻ thật đã sớm nhận ra nỗi khổ cực của kẻ mất nước là như thế nào. Nhưng rồi bà cũng không tránh nổi một câu hỏi tự nhiên khác, vào một ngày mà cả hai mẹ con hẳn sẽ không bao giờ có thể quên được...

Hôm ấy, người mẹ vào rừng trở về muộn⁽¹⁾. Khi gánh gánh củi nặng oằn vai về tới nhà thì trời đã chạng vạng. Người mẹ chờ đứa con reo hò vỗ vập mừng đón như thường ngày, nhưng chỉ thấy Mai Thúc Loan ngồi lặng lẽ ở bậc cửa, khuôn mặt đen xạm càng tối sẫm trong bóng chiều và quanh mắt còn rõ ngấn nước. Biết có chuyện khác thường mới làm cho đứa bé hiếu động và rần rỏi phải khổ sở đến thế kia, người mẹ vội vã quàng gánh ôm lấy con. Nhưng bà chưa kịp cất tiếng hỏi thì đứa bé đã đẩy mẹ ra. Và kỳ lạ hơn nữa là câu hỏi đột ngột:

— Mẹ! Bố con đâu? Tại sao chúng nó chửi con là thằng không cha?

Đến lượt người mẹ rung rời ngồi xếp xuống cạnh con. Những giọt nước mắt bỗng trào ra trong khi đứa bé chăm chăm nhìn vào cặp mắt bà mẹ chờ câu trả lời. Nhưng người mẹ lại chỉ thấy mù mờ qua làn nước mắt, hiện dần lên một vùng biển xa xôi với những cánh đồng muối chói chang đang ngùn ngụt bốc hơi trước cơn gió nam cào của nơi quê cũ, đã từ lâu chìm sâu trong ký ức mẹ...

Miền đồng muối ấy, khi chưa thành ruộng, mới chỉ có một gò đất cao, chính là nơi tổ tiên của mẹ tìm đến cắm đất dựng nhà. Đời này qua đời khác, một làng

(1) Truyền thuyết nói mẹ Mai Thúc Loan nhà nghèo, phải đi làm mướn và kiếm củi nuôi con.

muối đã dần dần mọc lên, đều do con cháu của người đầu tiên khai phá đất biển trộn vị mặn của mồ hôi người với sức mặn của biển mà dựng nên. Đây là nơi mà dấu muối làm ra đã bị lũ quan đồ hộ cướp lên núi rừng, dổi khố lấy bò trâu hàng đàn, trong khi người làm ra muối vẫn trần trụi trước nắng gió ác nghiệt, vật lộn với biển cát kiếm sống.

Cả làng chỉ có một họ, là họ Mai của cự tộc. Tên làng cũng được gọi nôm na là Gò họ Mai, cho đến khi có kẻ sinh thứ chữ lạ lắm của nhà Đường mà cầu kỳ gọi là Mai phụ⁽¹⁾. Và mẹ cũng chỉ qua được một tuổi con gái ngắn ngủi giữa những người cùng họ cùng làng ấy, rồi phải rời bỏ ngay làng quê. Mẹ sẽ mãi mãi chỉ trở về làng được trong giấc mơ buồn: một chuyện bất hạnh với đời người con gái đã không cho mẹ còn mặt mũi nào ở lại làng được nữa⁽²⁾. Mẹ đã một mình, mang hình hài Thúc Loan trong dạ ra đi. Trăm dặm đường dài đã bỏ lại phía sau, chân mẹ mới dừng lại. Mẹ trở thành dân ngụ cư ở làng Ngọc Trừng từ đấy⁽³⁾.

Người mẹ trẻ nhẵn nải chịu đựng nhục nhằn vất vả để chờ ngày sinh con ở nơi quê mới⁽⁴⁾. Và một đứa trẻ bụ bẫm, cứng cáp, nước da đen như đồng hun ra đời,

(1) Cũng tức là Gò họ Mai. Tên gọi này đến thời Lê vẫn còn dùng. Nay là xóm Mai Thủy, xã Thạch Bắc, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Sách *Thiên Nam ngữ lục* chép: mẹ Thúc Loan không chồng mà chửa do những hòn bọt muối sáng như kim tinh lăn vào người (1) Trong khi một tập gia phả để ở đền Đông Liệt chép nguyên nhân của sự thụ thai này là do mẹ Mai Thúc Loan xem nấu muối, bị một làn khói muối ngũ sắc bao lấy mình (1).

(3) Nay thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

(4) Truyền thuyết kể: mẹ Mai Thúc Loan hoài thai 12 tháng mới đẻ con.

đã xóa quang nổi khổ đau của mẹ. Niềm vui của người mẹ từ đây phơi phơi lên theo sức lớn nhanh như thời của đứa con. Mẹ cặm cui lam làm để nuôi mình, nuôi con, và chắc chắn sẽ trọn vẹn nỗi vui bình dị, nếu thỉnh thoảng không có những câu hỏi đáng sợ của đứa trẻ sớm khôn. Và nếu không có câu hỏi bất ngờ như chiều nay...

Người mẹ, nước mắt lưng tròng, tránh cái nhìn chờ đợi của đứa con. Và lúng túng lặng im.

★
★★

Mẹ lấy tên làng mình và họ mình đặt cho Thúc Loan. Chú bé họ Mai phân biệt hẳn với những đứa trẻ cùng tuổi trong làng bởi vóc dáng bặm bạp ẩn tàng một sức khỏe phi thường, bởi sự tinh khôn sáng ý kỳ lạ, và còn bởi màu da đen sạm đặc biệt của chú⁽¹⁾. Sức khỏe và trí khôn khiến cho chúng bạn Thúc Loan phải nể sợ bao nhiêu, thì màu da đen lại giúp bọn chúng tìm ngay ra chỗ yếu của chú để trả miếng mỗi khi xảy ra xô xát, hơn thua. Và bây giờ thì lại thêm cả chuyện con không cha mà chẳng biết kể độc miệng nào đã khơi ra cho lũ trẻ. Chỉ biết từ đây, Mai Thúc Loan bỗng đổi hẳn tính tình. Chú bé hồn nhiên, tinh nghịch trở nên già dặn trước tuổi. Xa dần các trò chơi vô bổ, Mai Thúc Loan lặng lẽ theo bên mẹ như bóng với hình, làm lưng cật nhắc giúp mẹ đủ việc. Ngày mùa, chú cùng mẹ đi làm mướn, gánh gồng gặt hái cho các nhà hào phú trong làng. Buổi giáp hạt, chú bé theo mẹ vào rừng kiếm củi, chạy chợ. Người mẹ còn bao nhiêu tình cảm đã

(1) Sử cũ chép: Mai Thúc Loan là người đen đui xấu xí. Gia phả đền Đông Liệt cũng mô tả Thúc Loan là người « thiết diện hắc thân » (mặt sắt, người đen).

trút hết vào lòng yêu con, bây giờ lại càng thương con đến xót ruột cháy lòng. Thằng bé đen đui này của mẹ, ai đổi vàng mười cũng chẳng được.

II

Vậy mà người mẹ chẳng ở với con được lâu. Tai nạn khủng khiếp xảy ra nhanh như chớp. Giữa buổi kiếm củi trưa hè, Mai Thúc Loan cùng mẹ nghỉ tay lần năm com trong bọc chia nhau ăn rồi chú bé để mẹ ngồi nghỉ ở gốc cây giữa rừng, một mình lần đường xuống suối kiếm nước uống. Đúng lúc ấy, chợt có tiếng mẹ kêu thét và tiếng hổ gầm dữ dội. Giật bắn người, chú bé lập tức xé rừng phóng ngược trở lại như bay. Nhưng không kịp nữa rồi! Trước mắt chú bé là một cảnh tượng thê thảm: người mẹ đã ngã gục bên vũng máu và một con hổ vẫn đang gầm gừ quần đảo cắn xé man rợ. Thét lên một tiếng long óc, Mai Thúc Loan vồ ngay lấy chiếc đòn xóc, lao vào cọp dữ. Một đòn sấm sét bất ngờ nện như trời giáng trúng lưng cọp. Cùng với tiếng hò la, phèng la ầm ĩ của nhiều người, khiến thú dữ đau đớn hoảng hốt, gầm lên một tiếng rồi cuống cuống bỏ mồi, dậm bỏ vào rừng sâu. Mai Thúc Loan vội vã vực mẹ dậy, xốc lên vai, hộc tốc chạy một mạch về làng. Nhưng người mẹ ngoắc ngoải đã chết ngay trên lưng con, trước khi về tới nhà.

Khóc mẹ một trận hết nước mắt, Mai Thúc Loan lúi lúi đem xác mẹ đi chôn ở ngay sau nhà⁽¹⁾. Từ đó, chú bé

(1) Di tích ngôi mộ của mẹ Mai Thúc Loan ngày nay vẫn còn ở núi Giẽ. Gia phả đền Đông Liệt nói rằng nhà của mẹ con Mai Thúc Loan xưa làm ở đó.

mồ côi làm li sống cuộc đời độc thân, cày thuê ở mướn cho khắp các hộ trong làng làm kế sinh nhai.

★
★

Mai Thúc Loan vươn mình đứng dậy, dang rộng cánh tay nâng cả một chồng mấy chiếc mâm đồng lớn, bước rảo về phía dãy nhà kho. Khu vườn hoang dùng làm nơi dựng lò đúc đồng của chủ nhà vẫn còn ngổn ngang những khuôn, giá, gáo, nôi, chõ chủ bé đi ở thuê quay về thu dọn. Từ ít lâu nay, Mai Thúc Loan đến làm mướn cho một nhà giàu, có lò đúc mâm đồng ở trong làng⁽¹⁾. Những chiếc mâm đồng cỡ lớn ngót sải tay, nôi liêng khắp miền, đúc ra ở đây, đã được đem đi đổi chác bán mua tới tận Lâm Ấp⁽²⁾ ở phía Nam, Chân Lạp⁽³⁾ ở phía Tây.

Thúc Loan tất bật vất vả phục dịch cả một hiệp thợ đúc mà vẫn thấy hào hứng. Cái nghề đúc đồng đầy bí ẩn, với hàng trăm loại công việc kỳ thú, có sức hấp dẫn lớn đối với chủ bé đang tuổi lớn khôn. Và những bác thợ tài hoa, vui tính, thấy chủ bé háo hức với nghề thì cũng không đến nỗi quá khắt khe, nghiêm ngặt trong việc đối xử. Từ chân sai vặt, Thúc Loan đã dần dần học được những bí quyết nhập môn của nghề đúc đồng mà

(1) Sách *Thái bình hoàn vũ ký* của nhà Đường nói rằng ở Hoan Châu có nghề đúc đồng làm đồ gia dụng, đặc biệt có chế tạo cả mâm đồng để đem bán.

(2) Tức là nước Chiêm Thành mà vào lúc này biên giới phía bắc giáp ngay Hoan Châu (đèo Ngang — Hà Tĩnh).

(3) Miền Trung Lào ngày nay, thông thương với Hoan Châu bằng đường qua núi Vụ Ôn (Hương Sơn — Hà Tĩnh).

sản phẩm kết thúc một mẻ đúc thành công hiện đang nằm trong tay người thợ học việc để chuyển vào dãy nhà kho kia.

Mai Thúc Loan thoăn thoắt bước dọc theo vách tường sau khu nhà ngang cửa tòa dinh cơ đồ sộ. Một giọng sang sảng giảng sách từ trong nhà vọng ra, khiến bước chân chủ bé làm thuê cứ chậm dần rồi dừng hẳn lại. Đội chồng mâm nặng lên đầu, Mai Thúc Loan lặng lẽ đứng nấp ở đầu hồi nhà, lắng nghe. Lại thêm những chuyện cổ kim trong sách vở lạ lùng và thú vị mà chủ bé nhà nghèo thích mê đi, nhưng không được quyền học hỏi. Chỉ còn cách, như đã nhiều phen rồi, lặng lẽ lần đến sau nhà giảng, nghe trộm. Và trí óc thông sáng của Thúc Loan đã nhanh chóng thấm lấy không sót một điều nào học hỏi được của thầy⁽¹⁾.

Mai Thúc Loan đội chồng mâm đồng, ngậy người lắng nghe tiếng giảng sách cho đến khi có tiếng bác thợ cả quát gọi ở ngoài vườn. Thì ra chủ bé mãi học đã quên mất cả việc trở lại dọn dẹp khu vườn đúc. Thúc Loan vội vã nhao người tới kho. Và lúc ấy-mới chợt nhận ra cả đỉnh đầu và gót chân mình đều đã tề đại mỗi rồi.

★
★

Đàn voi thồ của lái buôn Chân Lạp từ Văn Đàn⁽²⁾ đến Hoan Châu cất hàng ghé qua làng đúc đồng mua mâm. Khách buôn chọn hàng rất kỹ, và sau khi mua xong, cứ lắc đầu hoài vì chủ nhà không còn chiếc mâm

(1) Truyền thuyết nói: Mai Thúc Loan sáng dạ, chỉ nhờ học lỏm mà biết được chữ nghĩa.

(2) Kinh thành nước Chân Lạp, gọi theo sách sử nhà Đường lúc bấy giờ.

nào có đúc nổi một bông hoa lạ kèm với một chữ Mai bay bướm mà họ rất chuộng nữa.

Khách hàng tiếc rẻ ra đi rồi, chủ nhà khi ấy mới nghĩ người nhớ đến Mai Thúc Loan. Quả là có một lần, giữa chồng mâm đúc đem bán, chủ nhà thấy có một chiếc mâm như khách xa vừa mô tả. Ấy là do Mai Thúc Loan, không hiểu sao, đã dám tiện tay vẽ ngay chữ đầu họ mình cùng với bông hoa trùng tên vào lòng khuôn trước khi đồ đồng. Chiếc mâm đúc xong, vàng chóa, lồ lộ nguyên hình những đường vân lạ mà chủ nhà vừa chợt nhận ra, đã nổi ngay con lồi đình, bắt lỗi chú bé đi ở thuê và lập tức đuổi đi — mặc những lời can ngăn của cả hiệp thợ đúc, lúc này đã coi Thúc Loan như bè bạn trong nghề.

Nhưng chủ nhà biết rằng bây giờ dù có muốn tìm Mai Thúc Loan trở về thì cũng không được nữa. Chú bé đã nhập bọn với một phường săn ở trong miền. Và nghề làm ăn mới này, với những thử thách sôi động, căng thẳng, đã trọn vẹn cuốn hút chú thiếu niên đang thừa ư sức khỏe và tinh nhanh để sắp trở thành một chàng trai tráng kiệt.

Theo phường săn ngang dọc, luồn lách hết cánh rừng này sang cánh rừng khác, Mai Thúc Loan đã rất nhanh chóng nắm được những miếng nghề bí hiểm. Trải nhiều phen đương đầu với đủ loại thú rừng, vấp phải những mảnh khốc tình ranh, quỷ quyết và cả sức mạnh khủng khiếp, dữ dội của chúng, Mai Thúc Loan cũng biết được rất nhanh các cách chế ngự khắp bầy lũ, bằng ngay trí lực, nghị lực và sức lực của con người. Còn phường săn thì từ chỗ kinh ngạc về khả năng kỳ lạ ấy, đã dần dà tỏ ý kiêng nể con người nhỏ tuổi đáng gờm đó.

Duy có một điều vẫn còn làm các bạn phường ngạc nhiên, ấy là việc chú thiếu niên dường như có máu

khắc ký quá đối với chúa rừng. Nghe tin ở đâu có cộp về hay chỉ vừa lần ra được dấu cộp, là lập tức Thúc Loan không còn thể nào rời ra được nữa. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, người thợ săn trẻ tuổi ấy nghiêng chắt hàm răng, mắt long sông sọc, lăm lăm sue sạo, bám riết chúa sơn lâm. Nhiều lần tai họa hiểm nghèo đã xảy ra: thú dữ bất ngờ vồ chụp hoặc cùng đường, giương nanh vuốt xông đến cắn xé, và có lần, trước khi bị hạ sát, một con cộp vẫn khổng lồ còn cào nát cả một bên vai người thợ săn nhỏ tuổi. Nhưng bao giờ cũng thế, Mai Thúc Loan chỉ quay trở về khi đã tự tay giết tươi chúa rừng!

Trong phường săn, duy có hai anh em họ Nguyễn làm trùm phường là biết được nguyên ủy mỗi thù ghê gớm của Mai Thúc Loan đối với cộp dữ.

thuongmaitruongxua.vn III

Tiếng trống đồng rung lên dồn dập⁽¹⁾. Hội vật đang ở vào thời điểm gay go nhất. Ông đồ già của làng, mấy năm liền giữ giải, ở kỳ hội làng năm nay cũng mới chỉ gặp toàn những đối thủ vào loại học trò, đàn em. Xem chừng giải thưởng của làng—tám vải quý bằng tơ chuối trong suốt, mỏng manh như cánh ve sầu, may áo mặc mùa hè thì không gì bằng⁽²⁾—lại về tay người cũ mất thôi—dân chúng dự hội, ai cũng nghĩ vậy. Và ông đồ,

(1) *Tùy thư (Địa lý chí)* cho biết rằng ở thời Bắc thuộc, người Việt vẫn tiếp tục đúc trống đồng.

(2) *Sách Táy Việt ngoại kỷ* chép: ở An Nam, «tơ chuối có thể kéo sợi làm vải, mỏng như the lượt, rất hợp với khí hậu nóng bức».

ngồi xếp chân bằng tròn, ung dung nhai trầu⁽¹⁾ chờ người phá giải, cũng nghĩ như vậy. Nhưng giữa lúc ông già đầu làng, thân đứng ra cầm trịch cuộc đấu, sắp đánh trống hạ giải thì bỗng thấy từ rừng xa chạy về một bóng người trần trụi, rẽ vạt đám đông nhảy vào sới vật: Mai Thúc Loan!

Dân làng ồ cả lên một lượt. Chàng thanh niên đen trùi trùi, lực lưỡng như con trâu mộng, đứng sừng sững giữa bãi tựa trời trong. Ông đồ già không dám coi thường địch thủ nữa, vờn múa thăm dò xung quanh, vận tay giậm chân, gân cốt nổi lên cuộn cuộn. Cả đám hội nín thở theo dõi keo vật hiểm có. Trống đồng thúc liên hồi. Mai Thúc Loan đã mấy lần phá các miếng đánh hóc hiểm của ông đồ già. Và cặp mắt thợ săn của chàng trai đảo lộn tìm chỗ sơ hở của tay vật lão luyện. Đây rồi! nhanh như chớp, Mai Thúc Loan lặn xả vào đối thủ, nhân một thế đứng xảy chân của ông đồ mà vận người nghiêng vai, dùng sức mạnh toàn thân, vật đối lão vô địch⁽²⁾.

Tiếng hò reo vang như sấm động cùng với tiếng trống đồng đồ dồn. Mai Thúc Loan cúi người đỡ ông đồ già dậy. Chàng trai thắng cuộc sai chân vờn người đi nhận giải. Nhưng mọi người đều ngạc nhiên và thán phục thấy Mai Thúc Loan quay ngay lại, trao tấm vải quý cho ông đồ già. Và nở nụ cười hiền lành, chàng trai xoa bộ ngực nở nang của mình mà nói rằng sức trẻ chẳng cần đến thứ áo vải tơ làm gì.

(1) Sách *Lĩnh biểu lục địa* đời Đường chép: « Người An Nam từ trẻ đến già đều đua nhau hái cau ăn với trầu và vôi, nói rằng Giao Châu đất đai nóng nực, không ăn trầu thì không trừ được chương khí ».

(2) Truyền thuyết nói: Mai Thúc Loan rất giỏi vật và ham vật. Vì vậy, ngày hội mừng tám tháng giêng thờ Mai Thúc Loan, bao giờ cũng phải tổ chức « vật thờ ».

Ngay trong hôm mở hội vật ấy, Mai Thúc Loan được mọi người cử ra làm chức *đầu phu* của làng⁽¹⁾.

★
★★

Chàng trai nghèo tốt bụng, tài trí, sức lực, vượt qua một tuổi thơ đầy sóng gió, giờ đây bắt đầu đứng ra cáng đáng việc làng.

Công việc không đơn giản. Đất Hoan Châu địa đầu này luôn năm bị giặc Chà Và, Cờn Lôn cướp phá⁽²⁾. Người Chân Lạp và Lâm Ấp cũng qua lại mua bán rầm rập. Và đè nặng trên tất cả là lũ quan quân đô hộ nhà Đường. Chiếm đất cướp ruộng đã là việc thường⁽³⁾, mà tô thuế lại càng tham bạo⁽⁴⁾. Còn nạn cống nạp thì không còn hạn độ gì nữa⁽⁵⁾.

Mùa cống vải đã đến. Quan binh, lính tráng nhà Đường rầm rập kéo đến các làng chạ, tha hồ làm tình làm tội dân lành. Thôi thì đủ các ngón ăn sống nuốt tươi, kén chọn lọc lựa, hoành hành bắt bẻ. Xóm thôn xác xáo nào động cả lên vì những tiếng quát tháo chửi rủa và thờ than kêu khóc.

(1) Truyền thuyết nói: Mai Thúc Loan xuất thân từ châu đầu phu. Thực ra, đây còn là một chức thủ lĩnh quân sự địa phương do dân cử, theo truyền thống của sinh hoạt thị tộc bộ lạc.

(2) Tiếng thời Đường chỉ người đảo Gia Va và Mã Lai.

(3) Theo sách *Đường lục địa* thì một chức lục sự tại các châu của nhà Đường ở An Nam cũng được cấp đến 500 mẫu ruộng.

(4) *Đường thư* chép: riêng về tiền thuế muối ở Lĩnh Nam, nhà Đường đã thu hàng năm được 40 vạn quan.

(5) Sách *Thông điển* chép rõ những đồ cống nạp của An Nam lúc này là: vàng bạc, ngà voi, sừng tê, trầm hương, mật trăn, lông trĩ, da cá, lông công, đồi mồi, bạch lập, vải tơ chuối...

Chức đầu phu làng Ngọc Trừng là Mai Thúc Loan được lệnh phải dẫn một đoàn tráng đinh gánh những gánh vải mà bọn dò hộ đã lựa tuyền xong trong các vườn làng để mang đi nộp quan. Nhìn cảnh ngang ngược bạo tàn của giặc Đường và niềm khổ cực của dân lành, một nỗi đau uất bồng tấy lên dữ dội trong lòng chàng trai, hết như nỗi đau chứng kiến cảnh cạp dữ cắn xé mẹ ngày nào. Bậm môi nghiêng rằng trong khi lòng đã giận sôi sùng sục, Mai Thúc Loan đi cùng đoàn dân phu giữa đường cái quan mà như thấy mình đang băng người giữa gai góc của rừng rậm, lúc sắp vào cuộc quần đảo với thú dữ thuở còn đi theo phường săn của anh em họ Nguyễn. Nhưng con thú đang cắn xé xừ sở và dân làng bây giờ, Mai Thúc Loan còn chưa biết hết được sức nó để mà lượng sức mình. Cho nên còn phải chịu để nó dắt theo vài vòng nữa, như ở trên sỏi vật, phải bám theo địch thủ để dò miếng của nó trong thế *bá tay tư...*

★
★

Mùa vải năm Nhâm Tuất⁽¹⁾ đến với cái nóng chưa từng thấy. Và cũng chưa từng thấy mùa vải nào tốt đến như thế. Các vườn vải Hoan Châu đổ ối những chùm quả lúc lỉu. Nhưng lũ quan quân nhà Đường càng hề hảm chiếm vải bao nhiêu thì những người dân mất vải càng cảm uất bấy nhiêu⁽²⁾.

Đoàn dân phu gánh vải nộp lên Châu trị⁽³⁾ do chức đầu phu Mai Thúc Loan dẫn đi, năm nay phải tha những

(1) Năm 722.

(2) « Năm Nhâm Tuất, thiên hạ đã khổ nhiều vì nạn cống quả vải » (gia phả đền Đông Liệt).

(3) Nơi đặt bộ máy thống trị của một châu.

gánh quả oằn vai. Mặt trời mùa hạ rang cháy con đường cái quan làm bụi. Đoàn người gánh vải tươi mồ hôi trên đường mà đi.

Gần trưa, gặp một chiếc quán hoang bên đường, Mai Thúc Loan cho mọi người ghé chân nghỉ lại. Dồn những gánh vải vào chạt một bên quán, những người dân phu chen chúc nhau tìm chỗ đứng ngồi, và vừa quạt thốc tháo, vừa thở hồn hển. Bấy giờ cái khát cháy cổ mới dội lên mà nhìn [quanh quất, chẳng tìm ra một khe nước nhỏ nào. Một người phu đã có tuổi, chợt trông thấy lộ ra qua mắt nan đan sọt một quả vải đỏ hồng. Liếm cặp môi khô, người đó đảo mắt nhìn quanh rồi thò tay bứt vội lấy trái cây mong nước, thử vào bọc. Lăn tay bóc nhanh quả vải, người phu vừa toan đưa vào miệng thì *chát*, một sống mã tấu đã giáng ngay vào cánh tay. Quả vải văng ra giữa quán và người phu nhăn nhó ôm lấy vết thương. Một tên lính Đường đi áp tải đã tách khỏi bọn, nhón chân đến rình sau lưng người phu khốn khổ. Và bây giờ thì lăm lăm cây mã tấu chỉ vào mặt người phu, nó ngoác mồm cười mắng om sòm.

Những đứa đồng bọn của tên lính Đường chứng kiến cảnh ấy, vừa ngửa cổ tu nước trong các bình vò mang theo, vừa phá ra cười sảng sặc. Thấy trò ác độc của mình được tán thưởng, tên giặc cầm mã tấu càng hăng hái làm già. Mắm môi mắm lợi, nó lại giơ sống dao, toan đánh tiếp đòn nữa vào người phu. Nhưng cây dao chưa kịp hạ xuống thì một cánh tay cứng như sắt đã vung tới, gạt tung, và tiếp ngay đó là một trái đấm như búa bổ nện thẳng vào mặt kẻ hung đồ. Ngã bật ngửa về phía sau, cây mã tấu văng ra một phía, máu mồm máu mũi đỏ rùng rùng, tên lính Đường rống lên như lợn bị cắt tiết.

Sự việc xảy ra nhanh như chớp. Mai Thúc Loan không nén nhịn nổi nữa, đã phải ra tay. Trợn ngược cặp mắt trên khuôn mặt xạm đen dữ dội, chàng trai trừng trừng nhìn bọn lính Đường đang hò hét vung dao kiếm xô tới. Nhưng những người dân phu cũng đã lập tức đứng về phía thủ lĩnh của mình. Rút nhanh những chiếc đòn càn làm vũ khí xung trận, tất cả đều hè nhau cùng Mai Thúc Loan xông vào đám giặc. Cuộc loạn đả ác liệt kết thúc thật chóng vánh: Lũ lính Đường vỡ đầu toạc trán, nằm ngổn ngang trong quán, giữa đường, chỉ còn mấy tên sống sót cầm đầu chạy thục mạng.

IV

Ngày còn đi kiếm củi với mẹ cũng như khi đi theo phường săn của anh em họ Nguyễn, Mai Thúc Loan đã nhiều lần tìm đến thung lũng Rú Đụn⁽¹⁾ cách làng chỉ 4 dặm đường rừng. Một trái núi cao lớn, vuông vức như một đụn thóc khổng lồ, từ trong dãy núi Đại Hoạch chạy ra, đột khởi hùng vĩ giữa một vùng núi rừng trùng điệp, giấu trong lòng nó một thung lũng rộng hàng chục mẫu đất. Dòng sông Cương ở phía Bắc, sông Lam ở phía Nam, bao bọc quanh núi như một con hào thiên tạo lợi hại. Quả là một nơi dụng võ không đâu sánh bằng — Mai Thúc Loan đã từng đứng ngậy người trên núi, nhìn sang khe Bò Đái từ ngọn Cô Sơn bên kia bờ sông Lam rót nước âm âm xuống vực mà nghĩ, ngời tinh toán như vậy.

Bây giờ thì chàng trai lại đứng yên lặng trên Rú Đụn, nhưng không phải chỉ để mơ một thế trận tưởng tượng

(1) Còn gọi là Hùng Sơn. Ngày nay vẫn thấy được dấu vết lăng mộ của Mai Thúc Loan ở đây.

giữa một vùng hoang sơ như ngày nào, mà là để xem xét lại công sức của mình và những người đi theo mình đã đổ ra ở đây từ il lâu nay:

Ẩn mình dưới thung lũng, một dãy kho đụn đã dựng xong. Đây là nơi chất chứa quân lương từ khắp miền gần xa gửi về. Áp sát chân núi, những cột khói xám cuồn cuộn luồn vào khe đá, vòm cây: các lò đúc vũ khí của nghĩa quân đang nổi lửa. Và xa xa, phía ngoài cửa thung, những mái đồn trại mọc lên như bát úp: những người đã thề nguyện sinh tử vì nghĩa lớn cùng Mai Thúc Loan đang tụ hội ở đó.

Chẳng mấy ai ngờ được tình thế lại xoay chuyển nhanh đến như vậy. Đánh tan được lũ quan quân cướp vải của giặc Đường trong một cơn phẫn nộ bất ngờ **Mai Thúc Loan lập tức thổi bùng khí thế của vụ bạo động thành một cuộc dấy nghĩa⁽¹⁾**. Dem ngay một gánh vải tiến cống chia cho cả đoàn dân phu làm việc khai hoang, rồi đó, dẫn nhóm người khởi nghĩa trở về làng, trả lại số của đã mất cho xóm thôn, Mai Thúc Loan đã được khắp làng trọng vọng như một anh hùng. Cuộc đời được quyết định từ đây. Và lập tức ùn ùn dồn tới tay vị thủ lĩnh trẻ tuổi cả một loạt công việc trọng đại: phải cấp tốc tìm nơi thủ hiểm để phòng quân Đường kéo đến trả thù, phải mau chiêu mộ lực lượng để đối phó với giặc, phải tích trữ lương thảo, rèn đúc vũ khí để tính kế lâu dài...

(1) Tham khảo tài liệu của Trần Bá Chi trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 68: « Một hôm, ông dẫn đoàn phu gánh quả vải đi nộp cho bọn quan đô hộ, dọc đường thấy anh em đã mỏi chân, khát nước, ông liền đặt gánh xuống, an ủi mọi người và ông ra lệnh cho anh em dừng lại, hái những quả vải ngon ăn để đỡ khát nước. Vừa ăn vải, ông vừa chửi mắng bọn đô hộ và kể hết tội ác bức, bóc lột của chúng ... »

Mai Thúc Loan xắn tay áo nhận lĩnh trách nhiệm dân trao, và nhớ ngay đến Rú Đụn vào lúc ấy. Đã sẵn đội nghĩa binh thân cận là những người trong đoàn dân phu vừa theo mình đánh giặc trận đầu, Mai Thúc Loan lập tức tính thêm đến một lực lượng đã dày dạn nắn mura hiểm nghèo là phường thợ săn của anh em họ Nguyễn ở trong miền. Một lời mời gọi tham gia việc nghĩa đã khiến tụ hội ngay về cả trăm con người tài trí này dưới cờ của Mai Thúc Loan⁽¹⁾. Rồi đó, hiệp thợ đúc đã từng là chỗ quen thuộc từ ngày nào, cũng trở thành ngay lực lượng tạo rèn giáo mác gươm đao cho nghĩa quân của Ông tướng Đen — như danh xưng thân thuộc đã bắt đầu được truyền tụng trong miền. Và Ông tướng Đen đã kéo ngay tất cả lực lượng mới nhóm họp của mình đi xây dựng Rú Đụn thành một căn cứ lợi hại theo điều đã mơ ước từ xưa của mình. Để rồi từ đây tập nập đón nhận thêm đủ các hang người ứng nghĩa dồn dập gần xa tìm về.

Lực lượng vừa đủ mạnh, viên tướng trẻ đã sớm tỏ cho mọi người thấy tài ba và chí lớn của mình. Không để cho giặc kịp rảnh tay đối phó, Mai Thúc Loan quyết định ra quân trước, đánh thẳng vào châu trị, mở địa bàn Hoan Châu cho cuộc khởi nghĩa nhân dân!

★
★★

San phẳng tòa châu trị, đánh đuổi bọn quan quân đô hộ Hoan Châu ôm đầu chạy biệt, tiếng tăm Mai Thúc Loan nổi dậy như sóng cồn. Tờ hịch của Mai Thúc Loan

(1) Truyền thuyết kể rằng, ngay từ khi mới khởi nghĩa, Mai Thúc Loan đã được 2 viên tướng họ Nguyễn đem 100 quân đến giúp.

kể tội giặc Đường và kêu gọi người Việt đứng dậy lấy lại non sông, truyền đi bốn phương, làm dậy lên một cơn bão táp khởi nghĩa thật dữ dội⁽¹⁾. Tin tức thắng giặc từ khắp nơi bay về như bướm bướm. Lương thực, tiền của cùng với nghĩa quân tứ xứ kéo đến như nước chảy.

Căn cứ Hùng Sơn không đủ chứa đựng những lực lượng ngày càng hùng hậu như thế nữa, trong khi từ hai dặm xa xa, ngọn Vệ Sơn um tùm rậm rạp bên một khúc sông Lam sâu hiểm lại làm nảy ra trong đầu óc vị chủ tướng nghĩa quân — ngày ngày vẫn lên Rú Đụn ngắm xem địa thế quanh miền — những ý định mới. Cân nhắc hồi lâu, Mai Thúc Loan quyết định chọn Vệ Sơn để lập thêm một đại doanh nữa. Ông tướng Đen thân đứng ra chỉ huy việc cắm đất, xây phủ điện, dựng lầu voi, đắp chiến lũy ở Vệ Sơn với quy mô của một kinh thành có sức trường cửu đến muôn đời⁽²⁾.

Thành Vạn An đã xây dựng xong. Người, của, từ thiên hạ tiếp tục dồn về. Nhưng Mai Thúc Loan vẫn bận lòng tính toán đến một lực lượng đủ để làm nên việc lớn nhất: quét sạch giặc Đường ra khỏi bờ cõi. Bộ óc của vị thủ lĩnh nghĩa quân bấy nay vẫn nghĩ đến các nước Chân Lạp, Lâm Ấp láng giềng. Cùng là anh em bầu bạn trên một dải đất chung, Hoan Châu từ lâu vẫn đón tiếp Chân Lạp, Lâm Ấp trong việc đổi trao, mua bán, tại sao lại không thể tiếp nhận luôn sức mạnh của nhau trong việc cả nghĩa lớn: chống kẻ thù chung?

Từ Hoan Châu, hai phái bộ lập tức được phái đi hai ngã: vượt đèo Ngang về Nam và qua Vụ Ôn sang Tây,

(1) Theo sách *Thiên nam ngữ lục* thì Mai Thúc Loan đã gửi hịch từ Nghệ An ra Thanh Hóa.

(2) Đây là thành Vạn An. Ngày nay vẫn còn di tích ở Nam Đàn (Nghệ An) với tường lũy dài hơn 1 km dọc sông Lam, đền thờ Mai Hắc Đế, và các địa thế địa danh: « Mả Voi », « Vườn Tù »...

tìm đến quốc đô Lâm Ấp và Chân Lạp, trao thư kết nghĩa của Ông tướng Đen cho quốc vương các nước láng giềng ⁽¹⁾. Chẳng có gì ngăn cách những người thân thuộc giúp nhau vì đại nghĩa: đi cùng với các phái bộ trở về Hoan Châu là sứ giả của Lâm Ấp và Chân Lạp. Các nước láng giềng sẵn sàng cùng Mai Thúc Loan liên kết chống giặc Đường ⁽²⁾.

Sau lễ hoan tiếp các sứ giả Lâm Ấp và Chân Lạp ít lâu thì thấy một cụ già khoác chiếc áo thụng xanh của đạo sĩ, chống gậy nhập vào đoàn người viễn phương tìm đến gặp Mai Thúc Loan ⁽³⁾. Chàng trai trẻ lúc này đang choàng lên người tấm chiến bào võ tướng, khuôn mặt càng đen sạm vì nắng gió, chống gươm cùng tả hữu bàn việc xuất quân tiến đánh Phủ đô hộ ở ngoài Giao Châu ⁽⁴⁾. Ông già đạo sĩ làm lễ bái yết viên tướng trẻ, đoạn vuốt bộ râu dài bạc trắng như cước, gật gù nhìn ngắm Mai Thúc Loan hồi lâu rồi thung thủng buông một câu nói chữ:

— *Địa dư thiên lý dĩ túc vương giả!* ⁽⁵⁾.

Câu nói kỳ lạ ấy lập tức truyền lan ngay trong hàng ngũ tướng sĩ bạt ngàn trùng điệp của Ông tướng Đen. Tiếng

(1) Truyền thuyết nói: người được Mai Thúc Loan phái đi Chân Lạp và Lâm Ấp làm nhiệm vụ liên kết là một tướng mang tên Ba đội hầu.

(2) Sử Trung Quốc (*Đường thư*) và sử Việt Nam (*Đại Việt sử ký toàn thư*) đều chép là Mai Thúc Loan đã liên kết được với Chân Lạp và Lâm Ấp cùng với 32 châu trong miền, lực lượng đông tới 30 — 40 vạn người.

(3) Thời thuộc Đường, ở Việt Nam xuất hiện nhiều đạo sĩ (*Lịch sử Việt Nam*, tập I, 1971, trang 127).

(4) Châu lớn nhất của An Nam đô hộ phủ, bao gồm miền đồng bằng Bắc Bộ ngày nay.

(5) Mảnh đất nghìn dặm đã đủ để làm vua.

bàn tán nổi lên khắp ngả: Mảnh đất nghìn dặm đã đủ để làm vua, hưởng hồ đất ta vạn dặm rộng dài, tại sao không tôn phù chủ tướng lên ngôi hoàng đế cho sáng rõ chủ quyền của người Việt trên đất Việt?

Tiếng reo hò hưởng ứng nổi nhau vang dội khắp đất trời.

★
★

Ông vua Đen của chúng ta! Vua Đen họ Mai của chúng ta! *Mai Hắc Đế* của chúng ta!

Những tiếng gọi thân yêu ấy vọng lên khắp đất Hoan Châu vào lúc người anh hùng trẻ tuổi của nhân dân đã từ Hoan Châu đưa đại quân ra Bắc tấn công phủ đô hộ, quyết đánh trốc tận rễ nền thống trị của nhà Đường trên đất Việt.

Chẳng bao lâu đã có tin vui thắng trận truyền về: Mai Hắc Đế chiếm được phủ thành Tống Bình⁽¹⁾, đuổi tên trùm đô hộ Quang Sở Khách chạy tháo về nước, lấy lại cả giang sơn của người Việt về cho người Việt!

Niềm hân hoan tuôn tràn tới tận các hang cùng ngõ hẻm. Đèn thờ sống Mai Hắc Đế được dựng lên ở khắp nơi, khói hương nghi ngút. Và các cụ già ngồi bên bếp lửa, lim dim mắt ôn lại chuyện cũ:

« *Nhớ khi nội thuộc Đường triều
Giang sơn cố quốc nhiều điều ghé gai* »... ⁽²⁾

Câu chuyện vợ chồng vua Đường với tòa Phù lệ cung và quả *lệ chi* kỳ ảo, nổi khổ cống vải quả, vải cây, cùng với lũ quan quân đô hộ nhà Đường nhân dấy cũng được các cụ già kể cho con cháu nghe như một kỷ niệm

(1) Tức là Hà Nội ngày nay.

(2) Câu hát châu văn sru tầm ở Nghệ An.

buồn đã chìm vào quá khứ. Để cho sáng khoái cất lên
lời thơ ca ngợi người anh hùng trẻ tuổi của nhân dân,
ai cũng ngân vang:

« Hùng cứ Châu Hoan đất một vùng
Vạn An thành lũy khói hương xông
Bốn phương Mai Đế lừng uy đức
Trăm trận Lý Đường⁽¹⁾ phục vô công
Lam thủy trắng in tâm ngọc lặn
Hùng sơn gió lộng khói lang không... »⁽²⁾

Người người nghe thơ, làm thơ và trông ngóng một
mùa vải mới. Trải bao đời rồi, bây giờ mới sắp có một
mùa vải yên lành của người trồng cây gậy quả. Thẳng
giắc rồi ta sẽ còn gặt những mùa quả ngọt ngon cho
muôn đời. Lời thơ lại cất lên:

« Đường đi cống vải từ đây dứt
Dân nước đời đời hưởng phúc chung »⁽³⁾

thuongmaitruongxua.vn
VĂN LANG

(1) Các vua nhà Đường đều họ Lý.

(2) (3) Nguyên văn chữ Hán chép trong tập *Tiên châu báo
huân tân kinh* do Trần Bá Chi dẫn lại.

NGÔ QUYÊN

Sáu năm⁽¹⁾ thoát khỏi ách đô hộ của bọn thống trị Nam
Hán, trên dải đất châu Ái, từ lý sở cho đến các trang
ấp xa xôi, cuộc sống đang ngày một đổi mới. Riêng ở
đây, trên một vùng đất rộng rãi, bằng phẳng và màu
mỡ, các ngôi nhà tươi màu ngói mới, những khu nhà
mái lá còn sẫm đũa nhau mọc lên ngày một nhiều. Hàng
ngày nhân dân các miền xuôi ngược tùy ý đi về vùng
lý sở trú phủ trên bến dưới thuyền đông như phiên
chợ. Dưới quyền cai quản của thứ sử họ Ngô, nhân dân
châu Ái đang sống những ngày yên vui đầm ấm.

Rồi một đêm, có người hối hả phi ngựa tìm về lý sở
châu Ái báo tin Kiều Công Tiễn đã giết Dương Diên
Nghệ, đoạt chức tiết độ sứ!

Suốt mấy ngày đêm liền, trong tư thất của thứ sử họ
Ngô, cây đèn dầu hàng chục tim vẫn bốc cháy trước
bàn thờ Dương Diên Nghệ. Trong khi đó, tin dữ từ thủ
phủ của châu truyền đi khắp vùng xa xôi. Cuộc sống
như gấp khúc lại. Người ta lo lắng cho vận mệnh đất
nước, đời sống các trang ấp rồi sẽ ra sao? Người ta

(1) Kể từ năm Tân Mão (931) Dương Diên Nghệ đánh đuổi
được quân Nam Hán đến năm Đinh Dậu (937) là năm Dương
Diên Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết.

chờ đợi, và đoán chắc rằng quan thứ sử tin yêu của mình nhất định không bao giờ chịu khoanh tay trước việc làm phản phúc của Kiều Công Tiễn.

Quả có thế.

Đã lâu, gần 20 năm trước, ngay từ lúc rời quê hương Đường Lâm⁽¹⁾ theo Dương Diên Nghệ tôn thờ họ Khúc, Ngô Quyền đã bắt đầu thực hiện giấc mơ cao đẹp của tuổi trẻ là sống một cuộc đời hữu ích cho đất nước cho giống nòi. Rồi quân Nam Hán sang xâm lược, Khúc Thừa Mỹ bị bắt, đất nước rơi vào tay giặc⁽²⁾. Ngô Quyền lúc này đã được Dương Diên Nghệ tin yêu, gả con gái cho và trở thành viên tướng tiên phong trong cuộc tấn công vào thành giặc ở Đại La, giết tướng giặc là Trần Bảo, giành lại độc lập cho đất nước⁽³⁾. Dương Diên Nghệ giữ chức tiết độ sứ, Ngô Quyền về cai quản chăm sóc nhân dân Châu Ái. Giờ đây cái chí hướng làm ích nước lợi dân của Ngô Quyền cơ hồ bị đe dọa vì việc làm phản phúc của Kiều Công Tiễn. Sớm hay muộn tai họa cũng sẽ ập đến trên non sông đất nước này. Điều đó đã làm cho Ngô Quyền phải lao tâm khổ trí.

Trong tư thất của quan Thứ sử, Dương thị Như Ngọc khăn tang kín đầu, phục bên bàn thờ bố. Nhìn chồng con qua nước mắt, bà nói với Ngô Quyền như trách cứ:

— Bao nhiêu năm sống gần Kiều Công Tiễn, ông không biết bụng dạ của hắn hay sao mà để đến nông nỗi này? Bây giờ bố con ông tính sao để giữ yên cho trăm họ, cho cha tôi dù đã qua đời cũng khỏi phải ôm hận.

Sự thực Ngô Quyền biết rõ Kiều Công Tiễn. Đã nhiều lần ông khuyên bố vợ phải dè chừng và Dương Diên

Nghệ đã đưa Kiều Công Tiễn về châu Phong. Không ngờ hắn còn bạo nghịch đến như thế, Ngô Quyền nói với vợ:

— Việc đã rồi, khóc than cũng không làm giảm được đau đớn. Đến tướng giặc Trần Bảo ta cũng không sợ nữa là Kiều Công Tiễn. Bà còn biết lo nghĩ đến điều đó, huống chi ta.

Sau đó Ngô Quyền ra lệnh cho các tùy tướng rèn luyện quân lính, truyền cho đầu mục các trang ấp phải tích lương chuẩn bị đối phó với Kiều Công Tiễn.

Tin dữ này chưa qua, ít lâu sau tin dữ hơn lại đến. Dương Tam Kha con Dương Diên Nghệ đi tuần vùng biển chạy về báo tin Kiều Công Tiễn đang mưu toan rước quân Nam Hán về để chống lại Ngô Quyền.

Chỉ mấy hôm sau, vào một đêm trung tuần tháng 9, sau khi họp bàn với các bộ tướng, Ngô Quyền truyền lệnh động binh.

Trên tầng lầu cao chót vót ngoài tiền đồn của lý sở, chiếc trống cầu không lồ găm lên hồi hã năm tiếng một. Tiếng trống ngũ liên nặng nề âm vang, rung chuyển cả một vùng rộng lớn. Nổi theo, chiêng trống của các trang ấp chuyển nhau vang rền, loan báo tin giặc đi khắp vùng châu Ái.

Trao cuộc cây, để chài lưới cho người ở lại, cấp gươm giáo cung tên lên đường chống giặc giữ nước vốn đã là chuyện quen thuộc bình thường của cả một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục. Đáp lại lệnh động binh của Ngô Quyền, đầu mục các thôn trang thu xếp cho trai tráng lên đường. Trên khắp nẻo dẫn về lý sở châu Ái, từng đoàn trai trẻ đổ về theo tiếng gọi chống giặc cứu nước.

★
★★

(1) Nay là thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, Hà Tây.

(2) Vào năm 923

(3) Năm 931

Dòng sông Mã chảy êm êm giữa hai bờ dâu xanh mơn mớn. Đội thủy quân do Nguyễn Tất Tổ chỉ huy đang tập trận. Hàng trăm thuyền chiến lướt trên mặt nước, tụ thành từng khóm rồi lại bung ra chia làm hai ngã, thành một vòng vây khép kín. Tiếng hò reo xen lẫn tiếng gõ dip dồn dập, tiếng nước vỗ đều đều, làm cho khúc sông không còn giữ được vẻ thanh bình của cảnh sông nước hiền hòa về mùa thu nữa.

Trên đỉnh gò bên bờ sông, Ngô Quyền nhìn đội thuyền chiến đang diễn tập, nói với Xương Ngập đứng bên cạnh:

— Con phải nhắc nhở các trang ấp miền sông biển nộp thêm thuyền chiến. Nước ta đường thủy nhiều, chưa có một đội chiến thuyền hùng mạnh là thiếu hẳn một cánh tay để giữ nước đó.

Nắng hanh vàng chói về chiều đã nhạt dần. Ngô Quyền truyền lệnh gọi Tất Tổ trở về.

Từng hồi tù và từ bờ sông rúc lên cao vút, lan trên mặt nước, truyền đi xa. Nguyễn Tất Tổ thu quân. Chiếc thuyền chỉ huy rẽ nước cập bến. Nhìn viên tủy tướng có tài sông nước mang khiên giáp đang tiến về phía mình, Ngô Quyền tỏ ý hài lòng, bước đến gần hỏi:

— Đội chiến thuyền của người có thể địch được quân Nam Hán rồi đấy chứ?

Thấy chủ tướng hàng ngày vẫn đặc biệt lưu tâm đến đội thủy quân, hôm nay lại thân ra thị sát buổi luyện quân của mình, Tất Tổ cảm thấy tự hào trả lời:

— Thưa, Nam Hán là nước nhỏ, nhưng có một đội quân thủy rất thiện chiến. Tuy vậy, một khi chúng vào đây, các cánh quân thủy bộ của ta khép lại thì lo gì mà không địch nổi.

Ngô Quyền vỗ vào vai Tất Tổ:

— Dựa vào chỗ mạnh của chúng, giặc tất theo đường biển tràn vào, vả lại quân Nam Hán sang ta chỉ bằng đường biển là tiện.

Rồi đôi mắt sáng của người chủ tướng soi thẳng vào mặt viên tướng trẻ, Ngô Quyền nói như truyền lệnh:

— Ta sẽ giao cho người chỉ huy đội chiến thuyền. Chúng ta phải đánh tan quân giặc, không cho chúng đặt chân lên đất nước.

Người con trai đất Gia Viên⁽¹⁾, vốn đã gắn bó với sông nước từ tấm bé, nay trưởng thành lại được giao cho cầm quân cự giặc trên mặt nước, còn gì sung sướng cho bằng. Tất Tổ lặng yên, niềm vui sướng hiện rõ trên nét mặt rám nắng của người chỉ huy đội thuyền chiến.

Ngay tối hôm ấy, trong công đường của dinh quan thứ sử, các tướng lĩnh có mặt đông đủ để nghe Ngô Quyền truyền lệnh. Họ là những người từ bốn phương, đã trải qua công cuộc đánh đuổi bọn thống trị Nam Hán năm Tân Mão (931) trong đội quân do Ngô Quyền đích thân điều khiển. Hình ảnh viên tướng tiên phong ngoài 30 tuổi⁽²⁾, dáng đi khoan thai vững chãi như hổ bước, có sức khỏe thần kỳ, một khi đã cưỡi giáo ngồi trên lưng ngựa xông vào quân giặc thì như đi vào chỗ không người⁽³⁾, đối với họ mãi mãi là hình ảnh đẹp đẽ và vô cùng khâm phục. Đã 6 năm rồi, tuy các nếp nhăn trên trán của chủ tướng có hằn sâu hơn, chòm râu có thô và cứng hơn, búi tóc sau vành khăn có nhỏ đi và lốm đốm sợi bạc, nhưng đôi mắt long lanh, giọng nói sang sảng, dứt khoát mà đầy tình nghĩa của chủ tướng chưa thay đổi. Đã 6 năm gác gươm đao, lo việc cai quản chăm sóc nhân dân, cái chất tướng lĩnh trong con người

(1) Nay thuộc Hải Phòng. Ở đây còn có đền thờ Nguyễn Tất Tổ, Đào Nhuận, đều là tướng của Ngô Quyền.

(2) Năm ấy Ngô Quyền mới 34 tuổi.

(3) *Cương mục Tb. Q5* chép: « Khi Quyền lớn lên mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như chớp, chân bước khoan thai như dáng con hổ, có trí dũng, sức khỏe cất nổi cái vạc... »

Ngô Quyền tưởng như đã thay đổi. Đến bây giờ, trước nạn nước, nó lại được tái hiện rõ nét hơn. Trước đây chỉ là viên tướng tiên phong trong đại quân của Dương Diên Nghệ, bây giờ Ngô Quyền đã trở thành người thống lĩnh toàn quân để đương đầu với thù trong giặc ngoài. Và chính bản thân từng người có mặt ở đây cũng đã trở thành người cầm đầu một đoàn quân. Họ đã lớn lao hơn nhiều, cũng lớn lao như sứ mệnh mà giờ đây nhân dân cả nước đang đặt vào tay họ.

Mọi người chờ lệnh của chủ tướng. Ngô Quyền nói chậm rãi:

— Công Tiễn giết Dương tiết độ sứ, làm chuyện thoán nghịch. Tội của hắn trời đất không dung tha. Ta chưa kịp hỏi đến, thì Công Tiễn lại mưu rước giặc Nam Hán về giày xéo lên đất nước, chống lại ta, khoác ách đô hộ lên đầu trăm họ. Cái ách đô hộ hàng ngàn năm ấy, cha ông ta đã phải tốn bao nhiêu xương máu mới hất bỏ đi được. Nền độc lập và tự chủ dân ta mới giành được còn đang trứng nước, nay Công Tiễn lại rước giặc về. Cả dân nước ta ai mà không căm giận. Ta đã giao cho các người luyện quân, tích lương, nay đã đến lúc phải bắt tay vào việc để làm rạng rỡ cho liên nhân, giữ lấy yên vui đời đời cho con cháu.

Dừng lại một lát, Ngô Quyền nói tiếp:

— Nam Hán là một nước nhỏ, nhân cơ hội suy sụp của nhà Đường, hùng cứ một khoảnh đất ở phía đông nam, vẫn luôn luôn có ý dòm ngó nước ta. Nay cơ hội đã đến, sớm hay muộn chúng sẽ sang cướp nước ta, mà sẽ tràn vào bằng đường biển. Không đợi cho chúng vào đất liền liên kết được với Công Tiễn, phải đập nát chúng từ bờ biển. Nếu ở mãi châu Ái này, chúng ta làm sao mà xử sự kịp được.

Hiệu ý của Ngô Quyền, Phạm Bạch Hổ⁽¹⁾, người cầm đầu đội quân cung nỏ lên tiếng:

— Giặc ở đâu chúng ta đến đấy mà đánh là thương sách.

Lời bàn của Phạm Bạch Hổ đã làm sáng tỏ ý của Ngô Quyền. Ai nấy đều cho là phải. Xương Ngập, con trai của Ngô Quyền mới 16 tuổi cũng có mặt trong buổi gặp mặt, hỏi lại bố:

— Thưa cha, ta đánh xong giặc rồi mới hỏi tội Công Tiễn?

Thấy con trai tuy dũng cảm hăng hái nhưng còn nông cạn, Ngô Quyền trả lời như để nói với mọi người:

— Ta đã nghĩ đến điều đó, sau này sẽ hay.

Trong khi mọi người mãi mê bàn bạc thì Dương thị Như Ngọc đứng nép ngoài cửa chăm chú theo dõi. Không thể đứng được nữa, Như Ngọc đẩy cửa bước vào. Ai nấy đều ngạc nhiên, chỉ có Ngô Quyền vẫn bình thản mỉm cười nhìn vợ. Như Ngọc nói với mọi người:

— Giặc đến nhà đàn bà phải đánh. Các người biết cầm quân ra trận, tôi lại không biết đem đội nữ binh của tôi đi cự giặc hay sao?

Ngô Quyền khoát tay:

— Bà không lo, chúng tôi sẽ giao châu Ái này lại cho bà và đội nữ binh gìn giữ. Không cho một tên giặc nào bén mảng đến đây và lo việc cung cấp lương thảo cho chu đáo là đội nữ binh của bà đã góp một nửa phần công sức trong việc đánh thắng giặc rồi đấy.

Mọi người cùng cười. Riêng Như Ngọc xem ra vẫn chưa được hài lòng lắm.

★
★

(1) Tướng của Ngô Quyền, người đã giết được Kiều Công Tiễn. Hiện nay còn có đền thờ ở Đẳng Châu, xã Lam Sơn, Kim Động, Hải Hưng.

Dải đất mênh mông bên phải hạ lưu sông Cái chạy dài giáp với biển đông như một tiền đồn án ngữ mặt đông của đất nước. Viên quanh các trại ấp là những cánh đồng phì nhiêu. Phần đất còn lại hầu hết là rừng rù, đầm lầy nước mặn, xú xở của sú vẹt. Nước thủy triều từ biển Đông luồn qua sông lạch hàng ngày lên xuống đều đều.

Dân đại quân thủy bộ từ châu Ái ra đồn trú tại Lương Xâm⁽¹⁾ trong vùng này để xây dựng căn cứ, Ngô Quyền rất hài lòng vì cái địa bàn thuận lợi mà khuất kín ấy. Ngòi lạch chằng chịt nối đất liền với sông biển sẽ là nơi thủy quân tung hoành thuận tiện. Từ đây trong khoảnh khắc có thể đổ quân ra cửa biển và cũng từ đây vươn tay lên Đại La bằng các đường thủy bộ đều dễ dàng. Sau một thời gian xây đắp căn cứ, lực lượng của Ngô Quyền đã tăng lên gấp bội. Đã đến lúc phải ra tay trừng trị Công Tiễn để diệt hẳn mưu toan rước voi giày mề của hắn.

Trong đại bản doanh của Ngô Quyền ở Lương Xâm, các tướng lĩnh đã tụ tập đông đủ. Phạm Cự Lạng trấn giữ đồn Gia Viên cho biết có bắt được người của Công Tiễn, tra hỏi biết rằng Công Tiễn đã phái người sang Nam Hán cầu cứu. Sự thực thì từ Lương Xâm, Ngô Quyền đã cho người đi do thám Đại La và Nam Hán. Động tĩnh của giặc, Ngô Quyền nắm được khá rõ. Giặc đang nhanh chóng sửa soạn chiến thuyền. Phải trở tay cho kịp, không để cho thù trong giặc ngoài hiệp lực lại với nhau được. Ngô Quyền hỏi Tất Tổ:

— Người có thể cho một đội chiến thuyền đi Đại La được không?

(1) Nay thuộc Hải An, Hải Phòng.

Tất Tổ chưa kịp trả lời thì Phạm Bạch Hổ đã hiển kế:

— Trước hết chúng ta đem quân diệt Công Tiễn, sau đó quay lại đón đánh quân Nam Hán.

Ngô Quyền gật đầu:

— Ta sẽ đến Đại La trước khi giặc Nam Hán vào đây. Với lực lượng của ta hiện nay, Công Tiễn không đáng kể.

Ngô Quyền thăm điểm lại lực lượng và ra lệnh:

— Phạm Bạch Hổ sẽ dẫn quân theo đường bộ, Đào Nhuận điều chiến thuyền theo đường sông Bạch Đằng cùng hẹn ngày tiến về Đại La. Còn Dương Tam Kha, thay ta nắm toàn quyền trong việc hạ Đại La, bắt giết Công Tiễn, trả thù cho Dương tiết độ sứ. Đại quân phải ở đây với ta để đợi giặc...

Chiếc thuyền chiến loại nhỏ, mười hai mái chèo luồn qua lùm cây rậm rạp, lướt trên lạch, lao ra dòng sông cái. Ngoài ra, cửa sông mở rộng liền với mặt biển mênh mông. Sông biển cuộn cuộn xô nhau trốn vào dòng sông và trở nên dịu hiền hơn ngoài biển cả.

Dòng sông như ngừng lại. Nước đang lên. Đưa chủ tướng ra giữa dòng, chỉ tay về cửa biển, Tất Tổ nói với Ngô Quyền:

— Thưa chủ tướng, chắc chắn quân Nam Hán sẽ tràn vào đây theo đường sông mà tiến về Đại La.

Đứng trên mũi thuyền, xem xét núi rừng âm u bên bờ tả ngạn rồi nhìn về cửa sông, Ngô Quyền hỏi viên tướng chỉ huy đội thuyền chiến:

— Người ước cửa sông này rộng mấy dặm.

— Thưa, lúc này nước đang lên tràn ngập cả bãi lầy thì rộng lắm, nhưng lúc nước xuống, bãi cây nổi lên, của sông chỉ còn lại hơn một dặm. Đã vậy ở phía trong cửa sông lúc nước xuống còn một doi cát nổi chắn ngang chạy dài về phía đất liền.

Chiếc thuyền bơi ngược dòng sông đưa Ngô Quyền đến thăm các bãi rậm, cửa lạch, hai bên bờ rồi trở về bến cũ. Ở đây trên chiếc thuyền chỉ huy, Ngô Xương Ngập đã đợi sẵn. Vừa trông thấy bố, Xương Ngập đã nói:

— Thưa cha, con đã xem xét khắp vùng này, rất thuận lợi cho thủy chiến, còn đánh bộ không lợi.

Bước vào căn lầu xinh xinh, mái uốn cong trên thuyền chỉ huy, Ngô Quyền nói với Tất Tố và Xương Ngập:

— Giặc sẽ tràn vào bằng đường sông, và ta phải đánh bại chúng trên mặt nước. Quân bộ chỉ hỗ trợ trên bờ thôi. Rừng rậm, lầy lội ở đây bất lợi cho quân bộ của ta một, thì đối với giặc bất lợi mười. Chúng đặt chân lên đất này chẳng khác gì bầy voi sa vào bãi lầy.

Vừa nói, Ngô Quyền vừa ghé mắt qua cửa lầu xem xét bên ngoài. Nhiều bụi cây rậm rạp nhấp nhô nổi trên mặt nước. Ngoài xa, dòng sông rộng vẫn lăm lăm li dăng lên từ từ, ẩn sâu rừng rú xuống dòng nước lạnh lẽo. Hàng trăm chiếc thuyền lớn nhỏ nấp trong lạch kín. Một vài chiếc mảng lướt qua lại, lao đi tuần tra trên mặt sông. Cái băn khoăn của Ngô Quyền lâu nay là làm sao để biết được mọi bí hiểm của khối nước đang cuộn cuộn trải ra trước mắt mình. Sau nhiều lần cùng các tướng lĩnh đi thị sát, rồi bàn bạc hỏi han với những người am hiểu sông nước, Ngô Quyền đã vạch ra một kế hoạch chặn giặc. Cho đến bây giờ kế hoạch ấy vẫn giữ kín trong đầu người chỉ huy toàn quân.

Để giành được phần thắng hoàn toàn trong trận chiến đấu sống mái này, Ngô Quyền thấy cần phải hiểu biết thật chu đáo con sông này hơn nữa. Mà biết rõ điều ấy không ai hơn các bậc bô lão trong vùng.

Hôm nay, như đã hẹn, Phạm Cự Lạng⁽¹⁾ sẽ dẫn đến cho Ngô Quyền một cụ già ở trang Gia Viên — người am hiểu tường tận về sông nước, có mưu lược, và đã cống hiến nhiều công sức cho việc nước từ ngày Phạm Cự Lạng được lệnh của Ngô Quyền về quê hương Gia Viên của cụ để xây đắp đồn lũy. Trong thuyền chỉ huy, Ngô Quyền ngồi đợi khách. Một chiếc thuyền chiến loại nhỏ rẽ nước lao đến. Phạm Cự Lạng đưa khách vào gặp chủ tướng. Vừa chuyển sang thuyền chỉ huy, nhận ra Ngô Quyền, ông già Gia Viên cúi người vái chào. Ngô Quyền đón khách:

— Được gặp cụ, thật là may mắn.

Không đợi cho chủ hỏi, ông già đã nói:

Thưa tướng quân, chúng tôi sống trên miền đất này không biết đã mấy đời. Tôi chỉ biết, ông tôi chết vì con sông này lúc mới ngoài 30 tuổi, cha tôi thọ hơn, nhưng chưa đầy 50 tuổi đã chết vì con nước thủy triều ở đây...

Ông già ngừng lại để thăm dò Ngô Quyền. Giọng nói oang oang, cùng với những thờ thịch cuộn cuộn dưới làn da bánh mướt trên khuôn mặt của cụ già đã làm cho mọi người phải thêm khát cái sức lực của con người ngoài 70 tuổi đang ngồi trước mặt mình. Thấy ông già nói năng sôi nổi và cởi mở, Ngô Quyền vỗ vào vai cụ thân mật:

— Còn cụ?

(1) Tướng chỉ huy quân sự của Ngô Quyền, có đền thờ ở xã Chi Linh, huyện Chi Linh, Hải Hưng.

— Vâng còn tôi, nay đã ngót 80 rồi đây, vẫn đánh bạn với sông nước vùng này. Chúng tôi chết vì nó mà cũng sống được nhờ nó. Ấy chẳng phải riêng gì tôi, mà dân cư vùng này phần lớn đều như thế cả.

Ngô Quyền tìm cách lái câu chuyện:

— Ấy thế mà giặc Nam Hán sắp sang chiếm dòng sông này đây.

Đôi mắt long lanh mở rộng, ông già nói như quát tháo:

— Không được! Không được! Rồi ha giọng, ông già hỏi — Tôi xin hỏi thật, tướng quân đem quân ra đây để chống giặc, chắc đã có kế rồi. Xin cho tôi biết kế của tướng quân ra sao.

Sau khi ra lệnh cho quân hộ vệ tản sang thuyền khác, trong khoang lâu chỉ còn lại các tướng lĩnh và cụ già. Ngô Quyền mới nói:

— Tôi đã nghĩ kỹ, cắm cọc ở cửa sông, nhử giặc vào rồi lại tổng ra. Chúng sẽ chết không còn một trống trên đường tháo chạy.

Kinh nghiệm sông nước đã làm cho ông già nhanh chóng hiểu được mưu kế của Ngô Quyền. Ông già reo lên:

— Cắm cọc! Cắm cọc! Cha mẹ ơi! Ngót 80 tuổi đầu như tôi cũng chỉ biết cắm dăng để bắt cá, chưa từng nghĩ đến chuyện cắm cọc để bắt giặc bao giờ. Hay lắm! Thật là phúc cho dân nước Nam có người như tướng quân để lập mưu giữ nước!

Ngô Quyền nói với cụ:

— Hiện nay giặc đang gấp rút sửa soạn chiến thuyền, cho nên chúng ta cũng phải nhanh chóng cắm cọc ở cửa sông. Nói thì dễ nhưng làm được thì khó, mà giặc lại không đợi chúng ta cắm xong cọc mới đến. Tôi muốn hỏi cụ trong một ít ngày có thể cắm xong bãi cọc ở cửa sông được không?

Câu hỏi của Ngô Quyền xem ra khó quá đối với cụ. Suy nghĩ một hồi, cụ nói:

— Rừng cây ở đây không hiếm, lại tiện đường thủy vận chuyển, chỉ đốn gỗ làm thành cọc, rồi thả về. Mà trong trang ấp thiếu gì gỗ lat! chỉ cần mỗi nhà góp một cái cọc cũng đã nhiều. Còn giữ được rừng núi, sông nước thì còn có gỗ, lo gì! Cắm cọc ở cửa sông... Lúc nước xuống, cửa sông thu hẹp, lại chia làm hai ngã vì có bãi cát nổi ở giữa. Ta chỉ cần cắm cọc một bên, mà cắm ở chỗ có thể cắm được thôi chứ. Ta bắt giặc phải tìm đường chết mà đi. Làm như vậy... mấy hôm là xong được.

Lời nói của cụ già đã mở ra trước mắt mọi người một mưu kế thực hiện rõ ràng. Ai nấy đều gật gù khen ngợi ông già từng trải và có nhiều mưu trí. Riêng Ngô Quyền lại càng khâm phục và quý trọng ông già hơn ai hết. Bởi vì Ngô Quyền đã nhận thấy rằng không có ông già Gia Viên và sự giúp đỡ của dân cư trong vùng thì dù có hàng chục vạn quân trong tay, Ngô Quyền cũng phải bó tay trước thế giặc.

Ngô Quyền ngỏ ý lưu cụ già Gia Viên lại để cùng nhau bắt tay vào việc. Không chút do dự, ông già nhận lời.

★ ★

Gió rét liên tiếp đưa hơi lạnh về trong mấy ngày liền. Hôm nay gió có dịu đi nhưng mây mù lại dày đặc. Trời mùa đông đã nặng nề, ở vùng gần kề sông biển vào lúc ban mai lại càng thêm mù mịt. Và giá lạnh ở đây cũng có phần cay độc hơn. Ấy thế mà hàng vạn con người từ các châu quận về đây theo lệnh của Ngô

Quyền đang hăng hái thi gan với gió rét, lao vào rừng sâu, đâm mình trong sông nước để dẫn gỗ, đèo cọc tải về cửa sông Bạch Đằng.

Nhất là từ hôm tin quân ta đã giết được Kiều Công Tiễn làm chủ Đại La đưa về, thì cái khí thế hùng hực ấy lại càng bốc lên, bất chấp cả mưa gió. Thù trong đã đập nát, còn giặc ngoài. Thì đây, những thân cây lim rọc nhỏ màu nâu sẫm, thẳng tắp, những cành lim to bằng cây cột, vỏ xù xì còn tươi roi rói, dài hai ba sải tay, dầu vót nhọn bịt sắt, từ rừng núi bên tả ngạn kéo về; những bè nứa chắt đầy cột, xà nhà bằng gỗ lim đã làm thành cọc từ trong trang ấp tải ra, tất cả cùng với con người đang gấp gáp lao tới cửa sông để sửa soạn chống giặc. Cứ như tin thám báo đưa về, tiền quân của giặc Nam Hán đã nhổ neo tiến về phía Nam. Chỉ trong năm ba ngày nữa giặc sẽ tới. Việc cắm cọc không thể trì hoãn được.

Trong những ngày sôi sục này, Ngô Quyền hẳn quên đến quên ăn quên ngủ. Đứng trên mũi thuyền chăm chú theo dõi con nước thủy triều đang xuống dần và bãi cát nổi mỗi lúc một nhỏ lên, Ngô Quyền không biết sương lạnh đã thấm ướt vai áo. Cho đến khi người lính hộ vệ tới dâng thêm áo, Ngô Quyền mới nhận thấy đôi vai mình tê buốt. Bao nhiêu tâm trí của Ngô Quyền đang dồn vào theo dõi và chỉ huy việc cắm cọc.

Hàng ngàn chiếc thuyền thả neo đậu san sát trên cửa sông. Dòng nước chảy xiết rồi từ từ, tưởng như ngừng lại. Trong khoảng sông biển mù mịt, người ta nghe rõ tiếng gào thét của ông già Gia Viên:

— Nhanh tay lên! thả cọc xuống! thả xuống!...

Lệnh của ông già được truyền đi nhanh chóng. Hàng ngàn cọc lim lao xuống nước ào ào. Tiếng vỗ nện huỳnh huych, cùng với tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền

lao oạp đã bị chìm đi trong tiếng hò reo quát tháo của hàng vạn con người đang vật lộn với sông nước trong khoảnh khắc quyết định này.

Len giữa rừng thuyền. Ngô Quyền tìm đến ông già Gia Viên đang cùng các tướng lĩnh theo dõi tình hình sông nước để điều khiển việc cắm cọc. Không đợi cho Ngô Quyền kịp nhận ra mình, ông già Gia Viên đã thoăn thoắt nhảy sang thuyền của Ngô Quyền. Trong âm thanh hỗn tạp ấy, Ngô Quyền đã nhận ra tiếng nói của ông già:

— Thừa tướng quân, dòng sông đã chảy chậm lại, nước thủy triều sắp bắt đầu dâng lên. Lúc này không cắm xong trận địa cọc là lỡ việc, lại phải đợi đến mai, chờ nước xuống mới làm được đó!

— Không được, phải làm xong ngay hôm nay!

— Thừa tướng quân không lo, với hàng vạn con người cứ hai người cắm được một cọc là xong việc.

Rồi như con sóc, ông già nhảy sang thuyền khác. Qua làn sương mờ mờ, Ngô Quyền thấy ông đang đu mình trên đầu một chiếc cọc. Cọc lún sâu dần cho đến khi nửa người đã chìm hẳn xuống nước, ông già mới leo lên thuyền. Ngô Quyền đã có mặt ở trên khoang. Niềm tự hào và kiêu hãnh hiện ra trên khuôn mặt khi ông già chỉ tay xuống dòng sông nói với người chỉ huy:

— Thừa tướng quân, ở đây sâu và nhiều bùn, chỉ cần lắc mạnh là đã chôn chết cọc tại chỗ, còn ở trong cạn lại nhiều cát, dất rắn hơn, phải dùng néo buộc dòn ngang mới dùng vỗ nện xuống được. Lũ chúng tôi đã trù liệu kỹ, phải cắm sao cho đầu cọc ngập dưới mặt

nước lúc thủy triều xuống thấp nhất và đầu cọc hơi chệch về phía trong. Thuyền nhẹ có thể qua được, còn thuyền lớn thế nào cũng bị vướng cọc.

Nhìn theo tay ông già, trước mặt Ngô Quyền, trên một khoảng rộng lớn, khối người đông đảo đang nhanh tay trồng cọc vào đúng lúc quyết định nhất mà ai cũng biết rõ. Chỉ trong chốc lát, trận địa cọc đã chìm kín dưới mặt nước đang dâng lên từ từ. Các đội chiến thuyền được lệnh nhổ neo, bơi ngược dòng tìm về bến trú.

Mặt trời mùa đông vàng ệch thả nắng yếu ớt xuống sông biển mênh mông. Từng đợt sóng xô nhau xóa nhòa những vết tích của hàng vạn con người vừa để lại trong lùm cây, trên bờ, bãi. Cửa sông Bạch Đằng trở lại hoang vắng, lạnh lẽo. Vài chiếc thuyền chiến đưa các tướng lĩnh đi thị sát lại trận địa và chia nhau công việc đề sẵn sàng chống giặc.

★ ★

Giữa mùa đông. Vành trăng khuyết của một ngày đầu tháng đã lặn. Sương đêm càng về sáng càng dày đặc hơn. Đã mấy ngày đêm, 500 chiến thuyền giặc Nam Hán vẫn dậu bập bênh ngoài biển khơi, quay mũi vào cửa sông Bạch Đằng. Đã nhiều lần cho thuyền vào thăm dò vùng cửa sông, nhưng tên tướng giặc Hoảng Tháo vẫn chưa dám khởi sự. Dải đất lạ ở phương Nam này có nhiều vật quý: sừng tê, đồi mồi, ngọc trai, ngà voi, bạch quế... cùng với nhiều của ngon vật lạ khác, vốn đã có sức lôi cuốn mạnh mẽ đối với Hoảng Tháo, nhưng vào lúc này, lại có vẻ bí hiểm và đáng sợ đối với hắn.

Từ lâu, Lưu Cung⁽¹⁾ chúa Nam Hán, vẫn có ý muốn đánh chiếm Giao Châu ở Phương Nam. Tên chúa giặc cho rằng đất nước này đã hàng ngàn năm bị lệ thuộc vào phương Bắc, những cuộc nổi dậy của họ Khúc, họ Dương gần đây cũng chẳng cứu được dân tộc này ra khỏi thân phận bị lệ thuộc của họ. Nay nhân lúc nội tình lục đục, lại được Công Tiễn cầu cứu, Lưu Cung kéo quân sang. Lời can ngăn của Sùng văn sứ Tiêu Ích: « Hiện nay mưa dầm đã suốt mấy tuần, đường biển hiểm trở xa khơi, Ngô Quyền lại là người giỏi lắm chớ nên coi thường. Đại quân phải nên giữ gìn thận trọng, dùng nhiều người đưa đường rồi sau hãy tiến »⁽²⁾, không lọt được vào tai chúa Nam Hán. Lưu Cung phong cho con trai là Hoảng Tháo làm Giao vương⁽³⁾ dẫn đoàn chu sứ tiến về biển Nam, còn tự mình đem quân đóng ở trấn Hải môn⁽⁴⁾ để ph trợ trương thanh thế, hỗ trợ cho Hoảng Tháo tiến quân, chờ tin thắng trận sẽ đi kinh lý vùng đất mới.

Đã hai ngày đêm bập bênh ngoài khơi. Hoảng Tháo sốt ruột, đoàn thuyền vận lương vẫn chưa đến kịp. Hắn hạ lệnh cho đoàn chiến thuyền hướng về cửa sông, luôn luôn sẵn sàng, chờ thuyền lương đến sẽ tiến vào nội địa. Tên tướng giặc mơ tưởng một ngày gần đây sẽ làm chúa đất nước này. Một mình hùng cứ một phương, nước Nam Hán của cha con hắn sẽ tha hồ vững mạnh.

(1) Còn gọi là Lưu Nham hay Lưu Yêm. *Cương mục* T.b Q5 chưa: «Chúa Nam Hán tên là Nham, sau đổi là Cung vì có điềm «rồng trắng» hiện hình. Về sau cho rằng tên «Cung» không lợi, lại đổi là Yêm, nghĩa là có vẻ các sáng vi lấy nghĩa «rồng bay lên trời».

(2) *Cương mục* T.b Q 5 chép theo sách *Cương mục* của Trung Quốc.

(3) Ý muốn cho con làm chúa đất Giao Châu.

(4) Thuộc huyện Bắc Bạch, tỉnh Quảng Tây ngày nay.

Viễn cảnh huy hoàng ấy đã thôi thúc tên tướng giặc quyết tâm xâm chiếm đất Giao Châu.

Trong lúc Hoảng Tháo đang say sưa nghĩ đến chuyện làm chủ Giao Châu thì trong một vùng lạch kín đáo bên hữu ngạn sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cùng ông già Gia Viên ngồi trên thuyền theo dõi tình hình sông nước, điều khiển trận đánh.

Trời sáng tỏ, tiếng gà gáy dồn dập đã thưa dần. Ngô Quyền bước ra mạn thuyền nhìn về sông Bạch Đằng: qua khe lá, dòng sông chìm trong sương mù dày đặc. Tổ ra hải lòng với sự trù liệu, dự đoán rất khớp của ông già, Ngô Quyền cười nói:

— Lão đoán đúng lắm. Hôm nay nhiều sương, trời thả mù trắng xóa là để giúp cho quân ta đấy. Rồi trời lại nắng, sương sẽ tan sớm. Ba mươi chiếc thuyền của ta xông ra; bị đánh bất ngờ, giặc chỉ còn cách chống đỡ. Sương mù đã bịt mắt chúng lại không cho biết quân ta nhiều hay ít. Đến khi sương tan, biết thuyền của ta ít và nhỏ, chúng sẽ cậy thế mạnh tràn vào, ta rút lui để giữ được toàn quân và nhử chúng vào là đúng lúc.

Ông già Gia Viên mỉm cười sung sướng. Bằng những kinh nghiệm và hiểu biết của mình, ông đã góp phần vào việc chống giặc giữ nước như ông đã mong muốn.

— Thưa tướng quân, lúc này tướng Tất Tổ đang dẫn quân xông vào thuyền giặc.

— Vẫn chưa thấy tin tức đưa về!

Ngô Quyền đang mong đợi tin đầu của trận đánh.

Một chiếc thuyền nhỏ từ cửa sông ngược dòng vội rẽ cây tìm về báo tin quân ta đã tiến ra khiêu chiến như đã định.

Dòng sông xuống dần, đang chảy xiết. Sương mai đã tàn. Nắng sớm tỏa rộng trên mặt nước. Rừng cây um tùm hai bên bờ sông vẫn bình thản lao xao trong gió

mùa đông khô lạnh. Ai mà biết rằng trong cái hoang vắng của một vùng sông nước và rừng rú này có hàng vạn con người đã sẵn sàng, chỉ chờ lệnh là vùng dậy như bão táp.

Và từ xa, phía cửa sông, đoàn thuyền chiến của Tất Tổ đang hồi hải bơi ngược dòng, chạy trốn tránh trước sức tấn công ồ ạt và hung hãn của bầy giặc dữ. Tiếng mái chèo khua nước mỗi lúc càng nghe rõ mồn một, nhưng vang động hơn vẫn là tiếng hò reo đặc thủng của giặc Nam Hán. 30 chiếc thuyền nhỏ bé của quân Giao Châu làm sao có thể chống lại được đại quân thiện chiến của giặc đang hùng hổ trên đoàn thuyền chiến tầm dai!

Cấp gươm đứng trên mũi thuyền chỉ huy, Hoảng Tháo phất cờ ra lệnh cho quân đuổi gấp. Trên đầu tên tướng giặc, ngọn cờ đại thêu hai chữ «Giao Vương» treo trên đỉnh cột đang vung vẩy. Hoảng Tháo truyền lệnh tiến thẳng về Đại La!

Nhưng chỉ trong nháy mắt, Hoảng Tháo đã chợt dạ, tiền quân báo về có nhiều thuyền lửa xuất hiện từ xa đang băng băng theo dòng nước lao tới. Tên tướng giặc đã nghĩ đến nguy cơ bị phục kích, hăn hạ lệnh cho đại quân tiến chậm chậm. Đúng, trận phục kích của Ngô Quyền đã bắt đầu. Khi Hoảng Tháo nhận ra điều đó thì đã muộn!

Hàng trăm chiếc bè chắt đầy củi khô bốc cháy dùng dùng lao đến làm cho trận đồ của thuyền giặc bị hỗn loạn. Lũ giặc đi đầu hò nhau dập lửa. Dập sao cho kịp? Bè lửa thuận dòng lao tới, một số thuyền giặc tránh không kịp đã bắt lửa. Nhưng đáng sợ hơn đối với chúng là đội chiến thuyền vừa bị đuổi chạy thục mạng đã quay lại. Những tấm lá chắn trên thuyền giặc rách toạc vì mưa tên. Giặc nổi nhau lộn cổ xuống sông. Cho đến

lúc đội quân của Tất Tố hạ cung nỏ, dùng đến giáo mác, gươm đao để cận chiến thì từ hai bên bờ sông chiêng trống nổi lên rung chuyển cả đất trời. Từng tốp hàng trăm thuyền chiến loại nhỏ nhưng lẹ làng đã xô ra đánh thốc vào sườn giặc.

Thuyền chỉ huy của Ngô Quyền phục trong vùng kín, nghênh cao mũi, hướng ra dòng sông. Thanh gươm tuốt trần cầm sẵn trong tay, Ngô Quyền xem xét trận đánh. Ba mươi hai tay chèo đã sẵn sàng chờ lệnh đưa chủ tướng ra tham chiến.

Niềm vui hiện rõ trên nét mặt của mỗi viên tướng đang nắm trong tay quyền chủ động hoàn toàn trong trận thủy chiến ác liệt này. Ngô Quyền hỏi ông già Gia Viên, đang cầm phách gõ nhịp và kẹp chặt lái phía đuôi thuyền:

— Đã đến lúc lùa giặc vào bãi cọc được chưa?

Nhìn dòng nước đang rút mạnh, cây lá nhô dần, trên bãi lầy đã bắt đầu nổi lên ngon cỏ lơ thơ, ông già Gia Viên ước tính lúc này dốc toàn lực buộc chúng phải tháo chạy đến cửa sông là vừa. Ông già trả lời:

— Thừa tướng quân, phát lệnh được rồi đó.

Ngô Quyền phát cờ. Chiếc trống cầu treo trong thuyền chỉ huy từ đầu vẫn im tiếng, lúc này mới được lệnh phát ra năm tiếng một dồn dập. Tiếp theo, tiếng chiêng cổ lớn rầm rầm bên bờ sông nổi nhau vang rền, báo hiệu đội chiến thuyền chủ công do các tướng lĩnh điều khiển đã xuất trận. Ngô Quyền hạ lệnh cho quân sĩ nhắm thẳng chiếc thuyền có cắm cờ « Gia Vương » xông tới. Bị chặt làm nhiều khúc, nhiều thuyền giặc tạt vào bờ, nhưng lại bị từng trận mưa tên xua đuổi, và cuối cùng cũng chìm ngấm vì những chiến thuyền nhỏ nhẹ của quân Giao Châu. Giặc nao núng, đã có thuyền quay mũi. Còn đang lúng túng tìm cách đối phó thì từ phía

sau, đội thuyền chiến do viên tướng trẻ đang ngược dòng sông tới đánh tập hậu. Xương Ngập đã kịp đến để trợ chiến.

Biết thế nguy, Hoảng Tháo ra lệnh rút quân. Thuận dòng sông, thuyền giặc tranh nhau tháo chạy ra biển. Đại quân của Ngô Quyền vẫn bám riết. Đoàn thuyền chiến của Phạm Bạch Hổ đã phục sẵn ở cửa sông, lúc này mới ép quân giặc tràn qua bãi cọc. Hoảng Tháo muốn nhanh chóng trở về với biển cả, nhưng không được. Đã có bãi cọc ngầm giữ chúng lại. Bị vướng cọc, nhiều thuyền giặc bị vỡ, hoặc quay cuồng rồi vùi xác dưới dòng nước. Những chiếc khác ùn lại, xô vào nhau, tắc nghẽn. Trong khi đó, từ ba mặt, đại quân của Ngô Quyền do các tướng Tất Tố, Phạm Bạch Hổ, Phạm Cự Lạng, Xương Ngập đã áp đến. Chiêng trống vang rền vẫn không át nổi tiếng quân reo. Cửa sông Bạch Đằng đỏ ngầu máu giặc. 500 chiến thuyền của quân Nam Hán bị tiêu diệt gần hết. Tên tướng giặc Hoảng Tháo cũng bị vùi xác dưới dòng nước cùng với đội binh thuyền thiện chiến của hắn...

Một ngày mùa đông nắng đẹp. Đã xế chiều. Nước thủy triều bắt đầu dâng lên. Từng đợt sóng nhấp nhô, lấp loáng ánh nắng nổi nhau nhảy múa như cùng với đại quân của Ngô Quyền đang hò reo mừng đại thắng. Thủy triều dâng cao, xóa sạch mọi dấu vết hôi tanh của xác giặc. Vùng cửa sông Bạch Đằng lại trở về với vẻ đẹp thanh bình, bao la, hùng vĩ vốn có của nó.

★
★★

Năm mậu tuất (938) sắp qua, một mùa xuân mới sẽ đến. Đã lâu rồi nhân dân Giao Châu lại được nô nức sửa soạn chào đón một mùa xuân rực rỡ chiến công đến

như thế. Trong khi khắp Giao Châu vui mừng đón xuân thì ở phương Bắc, Lưu Cung sau khi nghe tin bại trận, hốt hoảng, vội vã đem quân rời Hải Môn về Phiên Ngung. Cái mộng xâm chiếm Giao Châu của Lưu Cung cũng tiêu tan hoàn toàn như xác con trai Hoảng Tháo của hắn đã tiêu tan trong bụng cá biển Nam.

Cũng vào một ngày đầu xuân rực rỡ chiến công ấy, Ngô Quyền xưng vương và chọn Cồ Loa, kinh đô của nước Âu Lạc xưa, để làm đất định đô lâu dài ⁽¹⁾.

Từ ấy cho đến ngàn vạn năm sau, tên tuổi Ngô Quyền mãi mãi gắn liền với những sự kiện lịch sử ngời sáng, ghi dấu ngày dân tộc ta đã đứng dậy, đập nát đầu thù, tự định đoạt lấy vận mệnh của mình. Và sông Bạch Đằng, như một vế đối nổi tiếng vẫn lưu truyền: «Đằng Giang tự cổ huyết do hồng» (máu quân thù từ xưa còn đỏ sông Bạch Đằng) còn lưu đến muôn đời chứng tích của một quá khứ oanh liệt ⁽²⁾.

NGUYỄN ANH

TRẦN QUANG KHẢI

Mùa đông năm Thiệu Long thứ nhất ⁽¹⁾ có lệnh phong cho hoàng tử thứ ba của vua Trần Thái Tông là Trần Quang Khải, vừa 18 tuổi, tước Chiêu Minh đại vương.

Mùa xuân năm ấy, người anh thứ hai của Chiêu Minh đại vương, vừa 19 tuổi, cũng đã lên ngôi hoàng đế nước Đại Việt.

Kém vua anh một tuổi, vị đại vương trẻ từ đấy hiểu rằng sau ngôi hoàng đế thì địa vị thứ nhất của triều đình Đại Việt sẽ được tin cậy trao vào tay mình. Bất giác, con người sẽ thôn tóm cả quyền bính thiên hạ ấy chợt nhớ lại câu chuyện xảy ra từ thuở mình còn nhỏ: vị hoàng tử thứ ba của vua Trần Thái Tông vừa mới sinh ra đã mắc chứng bệnh hiểm nghèo, lên cơn kinh giật dữ dội rồi sửa soạn hạ bỏ hẳn giòng họ và địa vị quyền quý của mình. Hoàng đế nhà Trần hay tin dữ, hốt hải nhót nhót chạy đến nhìn đứa con trai mà vẻ thông minh đỉnh ngộ lồ lộ hiện sớm, khiến nhà vua đã phải nghĩ sẵn đến một tên hiệu ví sánh với ánh sáng của vầng dương để rồi đây sẽ đặt cho ⁽²⁾. Luống cuống đảo mắt khắp gian điện lộng lẫy vàng son, chợt nhận ra

(1) Ngô Quyền mất năm 944, thọ 47 tuổi. Hiện nay còn có lăng mộ và đền thờ Ngô Quyền tại quê hương ông ở thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, Hà Tây.

(2) Vế thứ hai trong câu đối của Giang Văn Minh.

(1) Năm 1258.

(2) Chiêu Minh: ánh sáng mặt trời — tên hiệu của Trần Quang Khải.

chiếc áo gấm quý của thượng hoàng⁽¹⁾ đang treo ở gần, hoàng đế nhà Trần vội quơ tay nắm lấy tấm áo mà đứng trước mặt vị hoàng tử lý hơn:

— Này, sống đây đi, ta sẽ cho cái này...

Rồi lại hấp tấp tháo luôn thanh gươm báu truyền quốc bên người:

— Cả cái này nữa, nào, sống đây đi!

Thật không ngờ, chú bé tưởng đã sắp bỏ đi lại bỗng hồi tỉnh. Rồi đó, sau một thời gian thuốc thang chữa chạy thì ở hẳn lại với dòng họ nhà Trần. Còn hoàng đế Trần Thái Tông thì một hôm nghe hoàng hậu vừa âu yếm nựng con vừa nhắc đùa lại câu chuyện đồ dành hoàng tử của vua cha, đã lúng túng ừ à một hồi, rồi bỗng đột ngột truyền phán:

— Không được! Gươm báu truyền quốc không thể cho bây được. Chỉ cho chiếc áo của Thượng hoàng thôi!

Hoàng đế và hoàng hậu cũng cười⁽²⁾.

Trần Quang Khải cũng mỉm cười khi nhớ lại chuyện đó. Chiêu Minh đại vương vốn có tính vui.

I

Phủ Tướng quốc Thái úy⁽³⁾ Chiêu Minh đại vương sáng lóa giáo gươm của binh lính canh phòng căn mật khắp trong ngoài. Giữa tòa phủ đệ trang nghiêm, Trần Quang Khải chau mày nghe tin cấp báo từ biên giới

(1) Cha của vua.

(2) Câu chuyện về tuổi nhỏ của Trần Quang Khải này, chép ở bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển thứ sáu

(3) Chức quan võ cao nhất, nắm luôn cả việc triều chính.

truyền về: sứ bộ Đại Việt, do chủ họ của vua Trần là Trần Di Ái cầm đầu, năm ngoai⁽¹⁾ được phái sang Nguyên triều điều đình việc bãi miễn yêu sách của vua Nguyên đòi vua Trần phải sang châu, năm nay⁽²⁾ đã trở về đến biên giới. Nhưng Di Ái lại trở về cùng với sắc phong của hoàng đế Hốt Tất Liệt nhà Nguyên cho y được làm « An Nam quốc Vương » thay cho vua Trần! Một chiếu thư của vua Nguyên gửi vua Trần cũng được chuyển tới:

« Ta đã cho sứ sang vời thì người lại kiếm cớ không đi, chỉ sai chú là Di Ái vào châu. Ta cũng định cử ngay quân sang đánh, nhưng vì người nội phụng và cố gắng hiền đã lâu năm rồi, có lẽ nào bắt chước kẻ vô tri để hại uổng tính mệnh dân chúng!

« Vậy người đã cáo bệnh không vào châu thì cho người được nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng luôn! Ta đã lập chú người là Di Ái thay người làm vua nước An Nam, cai trị dân chúng của người⁽³⁾ ».

Chúa quân đồn mã! thật đáng giận cho Di Ái, cảm tâm làm bù nhìn để vua Nguyên lợi dụng! Trắng trợn và thâm hiểm, Nguyên triều còn lập ngay một « An Nam tuyên úy ti »⁽⁴⁾, với tên Sài Thung—đương chức Thượng thư bộ Lễ của Nguyên triều, nay làm « An Nam tuyên úy sứ đô nguyên soái »⁽⁵⁾—đi kèm bù nhìn Di Ái sang Đại Việt, nghiêm nhiên nhận việc cai quản xứ này. Lại còn kèm cả một đạo quân năm nghìn người⁽⁶⁾ đóng

(1) Năm 1281.

(2) Năm 1282.

(3) Nguyên văn trong *An Nam chí lược*.

(4) Cơ quan cai trị nước An Nam như một thuộc địa.

(5) Đây chép theo sách *An Nam chí lược*. Còn sử nhà Nguyên (*Nguyên sử*) thì chỉ chép Sài Thung làm phó đô nguyên soái.

(6) Con số này chép theo *Đại Việt sử ký toàn thư*; còn *Nguyên sử* thì chỉ nói có 1000 quân.

trống mỗ cờ, gọi là làm nhiệm vụ hộ tống tân An Nam quốc vương và An Nam tuyên úy sứ đô nguyên soái!

Trần Quang Khải nhủ mày suy nghĩ rất lung... Trong óc vị đại vương đang gánh vác toàn bộ việc nước trước cơn sóng gió, những con số, những con người lần lượt hiện lên: năm nghìn quân! Sài Thung! Trần Di Ái!

Năm nghìn quân! Không, đây chưa phải là một lực lượng quân sự đáng kể. Vậy thì cuộc đại xâm lược mà ta đang ráo riết chuẩn bị đối phó vẫn chưa nổ ra. Đây mới chỉ là một thứ áp lực quân sự cho một âm mưu chính trị bạo ngược hơn. Và Sài Thung! Tên Lê bộ thượng thư mà chẳng có lấy một chút lễ nghĩa này, ta đã từng mấy lần đương đầu với hắn những năm trước. Lần này, hắn là hắn sẽ còn già ngông cuồng hơn nhiều nữa. Và Trần Di Ái! Con người tệ hại này mà tách được ra khỏi cái gậy chống là bọn giặc Nguyên thì bù nhìn sẽ đổ gục như bù nhìn thôi...

Những cân nhắc, phán đoán, tính toán cụ thể diễn ra thật căng thẳng trong khi vị Tướng quốc Thái úy của triều Trần vẫn nhủ mày, nhìn đăm đăm vào một điểm ở góc án thư. Cho đến khi cả một kế sách đối phó với những âm mưu mới của giặc dần dần thành hình, thì Trần Quang Khải mới chợt nhận ra tòa sảnh đường đã chìm dần trong bóng chiều, và quân hầu đang nhẹ tay đốt lên một cây đèn liệu ở góc phòng...

Mờ sáng hôm sau, Trần Quang Khải đã rời phủ Tướng quốc vào triều chầu vua. Kế sách chống phá những thủ đoạn lấn lướt mới của Nguyên triều đã được định đoạt ngay trong buổi sáng hôm đó. Và vua Trần cũng đã trao cho quan Tướng quốc trọn quyền thực hiện kế sách ấy — một kế sách mà cả hai đều thấy có nhiều bộ phận chẳng

chéo, phức tạp, rất cần phải khôn khéo và kiên quyết ứng xử, kẻ mà chỉ cần trục trặc một chi tiết là hỏng vỡ cả đại cục...

Phủ Tướng quốc của Trần Quang Khải lập tức sắp đặt lại một loạt thể chế đón nhận và tâu trình những tin tức đưa về từ biên giới. Và Tướng quốc Thái úy Chiêu Minh đại vương thì luôn đêm ngày ở lại ngay trong tòa sảnh đường để lo liệu mọi công việc của cuộc đương đầu rất căng thẳng mà lại cũng thật tế nhị này.

Thoạt tiên, ngựa lưu tinh ướt đầm mồ hôi đưa tới cửa phủ tin tức về cảnh quân phòng vệ biên giới đã dồn một lực lượng mạnh, cải trang thành đủ các hạng bách tính, bất ngờ đánh úp đạo quân hộ tống của Sài Thung và Di Ái, vào lúc chúng mới kéo sang ngọn ngang hạ trại ở địa đầu đất Việt. Cuộc xung sát quyết liệt nổ ra trong đêm tối, đã làm vỡ tan cả đạo quân năm nghìn người của giặc, vừa chân ướt chân ráo vượt biển, mà vẫn không mấy may phạm tới « Tuyên úy ti » của Sài Thung!

Tiếp đấy, lại có tin đưa về: bọn Trần Di Ái không bắt sống được, nhưng cũng không thấy mặt mũi trong đám « Tuyên úy ti », mà ở đồng loạn thấy của giặc thì cũng không tìm ra thì hải...

Trần Quang Khải chau mày, rút trong ống sứ một chiếc thẻ, hạ lệnh phải tìm kiếm ngay bọn Di Ái cho kỳ thấy. Rồi đó, vị Tướng quốc chăm chú chờ đợi phần tin hệ trọng nhất: viên trung sứ của triều đình đã đón được Sài Thung tiếp tục lên đường đi tới kinh đô Đại Việt! Chỉ có điều là tên tướng giặc này cứ lồng lộn hực hực quá đỗi, y như kẻ hóa đại vậy...

— Sài Thung không bỏ về Nguyên triều! Vậy là giặc chưa thể nhất đán có ngay được những hành động quyết liệt để trả đòn! — Trần Quang Khải reo thầm trong óc

như vậy — Mà cũng phải thế thôi! Tên tướng giặc này không thể bỏ về để một mình hứng lấy tai ương của sự hồng vũ cả một âm mưu mới của Nguyên triều. Nó chỉ còn cách tìm đường vọt vát, gỡ gạc lại những gì đã mất sau đòn phủ đầu linh hoạt mà kiên quyết của ta. Và con đường ấy thì ta đã mở ra cho nó...

Tươi nét mặt, Trần Quang Khải xuống lệnh chuẩn bị phân tiếp theo của kế sách đường đầu với giặc: đón rước Sài Thung ở Thăng Long.

Dãy quân sứ⁽¹⁾ ở bên kia sông Cái lập tức được sửa sang, trang hoàng long lẫy. Nhưng Trần Quang Khải vừa ra lệnh sẵn sàng thuyền xe để sang quân sứ gặp Sài Thung, thì bỗng thấy viên phó tướng đạo quân Thiên Trường⁽²⁾ chạy đến bẩm việc, mặt đầy sắc giận:

— Tướng giặc Sài Thung vừa thẳng đường một mạch nhập hoàng thành. Quân Thiên Trường đang canh giữ cửa Dương Minh⁽³⁾ thấy có kẻ ngoài đến phạm, đã lập tức ngăn lại. Nhưng Sài Thung vô lễ, vẫn hăm hăm xông tới, dùng roi ngựa đánh quân ta bị thương!

Lại một viên phó tướng Thiên Trường nữa xin vào trình.

— Tướng giặc Sài Thung đã phong ngựa thẳng đến sân điện Tập Hiền⁽⁴⁾ rồi mới chịu rời yên cương, hiện đang đứng nghênh ngang ở thềm điện...

Trần Quang Khải vừa nổi cơn giận đã lại thấy muốn cười về thái độ điên khùng của tên « An nam tuyền úy sứ

đô nguyên soái » bị thất cơ lỡ vận này. Quả là tướng giặc đã bị một đòn quá đau mà không kêu được ở trên biên giới nên phát rồ. Vừa hay, viên trung sứ vẫn đi kèm Sài Thung từ biên giới về kinh đô, cũng hốt hải đến phủ tàu trình về việc tướng giặc sinh chuyện phá đám. Trần Quang Khải nhẹ nhàng khuyên giải các quan tướng của mình, rồi nhân thế sai phái cắt đặt công việc tiếp ngay:

— Trung sứ mau đi tìm gặp Sài Thung, đón nó về quán sứ, rồi triều đình sẽ tiếp kiến!

— Các phó tướng Thiên Trường dẫn ngay quân sĩ, vũ khí tuốt trần, canh giữ các cửa điện thật nghiêm ngặt!

Trước các biện pháp vừa rắn vừa dẻo của Trần Quang Khải, tướng giặc Sài Thung đành lại chịu phép, hậm hực lui về quán sứ. Nhưng đến khi quân canh vào báo tin có Tướng quốc Thái úy Chiêu Minh đại vương thân tới thăm hỏi thì Sài Thung lại nổi cơn khùng. Hắn nằm lì trong phòng, không trả lời.

Trần Quang Khải mỉm cười khi nghe lại tình hình ấy. Vị Tướng quốc Thái úy dễ dàng quân dân hầu ở lại bên ngoài, thủng thẳng bước vào tận buồng của Sài Thung! Tướng giặc hết cách ra gan thì lại chồm ngay đây, dồn dập chất vấn luôn:

— Ông Tướng quốc Thái úy! Kẻ nào đã ra lệnh cho quân đội xúc phạm tới đạo quân hộ tống của thiên triều ở trên biên giới?

Trần Quang Khải vẫn điềm đạm, đợi bày trà, mời Sài Thung ngồi yên vị rồi mới thông thả trả lời:

— Quan Thượng thư chẳng hay trong người có được mạnh? Tôi đương chức Thái úy của Trần triều mà không ra lệnh này thì còn ai nữa! Nhưng việc ở trên

(1) Nơi đón tiếp các sứ thần nước ngoài.

(2) Lĩnh tuyền ở vùng phủ Thiên Trường (Nam Định) chuyên lo việc canh giữ Hoàng Thành.

(3) Cửa thành dẫn đến điện Tập Hiền trong hoàng cung nhà Trần.

(4) Tòa điện lớn trong hoàng thành, nơi vua Trần khảo sách các văn quan và thái học sinh.

biên giới là như thế nào, sao tôi không rõ? — Trần Quang Khải lại mỉm cười, làm ra vẻ ngạc nhiên hỏi lại Sài Thung.

Tướng giặc lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Nếu đem việc cả một đạo quân năm nghìn người bất ngờ bị đánh tan trong một đêm ra kể lại căn kẽ thì thật quá nhục. Mà không nói ra thì tức không chịu nổi. Cuối cùng, Thung đành lúng túng giữ thể diện:

— Ta thân dẫn sứ bộ sang nước ông, qua chốn núi rừng hiểm trở, phải mang vài tên quân đi hộ vệ. Không ngờ bọn giặc cớ ở biên giới nhân cơ hội đêm tối, đồ ra giết mất của ta mấy thằng lính ồm! — Sài Thung bỗng lại nổi cáu — Ông coi nghề võ bị, lại giữ cả việc nước ở xứ này, vậy mà dễ xảy ra cơ sự như thế, lỗi không phải nhỏ! Vậy cần mau dâng biểu tạ lỗi với thiên triều!

— Chúng tôi sẽ tra xét việc này... — Trần Quang Khải vẫn giữ nụ cười điềm đạm trên môi. Thấy tướng giặc tự hạ mức độ nghiêm trọng của sự kiện vừa xảy ra ở biên giới, và nhất là thấy hãn chủ chịu lỗi hãn việc đem theo cả một « An nam tuyên úy ti » sang Đại Việt mà chỉ trở lại danh nghĩa đi sứ, vị Tướng quốc Thái úy đã sáng ý nhận ra ngay cái thế thắng của mình. Và thấy không cần phải nệ vào nghi thức nữa — Vâng, chúng tôi sẽ tâu quốc vương để Người làm biểu trình với thiên triều về việc này...

Giúp Sài Thung gỡ được trách nhiệm và thể diện rồi, Trần Quang Khải vẫn thấy cần phải nói khéo cho y biết ý chí của quân dân Đại Việt:

— Dân nước chúng tôi vốn trọng chủ quyền. Thấy người lạ vào cõi mà không có ý hiếu hảo là họ liền chết đánh ngay. Xin quan Thượng thư cẩn thận điều đó...

Cuộc giao tiếp giữa đôi bên, tự chỗ chông chênh chừng chẳng, dần dần lấy lại dáng vẻ bình thường. Và Trần

Quang Khải, khi cương khi nhu, đã áp đảo hẳn Sài Thung, khiến cho tướng giặc không sao thi thố nổi một yêu sách nào nữa, cho đến khi hãn phải trở về Nguyên triều. Nhưng giữa lúc mà vị Tướng quốc Thái úy đang soát lại công việc mở đại yến tiến đưa sứ giả nhà Nguyên, thì có tin Trần Di Ái cùng bộ sậu đã lần trốn từ biên giới về đến kinh thành. Trần Quang Khải buông ngay cây bút cầm tay xuống mặt án thư, làm tờ giấy trắng vân hoa vương thắm một vệt mực tối. Vò tờ giấy trong tay, vị Tướng quốc Thái úy ra lệnh:

— Vây giữ phủ đệ của Di Ái cho cẩn mật. Không để một ai ra vào một bước. Tội hám lợi mà theo giặc thì dù là chủ vua cũng phải trừng trị! ⁽¹⁾

Trần Quang Khải lại trải một tờ giấy hoa mới lên án thư và cầm lấy bút. Bài thơ thù tiếp sứ giả Nguyên triều, nghĩ sẵn từ mấy đêm nay để sẽ tặng cho Sài Thung trong tiệc yến tiến biệt, bây giờ theo đà tay của vị Tướng quốc vẫn vò kiếm toàn, bay múa trên mặt giấy:

*Tổng quân qui khứ độc bàng hoàng
Mà thủ xâm xâm chỉ để hương.
Nam Bắc tâm tình huyền phản bãi
Chữ tâm đạo vị phẩm lý tràng
Nhất đàm tiểu khoảnh ta phân duệ
Công vương thù gian tích đối sàng.
Vị thâm hà thời trùng địch diện,
An cần ác thủ tự huyền lương » ⁽²⁾.*

(1) Đại Việt sử ký toàn thư chép rằng Trần Di Ái sau bị vua Trần đây làm khao giáp binh (lính phục dịch ngành hậu cần).

(2) Bài thơ này của Trần Quang Khải thấy chép trong sách An nam chí lược. Mai Quốc Liên tạm dịch: «Tiễn ông về nước, lòng tôi riêng những bồi hồi. Ngựa xâm xâm trở hướng về

— Để cho người Nguyên thấy rõ tình ý của người Việt ngay cả khi đương đầu với kẻ thù cũng là như thế!

Trần Quang Khải đọc lướt lại bài thơ và nghĩ như vậy!

II

Cuộc đương đầu với kẻ thù xâm lược đã từ địa hạt ngoại giao chuyển sang lĩnh vực quân sự. Cuộc chiến tranh ác liệt mà triều đình nhà Trần, đứng đầu là Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải, cố sức trì hoãn để tranh thủ thời gian chuẩn bị đối phó, cuối cùng đã nổ ra, ba năm sau khi âm mưu thiết lập « An nam tuyên úy ti » của Sài Thung bị thất bại⁽¹⁾.

Có chiến tranh, mọi việc đều phải sắp xếp lại. Trần Quang Khải, do uy tín ngày càng lớn bởi những công tích lập được trong suốt thời gian chuẩn bị đối phó với chiến tranh, đã được thăng đến chức Thượng tướng Thái sư, vẫn là người đứng đầu triều đình nhà Trần. Nhưng riêng việc quân đội thì cần phải chuyển sang cho nhà quân sự thiên tài Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn giữ quyền Tiết chế⁽²⁾, để cho người đứng đầu

hương. Chạnh niềm Nam Bắc, tâm tình như treo trên lá cờ sứ trở về. Chủ và khách (say sưa) mùi đạo; cùng nhau chuốc chén biệt ly. Nói cười vừa chốc lát, than ôi đã đứt áo chia tay! Trong lúc ngâm nga thù xướng, tiếc khi giường nằm đối diện! Chưa biết ngày nào lại cùng nhau gặp mặt, để ân cần cầm tay nhau kẻ lẻ hàn huyên!

(1) Năm 1285.

(2) Tổng tư lệnh quân đội.

triều đình có thể rảnh tay gánh vác thêm những công việc bề bộn của một triều đình kháng chiến.

Tuy nhiên, việc đánh giặc vẫn là công việc lớn nhất trong chiến tranh. Giặc Nguyên đã mở tới ba mặt trận, đề từ ba phía đông bắc, tây bắc và chính nam dồn lại chiếm kinh đô Thăng Long ép đánh quân ta. Và quân ta cũng đã tung lực lượng ra cản giặc ở cả trên ba mặt trận ấy. Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đã mang đại quân đi dự trận ở các mạn đông bắc và tây bắc. Còn mặt trận phía nam thì chính Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải phải gánh vác thêm, cùng với những công việc triều chính hàng ngày của mình.

Sau gần nửa năm trường gỏi đất nằm sương, tiến lui quần thảo, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải đã cùng với quân đội nhà Trần trên các mặt trận khác, phá được cái thế tiến công hùng hổ của kẻ thù, giành lấy quyền phản công chiến lược cho quân ta. Và loạt trận đánh quyết định số phận giặc Nguyên là nhằm vào phòng tuyến dọc sông Cái ở phía Nam tổng hành dinh Thăng Long của chúng.

Giữa quân doanh Thiên Trường của nhà Trần, những tướng lĩnh trụ cột của cuộc kháng chiến: Trần Quốc Tuấn, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải... đang vào cuộc họp bàn quân cơ tối mật cùng với hoàng đế nhà Trần. Vua Trần gửi gắm tất cả niềm tin vào cặp mắt đang thông thả nhìn một lượt các vị tướng lĩnh tài ba của mình, rồi nhẹ nhàng nói điều nhận xét lớn:

— Quân giặc nhiều năm đi xa, quân nhu chở chuyên vạn dặm, thế tất mỗi mệt. Lấy quân sung sức đánh với quân mệt nhọc, trước hết làm mất khí thế của chúng, tất sẽ phá tan được! ⁽¹⁾

(1) Nguyên văn trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển thứ năm.

Đề triển khai ý đồ làm mất khí thế của giặc, ba trận đánh lớn, mở màn cho cuộc tổng phản công chiến lược đã được quyết định ngay sau đây, Hưng đạo vương Quốc Tuấn sẽ đánh đại đồn A Lỗ ⁽¹⁾ trước tiên. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh tiếp vào cửa Hàm Tử ⁽²⁾. Rồi đó, căn cứ Chương Dương ⁽³⁾ sát phía nam kinh thành Thăng Long là phần của Chiêu Minh đại Vương Trần Quang Khải.

Nhận trận Chương Dương, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải được nhận thêm về dưới trướng mình viên tướng trẻ nổi tiếng kiêu hùng: Hoài văn hầu Trần Quốc Toản. Trung thành vương ⁽⁴⁾ cùng đạo quân bản bộ của vương cũng sẽ thuộc quyền điều động của Chiêu Minh đại vương. Và điều đáng mừng nữa là các đạo dân binh ở đủ các miền quanh Thăng Long, nghe tin đại quân sắp đánh lớn, cũng đã rầm rập kéo đến xin được phối thuộc. Trần Thông, rồi anh em Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền, đã đem về dưới trướng Thượng tướng Thái sư hàng vạn tay giáo mác cung nỏ trong dân gian.

Hết sức cảm kích, vị chủ tướng trận Chương Dương cố nén nỗi vui mừng, thận trọng tính toán kế sách điều binh khiển tướng, quyết giành phần thắng to cho quân ta trong trận đánh quyết định cả đại cục này.

(1) Chỗ cửa sông Luộc nối với sông Hồng.

(2) Khúc sông Hồng chảy qua Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hải Hưng ngày nay. Xin xem *Những vì sao Đất nước*, tập II, truyện *Trần Nhật Duật*.

(3) Nay là bến Chương Dương, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

(4) Chưa rõ tên thật là gì.

Những đội quân tế tác ⁽¹⁾ được tung đi trước đến Chương Dương đã lần lượt trở về trình việc. Và Trần Quang Khải đã hình dung ra đầy đủ thế trận của giặc trước mắt mình:

Căn cứ Chương Dương có một thủy trại với một đạo binh thuyền khổng lồ để vừa bảo vệ mạn nam kinh thành Thăng Long mà thái tử Thoát Hoan của nhà Nguyên đang đóng tổng hành dinh, lại vừa liên lạc ứng chiến cùng các thủy trại Hàm Tử, Tây Kết, A Lỗ suốt dọc sông Cái. Thủy trại của giặc lại dựa vào hệ thống đồn lũy của cánh quân kỵ bộ đóng sát trên bờ, sẵn sàng ứng cứu lẫn nhau khi xảy ra động dụng. Chương Dương như vậy là một căn cứ thủy bộ lợi hại của giặc. Và cái thế ỷ giốc ⁽²⁾ của căn cứ này với tổng hành dinh Thăng Long của giặc ở phía trên, lại khiến nó dễ dàng nhận thêm sự chi viện của đạo kỵ binh chủ lực của Thoát Hoan đóng thường trực ở trên ấy, cùng với cả hệ thống đồn trại của giặc bao quanh Thăng Long ở các mạn khác nữa.

Trần Quang Khải căng óc suy nghĩ rất lung. Đánh vào Chương Dương như vậy là rung thẳng vào cả một mạng lưới phòng thủ liên hoàn của giặc, với quân số mới điều tra được là mười vạn, và gồm đủ các loại quân hiệu, đồn lại ở quanh Thăng Long. Vậy nên, trước tiên phải có cách làm tê liệt những hoạt động ứng cứu của mạng lưới đồn trại giặc đã! Và nhân đây mà buộc Thoát Hoan phải xẻ chủ lực của hắn, chia ra các ngả để đối phó với ta...

Trần Quang Khải cho triệu ngay những người cầm đầu các đạo dân binh quanh miền đến quân doanh. Chuyển

(1) Linh tinh sát.

(2) Thế nương tựa lẫn nhau.

những tấm phù⁽¹⁾ cho từng người — kể cả những người đang nắm trong tay hàng vạn dân binh như Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền mà bây giờ vị Thượng tướng Thái sư mới biết mặt biết tên, Trần Quang Khải vui vẻ khích lệ họ, rồi trao nhiệm vụ để cho ai ở đâu thì mau trở về nấy. Cùng với các đạo dân binh của mình, họ sẽ phải nhả vào tất cả các đồn trại của giặc ở vòng ngoài mà đánh phá.

Nhìn các viên tướng dân binh hồ hởi kéo nhau đi, Trần Quang Khải xúc động tận đáy lòng. Những con người ấy, phú quý vinh hoa, thường ngày chẳng bao giờ được hưởng, vậy mà khi vận nước cần đến thì họ tận tụy dốc lòng dốc sức đến như vậy! Và vị Thượng tướng Thái sư càng thấy trong người phấn chấn: ngay từ khi giặc Nguyên chưa vào cõi, để chuẩn bị chống giặc, chính Chiêu Minh đại vương là người đã chủ trương nương cây vào những lực lượng dân binh này!

Chẳng bao lâu, tin vui đã từ các ngả bay về quân doanh: giặc Nguyên ở cả nam bắc, đông tây đều đang bị đánh tới tấp. Mang lưới phòng thủ của chúng như thể là đã bị ghim ngay tại chỗ mà rung lên bần bật rồi!

Nhưng Thoát Hoan vẫn ngồi im ở Thăng Long. Chỉ nơi nào nguy cấp lắm, y mới phóng ra một đạo quân ứng cứu nhỏ. Vị chủ tướng trận Chương Dương khẽ cười gằn:

— Thăng giặc cáo già này còn chưa biết miếng đòn chính của ta sẽ giáng vào đâu, nên còn rình rập. Được, ta sẽ cho người biết ngay!

Đạo quân tinh nhuệ của Hoài văn hầu Trần Quốc Toản bấy lâu bị buộc phải im hơi lặng tiếng, bây giờ

(1) Tấm thẻ dùng trong quân ngũ để làm dấu hiệu nhận ra nhau.

được lệnh cùng viên tướng trẻ tuổi dũng mãnh của mình, bất ngờ đánh thẳng vào ngay Chương Dương. Từ cả hai mặt thủy bộ, quân ta hùng dũng xuất trận dưới bóng lá cờ lệnh của Thượng tướng Thái sư tung bay phàn phật. Thân chinh đốc chiến trận ấy, Trần Quang Khải hởi lòng hởi dạ chứng kiến cảnh tượng quân ta như một cơn lốc dữ dội, lao vào thủy trại giặc. Khi thế ngất trời của cả một đạo quân tinh luyện, dốc lòng xả thân vì sự nghiệp và vì vị chủ tướng anh minh mà họ hằng tin phục, lập tức tạo ngay thế áp đảo cho quân ta. Những chiếc thuyền chiến đồ sộ của quân Nguyên bị đốt cháy, bị đánh chìm, ngồn ngang quay cuồng trên dòng nước mệnh mang ngẫu đỏ. Và xác giặc, cùng lầu trại của chúng, nối nhau đổ gục, tan tành. Những hồi trống trận hùng tráng từ chính tay Thượng tướng Thái sư tung vào trận đánh ác liệt, chỉ ngừng tiếng thúc giục khi toàn bộ căn cứ Chương Dương đã bị quân ta đánh chiếm.

Những người dự trận Chương Dương nô nức đón mừng vị chủ tướng của mình tiến vào căn cứ vừa bị mất của giặc, giữa những tiếng reo hò thắng trận rền vang. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải nét mặt rạng rỡ, vẫn không cho phép khao quân như mọi lần, mà lại hạ lệnh đàn quân bày trận tiếp ngay. Trước vẻ ngơ ngác của tướng sĩ, Trần Quang Khải nói rõ ý định của mình:

— Phải nhân đà này mà lập tiếp hai chiến tích nữa: tiêu diệt đạo kỵ binh chủ lực của Thoát Hoan và thu phục lại kinh thành Thăng Long!

Hiểu ra ý định linh hoạt và kiên quyết của chủ tướng, các tướng sĩ thấy đều nô nức theo lệnh điều động ngay. Những cánh quân câu liêm và giáo trường kéo ra dọc đường cái mai phục thành một tuyến dài, người nấp

kin dưới các hố sâu đào cấp tốc cạnh đường, người giấu mình trong các lùm cây ven làng. Những cánh quân cung thủ dàn trận ở phía sau, sẵn sàng những bao tên độc và những cánh nổ cứng.

Trong khi đó, rút một cây lệnh tiễn, Trần Quang Khải sai quân xích hầu truyền lệnh cho đạo binh của Trung thành vương đang đóng ở phía tây Thăng Long mau ra quân ngay theo kế đã dặn. Đồng thời, dũng tướng Trần Quốc Toản cũng được lệnh chỉnh đốn binh thuyền, ngược sông đi luôn.

Một thế trận lợi hại của một tài năng quân sự lỗi lạc đang triển khai. Và tướng giặc Thoát Hoan đã mắc ngay vào cái bẫy lớn của Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải.

Được tin Chương Dương bị tấn công, nhận ra ngay miếng đòn chính của đối phương là ở chỗ này, chủ tướng giặc Nguyên vội dẫn toàn bộ đạo kỵ binh chủ lực của y từ Thăng Long đi ứng cứu ngay. Nhưng những tên kỵ thủ của giặc đang hùng hổ phóng ngựa trên đường xung trận thì đã vấp phải những cánh quân mai phục do chính Trần Quang Khải chỉ huy. Pháo lệnh nổ rền trời. Loa trận vang vang hiệu lệnh tiến lui của Thượng tướng Thái sư. Theo lệnh ấy, giáo dài xĩa ngang, câu liêm móc chân ngựa, quân ta đã đánh ngã ngổn ngang những con chiến mã lợi hại của giặc. Những tên kỵ thủ văng ra khỏi yên ngựa, chưa kịp gượng dậy, đã bị ngay những mũi tên độc ghim xuyên cổ, lút ngực!

Lần đầu tiên, sức mạnh ghê gớm nhất của giặc Nguyên đụng phải Trần Quang Khải và bị đánh gục ngay giữa chiến trường. Nhưng lũ kỵ binh giặc tan vỡ trước Chương Dương đang tìm cách lén về Thăng Long, thì tin dữ lại đã bay đến: quân bộ của Trung Thành vương và quân thủy của Hoài Văn hầu đã xuất kỳ bất ý chia làm

hai mũi tràn vào Thăng Long, nhân lúc tổng hành dinh quân Nguyên bị rối mất đạo kỵ binh chủ lực! Phút chốc, mười vạn quân giặc kinh hoàng tan tành, mạnh ai nấy chạy. Thoát Hoan chỉ còn một dúm quân mê man cầm đầu theo chủ tướng tháo sang mạn bắc sông Hồng.

Trận đại thắng Chương Dương⁽¹⁾ đã mở đường cho quân ta tiến nhanh đến thắng lợi cuối cùng, quét sạch giặc Nguyên ra khỏi bờ cõi.

Kinh thành được thu phục, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải hồ hởi mời đón vua Trần cùng triều đình trở lại Thăng Long. Tiệc mừng chiến thắng vui đến nở trời. Quân dân tương sĩ reo hò tưởng đến võ giòng. Giữa cảnh tượng nức lòng người ấy, Trần Quang Khải cảm động đón lấy chén rượu mừng công sống sánh men say của vua Trần ban tặng, và xin phép đọc bài thơ cảm khái vừa hoàn thành.

Phút chốc, chiến trường lặng im. Reo hò ngừng bật. Núi sông lắng nghe và âm vọng mãi mãi lời thơ sang sảng của vị Thượng tướng Thái sư anh hùng tài trí:

«Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan
Thái bình tu nỗ lực
Vạn cổ thử giang san!»⁽²⁾

★
★★

(1) Phần viết về chiến công Chương Dương của Trần Quang Khải ở đây là dựa theo tài liệu nghiên cứu của Bạch Đằng: *Trận đại thắng Chương Dương — Thăng Long* (tạp chí *Quân đội nhân dân*, 6-1971).

(2) «Bến Chương Dương cướp giáo
Cửa Hàm Tử bắt thù
Thái bình nên gắng sức
Non nước này muôn thu»

Vì non nước này muôn thuở mà khi gian khổ chinh chiến cũng như lúc yên hưởng thái bình, mọi người đều phải luôn gắng hết sức mình!

Những ngày sôi nổi cướp giặc, bắt thù ở Chương Dương, Hàm Tử còn để lại mãi những hình ảnh lẫm liệt của nó trong tâm khảm Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải.

Vị Thượng tướng Thái sư của nhà Trần hôm nay tạm rời việc triều chính bận bịu, về Thiên Trường dưỡng bệnh. Đã lâu rồi, khu vườn Phúc Hưng xinh xắn của thái ấp Chiêu Minh đại vương⁽¹⁾ mới lại được thấy bóng chủ nhân. Những bụi trúc, nhành mai, sau tiết đại hàn càng long lanh hương sắc bên dòng nước quanh co lượn khắp khu vườn.

Rời bàn trà tiền mấy cụ bộ lão trong làng vừa kéo đến thăm người ở kinh đô mới về nghỉ ngơi nơi thái ấp, Trần Quang Khải vui chân đi dạo một lượt khắp khu vườn cũ. Trận mưa đêm qua đã làm đổ nghiêng mất mấy giàn thuốc nam trồng thử ở góc vườn. Trần Quang Khải vừa rảo bước, vừa vội vã lớn tiếng gọi tiểu đồng sửa mau lại giàn cây. Nhìn mấy đứa trẻ ăn mặc sắc sỡ, lộn tóc trái đào nhẩy nhót, hấp tấp chạy ủa đến góc vườn, Chiêu Minh đại vương bỗng thấy dấy lên một niềm vui không duyên cớ. Để mặc lũ tiểu đồng với những cây thuốc, Thượng tướng Thái sư quay trở về thư phòng đặt ở chính giữa vườn Phúc Hưng.

(1) Thái ấp này còn dấu vết ở thôn Độc Lập, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Hà ngày nay.

Trên án thư, tập thơ Lạc Đạo⁽¹⁾ từ hôm trước vẫn mở nguyên. Bài thơ tám câu bảy chữ đang làm dở còn chờ đó:

*« Phúc Hưng ngòi nước chảy quanh quanh
Vườn rộng phẳng phiu mấy mẫu lành
Tan tuyết, chòm mai hoa lấp lánh
Cuốn mây, bụi trúc ngọc biếc xanh... »*

Trần Quang Khải đọc lại những câu thơ chưa hoàn thành. Cảnh tượng vừa thấy trong vườn Phúc Hưng gợi tiếp ngay một tứ thơ mới, giục giã nhà thơ mau nối tiếp những vần đang dở:

*« Năng đến, mời khách pha trà nhấp
Mưa tạnh, sai đồng dỡ thuốc nhanh!... »*

Vị Thượng tướng Thái sư mỉm cười, ngả người trên sập, tính vui cổ hủ lại có dịp trời dậy. Khẽ nhắm mắt lại, để mặc cho bộ óc mẩn tiếp suy nghĩ lan man, Trần Quang Khải cảm thấy trong lòng nhẹ nhàng, yên tĩnh. Sau những năm sóng gió, vận nước đã trở lại vững vàng hơn bao giờ hết. Một ý thơ nữa lại đến. Và Trần Quang Khải vất tay lên trán, lăm lăm đọc lên những câu kết của bài thơ thể là đã làm trọn⁽²⁾:

*« Trông vọng về Nam yên khói lửa
Nằm khềnh trên giường ngủ giấc thanh! »*

Trần Quang Khải lại mơ màng mỉm cười. Phải, nhà chính trị, vị tướng và nhà thơ Trần Quang Khải chỉ có thể để cho mình được ngủ yên một giấc, khi mà đất nước đã sạch bóng thù.

VĂN LANG

(1) *Đạo vui*, tập thơ được truyền tụng của Trần Quang Khải.

(2) Nguyên văn chữ Hán chép trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*. Dịch dựa theo tập *Hoàng Việt thi văn tuyển*.

NGUYỄN BIỂU

Cuối mùa hạ. Gió đông nam từ biển Đông quạt mát rượi vào đất liền cũng không xua hết cái nóng chiều hừng hực. Hành cung của vua Trần Trung Quang⁽¹⁾ im lìm náu trong một vùng gần như hoang vắng. Từ Nghệ An rút vào đây, vua Trần hi vọng có thể nhóm lại lực lượng, rồi từ căn cứ cực nam⁽²⁾ của đất nước, tung quân đi đánh dẹp bọn xâm lược nhà Minh, rửa hận cho thần dân, dựng lại cơ nghiệp nhà Trần.

Chiếm giữ được Nghệ An, quân số trong tay chỉ còn độ ba, bốn phần mười⁽³⁾, lương thực khó khăn, cho nên trước sức tấn công ồ ạt của quân xâm lược do Trương Phụ và Mộc Thạnh chỉ huy, nhà vua đã cùng bầy tôi

(1) Tức Trần Quý Khoáng, con Mẫn Vương Ngạc, cháu Trần Nghệ Tông, được Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung lập làm vua ở Nghệ An, cầm đầu cuộc kháng chiến chống quân Minh từ 1409 đến cuối 1413 đầu 1414, bị thua trận, chạy sang Lão Qua rồi bị giặc bắt.

(2) Tức Hóa Châu, thuộc vùng Thừa Thiên ngày nay. Phía nam Hóa Châu lúc bấy giờ là đất Chiêm Thành.

(3) Theo *Đại Việt Sử ký toàn thư* bản kỷ Q. IX bản dịch của NXB khoa học xã hội: «Tháng 3, vua lại trở về Nghệ An, quân dân 10 phần thì còn độ 3, 4 phần. Xem thêm *Cương mục Chb.* Q. XII, tr. 38, bản dịch XB Văn Sử Địa.

chạy vào vùng đất Hóa Châu xa xôi này. Lao đao lận đận nhiều phen vì sự nghiệp chống giặc, trong lúc tình thế lại ngày càng bất lợi, hôm nay nhà vua mở triều hội bất thường để bàn việc hệ trọng. Bên trong hành cung, Trần Trung Quang ngồi trên sập. Trước mặt nhà vua là quần thần. Trong đám bầy tôi trung thành của nhà vua, người ta thấy có mặt Thái bảo Nguyễn Cảnh Dị, Thái phó Nguyễn Sứ, Đồng bình chương sự Đặng Dung, Điện tiền thị ngự sử Nguyễn Biểu... Nhà vua nhìn quần thần, ngập ngừng. Sau một hồi đắn đo, vua Trần Trung Quang đề đặt:

— Vì nạn nước, các người cùng ta sống chết có nhau. Khi lệnh dõng trên sông biển, lúc lặn lội ở núi rừng, ai cũng một lòng lo đáp đền nợ nước. Vua Minh quý quyết, bề ngoài mượn tiếng diệt nhà Hồ lập lại nhà Trần, còn hạ chiếu khuyên răn, vỗ về, mua chuộc lòng người, nhưng bên trong thì tìm diệt con cháu nhà Trần lẫn sát những ai chống lại chúng, mưu toan cướp nước ta. Cũng có kẻ cam tâm làm tôi tớ cho giặc, bán rẻ giống nòi. Nhưng hầu hết quân dân các lộ phủ, ai ai cũng căm giận quân giặc, mong có dịp trả thù. Trong tình thế ấy mà chúng ta bấy giờ thì quân ít, lương thực không đủ. Nhân Minh Thành tổ vẫn rêu rao tìm kiếm con cháu nhà Trần, ta muốn tương kế tựu kế, dâng biểu cầu phong để hòa hoãn tình thế, có thời gian củng cố lực lượng đối phó với giặc. Ai có thể vì trăm họ mà dẫn mình vào trại giặc?

Tiếng nói của nhà vua trầm trầm, nhỏ dần rồi ngừng lại. Các bầy tôi cúi đầu, yên lặng. Không phải vì sợ gặp giặc, mà ai cũng nghĩ đến quyết định của nhà vua liệu có xoay chuyển được tình thế không?

Trong lúc các tướng lĩnh đang suy tính đến một cuộc chiến đấu sống mái sẽ diễn ra nay mai trên mảnh đất

Hóa Châu này, thì một văn quan gầy gò mảnh khảnh, tóc đã lốm đốm bạc, ngừng đầu, chấp tay chậm rãi:

— Muôn tâu, hạ thần xin được đem ba tác lưởi để báo đền nợ nước.

Mọi con mắt đều dồn về con người có giọng nói sang sảng, chậm rãi và chắc nịch. Đó là quan Điện tiền thị ngự sử Nguyễn Biều, nổi tiếng là người cương trực, đã đỗ thái học sinh, quê ở Bình Hồ, huyện Chi La, phủ Nghệ An⁽¹⁾. Con người ấy đã từng có mặt ở triều đình nhà Hậu Trần ngay từ ngày đầu của công cuộc chống giặc...

Bên trong hành cung vừa mới dựng vội, mọi người chìm trong suy tư, nặng nề như nặng chiều đang đổ xuống miền biên viễn xa xôi căn cõi.

★
★

Sau mấy ngày dừng lại ở quê nhà để bãi yết tổ tiên, Nguyễn Biều dẫn đoàn tùy tùng rời khỏi làng Bình Hồ từ sáng sớm.

Ngồi trên lưng ngựa, Nguyễn Biều đưa mắt nhìn về hướng đông nam Hóa Châu thăm thẳm. Nguyễn Biều thầm nghĩ không biết lúc này nhà vua và triều đình đang làm gì? Chắc hẳn mọi người đang mong đợi tin của sứ giả. Lúc chia tay nhà vua, Nguyễn Biều đã gửi gắm nỗi lòng của mình trong bài thơ họa:

*«Tiếng ngọc từ vàng trước bệ hoa
Ngóng tai đồng vọng thuở âu ca.
Đường mây vô kỷ lần lần trái
Ải tuyết cò mao thức thức pha.*

(1) Bây giờ là làng Nội Diên, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh.

*Hà một cung tên lồng chi trể
Bội mười vàng sắt đúc gan già.
Hồ mình vả thiếu tài chuyên đối
Dịch lộ ba ngàn dặm quán xa»⁽¹⁾*

Lúc này, mỗi bước một xa quê hương, Nguyễn Biều cảm thấy lòng nặng trĩu. Trên đất Chi La này, năm năm về trước, Nguyễn Biều đã cùng các chiến hữu tôn nhà vua lên ngôi và tự nguyện đứng dưới cờ dấy nghiệp cứu nước. Cũng trên dải đất này, hôm nay cảnh vật đã trở nên điêu tàn, xơ xác dưới lưởi guơm của giặc. Ôi! quê hương đất nước! Vì quê hương đất nước, Nguyễn Biều xin hiến dâng cả cuộc đời. Và giờ đây, Nguyễn Biều đang ung dung đi vào thành giặc mà không phải không biết rằng mình đang nhận một trọng trách.

Nguyễn Biều nhớ rất rõ mấy năm trước, nhà vua đã từng sai Hành khiển Nguyễn Nhật Tư và Thâm hình Lê Ngân sang nhà Minh, hai người này đã bị giặc hạ ngục rồi giết chết. Năm Tân Mão (1411) lại đến lượt Hành khiển Hồ Nghiện Thần và Thâm hình Bùi Nội Ngôn sang Yên Kinh. Hai người này về nước, nhưng vì hèn kém không giữ được quốc thể nên Hồ Nghiện Thần đã bị chết nhục⁽²⁾. Phen này đến lượt mình. Trong lúc

(1) Bài xương của Trần Trung Quang:
*«Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng hoa
Trịnh trọng rày nhân dựng khúc ca.
Chiều phượng mười hàng tờ căn kẻ
Vó câu ngàn dặm tuyết xông pha
Tang bồng đã bầm lòng khi trể
Khương quế thêm cay tỉnh tuổi già.
Việc nước một mai công ngõ vẹn
Các lân* danh tiếng đợi lâu xa»*

* Ý nói những người giúp việc.

(2) Theo Đại Việt sử ký toàn thư Q. IX kỷ Hậu Trần, sách đã dẫn và Cương mục chb. Q. XII sách đã dẫn.

giặc như hồ đoi, Nguyễn Biều sẽ dùng lời nói can thế giặc, để nhà vua và triều đình có thời gian củng cố lực lượng, đủ sức quét chúng ra khỏi bờ cõi.

Sự thế rồi sẽ ra sao, chưa biết được. Nhưng Nguyễn Biều tin chắc rằng dãy Hùng Lĩnh⁽¹⁾ kia, dòng sông Lam cùng với dải đất này sẽ mãi mãi là của con cháu mai sau.

Mãi suy nghĩ, Nguyễn Biều không để ý đến điểm canh của giặc trên bờ sông Lam đã hiện ra trước mắt.

Tên lính canh thấy đoàn người nghi vệ đường hoàng ung dung đi trên đường cái cũng lấy làm lạ. Không dám thét lác, hấn cặp giáo đứng hỏi:

— Các ngài ở đâu đến?

Nguyễn Biều dừng ngựa. Viên quan tùy tùng đứng lên quát bảo:

— Sứ giả của nhà vua đến Thành Sơn yết kiến Trương tổng binh.

Đoàn sứ giả thúc ngựa lao xuống bãi cát trải dài im lìm dưới nắng sớm. Tên lính ngờ ngác nhìn theo. Nghe nói đến nhà vua lại thấy nói gặp Trương Phụ, hấn rút đầu, không dám đòi tiền mại lộ như hấn vẫn thường làm đối với khách qua đường.

Đứng trên đò, Nguyễn Biều nhìn dãy thành lũy đá hiện ra ngoằn ngoèo trên núi. Đường ngang ngổ dọc vùng này đối với Nguyễn Biều không xa lạ. Trong những năm tháng lăn lộn vì việc nước, Nguyễn Biều đã từng đặt chân khắp vùng đồi núi này. Hai tháng trước đây, vùng núi non thấp nhỏ này còn là nơi đồn trú của

(1) Xin chú ý Hùng Lĩnh đây là dãy đồi núi thấp nhỏ chạy nối tiếp từ vùng ga Yên Thái, Thanh Hóa đến Nghệ An, phía tả ngạn sông Lam. Cuối dãy này có núi Thành Sơn, nơi Trương Phụ xây thành lúc bấy giờ; khác với Hồng Lĩnh tương truyền có 99 ngọn, ở về phía đông nam Hà Tĩnh.

quân triều đình, bây giờ đã trở thành sào huyệt của giặc. Từ khi chiếm được một phần đất Nghệ An⁽¹⁾ Trương Phụ đã biến nơi đây thành dinh lũy của chúng. Hàng ngày chúng cho quân lính đi lùng sục, bắt nhân dân quanh vùng nộp người của và gây ra bao nhiêu tai họa, tang tóc. Nhìn bầy người đói rách đang cật sức khuân đá đào hào ở lưng núi dưới roi vọt của giặc, Nguyễn Biều rất đau lòng. Nghẹn ngào và căm giận, Nguyễn Biều ước chi trong tay có binh hùng tướng mạnh quét sạch lũ giặc tàn bạo để rửa nhục cho giống nòi. Nhưng lúc này Nguyễn Biều chỉ đến đây với một đoàn tùy tùng ít ỏi, không có vũ khí mà chỉ có một tờ biểu cầu phong và mấy hòm công phẩm!

Sang sông, Nguyễn Biều lặng lẽ dẫn đoàn tùy tùng tiến về phía cổng thành. Từng toán giặc nghênh ngang đi trên đường ngo ngoác nhìn đoàn người lạ mặt. Chúng không biết rằng đây là những người thề không đội trời chung với chúng, nhưng vì việc nước phải dẫn thân vào sào huyệt của giặc. Vượt qua đoạn đường dốc thoải, Nguyễn Biều dừng ngựa. Đoàn tùy tùng chờ lệnh. Suốt dọc đường từ Chi La đến đây, bây giờ đứng trước thành giặc, họ mới thấy quan Ngự sử họ Nguyễn lên tiếng. Dưa mắt nhìn về phía cổng thành, vẫn giọng nói chắc nịch và chậm rãi, Nguyễn Biều nói với mọi người:

— Đã đến thành giặc, các người phải cẩn thận, chỉ làm việc theo lệnh của ta. Phải tỏ cho giặc biết rằng ta không sợ chúng, kẻ nào hèn nhát ta sẽ nghiêm trị.

Gần gũi quan Ngự sử, lại cùng đi với nhau hàng nửa tháng ròng, mọi người càng hiểu thêm vị sứ giả của

(1) Phủ Nghệ An lúc ấy gồm cả miền Hà Tĩnh bây giờ, khi đó giặc Minh mới chiếm được phần đất phía bắc sông Lam.

nhà vua. Quan Ngự sử ít nói, nhưng mỗi khi đã lên tiếng về việc gì thì thái độ rất kiên quyết, đến nhà vua cũng còn phải kính nể ông. Cũng chính vì thế, nhà vua đã cử ông đi thương thuyết với tướng giặc. Nhìn đôi mắt sáng như sao, nổi bật trên khuôn mặt gầy gầy khắc khổ của quan Ngự sử, mọi người cúi đầu vâng lệnh.

★
★

Ngồi đợi lâu trong quán dịch, Nguyễn Biểu sốt ruột đứng dậy bước ra hàng hiên, nhìn theo con đường đã rộng dần thẳng vào trại trung quân. Trên khu đất rộng rãi nhưng vắng vẻ, nhiều dãy nhà thấp lè tè qui tụ thành từng khóm. Nổi bật lên là hai ngôi nhà đồ sộ mái cong, ngói còn đỏ tươi. Nguyễn Biểu thầm đoán đây là hành dinh của Trương Phụ. Thấp thoáng ở đằng xa, từng đoạn thành đá màu xám xám nối nhau vây bọc. Cả tòa thành vừa mới dựng, mặt đất còn nham nhở, ngổn ngang gạch đá, đang quần quai dưới nắng hè gay gắt. Từng bày lính giặc mặt đỏ gay, gào thét nối nhau kéo ra cổng thành. Nguyễn Biểu chau mày trở về chỗ cũ. Một viên ngự quan quần áo chỉnh tề bước vào vái chào Nguyễn Biểu:

— Kính thưa ngài, quan Tổng binh xin mời ngài vào yết kiến.

Không trả lời, Nguyễn Biểu đứng dậy. Như đội quân ra trận, đoàn tùy tùng rầm rập bước theo. Tên ngự quan ngăn lại:

— Không được, tôi được lệnh mời một mình ngài. Nguyễn Biểu quắc mắt:

— Sao? Người có mang được cho ta những hòm phẩm vật này không?

Tên ngự quan cúi đầu. Nguyễn Biểu chọn hai người đi theo mình. Những người ở lại nhìn theo quan Ngự sử, lo ngại.

Không đợi tên ngự quan dẫn đường, Nguyễn Biểu sửa lại khăn áo, khoan thai đi thẳng vào hành dinh của Trương Phụ. Đi giữa hai hàng lính cấp gươm đứng thị uy, Nguyễn Biểu bước lên thềm. Trong dinh, Trương Phụ ngồi ngả mình trên kỷ, đặt chân trên vai hai nữ tỳ qui lom khom. Bộ võ phục dát đồng làm cho thân hình của hắn nhìn bề ngoài cứng đờ như pho tượng. Nguyễn Biểu đến trước mặt Trương Phụ, đứng thẳng người, cất giọng sang sảng:

— Điện tiền thị ngự sử Nguyễn Biểu tôi kính chào ngài Tổng binh.

Trương Phụ không động dậy. Hắn đưa mắt liếc nhìn viên ngự quan đang chấp tay đứng hầu phía bên tả. Tên ngự quan vội lên tiếng:

— Thưa ngài, yết kiến quan tổng binh mà không quỳ lạy, tôi e ngài làm cho quan nổi giận.

Lúc này Nguyễn Biểu mới nhìn kỹ mặt tên ngự quan. Chẳng phải là ai xa lạ, chính là Phan Liêu, con Phan Quý Hưu, Thái bảo của nhà Trần đã đầu hàng giặc. Nay Quý Hưu chết, Phan Liêu được Trương Phụ cho thay cha giữ chức tri phủ Nghệ An. Nhận ra mặt tên bán nước, Nguyễn Biểu quắc mắt:

— Thì ra ông cũng có mặt ở đây à?

Giả như lúc khác Nguyễn Biểu đã vạch mặt bán nước của hắn. Nhưng lúc này, đến đây để đổi mặt với Trương Phụ, Nguyễn Biểu nén giận nói cho hắn biết:

— Trương Tổng binh là bày tôi của vua phương Bắc, ta là bày tôi của vua phương Nam. Cùng là bày tôi cả, có sao ta lại phải quỳ lạy?

Nói xong Nguyễn Biểu đưa mắt cho hai người tùy tùng đem hòm lễ vật và tờ biểu cuộn trong hộp sơn son thiếp vàng ra mắt Trương Phụ rồi nói thẳng với tướng giặc:

— Thưa ngài, tôi được lệnh của nhà vua đến dâng ngài chút phẩm vật và nhờ ngài chuyển đệ đến Minh Thành tổ tờ biểu cầu phong của vua nước tôi.

Trương Phụ trừng mắt nhìn. Nguyễn Biểu bước lại chiếc kỷ phía bên phải án thư, ngồi thẳng người, ti tay trên thành ghế.

Như một con hổ đói, Trương Phụ nổi giận, đập chân chồm dậy. Hai người nữ tỳ ngã choài dưới chân hắn lóp ngóp bò dậy, lặng lẽ lùi vào một góc nhà. Trương Phụ quát hỏi:

— Vua nhà ngươi là ai?

— Thưa ngài, ngài lại không biết vua Trần Quý Khoáng, cháu Trần Nghệ Tông, lên ngôi từ năm Kỷ Sửu⁽¹⁾ hiệu là Trùng Quang. Vua nước tôi đã từng gặp ngài và quân tướng của ngài ở Bình Than vào tháng 7 năm Kỷ Sửu, rồi lại gặp ở Hồng Châu, Bình Than tháng 5 năm Canh Dần⁽²⁾, ở Hải Đông, Vân Đồn tháng 4 năm Quý Tị⁽³⁾ và mấy tháng trước đây ở trên đất Nghệ An này!

Tên tướng giặc hất đầu, phá lên cười man rợ. Lòng mày dựng ngược, Trương Phụ tiến lại hỏi Nguyễn Biểu:

— Vua nhà ngươi ở đâu, sao không đem đầu đến nộp mạng?

Thấy thái độ hách dịch hùng hổ của tướng giặc, hai lực sĩ tùy tùng xích lại đứng phía sau quan Ngự sử. Nguyễn Biểu quay lại khoát tay:

(1) (2) (3) các năm 1409, 1410, 1413. Đều là những trận đánh của vua Trùng Quang chống nhau với Trương Phụ.

— Ta cho các người lui ra, đợi ở quán dịch. Rồi bình thần trả lời Trương Phụ:

— Vua nước tôi đang ở Hóa Châu, vì bận việc nước nên mới sai tôi đến gặp ngài.

Trương Phụ gật đầu. Hắn cầm ngang thanh kiếm, chỉ vào các binh khí treo hai bên tường, nói với Nguyễn Biểu:

— Ta sẽ dùng các vật này để nói chuyện với vua tôi nhà ngươi.

Nguyễn biểu im lặng. Binh khí sáng lóe, thái độ hung hãn của tên tướng giặc có gì là lạ đối với Nguyễn Biểu, đáng lạ là những hình trang trí kỳ quái trên tường. Nhìn kỹ, thì ra những hình ấy sắp bằng tai người! ⁽¹⁾. Khi nhận ra điều đó, Nguyễn Biểu trừng mắt nhìn Trương Phụ. Trước mặt Nguyễn Biểu, tên tướng giặc không còn là người nữa. Đúng là một con ác thú. Trương Phụ tưởng dùng những đồ binh khí, những vòng tai người có thể làm cho sự giả của vua Trần run sợ. Nhưng Nguyễn Biểu vẫn không thay đổi sắc mặt. Đáp lại thái độ hống hách của tướng giặc, Nguyễn Biểu ung dung chậm rãi:

— Thưa ngài, năm Đinh Hợi⁽²⁾, ngài vâng lệnh vua sang nước tôi đánh họ Hồ, tìm lập con cháu nhà Trần. Ấy thế mà vua Trần Giản Định phải vào sinh ra tử, cuối cùng bị các ngài bắt giải về Kim Lăng. Nay đến lượt vua Trần Trùng Quang. Vâng lời dạy của thiên triều,

(1) Theo *Cương mục chính biên*. Q.XII tờ 31: « Trương Phụ thắng trận, đi đến đâu chém giết thả cửa, hoặc xếp thầy người làm quả núi, hoặc bòn ruột người quấn vào cây, hoặc rán thịt người lấy mỡ, hoặc làm nhục hình bào lạc để mua vui, thậm chí có người theo lệnh giặc, mổ bụng người chữa, cắt lấy hai cái tai của mẹ và con để dâng cho giặc ».

(2) 1407.

tôi đến đây dâng biểu cầu phong, lại thấy ngài đem đồ binh khí ra để dọa nạt. Tôi nghĩ binh khí là để nói chuyện ở chiến trường, đâu có phải là thứ dùng trong khi thù tiếp. Tôi không biết ở nước ngài có còn thứ lễ nhạc nào hay hơn thế nữa không? Chứ ở nước Nam tôi không thấy có bao giờ như vậy. Còn việc giết người cắt tai làm trò chơi kia, ở nước tôi lại càng không bao giờ có. Bây giờ tôi mới thấy ngài đem cái văn hiến ấy sang nước tôi là một.

Nghe lời nói của Nguyễn Biểu, Trương Phụ gật gù. Trước thái độ đường hoàng chững chạc và lý lẽ danh thép của một người có chính nghĩa, tên tướng giặc tự thấy yếu thế. Nhưng rồi bản chất tàn bạo của Trương Phụ lại lộ nguyên hình trong chuỗi cười man rợ hắt ra từ cái miệng tối om nấp sau chòm râu lởm chồm của hắn. Ra lệnh cho Phan Liêu tiếp sứ giả, Trương Phụ lùi vào tư thất với những ý đồ đen tối.

Khi Trương Phụ quay đi cũng là lúc Nguyễn Biểu rũ áo đứng dậy bước ra hàng hiên. Trước mắt Nguyễn Biểu dòng sông Lam xanh xanh như con rồng khổng lồ trườn qua khu đồng ruộng dưới chân thành. Cảnh đẹp của quê hương đối với Nguyễn Biểu lúc này lại càng đẹp dễ hơn gấp bội. Một cảm giác gần gũi, thân thương và êm đềm. Nguyễn Biểu ngắm nhìn quê hương không biết chán! Trong khi đó, ở trong dinh, Phan Liêu một mình trơ trọi. Hắn thừa hiểu rằng mình đã bị Nguyễn Biểu khinh bỉ và căm ghét đến chừng nào. Những ý nghĩ ám muội về vị sứ giả của triều Trần đang luẩn quẩn trong đầu óc của Phan Liêu. Cái tự ái của hạng người vô sỉ sẽ đầy hắn rúc sâu vào con đường tội lỗi...

Cho đến đúng Ngọ, Tổng binh Trương Phụ thết tiệc sứ giả của nhà Trần.

Trong căn phòng trang trí lộng lẫy, một mâm cỗ đặt trên chiếc sập gu màu nâu sẫm. Chiếc lồng bàn đan bằng sợi ngà trắng toát chụp trên mâm đồng chạm trổ tinh vi càng làm cho mâm tiệc thêm vẻ thanh lịch. Cạnh mâm, một nậm rượu và cái chén đặt ngay ngắn trên khay khảm xà cừ. Đây là bữa tiệc của Trương Phụ dành cho vị khách quý.

Khi người lính hầu nhắc chiếc lồng bàn ra thì cũng là lúc Nguyễn Biểu sửng sốt: mâm cỗ quái đản và ghê tởm: một cái đầu người!

Cái đầu của một người bất hạnh nào đó đã được luộc chín, hai hàm răng nhe ra như trút oán hờn vào kẻ thù. Nguyễn Biểu không ngờ Trương Phụ lại đã tâm đến mức gây ra trò hung bạo như thế này. Đây là cái đầu của ai vậy? và tại sao Trương Phụ lại giở trò này? Để ứng phó với hành động man rợ quỷ quyết của tướng giặc, Nguyễn Biểu không có thì giờ suy nghĩ nhiều. Những chuyện đối đáp thử thách với sứ giả xưa nay có nhiều, Nguyễn Biểu đã từng nghe nói hoặc đọc trong sách vở. Nhưng đến mức này thì Nguyễn Biểu chưa hề thấy. Chắc chắn rằng đây là đầu một người dân lành đã bị Trương Phụ bắt và hành tội. Không ăn thì tên tướng giặc cho là sứ giả hèn nhát, còn ăn thì ghê tởm, mà lại ăn thịt của đồng bào mình!

Không chút do dự, Nguyễn Biểu ngồi xuống sập, ung dung rót rượu. Sau một tợp rượu khai vị, Nguyễn Biểu cầm đĩa ngà moi đôi mắt chấm vào dấm muối nuốt một cách ngon lành. Sau khi cạn chén rượu, Nguyễn Biểu cười kiêu hãnh nói một mình như nhảm bảo cho Trương Phụ biết:

— Không mấy khi người Nam được ăn đầu người Bắc.

Khi rượu đã cạn, Nguyễn Biểu rung đùi ngâm bài thơ tức sự:

*Ngọc thiết, trân tu⁽¹⁾ đã đủ mùi
Gia hào thêm có cổ đầu người.
Nem công⁽²⁾, chả phượng còn thua béo.
Thịt gù⁽³⁾, gan lân cũng kém tươi.
Cá lồi lội mình so cũng một
Vật bày thỏ thủ bội hơn mười
Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn.
Tráng sĩ như Phàn⁽⁴⁾ tiếng để đời⁽⁵⁾*

Đọc xong bài thơ, Nguyễn Biểu ung dung buông dũa đứng dậy.

Khi nghe quân hầu thuật lại về Nguyễn Biểu với mâm cỗ đầu người, Trương Phụ tròn xoe mắt kinh ngạc. Trong cái nghề làm tướng cầm quân đánh đông dẹp bắc của Trương Phụ, chưa bao giờ hắn gặp một người như Nguyễn Biểu. Tự cho mình là anh hùng hảo hán, tỏ ra mình cũng biết trọng những kẻ có tài năng, khi phách, Trương Phụ lấy lễ tiếp đãi Nguyễn Biểu rồi tiễn chân sứ giả ra về.

Ngồi ngả người trên kỷ, tên tướng giặc lấy làm khoái chí vì hành động « nghĩa khí » của hắn. Rồi đây hắn sẽ làm cỏ Hóa Châu⁽⁶⁾, cả triều đình nhà Trần sẽ không

(1) Lưỡi ngọc, râu quý chỉ những thức ăn ngon.

(2) Nem công

(3) Thịt gấu.

(4) Phàn Khoái, bề tôi của Hán Cao Tổ.

(5) Cũng có người cho rằng bài thơ này không phải của Nguyễn Biểu, mà do người đời sau làm ra.

(6) Trương Phụ đã nói với Mộc Thạnh: « Tôi có sống được là ở Hóa Châu, tôi có chết cũng là ở Hóa Châu, Hóa Châu mà chưa bình định xong, thì tôi còn mặt mũi nào mà trông thấy chúa thượng nữa » *Cương mục Chh Q.XII, tờ 38.*

thoát khỏi tay hắn. Ấy thế mà hôm nay Trương Phụ lại tha sứ giả của Trần Trung Quang.

Thấy Trương Phụ tha Nguyễn Biểu, Phan Liêu dè dặt tâu với chủ:

— Kính thưa ngài, Nguyễn Biểu là bậc hào kiệt của nước Nam...

Trương Phụ hiểu ý, xua tay:

— Hóa Châu rồi sẽ nằm trong tay ta. Bắt Nguyễn Biểu lúc nào mà chẳng được.

Thấy Trương Phụ vẫn quyết tha Nguyễn Biểu, Phan Liêu tỏ nỗi lo lắng của mình:

— Nhưng thưa Tổng binh, ngài muốn lấy nước Nam mà tha người ấy về thì làm sao mà xong việc được.

Lời ton hót của Phan Liêu đã khiến cho Trương Phụ phải suy nghĩ. Từ mùa thu năm Bình Tuất (1406) Trương Phụ đã có mặt ở nước Nam này; lúc đó hắn còn giữ chức phó tướng. Một năm sau, năm Đinh Hợi (1407) sau khi diệt nhà Hồ, đổi tên nước ta thành Giao Chỉ, chia phủ huyện, đặt quan cai trị, Trương Phụ về nước dâng công. Cuối năm Mậu Tý (1408), Trần Giản Định nổi dậy đánh phá quân của Mộc Thạnh ở Bô Cô. Lần thứ hai vào năm Kỷ Sửu (1409) Trương Phụ lại được cử sang nước Nam giữ chức tổng binh. Đến nay đã hơn 4 năm hắn vẫn chưa đánh chiếm được nước Nam. Các châu phủ đều có người nổi dậy, triều đình vua Trần Trung Quang còn giữ Hóa Châu. Lần trước chỉ một năm đã nên công, lần này hơn bốn năm rồi chưa xong việc...

Cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa của Trương Phụ sớm bung ra. Con quỷ dữ hiện nguyên hình. Trương Phụ hạ lệnh cho quân lính đuổi theo đoàn sứ giả.

★
★

Mỗi bước một xa thành giặc, Nguyễn Biều dẫn đoàn tùy tùng trở về theo đường cũ. Ngoài xa, dòng sông Lam trong xanh lầu tầu gợn nắng chiều như một dải lụa đẹp trải rộng giữa hai bờ cát trắng. Ngay kề chân núi, con hẻm sâu từ trong dãy Hùng Sơn chạy vòng vào như con trăn khổng lồ vục đầu vào dòng sông Lam trong vắt. Chiếc cầu gỗ bạc màu bắc ngang hẻm dừng cheo leo soi bóng trên mặt nước. Ngồi trên yên ngựa Nguyễn Biều vẫn lặng lẽ. Giá như lúc khác thì Nguyễn Biều đã dừng ngựa ngắm cảnh đẹp của quê hương và gửi gắm tâm sự của mình trong mấy vần thơ. Nhưng lúc này không thể được. Nguyễn Biều nghĩ về thành bại chuyển di của mình. Trương Phụ không trả lời có nhận chuyển biểu cầu phong hay không. Cứ như thái độ đối xử của tên tướng giặc thì công việc khó thành đạt. Tình thế vẫn không thay đổi...

Chiếc cầu gỗ rung rinh. Đoàn sứ giả chưa qua khỏi cầu thì đã nghe tiếng vó ngựa rầm rập từ phía sau. Một toán kỵ binh giặc ập đến. Theo lệnh của Trương Phụ chúng đòi Nguyễn Biều quay lại. Đến nông nỗi này, Nguyễn Biều biết khó thoát khỏi tay giặc. Nguyễn Biều xuống ngựa quay về hướng đông nam, nhìn về Hóa Châu sụp lạy rồi sai người lấy bút mực. Cái nóng hừng hực của nắng chiều đã làm cho hàng chữ đen nhánh vừa viết: «Thất nguyệt, sơ nhất nhật, Nguyễn Biều tử»⁽¹⁾ khô đi rất nhanh trên cột cầu bằng gỗ màu bạc thếp. Ngắm lại dòng chữ vừa viết lần cuối cùng, Nguyễn Biều ung dung lên ngựa. Trước khi thúc ngựa, vị sứ giả của triều Trần dặn đoàn tùy tùng:

— Các người trở về Hóa Châu tâu với nhà vua hãy lo luyện quân đề cự giặc.

(1) Ngày mồng một tháng 7, Nguyễn Biều chết.

Không nói với lũ giặc một nửa lời, Nguyễn Biều giục ngựa vượt lên hàng đầu, trở lại thành giặc.

Vừa nghe tin quân lính đã điệu Nguyễn Biều về, Trương Phụ đem theo một bầy dũng sĩ mang gươm hộ vệ, bước ra thêm dinh đứng đợi sẵn. Tên tướng giặc định ngay từ đầu đã dùng quyền uy bắt Nguyễn Biều phải khuất phục.

Và từ xa, con người gầy gò mảnh dẻ ấy đang cất cao đầu đi tới giữa hai hàng giặc dữ cấp giáo đi kèm. Đến gần dinh tổng binh, giặc bắt Nguyễn Biều phải quỳ lạy Trương Phụ. Nguyễn Biều hất tay, bước vội tới, chỉ vào mặt Trương Phụ quát mắng:

— «Trong bụng toan tính việc đánh chiếm nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu họ Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải lại còn giết hại nhân dân, bọn mày thật là lũ giặc bạo ngược»⁽¹⁾,

Giọng nói sang sảng của Nguyễn Biều lúc này không chậm rãi như thường lệ mà sôi sục dồn dập như bão táp. Đó là tiếng nói căm thù của trái tim yêu nước nồng nàn, bất khuất trước quân thù, thà chết chứ không chịu hàng giặc. Cùng với cái nhìn nảy lửa, mỗi tiếng nói của Nguyễn Biều như mũi dao phóng vào tim gan tên tướng giặc. Chờ đợi ở sứ giả triều Trần những lời van xin để giữ mạng, Trương Phụ không ngờ Nguyễn Biều lại kiên cường, vạch trần tâm địa tàn bạo của hắn đến như thế. Như con chim bị trúng tên, Trương Phụ giật nảy mình vì căm giận và nhục nhã. Hắn nghe như từ miệng con người đang một mình đối mặt với hắn vang lên tiếng gầm thét của cả một dân tộc. Bất lực trong việc khuất phục Nguyễn Biều bằng lời nói và thái độ cư xử,

(1) Theo Cương mục, Chb Q. XII, sách đã dẫn.

Trương Phụ dùng đến sức mạnh của tên tướng giặc bao tàn. Hắn ra lệnh chém đầu sứ giả. Đáp lại lệnh của tên tướng giặc là một chuỗi cười vang của Nguyễn Biều cùng với những lời thét mắng sỉ vả vào mặt Trương Phụ.

Trên con đường đi tới chân núi Thành Sơn để chịu chết, Nguyễn Biều vẫn ung dung bình thản⁽¹⁾. Ông bình thản vì sự nghiệp giữ nước, vì thà chết chứ không bao giờ chịu quỳ gối trước giặc ngoại xâm.

Trong khi Nguyễn Biều cất cao đầu đi đến nơi hành hình thì Trương Phụ quay vào dinh tổng binh, hắn cúi đầu sợ hãi. Nguyễn Biều đã bị điệu ra ngoài thành, nhưng tiếng quát tháo chửi mắng của con người ấy đối với tên tướng giặc như còn vọng lại. Trương Phụ thầm nghĩ: cả dân nước Nam này ai cũng như Nguyễn Biều thì làm sao có thể dẹp nổi?

Chỉ sau đó năm năm thôi, vào năm Mậu Tuất (1418) cả nước Nam này đã vùng dậy chiến đấu trong 10 năm

(1) Về cái chết của Nguyễn Biều, chính sử của ta như *Đại Việt sử ký, Cương mục...* chỉ ghi vắn vắn: «...Trương Phụ giận, sai giết đi». Nhưng dã sử và truyền thuyết lại cho chúng ta biết thêm nhiều chi tiết: Trương Phụ ra lệnh trói Nguyễn Biều ở chân cột cầu Lam, để khi thủy triều lên, ông sẽ bị chết ngập. Nhưng 3 ngày nước vẫn không lên đến chỗ ông bị trói. Trong lúc đó Nguyễn Biều vẫn không ngớt chửi Trương Phụ. Tên tướng giặc sai cởi trói, đem ông đến trước cửa chùa Yên Quốc dưới chân núi Thành Sơn để giết chết.

Tại quê hương ông còn có truyền thuyết kể thêm rằng: Bị chém ở chân núi Thành Sơn, nhưng đầu Nguyễn Biều chưa đứt. Sau đó ông lại lên ngựa chạy sang sông, về đến gần quê nhà đầu mới rơi xuống mà chết. Người ta lập miếu thờ ở ngay chỗ ông chết, tức là miếu Nghĩa Vương, nhân dân thường gọi là miếu Nghĩa sĩ ở thôn Nội Diên, quê của Nguyễn Biều, nay thuộc huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh.

trời, đánh tan đội quân xâm lược của giặc Minh, lật đổ toàn bộ ách thống trị của chúng mà chính bản thân Trương Phụ đã góp phần đặt lên đầu cả dân tộc nhỏ bé ở phương Nam này. Lúc bấy giờ Nguyễn Biều không còn nữa, nhưng khi phách anh hùng và tinh thần xả thân vì nước của ông được cả dân tộc kể tục để làm tròn sự nghiệp giữ nước mà Nguyễn Biều còn bỏ dở.

Cùng với núi Thành Sơn, với dòng sông Lam, Nguyễn Biều còn mãi mãi được các thế hệ mai sau ngợi ca như đôi câu đối ghi ở đền Nghĩa Liệt:

*«Tồn Trần kính tiết Thành sơn thạch
Mạ lạc dư thanh Lam thủy ba»
(Tiết cứng phò Trần đá Nghĩa Liệt
Tiếng vang mắng giặc sông Lam giang)⁽¹⁾*

NGUYỄN ANH

(1) Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn cụ Lê Thước đã cung cấp cho chúng tôi đôi câu đối của tú tài Trần Đình Chấn, người cùng quê với Nguyễn Biều làm năm 1873, ở miếu thờ Nguyễn Biều, cùng với lời dịch đối của cụ. Đôi câu đối dịch ý như sau:

Phò Trần, khí tiết cứng rắn như đá Thành Sơn (còn có tên là núi Nghĩa Liệt)

Mắng giặc, tiếng vang vọng mãi tựa sông Lam giang.

TRẦN NGUYỄN HÃN

Trần Nguyễn Hãn cùng toán nông phu trang Sơn Đông⁽¹⁾ đánh trâu, vác bừa chạy kịp vào rừng thì đằng sau, giặc Minh cũng tràn tới. Một nông phu đứng tuổi, giọng lo lắng:

— Không biết mấy người đang cày ở đồng trên có chạy thoát không? Nhiều người chưa kịp trả lời thì từ một xóm nhỏ ven đường gần đấy, khói ùn ùn bốc lên, tiếp theo là tiếng tre nứa nổ, tiếng lợn kêu, tiếng chân người chạy hối hả xen lẫn tiếng la hét của giặc, tiếng khóc thét của phụ nữ. Nhìn cảnh tượng ấy, cặp mắt sắc sảo của Trần Nguyễn Hãn long lên giận dữ.

— Chạy thôi anh Hãn — một nông phu giọng run run không phải vì sợ hãi.

Trần Nguyễn Hãn chuyển vai bừa, cầm vạt áo quạt gió, để lộ bộ ngực đồ sộ, nổi từng thớ rắn chắc:

— Các bác đánh trâu vào rừng sâu đi, tôi ở đây xem sao đã. Vừa dứt lời, Trần Nguyễn Hãn và toán nông phu đã nhìn thấy giặc lũ lượt kéo đến ngay một đồng

(1) Thuộc huyện Lập Thạch, trấn Sơn Tây, nay là xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú.

và đang đuổi bắt những bạn làm đồng của họ chưa kịp chạy thoát. Người nông phu đứng tuổi giọng lạc đi:

— Làm thế nào cứu được họ, anh Hãn?

Bộ mặt vuông chữ điền rất sáng của Trần Nguyễn Hãn tái đi:

— Làm thế nào được. Chúng nó đông như giòi bọ thế kia!

Bổng toán nông phu trang Sơn Đông cùng kêu lên thất thanh. Họ đã tận mắt nhìn thấy giặc đuổi kịp mấy nông phu và sả kiếm chém chết từng người. Cũng từ phía ấy, trên con đường làng gấp khúc dẫn vào rừng, bỗng xuất hiện từng đoàn dân chúng gồng gánh, bồng bế nhau chạy giặc. Lập tức bọn giặc tỏa ra làm nhiều cánh đuổi theo vây bọc lấy đoàn người, mặc sức cướp giết và bắt đi nhiều thiếu nữ. Toán nông phu kinh hãi nhìn nhau, thở dài ngao ngán. Tang tóc, loạn ly thực sự đã trùm lên vùng Sơn Đông này rồi. Máu những người dân lành Sơn Đông đã bắt đầu đổ.

Cho đến lúc về đến nhà giúp mẹ cất giấu thóc lúa, Trần Nguyễn Hãn vẫn chưa xua đuổi được cánh giặc giết hại dân lành và nổi nhục khi phải bó tay nhìn giặc hành hạ, giết hại dân mình.

— Sao con chẳng nói chẳng rằng gì thế? Bà mẹ hỏi khi việc thu dọn đã xong.

Trần Nguyễn Hãn ngơ ngàng nhìn người mẹ tóc đã bạc quá nửa nhưng còn phảng phất nét kiêu diễm thời trẻ, không trả lời thẳng vào câu hỏi:

— Giặc đã tràn đến giết hại người mình, con nghĩ đến bốn phận của trai thời loạn.

Bà mẹ không ngạc nhiên trước khẩu khí của con. Từ lúc bụng mang dạ chửa chạy lên trang Sơn Đông, ngay

sau khi chồng và đứa con trai cả bị Hồ Quý Ly sát hại⁽¹⁾ bà những cầu mong đứa con trong bụng sẽ là đứa con trai có tài cao đức rộng, mai sau có thể rửa được thù nhà. Mong ước ấy đã bước đầu đạt được. Bà sinh Trần Nguyên Hãn vào lúc gia đình tan nát, cảnh sống thiếu thốn. Và, mặc dù là quý tộc, bà không còn nhớ hết bà đã trải qua những vất vả, nhọc nhằn như thế nào để nuôi con. Nhưng bà đã vui lòng cam chịu không một lời than. Hơn thế, bà còn hài lòng vì thấy Trần Nguyên Hãn từ lúc bé đã thông minh, xuất chúng, học đâu nhớ đấy và ngày càng tỏ rõ là người có chí lớn. Vì vậy, nghe con trả lời bà vừa vui vừa tỏ ý lo ngại:

— Mẹ nào ngăn con nghĩ đến việc làm rang rỡ dòng dõi họ Đông A⁽²⁾. Nếu vậy, mẹ đã không phải rau cháo nuôi con đi học, mua binh thư cho con nghiên ngẫm và kể cho con nghe về tổ tông, về thù nhà. Nhưng, phạm việc lớn phải nuôi chí, phải có nhiều người giúp sức, nay tuổi con còn trẻ, đường đời chưa trải, mới lời con xướng lên, dân chúng chưa dễ đã tin theo!

— Mẹ yên lòng, con đã gần hai chục tuổi đầu rồi. Con tiếc rằng nhà Hồ thoán nghịch đã mất lòng dân nên vận nước có cơ hồng mất.

— Việc lớn rồi còn phải chờ. Phải biết bền gan vững chí con ạ. Vừa lúc ấy, viên gia tướng từng theo hầu ông

(1) Trong việc cướp ngôi nhà Trần, Hồ Quý Ly đã thẳng tay sát hại hàng loạt con cháu nhà Trần. Trước họa chu diệt huyết thống, bà Lê Thị Hoàn (mẹ Trần Nguyên Hãn) vợ Trần Án, con dâu quan tư đồ Trần Nguyên Đán đã chạy lên trang Sơn Đông năm Ất Sửu (1385).

(2) Dòng họ Trần (Chữ Trần, theo văn tự Hán, gồm chữ Đông bên phải, A bên trái.)

Trần Án⁽¹⁾ cha Trần Nguyên Hãn, vai đeo một móm⁽²⁾ hạt giọc, tất tả chạy về kêu lớn:

— Thành Đa Bang⁽³⁾ mất rồi, thừa tôn phu nhân!

— Thành Đa Bang mất rồi — Trần Nguyên Hãn kinh ngạc — nhắc lại — cái thành mà Hồ Nguyên Trừng⁽⁴⁾ đã dốc sức xây thật kiên cố ấy mà mất thì cả phòng tuyến của nhà Hồ sẽ vỡ; kinh thành ngày một ngày hai cũng sẽ mất theo. Vận nước thế là hỏng rồi.

— Thừa công tử! Thế giặc mạnh lắm. Nghe nói chúng kéo sang đến 80 vạn quân⁽⁵⁾ và phao lên rằng để khôi phục cơ nghiệp nhà Trần.

— Ông tin như vậy sao? Trần Nguyên Hãn nóng nảy hỏi.

— Thừa, tôi không tin, nhưng chắc không ít người nhẹ dạ.

— Ông nói phải lắm. Giặc Ngô mượn tiếng phục Trần để cướp nước ta đó thôi. Cũng không phải thế giặc mạnh đến mức ta không chống lại được. Chỉ vì nhà Hồ lấy gian trị để hiếp dân chúng, thuế má phiền, lao dịch nặng, pháp luật ngặt, hình phạt nghiêm, gặp mừng mà thưởng khen, nhân giận mà phạt giết nên trăm họ không tin theo. Mất nước chính là điềm ấy.

(1) Ông Trần Án là con thứ 6 quan tư đồ Trần Nguyên Đán. Bà Trần Thị Thái, mẹ Nguyễn Trãi là con thứ 3.

(2) Móm làm bằng một tần lá cọ non, có thể xách hoặc đeo vào vai.

(3) Thành ở vùng Ba Vi, Hà Tây ngày nay. Thành này được coi là cứ điểm then chốt bảo vệ phòng tuyến kéo dài từ núi Tản Viên (Hà Tây) theo bờ Nam sông Đà, sông Hồng cho đến cửa sông Ninh Giang (Nam Hà), rồi lại tiếp tục theo bờ sông Luộc, sông Thái Bình đến Bình Than (Hà Bắc) dài 700 dặm (khoảng 400km).

(4) Tả Tướng quốc Hồ Nguyên Trừng là con trai cả Hồ Quý Ly.

(5) Con số này nhà Minh khoa trương để dọa nhân dân ta.

Nghe con nói, bà mẹ khen:

— Con thành người lớn thực rồi.

Bỗng ngoài cổng có tiếng gọi. Trần Nguyên Hãn vội chạy ra. Viên gia tướng nhân lúc đó nói với bà Lê Thị Hoàn:

— Công tử tuổi trẻ nhưng đọc rộng, biết nhiều, rõ là người có tài kinh bang tế thế cho đời nay.

Bà Lê Thị Hoàn thoáng bối rối:

— Ông yêu con ta mà khen quá lời đó thôi. Chẳng hay võ nghệ con ta thế nào?

— Ở công tử cái đáng nói không phải là giỏi võ nghệ. Cái ấy đã đành. Cái đáng nói là công tử am hiểu binh pháp, ai cũng phải phục.

— Có ông giúp đỡ, ta còn lo nỗi gì!

— Thừa tôn phu nhân, giúp đỡ công tử là bổn phận của kẻ làm tôi.

Thấy con là người có chí, nên ngay sau đây bà Lê Thị Hoàn quyết định làm một việc mà lâu nay bà vẫn băn khoăn, suy nghĩ: trao thanh kiếm gia truyền cho con. Phải rồi, ta có thù với Hồ Quý Ly — bà thầm nghĩ — lẽ ra ta sẽ chọn lúc trao cho con thanh kiếm này để con nhớ đến thù nhà mà lo trả. Nhưng làm việc đó phỏng có ích gì? Nếu con ta chiêu binh mai mã, việc lớn mau thành, thì xã tắc cũng bị đẩy vào cảnh loạn ly, nồi da nấu thịt. Nếu chẳng may việc bại lộ, tính mạng con ta rồi sẽ ra sao? Nay giặc Ngô đã kéo sang, tình thế biến chuyển, đích thực chúng là kẻ thù của cả dân nước. Con ta sớm nghĩ đến bổn phận của kẻ làm trai, lẽ nào ta không trao kiếm quý cho con, khích lệ con vì đại nghĩa. Thanh kiếm ấy khi xưa, cụ

tổ bảy đời⁽¹⁾ đã từng giết giặc Nguyên mang lại cảnh thái bình thịnh trị cho dân nước. Vậy, trao cho con thanh kiếm gia truyền ấy, chính là để nhắc con nhớ đến chí người xưa, ra tay cứu nước, mưu phúc lành cho muôn họ. Chí đã quyết, bà vác thuồng tời bèn bụi chuối, ra sức đào. Hải lòng vì việc làm của mình, vui mừng vì trao kiếm cho con đúng lúc, bà dùng toàn sức đào bới, và mỗi nhát thuồng như nhắc bà nhớ lại võ công của cha ông và mừng tượng thấy con sẽ lập nên kỳ tích. Thanh kiếm đây rồi. Bà đỡ lấy và gõ vào lưỡi thuồng. Thanh kiếm truyền qua bao đời đã mòn đi chút ít, nhưng tiếng thép thanh, giòn, âm vang tỏ rõ là kiếm quý. Bà đem kiếm vào trong nhà, lấy khăn lau sạch bóng. Vừa lúc ấy, Trần Nguyên Hãn, sau lúc nói chuyện với các nông phu, đã trở về mặt mày rạng rỡ.

Thấy mẹ đang mài lau kiếm, Trần Nguyên Hãn kinh ngạc dừng lại. Phút chốc, Trần Nguyên Hãn đã đoán ra mọi việc, nét mặt lộ rõ xúc động. Bà mẹ lặng lẽ đem thanh kiếm ra vườn, chọn một cây chuối to, nhẹ nhàng sả kiếm. Nhát kiếm bén ngọt đã cắt đôi thân chuối. Bà trở vào nhà nghiêm nghị nhìn con trai vẫn chưa dứt cơn kích động:

— Cha con quý thanh bảo kiếm này hơn cả tính mạng mình. Cụ tổ bảy đời đã rèn đúc nó để đánh giặc Nguyên. Nay giặc Ngô đã sang giày xéo đất nước, giết hại dân mình. Con là người có chí có tài hãy biết giữ lấy nó.

Trần Nguyên Hãn quý xuống đỡ kiếm, giọng trầm hẳn đi:

— Con hiểu lòng mẹ. Con sẽ không để danh tiếng của thanh bảo kiếm này mai một.

(1) Tức Thái sư Trần Quang Khải.

— Con hãy mài cho nó, thêm sắc và dùng vào việc đại nghĩa.

Trần Nguyên Hãn nhìn mẹ vẻ biết ơn rồi vuốt ve thanh kiếm hồi lâu.

*
**

Vượt qua dò sông Đáy⁽¹⁾, nghe theo lời cô lái đò, Trần Nguyên Hãn phải tìm lối đi xuyên rừng, tránh các đồn giặc, để trở về nhà. Vì vậy, quãng đường về nhà đáng lẽ chỉ cần đi nửa buổi, Nguyên Hãn phải mất trọn một ngày.

Đến chợ Bach Hạc thì trời đã gần tối. Trần Nguyên Hãn rùng mình nghĩ thấy mùi thịt khét và từ trên các cành cây ven chợ, cả chục xác người bị giặc treo cổ chưa được chôn cất. Điều gì đã xảy ra ngày phiên chợ này — Trần Nguyên Hãn tự hỏi — và còn cào lổ lổ. Nhắc thấy bóng giặc ở phía trước, Trần Nguyên Hãn lùi lại, tìm một chỗ khuất đặt gánh, tay không rời chiếc ống tre xuyên mắt, rỗng ruột có chốt mấu, bên trong giấu thanh bảo kiếm, dùng làm đòn gánh⁽²⁾. Chao ôi! mới chỉ có một tuần trăng đi vắng mà quê hương đã tan hoang xơ xác nhường này! Trần Nguyên Hãn bỗng nhớ lại sau lúc giặc Minh bắt được cha con Hồ Quý Ly đem về nước đặt ách đô hộ tàn bạo lên đầu lên cổ dân Đại Việt, nơi nơi giặc liền dựa vào bọn thổ quan ra sức lùng bắt các con cháu nhà Trần, nhà Hồ để diệt trừ mầm chống đối và để tránh mắt giặc, Trần Nguyên Hãn

(1) Nay là đò Phúc Hậu.

(2) Tương truyền, đi đâu Trần Nguyên Hãn cũng giấu thanh bảo kiếm này vào đòn tre mang theo.

đã từ biệt mẹ và người tương gia, quây dầu đi bán đẽ về Đông Quan⁽¹⁾ tìm gặp Nguyễn Trãi và liên kết với các quý tộc nhà Trần bàn kế lấy lại nước. Chuyển đi chẳng được như ý. Nguyễn Trãi đã bị Trương Phụ bắt, hiện tính mệnh không biết ra sao, nên anh em chẳng được gặp nhau. Nhiều người trong hoàng gia theo gương ông nội⁽²⁾ ngày chơi động Thanh Hư, đêm xem cầu Thấu Ngọc, yêu nước thương dân chỉ biết uống rượu khuấy sầu, ngậm thơ nhớ nước. Chính họ đã khuyên Nguyên Hãn lui về ở ẩn, giữ lấy mình. Giữa lúc ấy, Trần Nguyên Hãn lại được tin nhiều quý tộc Trần như Trần Nguyên Chỉ, Trần Sư Hiền⁽³⁾ v.v... ngay cả Trần Thúc Dao⁽⁴⁾ vì vinh hoa phú quý đã lần lượt ra hàng giặc. Chỉ có Trần Quý, Trần Quý Khoáng dám chiêu binh mai mã, nguyện cùng quốc quân sống [chết vì xã tắc, chống lại giặc Ngô. Nhưng ngọn cờ khôi phục nhà Trần đã suy, lòng dân không mong, cũng không phải là nơi Nguyên Hãn gửi chí được. Buồn bã, Trần Nguyên Hãn trở về. Và dọc đường đi, Nguyên Hãn đã nghĩ kỹ rồi. Nguyên Hãn sẽ ngấm ngấm chiêu binh tích lương chờ thời theo ý riêng của mình. Con đường Nguyên Hãn chọn không phải là con đường theo nhà hậu Trần xưng nghĩa, kh ng tự tôn để chiêu hiền đãi sĩ mà là con đường chống giặc vì dân nước, vì phúc lành của muôn họ.

Trời tối dần, Trần Nguyên Hãn xốc dùi vò đã hết dầu định đi, thì từ phía chợ, bỗng xuất hiện mấy bóng người

(1) Hà Nội ngày nay.

(2) Tức Trần Nguyên Đán.

(3) Thị trung Trần Nguyên Chỉ, trung thư lệnh Trần Sư Hiền tụ tập quân bắt giết viên trấn thủ rồi ra đầu hàng nhà Minh.

(4) Trần Thúc Dao, em Trần Nguyên Đán, ông chú ruột của Trần Nguyên Hãn.

lúi húi như đang tìm kiếm vật gì. Đoán chắc không phải binh lính giặc, Trần Nguyên Hãn quảy dùi vò, kin đáo tiến lại. Nguyên Hãn suýt bật lên thành tiếng khi nhận ra viên tướng già và mấy nông phu ở trang Sơn Đông.

— Ông làm gì ở đây? Trần Nguyên Hãn cất tiếng hỏi.

— A, Công tử! Sao công tử lại biết tôi ở đây? Người tướng già sốt sắng đáp.

— Ông và các bác tìm xác ai đó phải không?

Cả bọn nín thinh không đáp. Trần Nguyên Hãn bồn chồn:

— Giặc đã sát hại ai vậy? Sao ta hỏi không nói?

— Thưa công tử, giặc đã giết tôn phu nhân rồi.

— Trời ơi? — Trần Nguyên Hãn kêu lên rồi đứng lặng như hóa đá.

Người tướng già đến bên Trần Nguyên Hãn, nhỏ nhẹ:

— Việc đã xảy ra rồi, công tử chờ quá đau lòng. Giặc tích điều ác, nghịch lòng dân, chúng càng chống chết. Công tử đã chẳng ra đi vì đại nghĩa đó sao?

Một nông phu cũng đến bên Trần Nguyên Hãn:

— Sáng nay chúng tôi không trối lão tướng lại thì sợ sẽ không biết sẽ ra sao. Tên huyện quan Trần Thiêm Ích vừa được giặc Ngô cất nhắc đã dẫn giặc đến bắt tôn phu nhân và nhiều người khác đem đi giết hại. Chúng tôi đang đi tìm xác những người bị giết đem chôn cất.

— Mẹ ta trong số những người bị treo cổ này chăng? Trần Nguyên Hãn, giọng khản đặc hỏi.

— Ồ không? Văn người nông phu đáp — Tôn phu nhân bị giặc mổ lấy mỡ đem rán rồi thiêu sống. Người đã nguyên rửa giặc cho đến lúc chết.

Nỗi đau xé lòng, căm thù giặc ngút trời đã khiến Trần Nguyên Hãn nảy ra một quyết định táo bạo. Vì vậy, sau một hồi suy tính, Trần Nguyên Hãn cất tiếng hỏi:

— Nếu không có bọn thổ quan, giặc có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc. Vậy trong lúc ta chưa đủ sức đẩy binh chống giặc, trước phải bịt mắt chúng, chặt chân tay của chúng, nhân thế để răn đe những tên cam tâm trở giáo đón giặc.

Người tướng già sốt sắng:

— Công tử nói chí phải. Tôi cũng nghĩ tới lẽ ấy. Bọn người quỷ gối rước giặc, chỉ cho giặc bắt giết dân mình thật đáng tội chết.

Cả ngày hôm nay, chúng tôi không bỏ sót một hành tung nào của lũ ấy cũng vì lẽ đó.

— Nhà tên huyện quan ở đâu? Trần Nguyên Hãn hỏi người tướng già.

Cách thành Tam Giang chừng 2 dặm ⁽¹⁾

Việc canh phòng thế nào?

— Thường chỉ có hai tên lính thay nhau đứng canh ở cổng.

Sau một hồi suy nghĩ, Trần Nguyên Hãn lại hỏi:

— Ta cần một bộ áo quần của giặc Ngô. Vào giờ này bọn giặc có la cà vào thôn cùng ngõ vắng không?

— Có — Người tướng già đáp — Nhưng chúng đi thành từng toán.

Trong đêm tối, cặp mắt Trần Nguyên Hãn rực sáng như sao:

— Bây giờ các bác hãy ở lại chôn cất người chết. Còn ông theo ta.

(1) Thành ở vùng Việt Trì, Vĩnh Phú — Hai dặm tương đương 1km.

— Để chúng tôi cùng giúp sức. Các nông phu nhất loạt nói.

— Thôi, đông người dễ lộ. Rồi ta sẽ gặp nhau bàn đại sự sau.

Nói rồi, Trần Nguyên Hãn cùng người tướng già vội vã đi khỏi chợ.

*
**

Khắp vùng Tam Giang lan truyền một cái tin: có hai người lạ mặt, rất giỏi võ, phục giết lính Ngô rồi cải trang, đang đêm đến tư dinh giết chết tên huyện quan. Một đồn mười, tin dữ bay đi làm cho giặc Minh đêm đêm không dám ra khỏi đồn, bọn thổ quan theo giặc Minh nom nớp lo sợ. Nhưng dân chúng thì ngược lại rất hả hê. Chính họ thêm mắm thêm muối vào câu chuyện để uy hiếp tinh thần giặc.

Trong lúc ấy, Trần Nguyên Hãn được dân chúng che chở, vẫn đêm chong đèn đọc binh thư, ngày quây dầu đi khắp vùng vừa dò xét nội tình giặc vừa khích lệ lòng ái quốc của dân chúng, ngấm ngấm thu phục nhân tâm, mưu việc lớn.

Một hôm, Trần Nguyên Hãn gọi người tướng già cùng đi với mình vào một khu rừng Thần ⁽¹⁾. Chỉ vào bãi đất rộng giữa rừng xung quanh có cây cao bóng cả, cỏ gai rậm rạp, Trần Nguyên Hãn hỏi người tướng già:

— Ông thấy chọn nơi này làm nơi luyện quân có được không?

(1) Ở thôn Đức Lệ, trang Sơn Bình, nay thuộc xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú.

Người tướng già cố nén tiếng reo:

— Bấy lâu tôi vẫn chờ mong ngày công tử dựng cờ đây nghĩa chống giặc. Đã đến lúc dân chúng cần người cheo lái.

Ta biết vậy. Nhưng hãy khoan, ông đừng hiểu lầm ý định của ta. Ta không bao giờ có ý mưu đồ vương bá. Bản tâm ta chỉ muốn giành được nước, cứu được dân, đuổi được giặc mà thôi.

— Nếu vậy sao công tử không giúp Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng. Tôi nghe nói nghĩa quân của hai vị vương ấy đã thu phục được miền đất từ Thanh Hóa trở vào.

— Ta đã nghĩ kỹ rồi. Lúc này khôi phục nhà Trần, lòng dân đã chán ghét thì nghiệp lớn sao thành được. Ta chỉ có thể cứu dân cứu nước theo chí riêng của ta.

— Nhưng không dựng cờ xưng nghĩa sao thu phục được nhân tâm, trai tráng sao biết được mà tìm về tụ nghĩa?

Trần Nguyên Hãn chậm rãi:

— Ông yên lòng. Hiện tình dân chúng lúc này đòi ta phải thực thời. Nghĩa lớn là ở mục đích chứ không phải ở danh nghĩa. Đất nước này rồi thiếu gì minh chủ để ta phò tá. Ta thực chỉ muốn làm tướng đánh trăm trận trăm thắng.

Người tướng già từ ngạc nhiên đến thần phục:

— Công tử có tài trí mà lại khiêm nhường rất mực.

— Ta muốn lập đồn quân nơi đây, ngay rừng này, ông thấy thế nào?

— Chọn đất rồi họp binh, công tử quả là người chín chắn hiểm có vậy. Dùng nơi này vừa luyện tập võ nghệ vừa giấu quân thì không đâu bằng. Lại nữa, quanh rừng có thung Đa Mang, có đồi Ngọc Sách, đồi Chủ, đồi Trà, nếu vạn nhất có xảy ra chuyện gì, các nơi hỗ trợ cho nhau thật tiện lợi.

Trần Nguyên Hãn phẫn chấn:

— Ngay ngày mai ta sẽ tụ tập trai tráng trang Sơn Đông rồi tỏa đi các nơi giải bày nghĩa lớn, dân chúng chắc sẵn lòng hưởng ứng.

II

Giữa rừng Thần, trước dân thề khời hương nghi ngút, có trưng một lá cờ đại, Trần Nguyên Hãn sau mấy lời thăm hỏi nghĩa binh bỗng cất cao giọng:

— Tôi vốn đồng đội nhà Trần, vì chỉ cứu đời giúp dân, trước họa diệt chủng của giặc Ngô, đã dựng cờ xưng nghĩa, tụ tập trai tráng mưu việc đại nghĩa. Tôi thề không khôi phục cơ nghiệp nhà Trần đã suy, không mưu đồ vương bá, lại cũng không vì danh hào mà nguyện đem chỉ mọn, nổi bước tiền nhân, cùng các nghĩa sĩ, phụng sự dân nước, quyết đánh giặc, khôi phục lại nước cũ. Nếu tôi sinh lòng này khác, cầu hơn hiện tại, núp bóng quân thù, không cùng đồng lòng, quên lời thề ước, cúi xin trời, đất, thần linh giáng cho trăm vạ, chịu hết hình phạt của trời. Dầu trời long đất lở, tôi xin lấy giọt máu này chứng cho chí hướng không rời của tôi.

Dứt lời, Trần Nguyên Hãn rút kiếm, cắt vào ngón tay trở bên trái, rồi quỳ xuống thấm máu vào lá cờ đại. Gần hai trăm nghĩa quân lắng nghe và theo dõi từng cử chỉ của người chủ tướng trẻ tuổi một cách nghiêm trang, thành kính. Ngay sau đấy, người tướng già bước lên đàn, giọng trầm đi vì xúc động:

— Tôi tuy tài hèn sức mọn, không chịu được nổi nhục mất nước quyết xin hiến thân cho nghĩa lớn, theo chí của công tử, cùng anh em nghĩa binh nguyện một lòng đánh giặc cứu nước. Nếu tôi thay lòng đổi dạ

không thể sống chết cùng nhau, dám quên lời thề ước xin trời chu đất diệt kẻ phản bội. Tôi xin lấy giọt máu này làm bằng cớ. Người tướng già rút đoản đao chích máu thấm vào cờ.

Lần lượt các nghĩa binh lên tuyên thệ chích máu. Lá cờ đại chẳng mấy chốc đã sẫm đỏ. Giữa lúc ấy, trên lối mòn dẫn vào rừng, Trần Nguyên Hãn và các nghĩa binh bỗng thấy xuất hiện một con voi lớn. Trên bành voi, một nông phu trẻ tuổi nước da đỏ như đồng hun, tay áo xắn cao nổi từng thớ chắc nịch, đang giờ búa thúc voi đi gấp. Voi vừa đến giữa giáo trường, chợt một nghĩa quân kêu lên sừng sốt:

— Trạch Khô, đồ vật lừng danh vùng Ba Vi!

Trạch Khô—tên người quản tượng—vội cho voi dừng lại rồi nhảy xuống, tiến đến trước mặt Trần Nguyên Hãn:

— Nghe tin tướng quân dựng cờ dấy nghĩa nên tôi xin ra mắt, mong được tướng quân thu dụng. Con voi kia vốn là của một chiến tướng nhà Hồ bị lạc sau ngày thành Đa Bang thất thủ. Tôi bắt được nó và xin trao cho tướng quân.

Nhiều tiếng xuýt xoa nổi lên.

Trần Nguyên Hãn nắm chặt tay Trạch Khô, giọng hồ hởi:

— Tấm lòng của người thật là quý, ta sao nỡ chối từ!

Ngay sau đấy, Trần Nguyên Hãn chia các nghĩa binh thành từng đội rồi quả quyết nói:

— Người của chúng ta còn ít. Nhưng phép dụng binh, quân cốt tinh không cốt nhiều. Muốn tinh phải am hiểu binh thư, phải dày công luyện tập. Vì vậy, anh em phải ngày luyện võ, đêm học binh thư, ai cũng phải gắng hết sức mình không được lười biếng. Được như thế, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ thành một đội quân tinh nhuệ, một địch được mười... hay hơn nữa.

Ngừng lại một lúc để thăm dò các nghĩa quân, Trần Nguyên Hãn lại tiếp, giọng chắc nịch:

— Theo các bậc tiền bối, vật là đầu hàng võ⁽¹⁾. Muốn giỏi võ phải giỏi vật đã. Cũng như trước khi tập kiếm, kích, côn, quyền phải giỏi tấn. Thái sư Trần Thủ Độ xưa, từng là một đô vật có tài vùng Thiên Thuộc⁽²⁾. Thái sư Trần Quang Khải, tổ bảy đời của ta, từng là trạng vật, sức khỏe nhất nhì trong nước. Vậy, trước khi học võ phải học vật. Vật có nhiều tính, con nhà binh phải có. Tính đó là can đảm, điềm tĩnh, nhanh trí, kiên nhẫn và nhất là khỏe. Anh em có bằng lòng như ta nói không?

— Chúng tôi xin theo ý tướng quân — Các nghĩa binh đồng thanh, đáp. Bỗng một nghĩa binh lên tiếng:

— Thừa tướng quân! Trong quân ngũ hiện có nhiều đô vật. Vậy buổi đầu luyện quân xin cho thi vật để mọi người đều được học hỏi.

Lập tức, các nghĩa binh nhất loạt hưởng ứng.

Hòa trong niềm vui của các nghĩa binh, Trần Nguyên Hãn vốn là một đô vật từng ăn giải càn⁽³⁾ ở nhiều nơi, thích thú ra lệnh:

— Ta bằng lòng cho anh em thi vật. Rồi hướng về người tướng già, Trần Nguyên Hãn nói lớn — ông hãy cầm trống châu thay ta.

Các nghĩa binh hò reo, tản ra chuẩn bị.

Từ đây tướng và quân, đôi no cùng trải, ngọt bùi chia sẻ, say sưa, chuyên cần luyện tập. Dù tuổi còn trẻ nhưng Trần Nguyên Hãn tỏ rõ là viên tướng trí dũng song toàn. Vì vậy, quân sĩ ai nấy đều kính trọng và răm

(1) Thời Trần môn vật rất thịnh.

(2) Tức Mặc, Nam Định ngày nay.

(3) Giải không ai dám vào phá.

rắp tuân theo mọi mệnh lệnh của viên tướng trẻ. Nhân dân cũng rất mực yêu mến Trần Nguyên Hãn. Họ bí mật góp tiền của và thóc gạo mua ngựa chiến, trao cho nghĩa binh. Chính nhờ sự hỗ trợ ấy mà đồn quân Minh kiểm chế cả một vùng cách đó không xa nhưng chúng không hề biết tung tích nghĩa quân Rừng Thần.

★
★

Khắp nước đang sôi lên trong bể biến động. Nơi nơi dân chúng đang nổi lên chống lại giặc Minh. Tin đồn dập dội về vùng Bạch Hạc: ở châu Quảng Oai⁽¹⁾ ở phủ Lạng Giang⁽²⁾, ở phủ Trấn Mạn (bắc Thái Bình)⁽³⁾, tại huyện Đông Kết (Khoái Châu)⁽⁴⁾, tại châu Trường Yên (Ninh Bình)⁽⁵⁾, rồi phủ Lạng Sơn⁽⁶⁾, phủ Thái Nguyên⁽⁷⁾, lớn nhất là ở Nghi Dương, huyện An Lão, châu Đông Triều⁽⁸⁾ đều nổ ra những cuộc dấy binh của dân chúng. Ngay ở Đông Quan, sào huyệt của giặc, dân chúng Thanh Oai (Từ Liêm), Thanh Đàm (Thanh Trì) cũng liên tiếp đứng lên chống giặc. Tiếng dội của những cuộc nổi dậy ấy, khiến nghĩa quân Rừng Thần nô nức và âm thầm, bồn chồn và chờ mong ngày được xuất quân đánh giặc.

(1) Thủ lĩnh là Hoàng Cự Liêm.

(2) Thủ lĩnh là Thiêm Hữu.

(3) Không rõ tên lãnh tụ.

(4) Thủ lĩnh là Phạm Tuấn

(5) Thủ lĩnh là Đỗ Cối và Nguyễn Hiên

(6) Thủ lĩnh là Phạm Thiêm Hữu

(7) Thủ lĩnh là Chu Sư Nhan

(8) Nay là Nghi Dương, Kiến Thụy, Hải Phòng. Thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa là Nguyễn Sư Cối. Nghĩa quân có lúc lên đến hai vạn người.

Một hôm người tướng già nói với Trần Nguyên Hãn:

— Hiền công tử thì trên đời này không ai bằng tôi. Nhưng gần một năm luyện quân rồi, ai nấy đều muốn xung trận, mà công tử thì vẫn án binh bất động?

Trần Nguyên Hãn chậm rãi:

— Ta ngày đêm đau lòng như óc suy tính việc ấy. Mà cũng không phải bây giờ mới nghĩ tới. Nhưng, phạm làm một việc lớn thì phải cân nhắc đường đi nước bước, sao cho đánh chỉ có thắng chứ không có bại. Hãy xem, Nguyễn Sư Cối⁽¹⁾ quân có đến hai vạn, dũng mãnh là thế mà chỉ qua vài trận đã thất thế. Xem vậy, kẻ làm tướng phải biết chọn thời, không nghĩ chín tởn thất không biết nhường nào.

— Đánh rằng thế. Nhưng chẳng lẽ nghĩa quân cứ luyện tập hoài thôi ư?

— Đã ra quân thì phải chắc thắng. Những lần đi bán dầu dò la các đồn giặc, ta nghiệm ra rằng gần đây, chúng đang rục rịch chuyển quân, tỏ ra có việc gì hệ trọng lắm. Ta đoán nước nó chắc không yên. Vậy phải biết nằm gai nếm mật thêm chút nữa.

Hiền lòng quân sĩ, Trần Nguyên Hãn sau đấy đã bày tỏ tất cả sự tính toán và suy nghĩ của mình. Và, ngay ngày hôm sau, Trần Nguyên Hãn đã sai người tướng già về Đông Quan lần nữa tìm gặp Nguyễn Trãi bàn đại sự.

★
★

(1) Đầu năm 1410 Trương Phụ đem quân thủy bộ đến bao vây nghĩa quân của Nguyễn Sư Cối ở Nghi Dương, châu Đông Triều, trong trận tử chiến này, giặc giết 4.500 nghĩa quân và bắt trên 2.000. Xác nghĩa binh bị giặc chặt cao như quả núi để làm khiếp đảm dân chúng.

Người tướng già vừa đi được hai ngày thì Trần Nguyên Hãn được thám báo cho hay: Minh Thành tổ đã quyết định mở cuộc Bắc chinh đánh Thát Đát⁽¹⁾ và Trương Phụ bị triệu hồi về nước⁽²⁾. Giặc Minh hiện đang điều bát quân sĩ rất nhốn nháo.

Lập tức, Trần Nguyên Hãn, viên tướng bao lâu phải nằm gai nếm mật lợi dụng cơ hội ấy quyết định ra quân. Vì vậy, Trần Nguyên Hãn một mặt lệnh cho quân sĩ không được rời binh khí, mặt khác, tự mình gánh dầu đi đến thành Tam Giang và các đồn lẻ của giặc, để dò la nội tình của chúng.

Và ngay đêm ấy, viên tướng trẻ vốn diễm tinh, chín chắn đã vạch ra một kế táo bạo: đánh thành Tam Giang rồi quét sạch giặc ra khỏi khu vực này. Trần Nguyên Hãn cho triệu quân sĩ lại rồi bằng một giọng dứt khoát, tự tin, viên tướng trẻ nói:

— Tâm thần giặc đang hoang mang vì Trương Phụ, tôn danh tướng tàn bạo, bị triệu về nước lo đánh Thát Đát. Vậy, đã đến lúc các ngươi được ra tay, mặc sức tung hoành ngang dọc cho phải với ao ước bấy lâu.

Hơn hai trăm nghĩa binh thích thú nhảy lên hò reo không ngớt.

— Nhưng, thành Tam Giang của giặc rất kiên cố — Trần Nguyên Hãn, tiến sát hàng quân, trầm giọng tiếp — quân giặc lại còn đến cả ngàn đứa. Vậy các ngươi dám có gan hạ thành không?

— Tướng quân có chỉ chọc trời khuấy đất đã quyết là thắng.

(1) Năm 1403, Quỳ-lục-Xích là một người không thuộc dòng dõi Nguyên chúa, lên ngôi. Quỳ-lục-Xích bỏ quốc hiệu Nguyên đổi thành Thát Đát và tự xưng là Khả Hãn.

(2) Tháng 2 năm 1410, Trương Phụ rút quân về nước.

— Binh ta ít nhưng tinh nhuệ, đã đánh tất phải thắng. Xin tướng quân cho lệnh. Người hiền lành nhất trong nghĩa quân cũng gào lên xin đánh.

Trần Nguyên Hãn phấn chấn hẳn lên :

— Ta hiểu lòng các người. Vậy ngay đêm nay, nhân lúc giặc không đề phòng, ta quyết ra tay, trừ cho dân một mối họa. Đi đánh giặc, âu cũng là dịp để các người được thi thố tài năng.

Tiếng dạ ầm ầm nổi lên làm chấn động canh khuya.

Ngay sau đấy, Trần Nguyên Hãn dẫn đầu đoàn quân lên đường.

Canh ba đêm ấy, nghĩa quân Rừng Thần đã đến chân thành Tam Giang mà giặc Minh không hề hay biết. Đã từng tìm hiểu thành này, Trần Nguyên Hãn chọn khoảng thành cao nhất, ngay gần sông Tuyên⁽¹⁾, nơi giặc không chú ý canh phòng, để bắc thang, cho quân sĩ kín đáo vượt qua. Nghĩa quân Rừng Thần am hiểu binh thư, luyện tập công phu, lại có sức khỏe, nên ai nấy đều nhanh chóng theo chân viên tướng trẻ, treo vào thành không một tiếng động. Trong lúc ấy, quân Minh ý có thành cao, ngủ say như chết. Trên chòi canh, lính canh cũng ngáy như sấm.

Trời tối đen như mực. Nghĩa quân đã lọt được vào thành.

Theo lệnh Trần Nguyên Hãn, nghĩa quân cõng trần tỏa về các lán trại giặc. Trần Nguyên Hãn đích thân dẫn một cánh quân chọc thẳng vào nơi bọn tướng giặc đang ngủ ở giữa thành.

Bốn bề đều yên lặng. Vòng vây mỗi lúc một khép chặt. Tiếng Trần Nguyên Hãn bỗng vang lên đồng loạt :

— Phải bắt không cho thằng giặc nào chạy thoát.

(1) Sông Lô ngày nay.

Những tên lính trên chòi canh giật mình thức giấc. Mấy mối lửa trên mặt thành được thắp sáng. Quân canh không kịp kêu. Sấm dậy trên đầu chúng, dất rung dưới chân chúng. Trong ánh lửa, chúng thấy đội quân mình trần trụi, đang vung kiếm, mã tấu xông vào các lán trại chém quân chúng như chém chuối.

Bị đánh bất thần, giặc Minh chết như ngã rạ. Những tên sống sót kêu mào gọi nhau. Chúng va vào nhau ngã lũng chồng. Chúng hoảng hốt đến nỗi không cầm nổi thanh gươm, không tìm ra ngọn giáo.

Lính hộ vệ của tướng giặc thất thanh gọi chủ. Nhưng chủ tướng của chúng còn mơ màng chưa tỉnh, đã bị Trần Nguyên Hãn dẫn đầu một toán nghĩa quân, xông tới hạ sát. Quân giặc mất tướng, lại thấy nghĩa quân tả xung hữu đột nên tên nào tên ấy cố tìm đường thoát chạy. Nhưng chúng kinh hãi thấy cổng thành đã chốt đóng xác chết. Giữa lúc ấy, nghĩa quân hò reo như sóng gào như gió thổi vừa khoa trương thanh thế, vừa dồn ép những tên giặc còn lại vào chân thành. Cùng thế, bọn giặc còn lại phải run rẩy hạ gươm giáo quy hàng.

Trời sáng dần. Trận địa đã yên ắng hẳn. Nghe hiệu lệnh thu quân, nghĩa quân Rừng Thần nét mặt tươi rói, đứng xếp hàng trước người chủ tướng, mới chỉ huy trận đầu, đã tỏ rõ tài xuất chúng. Chỉ vào đàn ngựa chiến mới cướp được của giặc, Trần Nguyên Hãn cất cao giọng :

— Ngay bây giờ các người hãy lên ngựa cùng ta đi cướp các đồn giặc trong vùng. Chỉ cần để trăm người ở lại giữ thành và coi bọn tù binh mà thôi.

Dứt lời, Trần Nguyên Hãn xốc kiếm nhảy lên ngựa dẫn đầu đội kỵ binh phi ra ngoài thành. Nhưng đoàn ngựa chiến của Trần Nguyên Hãn vừa ra khỏi thành bỗng ùn lại. Dân chúng nghe tin nghĩa quân Rừng Thần

hạ được thành Tam Giang kéo tới đông như hội. Họ cúi chào đoàn quân vừa thắng trận. Các bậc bề lão rưng rưng nước mắt nhìn đội quân áo vải vừa xung trận như gió táp. Mỗi hôm qua, giấc Minh còn ra oai hống hách, hôm nay dân chúng như tỉnh cơn mê, mừng thấy lại cảnh yên hàn.

Ngồi bên mình ngựa, ăn vận mộc mạc nhưng uy phong lẫm liệt. Trần Nguyên Hãn vui cười, đáp lễ dân chúng. Rồi đoàn quân phóng ngựa đi vội vã.

*
**

Người tướng già từ Đông Quan trở về giữa lúc Trần Nguyên Hãn và nghĩa quân đã làm chủ cả vùng Bạch Hạc⁽¹⁾. Vừa gặp Trần Nguyên Hãn, người tướng già cúi đầu:

— Tôi có lời chúc mừng công tử đã ra quân đại thắng. Dọc đường đi, dân chúng ham mộ công tử biết chừng nào!

Trần Nguyên Hãn thoáng bối rối:

— Chẳng hay ông có gặp anh ta không?

— Thưa công tử! Nguyễn tiên sinh vẫn bị giặc giam lỏng ở Đông Quan. Tuy thế, gần đây sự kiềm chế có bớt phần gay gắt. Tiên sinh vẫn có dịp đi đây đó tìm người nghĩa khí chung lo việc nước. Đại khái, chí hướng của tiên sinh rất giống công tử vậy. Hay tin công tử dấy binh không có ý khôi phục nhà Trần, không mưu đồ vương bá, tiên sinh ngợi khen công tử là người thực thời.

(1) Sử ghi: Trước khi Trần Nguyên Hãn đem quân vào Lam Sơn, nghĩa quân của ông đã làm chủ cả vùng Bạch Hạc.

— Anh của ta là người có tài kinh bang tế thế, chí lớn trùm thiên hạ. Nhưng cũng là người từ tốn, giản dị hiếm có.

— Thưa công tử! Trước lúc về, tiên sinh mật dặn ở đất Lam Sơn có người hào trưởng họ Lê tên Lợi đang ngấm ngấm thu nạp người hiền tài mưu việc đại nghĩa. Đây là người gặp thời loạn mà chí càng bền, ẩn náu trong núi rừng, chuyên tâm về sách thao lược, lâu nay được truyền tụng như một bậc minh quân có đức độ, tài ba. Người ấy xem ra có thể gửi chi được.

Cặp mắt Trần Nguyên Hãn rực sáng như sao:

— Nếu được người như thế làm minh chủ, ta xin theo phò tá ngay. Nhưng sao anh ta còn trù trù chưa quyết?

— Tiên sinh nói còn phải dò xét thêm. Có thể nào, tiên sinh sẽ báo sau.

III

Gần tết năm Mậu Tuất (1418), trong lúc Lê Lợi, Nguyễn Trãi và trên dưới ba chục võ tướng⁽¹⁾ đang dốc sức cho ngày khởi sự thì một tin vui chợt đến: danh tướng Trần Nguyên Hãn, người từng khiến cho quân Minh nghe oai danh đã kinh hồn, vừa đem gần hai trăm quân cùng cả trăm ngựa chiến từ vùng Bạch Hạc về tụ nghĩa. Lê Lợi và các tướng thân ra đón Trần Nguyên Hãn và nghĩa quân Rừng Thần. Hơn thế, hôm sau Lê Lợi đón nhận thanh thần kiếm gia truyền của Trần Nguyên Hãn dâng lên như đón nhận từ tay Tướng quốc Thái úy Trần Quang

(1) Khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Lê Lợi có dưới trướng 35 võ quan và một số quan văn.

Khải⁽¹⁾. Tin vui và mầu chuyện cảm động, rất có ý nghĩa ấy như mở cờ cho lòng náo nức xuất trận của nghĩa quân Lam Sơn. Khắp các lán trại, nơi đâu các nghĩa quân cũng xì xào bàn tán về viên danh tướng mới đến.

Một nghĩa quân hộ vệ Lê Lợi nói với mấy tân binh:

— Tướng quân Trần Nguyên Hãn là em quân sư Nguyễn Trãi đấy. Hơn 2 năm trước, sau khi dốc suất hai trăm nghĩa binh hạ thành Tam Giang, bắt giết được cả nghìn tên giặc, tướng quân đã cùng quân sư vào ra mắt chúa công xin phò tá.

— Vậy, Trần tướng quân có mặt trong hội thề Lũng Nhai⁽²⁾ đấy nhỉ—một tân binh cắt ngang hỏi.

— Có Quân sư Nguyễn Trãi nhưng tướng quân Trần Nguyên Hãn thì không. Người nghĩa quân hộ vệ Lê Lợi, đáp — Vì, sau khi tướng quân ra mắt chúa công, tướng quân lại trở về lo việc đem binh vào phối hợp. Tuy không có mặt trong hội thề nhưng biết tướng quân là người có chí lớn, lại có tài cao đức rộng nên chúa công rất mực quý mến. Các anh có biết không — người nghĩa quân làm ra vẻ quan trọng — trong số bốn người hiện dự bàn việc cơ mật với công chúa, có tướng quân Trần Nguyên Hãn đấy!⁽³⁾

Vừa lúc ấy, toán nghĩa quân khác thấy Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn đang phi ngựa từ trại quân ra giáo trường. Rồi ngay sau đấy, Lê Lợi nổi hiệu lệnh họp binh.

(1) Sử có ghi sự kiện này.

(2) Lũng Nhai ở Lam Sơn. Hội thề có 18 người sắp xếp theo thứ tự sau đây: Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiêm, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Võ, Phạm Cuồng, Lê Lý, Đinh Lan, Trương Chiến.

(3) Bốn vị tướng sau đây được coi là «tứ trụ phù Lê»: Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Chích, Lê Văn Linh.

Rừng núi Lam Sơn bỗng rầm rập tiếng chân người. Phút chốc, các kỵ mã, nghĩa sĩ, dũng sĩ đã tề tựu đứng thành hàng. Lê Lợi cho ngựa tiến tới gần hàng quân, giọng vang như chuông đồng:

— Ta được tin tên đại gian Lương Nhữ Hốt đã mật báo với giặc Ngô các hoạt động của ta. Vì vậy, ngay từ bây giờ quân sĩ không được rời binh khí, không được ra khỏi quân doanh, không được trể nải việc canh phòng. Cũng từ giờ khắc này ta trao quyền trông nom việc rèn dạy nghĩa sĩ cho tướng quân Trần Nguyên Hãn. Các người phải nhất nhất tuân theo lệnh của tướng quân và phải siêng năng luyện tập. Ngày khởi sự lấy lại nước đến nơi rồi.

Các nghĩa quân hò reo đáp lại.

Quả là danh bất hư truyền. Chẳng mấy chốc Trần Nguyên Hãn đã hoàn toàn chinh phục được lòng tin yêu của các nghĩa binh Lam Sơn. Hơn thế, biết giữ lời, giữ ý, và bằng những hiểu biết uyên thâm về binh thư, về tài luyện quân, Trần Nguyên Hãn đã sớm chiếm được lòng kính trọng của Lê Lợi và các văn quan, võ tướng lúc ấy.

Ngày 2 tháng 1 năm Mậu Tuất (7-2-1418), trong cảnh tết trung bưng, Lê Lợi tự xưng là Bình Định vương truyền hịch đi các nơi kêu gọi dân chúng nổi dậy hưởng ứng. Trần Nguyên Hãn, con người nặng lòng yêu nước thương dân, có chí lớn, có tầm nhìn xa trông rộng, viên dũng tướng giỏi thao lược và táo tợn, được Lê Lợi phong làm tư đồ, đứng đầu hàng quan võ. Gặp được người minh chủ có chí lớn trù thiên hạ, có được bên cạnh những người đồng sự văn võ kiêm toàn, có tài kinh bang tế thế như Nguyễn Trãi, tài năng của Trần Nguyên Hãn như được chấp cánh. Trần Nguyên Hãn,

ở cương vị của mình, kể từ ngày dấy binh, đã dốc lòng giúp Lê Lợi bàn định mưu lược. Và, nơi nào gặp khó khăn, chỗ nào giặc liền chết chống lại, nhất là ở những trận lớn phải giành cho kỳ thắng, Lê Lợi đều phái Trần Nguyên Hãn thân đem quân đi đánh.

*
**

Đêm ấy người tướng già lúc này trở thành viên tiểu tướng hầu cận của Trần Nguyên Hãn vừa giục Trần Nguyên Hãn đi ngủ, thì một nghĩa quân bước vào:

— Thưa quan tư đồ! Vương thượng cho lệnh triệu quan tư đồ. Trần Nguyên Hãn xúc kiếm dẫn người tướng già đi ngủ trước rồi theo người nghĩa quân. Vừa thấy Trần Nguyên Hãn, Lê Lợi đứng dậy đón rồi vui vẻ nói ngay:

— Quân sư cũng vừa đến. Đúng như ta dự đoán, tướng Đinh Lễ đã đánh lấy được đất Diễn Châu và bủa vây chặt thành giặc. Lại nữa, tổng binh Trần Trí đã rút chạy về Đông Quan để mặc thành Nghệ An cho bọn Phương Chính, Lý An. Được cấp báo, ta triệu quân sư và quan tư đồ để cùng định liệu.

— Tâu vương thượng — Nguyễn Trãi nói — Vây ngay đêm nay thần xin thảo chiến thư thách Phương Chính đem quân ra đồng bằng, đất phẳng bày trận. Nếu bọn chúng cứ cố thủ chịu nhục cũng là cách ta uy hiếp sĩ khí chúng, để chớp lấy cơ hội tiến binh.

Lê Lợi chậm rãi:

— Quân sư cứ thác⁽¹⁾ lời ta thách chiến, cốt làm cho chúng khiếp nhược. Còn hiện tình, ta đã nghĩ kỹ rồi,

(1) Thay.

người giỏi chiến trận thường bỏ chỗ kiên cố đánh chỗ sơ hở, tránh chỗ vững chắc đánh chỗ trống rỗng. Vây, nếu nhân dịp này cử các tướng Lý Triện, Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Bùi Bì đem quân ra hộ sức với Đinh Lễ, thẳng tiến ra Tây Đô, các người có chắc rằng ta lấy gọn được đất Nghệ An, Thanh Hóa không?

Trần Nguyên Hãn xoay mình đáp ngay:

— Tâu Vương thượng! Trần Trí chạy ra Đông Quan chắc là để lấy viện binh cứu thành Nghệ An. Vây lúc này, tránh chỗ thực đánh chỗ trống vừa lấy đất vừa chặn viện binh, chính là diệu kế. Nhưng theo ý thần cũng không phải Diễn Châu, Tây Đô mới là đất trống, vùng Tân Bình, Thuận Hóa cũng phải chớp lấy dịp này đánh lấy.

Nguyễn Trãi phẫn chấn tiếp:

— Ý quan tư đồ thật là hay mà thần chưa nghĩ tới. Quả là miền đất ấy cần phải lấy gấp. Một khi Nghệ An, Thanh Hóa lọt vào tay ta, tất giặc phải tăng viện cho Tân Bình, Thuận Hóa để ép ta vào thế bị chặn cả hai đầu. Lại nữa, bọn giặc quỷ quyệt có thể xúi bầy Chiêm Thành hợp sức đánh ta ở mặt sau, y như Trần Trí, Mã Kỳ xúi hoàng đế Ai Lao đánh cướp sách Đa Quan mấy năm trước. Sự thế như thế thì thật nguy khốn. Vây tướng đi đánh mặt ấy phải chọn người thật giỏi, thật khôn khéo mới được.

Những chỉ lớn gặp nhau không cần phải bàn nhiều. Cũng như Nguyễn Trãi, Lê Lợi rất nhạy bén để quyết định:

— Ta biết chỉ có một người lĩnh được trọng trách ấy.

Trần Nguyên Hãn cúi đầu:

— Thần tuy tài hèn nhưng từ ngày dấy binh chưa có dịp lập công. Bây giờ chính là lúc xin vương thượng cho thần được cầm quân xung trận.

Nguyễn Trãi thăm phục sự thông minh của Trần Nguyên Hãn và càng thấy rõ Lê Lợi biết dùng người. Chính vì biết dùng người nên Lê Lợi phải để Trần Nguyên Hãn rời bản doanh đi đánh lấy miền đất quan trọng ấy. Vì vậy, Nguyễn Trãi triu mến nhìn người em họ ngoại rồi hướng về phía Lê Lợi, không giấu được niềm vui:

— Được quan tư đồ thân đem binh đi đánh thì vương thượng chẳng còn lo nỗi gì.

— Chính ý ta muốn vậy — Lê Lợi quả quyết. Nhưng trong ấy, binh giặc còn mạnh, lại là đất mới. Vậy, ta cử thêm Lê Ngân đốc suất thủy quân vượt biển vào hợp sức. Cử Lê Ngân đi cũng là để khi việc xong xuôi, quan tư đồ phải về đại bản doanh ngay vậy.

*
**

Tháng 7 năm Ất Ty (1425), vâng lệnh Bình Định vương, Trần Nguyên Hãn cùng thượng tướng Lê Nỗ, chấp lệnh Lê Đa Bồ đem hơn một ngàn quân, theo đường núi tiến vào Tân Bình, Thuận Hóa⁽¹⁾. Quân của Trần Nguyên Hãn vừa vượt qua sông Bồ chính⁽²⁾ thì đột ngột gặp đại binh giặc do hồ tướng Nhậm Năng đốc suất đi chặn nghĩa quân. Thấy nguy, thượng tướng Lê Nỗ phi ngựa tới trước voi của Trần Nguyên Hãn:

— Giặc đông, sau lưng ta là sông, rất kỵ việc bày trận. Vậy xin quan tư đồ gấp cho lệnh rút qua sông.

(1) Theo *Hàn Giang danh tướng liệt truyện*, trận này còn có lão tướng Đinh Đàm, dòng dõi Đinh Bộ Lĩnh, tham dự.

(2) Tức sông Gianh, khoảng giữa Hà Tĩnh — Quảng Bình ngày nay.

— Muộn rồi — Trần Nguyên Hãn ngắm nhìn địa thế nói — Dải núi kia thuộc đất nào, có lối vào không? Trần Nguyên Hãn chợt chỉ tay vào dải núi ở bên cánh đồng, chệch phía sau.

— Thưa, đây là đất Hà Khương, đường vào rất hiểm trở. Một tiểu tướng đáp.

Lập tức, Trần Nguyên Hãn quả quyết ra lệnh:

— Thượng tướng cùng chấp lệnh điểm lấy tám trăm quân cướp đường tìm thế núi mai phục. Hãy lấy voi chiến của ta chặn ở đoạn chót nơi đặt phục quân. Còn ta sẽ đem ba trăm quân ra đánh để làm kiêu lòng giặc, dụ chúng vào đất tử. Việc phải làm gấp mới kịp.

Dứt lời, Trần Nguyên Hãn xuống voi rồi nhảy lên con ngựa người tướng già vừa đem tới, phóng lên hàng tiền đạo bày trận. Bên kia, quân giặc do tướng Nhậm Năng đốc suất đã lũ lượt kéo đến đầy nội. Nhậm Năng thúc ngựa vượt lên hất hàm hỏi một tên thổ quan:

Tác tướng là đứa nào mà dám cự chiến với ta.

— Tư đồ Trần Nguyên Hãn đó. Tên thổ quan lắp bắp đáp.

Nhậm Năng tái mặt:

— Phải phái danh tướng bậc nhất ra trận, Lê Lợi sắp cùng đường rồi. Nhưng — Nhậm Năng cố trấn tĩnh — quân hãn từ xa tới, chưa chọn được địa thế: ta lấy quân nhàn đánh quân nhọc mệt thì tướng giỏi cũng phải thua.

Nhậm Năng quay lại, nói như thét:

— Bớ quân bay! Hãy bắt lấy bọn man di kia quăng xác chúng xuống sông cho ta. Ai chém được tướng giặc ta sẽ hậu thưởng.

Dứt lời, Nhậm Năng nổ pháo lệnh lửa quân ào ạt xông thẳng vào thế trận của nghĩa quân Lam Sơn.

Trần Nguyên Hãn mắt không rời quân giặc hỏi người tướng già:

— Quân ta đã kịp vào núi chưa?

— Thừa công tử, người cuối cùng đã vượt qua cánh đồng.

— Được lắm! Trần Nguyên Hãn nói rồi cùng nổi lệnh giáp chiến. Đánh được một hồi, tưởng như không cự nổi, Trần Nguyên Hãn đi chặn hậu, cho quân rút lui.

Nhậm Năng thấy vậy cười ha hả, bảo tên thổ quan:

— Toàn là đồn hão. Hãy xem danh tướng của man triều chạy như chuột kia kia.

Một tùy tướng của Nhậm Năng can:

— Trần Nguyên Hãn là người lắm mưu mẹo, sợ trùng độc kế của hãn.

— Mưu kế gì — Nhậm Năng cười nhạt nói — Hãn sợ uy danh của ta và quân của Thiên triều đó. Hãy xem ta bắt danh tướng giặc.

Nhậm Năng hò hét quân sĩ tiến nhanh rồi cúi rạp trên mình ngựa đuổi theo nghĩa quân Lam Sơn.

Quân Minh bám gót nghĩa quân, ùn ùn vượt qua cánh đồng rồi hăm hở tiến vào núi.

Rút chạy đến lúc nhìn thấy voi chiến của mình, Trần Nguyên Hãn lập tức nổi hiệu lệnh thúc quân quay lại, hét vang như sấm:

— Bớ quân sĩ! Hãy đánh một trận cho bọn người Ngô biết uy danh của nghĩa quân Lam Sơn.

Cùng một lúc, tám trăm nghĩa quân từ hai bên núi đổ xuống, chia cắt giặc làm từng khúc, mặc sức chém giết.

Nhậm Năng chưa biết xoay sở ra sao đã bị người tướng già vung đại đao xông tới chém chết. Chỉ trong phút chốc hơn một nghìn tên giặc bị giết. Máu chúng chảy chan hòa đường núi. Bọn giặc còn lại hồn xiêu

phách lạc, cướp đường tháo chạy. Trần Nguyên Hãn lập tức cho quân đuổi theo. Mấy trăm tên giặc nữa bỏ mạng trên cánh đồng, trên dọc bờ sông.

Ngay chiều hôm ấy, 70 chiến thuyền chở đầy nghĩa quân do Lê Ngân đốc suất cũng đã tới. Trần Nguyên Hãn liền thống suất toàn quân thủy bộ không nghỉ ngơi, không chậm trễ tiếp tục lên đường. Quân đi đến đâu, dân chúng nô nức ra đón chào đến đó. Nghĩa quân khí thế đang lên, lại có tướng giỏi chỉ huy nên chỉ trong ít ngày, toàn bộ vùng đất Tân Bình, Thuận Hóa, trừ hai thành Tân Bình, Thuận Hóa đã được khôi phục. Theo lệnh Trần Nguyên Hãn, nơi nào có nạn đói, nghĩa quân lấy kho lương của giặc cấp phát cho dân. Dân chúng được úy lạo, trở lại an cư. Cảm ơn cứu mệnh của nghĩa quân Lam Sơn, hăm mộ tài đức của Trần Nguyên Hãn, hai vạn trai tráng các nơi lũ lượt kéo đến xin theo. Thành Tân Bình, Thuận Hóa của giặc bị quân dân chen vai thích cánh bủa vây, đến con chim không bay thoát. Dân chúng Tân Bình, Thuận Hóa đi đánh giặc vui như đi dự hội lớn ⁽¹⁾. Nhưng Trần Nguyên Hãn đã nhận được lệnh của Lê Lợi phải về đại bản doanh ngay ⁽²⁾.

★
★

(1) Các thành này về sau bị bức hàng.

(2) Người đời sau làm thơ ca ngợi chiến công của Trần Nguyên Hãn ở Tân Bình, Thuận Hóa như sau:

« Đản giao Bắc lộ tàn vô địa
Tiền thị Đông A hiệt hữu thiên
Nguyệt ánh Lam Sơn thiên tử kiếm
Triển thanh Linh thủy tướng quân thuyền! »

Tạm dịch: « Giặc Minh hết đất dung thân
Trời riêng còn để họ Trần tiếng thơm
Trăng Lam lấp lánh bóng gương
Sông Linh (sông Gianh) sóng nhạc xuôi buồm
tướng quân ».

Về đến đại bản doanh, Trần Nguyên Hãn được Lê Lợi niềm nở ra đón.

— Ta có lời khen ngợi chiến công của quan tư đồ đó. Không có quan tư đồ, ta đâu thu phục cả vùng đất rộng ấy nhanh chóng đến thế.

Trần Nguyên Hãn tâu:

— Người Ngô tàn bạo, lòng dân chứa oán đã lâu. Vương thượng đẩy binh để rửa cái hồ cho nước, sĩ dân một lòng gắng sức chứ công của thần đâu đáng kể.

Ngay sau đấy, Lê Lợi hội các tướng lại bàn và quyết định mở cuộc hành quân thần tốc tiến ra Bắc nhằm vây thành Đông Quan và chặn viện binh của Vương Thông. Ba cánh quân do các tướng Phạm Văn Xảo, Bùi Bị, Đinh Lễ thống suất chẳng mấy chốc đã giành được thắng lợi lớn. Mười vạn tinh binh của Vương Thông đã bị diệt đến quá nửa. Khao quân sau thắng lợi ấy, Lê Lợi rời đại bản doanh từ Lỗ Giang ra Đông Phù Liệt⁽¹⁾. Một cuộc phản công lớn. Trong trận phản công quy mô này, Trần Nguyên Hãn thống lĩnh các lực lượng, thủy binh đánh mũi phía đông, Lê Lợi tự cầm đại quân đánh mũi phía tây. Hai cánh quân phối hợp đang đêm đánh dốc vào Đông Quan giết được nhiều giặc, buộc Vương Thông phải chui vào thành cố thủ⁽²⁾.

Giữa lúc ấy, từ Pha Lũy⁽³⁾ tin dữ báo về: Vua Tuyên Đức nhà Minh lại cử Liễu Thăng và Mộc Thạnh lĩnh 15 vạn binh chia làm hai đạo tiến vào nước Việt.

(1) Nay là vùng Thanh Trì.

(2) Trần Nguyên Hãn và Bùi Bị chỉ huy hơn 100 thuyền chiến theo sông Đáy lên cửa sông Hát rồi xuôi sông Hồng xuống bến Đông Bộ Đầu đánh vào phía đông (khoảng dốc hàng Thanh hay giờ).

(3) Nay là Hữu Nghị quan.

Lập tức, Lê Lợi cho triệu các tướng đến lầu Bồ Đề⁽¹⁾ rồi y theo kế của Nguyễn Trãi, quyết định:

— Đánh thành Đông Quan lúc này là hạ sách, ta đánh thành vững hàng tháng, hàng năm không hạ nổi, quân ta sức mệt chỉ nản. Nếu viện binh của giặc đến thì mặt trước mặt sau đều bị giặc đánh, đó là con đường nguy. Sao bằng nuôi lấy sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh của giặc bị phá thì quân trong thành tất phải hàng. Làm một việc được cả hai, đó mới là toàn kế vậy!

Nguyễn Trãi bàn:

— Trong hai đạo viện binh thì đạo của An Viễn hầu Liễu Thăng cậy có quân lắm ngựa nhiều⁽²⁾ cần phải dốc sức đánh trước. Muốn diệt được đạo quân này, trước phải hạ được thành Xương Giang đã. Bởi vì thành này nằm trên lộ Lạng Sơn đến Đông Quan. Đánh Xương Giang là đánh thông đường để đại binh ta lên Lạng Sơn chặn giặc.

Lê Lợi bồng nóng nảy:

— Ta đã phái các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú phối hợp với quân dân Lạng Sơn, Khoái Châu vây đánh Xương Giang cùng với các tướng Trần Lựu, Lê Bôi đi đánh Khâu Ôn từ mấy tháng rồi. Thành Khâu Ôn đã hạ được mà thành Xương Giang thì chưa. Các tướng ấy sao nỡ phụ lòng ta đến thế!

— Tàu vương thượng — Trần Nguyên Hãn đáp — Xương Giang là một thành kiên cố. Tường thành cao và dày. Ngoài thành có hào sâu bốn bề bao bọc, địa thế lại hiểm trở.

(1) Thôn Phú Hựu, Gia Lâm, Hà Nội.

(2) Đạo này có 10 vạn tinh binh.

— Quân giặc ở đây có bao nhiêu? Lê Lợi điệu giọng hỏi Trần Nguyên Hãn.

— Giặc không đông lắm. Nhưng tường giặc gồm bốn Kim Dân, Lý Nhậm, Cổ Phúc, Phùng Trí là bốn am hiểu binh thư, lại cố chết chống lại. Bốn giặc ấy cũng đã bắt hàng vạn sĩ dân vào thành làm bia đỡ tên đạn nên việc đánh thành thật là khó.

— Quan tư đồ lại phải ra tay một phen mới được — Lê Lợi nói, dáng cả quyết — Phải hạ được thành Xương Giang trước khi viện binh của Liễu Thăng đến. Tình thế gấp lắm rồi. Quan tư đồ hãy sửa soạn đi ngay.

Lại một lần nữa, Trần Nguyên Hãn vâng lệnh Lê Lợi đem quân đến một mặt trận khó khăn và quan trọng. Bấy giờ đã cuối tháng sáu năm Đinh Mùi (1427), viện binh giặc đang tràn xuống biên giới. Vừa đem quân đến Xương Giang, Trần Nguyên Hãn ra sức khích lệ quân dân quyết hạ thành bằng được. Và, con người tinh thông binh pháp, có tài dụng binh, sau khi xem xét địa thế, đã quyết định dùng một kế đánh táo bạo. Trần Nguyên Hãn cho quân dân cùng một lúc đào nhiều đường ngầm, đồng thời chuẩn bị nhiều thang leo để khi giáp chiến, cùng một lúc đột nhập khắp 4 mặt thành. Trần Nguyên Hãn vô cùng sung sướng được gặp lại nhiều nghĩa binh Rừng Thần cũ. Ngày nay họ đã trở thành những chiến sĩ dày dạn, lão luyện. Tướng quân gặp nhau vừa cảm kích vừa mừng vui cùng dốc sức cho nghĩa lớn. Ở đâu gặp khó khăn nơi ấy có mặt viên dũng tướng. Tướng quân chen vai thích cánh, thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Vì vậy, những đường hào tựa như những con rắn khổng lồ trườn nhanh đến thành giặc.

Ngày mùng Tám tháng Chín năm Đinh Mùi, kế đột nhập thần diệu đặt dưới quyền thống lĩnh của Trần

Nguyên Hãn đã diễn ra nhanh chóng và quyết liệt. Trước lúc nổi hiệu lệnh đánh thành, Trần Nguyên Hãn còn lần lượt đến từng cụm quân khích lệ nghĩa binh. Vì được chuẩn bị công phu nên khi có lệnh, từ các đường hào, nghĩa quân tay lăm lăm binh khí nhất loạt đội đất xông lên, rồi một rừng thang tời tấp chuyển lên áp vào tường thành. Các nghĩa quân khỏe nhất dẫn đầu trèo lên thang, đột nhập vào thành giặc. Dòng người nối nhau ào ạt xông lên hộ sức. Các tường giặc hoảng hốt trước kế đánh thần tốc, vũ bão của nghĩa quân, đã vụt lên mặt thành, hò hét quân sĩ chống lại. Trận ác chiến diễn ra khùng khiếp chưa từng thấy. Phút chốc máu giặc, máu nghĩa quân nhuộm thắm những khoảng tường thành.

Trần Nguyên Hãn, có người tướng già luôn luôn theo sát, cũng xông lên mặt thành đốc chiến.

— Hãy bắt sống lấy bốn tướng giặc không cho tên nào chạy thoát. Giữa cảnh hỗn loạn, tiếng Trần Nguyên Hãn vang lên thôi thúc, tiếp sức cho các nghĩa binh Lam Sơn dốc hết tài nghệ xông vào các đám binh lính dày đặc của giặc. Hàng vạn dân chúng được cởi trói đã dùng tay không, trút căm hờn vào đầu giặc. Kế đánh kỳ diệu của Trần Nguyên Hãn, lòng dũng cảm vô song của dân chúng và nghĩa quân Lam Sơn, đã buộc giặc phải quy gối xin hàng. Chiến trận xảy ra không đầy một giờ. Các tướng giặc đều bị bắt sống và bị giết trong đám loạn quân.

Tin chiến thắng nhanh chóng bay về Đông Quan ngoài dự đoán của Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Lê Lợi xuýt xoa:

— Đại tư đồ Trần Nguyên Hãn không phụ lòng ta⁽¹⁾. Tài cầm quân của quan đại tư đồ quả là bản triều không

(1) Sau chiến công ấy, Lê Lợi gọi Trần Nguyên Hãn là đại tư đồ.

ai sánh được. Ta không ngờ thắng nhanh đến thế. Ta lại phải phái quan đại tư đồ lên Chi Lăng chặn Liễu Thăng một phen mới xong.

Nguyễn Trãi vui vẻ:

— Tâu vương thượng! Vương thượng yên lòng, tước quan đại tư đồ cũng đã đem quân đi rồi.

— Như vậy, Liễu Thăng sao địch lại được viên tả tướng quốc mà ta sẽ ân phong ấy⁽¹⁾. Vận nước thế là đã được định đoạt.

Đúng như Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã đoán, Trần Nguyên Hãn lại một lần nữa thể hiện tài năng cầm quân xuất chúng của mình. Ngày 20 tháng 9 năm Đinh Mùi, Liễu Thăng kêu ngao tước đốc suất quân tiên phong từ ải Pha Lũy tràn xuống Chi Lăng. Lập tức, Trần Nguyên Hãn, Lê Sát tung quân ra phục đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Các trận diệt viện diễn ra suốt tuyến đường dài từ Chi Lăng về Xương Giang. Nghĩa quân Lam Sơn với tài chỉ huy của viên dũng tướng dày dạn kinh nghiệm, chỉ qua 25 ngày đã đánh bại 10 vạn binh hùng tướng mạnh của nhà Minh, chém chết và bắt sống hầu hết các tướng giặc. Trong các chiến công ấy, Trần Nguyên Hãn nổi lên như một ngôi sao sáng.

Mười vạn binh của Liễu Thăng bị đại bại, đạo quân của Mộc Thạnh không đánh mà tan. Vương Thông cùng kẻ phải « xin hòa ».

Ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (16-12-1427), ở ngoài cửa Nam thành Đông Quan, bọn Vương Thông mở cửa thành lúc nhúc chui ra làm lễ tuyên thệ trước mặt Lê Lợi và các tướng nghĩa quân xin nộp thành để bảo toàn tính mạng rút về nước. Trong tờ hòa ước kể tên những người đầu mục cả nước, thì Trần Nguyên Hãn

(1) Chức quan võ đứng đầu triều Lê Thái Tổ (Lê Lợi).

đứng hàng thứ nhì, liền với tên vua⁽¹⁾. Tám vạn quân giặc sống sót sau đó lui thủ ra đi. Trong lễ chiến thắng tung bừng ấy, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn dẫn đầu đoàn quân rầm rộ tiến vào Đông Quan. Dân chúng Đông Quan nô nức đổ ra đường đón Lê Lợi và đoàn quân chiến thắng. Họ đặc biệt reo hò cổ vũ khi nhìn thấy viên lão tướng râu tóc bạc phơ nhưng nét mặt hân hoan rạng rỡ đi hộ vệ quan đại tư đồ Trần Nguyên Hãn⁽²⁾.

QUYNH CƯ

(1) Theo Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*.

(2) Tháng 11 năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi mở đại hội các văn võ luận công ban thưởng đã phong cho Trần Nguyên Hãn chức tả tướng quốc, chức quan võ cao nhất lúc đó.

LÊ HỮU TRÁC

I

Người nông phu đã đứng tuổi ấy kể lể:

— Trình cụ, chủ nó từ hôm cày mảnh ruộng ở chân núi gặp mưa thì phát chứng mình nóng như lửa, trong họng đau dữ. Xin cụ làm phúc chữa cho...

Nghe giọng nói vật nài khổ sở, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác⁽¹⁾ rời trang sách thuốc, nghiêng đầu lễ mắt nhìn kỹ người đứng trước mặt, rồi gật gù, thúng thảng hỏi:

— Chú ấy năm nay bao nhiêu? Ngày thường có hay đau yếu gì không?

— Trình cụ, chủ nó từ bé vẫn ở với chúng tôi, anh em dùm bọc lấy nhau, nào thấy có bệnh tật gì đâu. Chẳng qua năm nay vừa hăm hai tuổi, định thu xếp ra ở riêng nên cố làm dần để kiếm chút vốn...

— Được rồi! Để nghĩ kỹ xem nào...

(1) Lê Hữu Trác (1720-1791), lấy tên hiệu là Hải Thượng Lãn Ông, ông già lười (lười làm quan) ở xứ Hải Dương (quê cha) và Bầu Thượng (quê mẹ).

Lãn Ông rời sập, lê dép ra tủ thuốc, tìm tòi, cân, gói một hồi lâu⁽¹⁾ rồi thận trọng trao phong giấy cho người nông phu, đoạn lẳng lẳng quay về sập, xua tay ra hiệu cho khách lui, khi thấy khách vừa toan thò tay vào bọc lấy tiền.

Nhưng chỉ hôm sau đã lại thấy người nông phu ấy tìm đến, gãi đầu nhăn nhó báo tin người bệnh chẳng những không thuyên giảm, mà còn đau tắc hần yết hầu, không ăn uống gì được nữa. Lãn Ông chau cặp mày bạc trắng, trề miệng lăm bầm « Hỏa hư chẳng? », rồi thông thả với lấy khăn áo, bảo người nông phu:

— Nhà bác đi trước dẫn đường đi...

Vị y sư già nua chống gậy, lắc lư tấm thân mập mạp, bước theo chân người nhà bệnh nhân. Sau khi xem kỹ mạch⁽²⁾, ông già ngồi ngáy ra suy nghĩ một lúc rồi lẳng lẳng ra về. Mấy thang thuốc liên tiếp được trao cho người nhà bệnh nhân⁽³⁾ và mấy hôm sau thì thấy cả hai anh em người nông phu, đầu đội xôi gà, tay mang tiền bạc, tìm đến lạy tạ, cảm ơn cứu mạng.

Bằng đi bốn năm ngày, bỗng lại thấy người nông phu xuất hiện: người em của bác ta bụng đau như xoắn, đi ngoài ra toàn huyết! Hải Thượng Lãn Ông lúc ấy đang ngồi câu cá dưới bóng mát ngôi nhà Nghênh

(1) Trong sách *Y âm án*, Lãn Ông ghi rõ bài thuốc dùng trong trường hợp này là *Tứ vật*, bột sinh địa, gia hoàng cầm, mẫu đơn, phòng phong.

(2) Lãn Ông ghi lại rằng lần xem mạch ấy, thấy hai bộ mạch thốn phù, hồng sắc mà vô lực, hai bộ xích trầm vi, bộ Xích bên trái càng yếu lắm. Đây là do chân thủy suy mà tương hỏa bốc.

(3) Trong *Y âm án*, Lãn Ông chép rằng ông đã dùng 3 bài thuốc: *Lục vị* gia huyệt sâm, ngũ vị, ngưu tất; *Bát vị*, gia ngũ vị, ngưu tất, đỗ trọng (để sống); và *Quy lý* để chữa bệnh này.

phong⁽¹⁾. Ông già trẻ môi nghe kể bệnh, rồi buông cần, xỏ dép đi lấy thuốc giao cho người nông phu mang về⁽²⁾.

Nhưng rồi tin dữ lại vẫn đến: bệnh nhân phát nóng và tức bụng càng tăng! Vị y sư thoáng thấy sốt ruột vì phiền muộn⁽³⁾. Ông già nhieu mày cân đong thuốc men hồi lâu, rồi vừa giao thuốc, vừa dặn người nông phu:

— Nhà bác mang về cho người bệnh uống. Xong nước đầu, thấy thế nào thì báo cho tôi...

Ngồi thừ nheo mắt nhìn theo bóng người nhà bệnh nhân tắt tả đi về, Lãn Ông lần lượt gọi thử lại trong óc những thú vui giải trí thường ngày: câu cá, gảy đàn, ngắm cảnh v.v... nhưng đều chẳng thấy chút hứng thú. Ông già liền gọi tiểu đồng dọn rượu, và chỉ sau mấy chén lớn đã phanh áo ngủ lăn ở sập.

Đêm ấy, trời đổ xuống một trận mưa giải nong, kéo dài thêm giấc ngủ say của vị y sư tới lúc sáng bạch. Ông già chỉ tỉnh dậy khi có tiếng meo mào của người nông phu:

— Trình cụ, chúng tôi cho chú nó uống thuốc của cụ, xong nước đầu thì thấy bệnh chuyển. Gặp trời mưa, chúng tôi ngại đi trình cụ, cứ thế sắc luôn nước thứ hai... Nào ngờ, uống vào thì liền đi ngoài như tháo cống, tinh thần mệt hết sức...

(1) Nhà đón gió. Trong sách *Thượng kinh ký sự*, Lãn Ông có nói về ngôi nhà này, nằm trong khu vực nhà cửa của ông ở Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay.

(2) Lần này, Lãn Ông dùng bài *Nhân sâm lý trung thang*, gia một hương, hậu phác.

(3) «Tôi nghĩ chứng trệ xuống sinh đi lý, là vì thức ăn vào không tiêu được... Chỉ bằng hãy tạm thông rồi sau sẽ bổ. Liền dùng thang *Tứ vật gia chỉ thực*, đại hoàng (chế rượu). (Lời ghi trong *Y âm án* của Hải Thượng Lãn Ông).

Lãn Ông lật đặt nhồm dầy. Ông già vội vã tìm khăn, xỏ dép, lục lọi thuốc thang rồi tắt tả theo người nhà bệnh nhân ra đi. Mãi chiều hôm ấy mới thấy Lãn Ông thơ thần trở về, gương mặt nhẵn nhúm tối sẫm.

★
★

Vị y sư gầy sút hẳn đi. Đám tiểu đồng ngờ ngác nhìn ông già thần thờ đi từ nhà Dí chân⁽¹⁾ sang đình. Tối quăng⁽²⁾ rồi lại lên lầu Tị huyền⁽³⁾ mà chẳng ngồi đâu được nóng chỗ.

Đã lâu lắm mới lại thấy Lãn Ông tự dẫn vật khổ sở như vậy. Người vợ già của vị y sư, hiểu tính chồng, lặng lẽ rót thêm rượu ngọt vào chiếc hồ lớn mỗi bữa dọn ăn cho ông lão. Hồi còn trẻ, bà cũng đã một lần chứng kiến cái cảnh tượng khổ đau vật vã của chồng như thế này. Ấy là khi ông vừa từ quan, bỏ cả quê hương Hải Dương để lánh vào xứ Bầu Thượng đây. Ở ẩn mà vẫn chưa yên. Xa lánh thế sự rồi bời của triều chính, nhưng chí tung hoành của kẻ nam nhi lại vẫn chẳng nguôi đi được. Đúng hơn là Lê Hữu Trác chưa tìm được hương mới để lập thân. Ông già lười này chỉ muốn lười về đường bon chen kiếm chút công danh trong triều. Và tuy làm ra vẻ mãi mê thơ túi rượu bầu, buông câu gảy đàn, nhưng chẳng bao giờ con người có thể nhứt chí giúp đời. Người vợ biết, chỉ khi nào ký thác được tâm sự vào những trang giấy đã chất cao ngồn ngộn trong thư phòng kia, như cái lần trước ấy,

(1) Nhà vui thú tự nhiên.

(2) Đình rất rộng

(3) Lầu tránh ồn ào — những ngôi nhà do Hải Thượng Lãn Ông xây dựng ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) và đặt tên.

thì Lê Hữu Trác mới khuấy khỏa dần đi được. Phải, lần ấy, bài thơ từ cơn đau xé ruột của chồng, bà còn nhớ mãi:

« Mười năm mài cây kiếm
Sắc bén rực hào quang
Sát khí xông Ngưu đầu
Hùng uy động tuyết sương.
Vào Tần đã không phai
Về Hán còn phân mang.
Hồ hải lưỡng trời đất
Chi mạnh hóa ngông cuồng! »⁽¹⁾

Đây, con người cứ mỗi cơn nổi giông bão trong lòng thì lại như thế đấy! Bà lão chỉ biết nép mình yên lặng nhìn theo người chồng loanh quanh lên lầu, xuống sân, cho đến khi thấy ông lão vào hẳn trong thư phòng, không trở ra nữa, mới kín đáo buông một tiếng thở dài.

Trong khi đó, Lãn Ông đã đang bắt đầu đọc lại những ghi chép của mình về trường hợp dùng thuốc vừa qua. Những hàng chữ thảo ngừng lại ở đoạn: « Đã dùng đại tể Sâm Truật Phụ, gia Phá cổ chi, Nhục đậu khấu để ngăn cơn đi rửa... » Hàng chữ mờ dần đi, khi Lãn Ông hai tay bưng trán, nhắm chặt mắt lại. Nhưng trong trí ông già lại hiện ngay lên hình ảnh người trai làng, xanh nhợt vì kiệt sức, nấc lên vì một cơn suyễn đờm rồi tắt hơi trong tay ông vào buổi chiều hôm ấy. Lãn Ông mở to đôi mắt đục ngầu vờ nhanh lấy cây bút và cúi hẳn mình xuống trang giấy:

« Bệnh án này, vì bệnh nhân vốn là nông dân ở vùng núi khỏe mạnh, bỗng nhiên cảm bệnh, cũng chỉ là trong

(1) Bài thơ này thấy chép lại trong lời tựa bộ Hải Thượng y tông tâm lĩnh của Lãn Ông. Nguyên văn chữ Hán. Phan Võ dịch.

chứng thực mới hơi hư. Và, trước đã uống đại lễ điều nguyên cổ bản, tuy ăn nhầm mà trệ lý, thì tạm dùng cách thông cho uống nhẹ nhẹ cũng không hại gì. Tôi vô tình không dặn kỹ, người anh thấy bệnh bớt, cho uống cả thang, nên âm hư từ trước không giữ vững được nguyên dương. Một khi gặp hàn lương thì chân dương nguyên hỏa trong người bị xua đuổi hết, sử: cùng mà chết ».

Vị y sư thở dốc như vừa qua một cơn giao chiến dữ dội, phi ngựa trở về⁽¹⁾. Những hàng chữ lại nối nhau hiện ra trên giấy, như không tự chủ được nữa:

« Đã hàng tuần nay, tôi suốt đêm không ngủ được, hơn một tháng, nói năng như vờ vẩn, cử chỉ như mất hồn. Nghĩ rằng vì tôi bất cẩn, đến nỗi người kia bị chết, trời đất quỷ thần soi xét, tội của tôi không thể tránh được ».

Lãn Ông đã buông bút rồi lại cầm lên. Và những hàng chữ lại tuôn tràn.

« Cái tôi làm hại đời sống, không gì nặng hơn tội giết người. Đã là thầy thuốc có tiếng, thì người ta đến nhờ chữa chật cửa đầy nhà. Trong đó, có thể nhất nhất dùng lễ, mà không làm lỗi được ư? Không những thế, như cô chứng nên xem xét đã, rồi sau mới bốc thuốc, hoặc vì ngại đêm mưa vất vả không chịu tới thăm, qua loa chữa bệnh, thì đó là tội lỗi ».

Ghi xong được những lời lẽ ấy ra giấy, Lãn Ông mới rời được án thư, ra khỏi thư phòng. Nhưng tối hôm ấy, người vợ già của vị y sư vẫn thấy chồng chong đèn trong phòng sách đến khuya. Cúi đầu trên trang giấy đã kín chữ, vị y sư còn ghi tiếp:

(1) Trước khi về Hương Sơn ở ẩn làm thuốc, Lê Hữu Trác đã một thời kỳ làm võ tướng ở triều đình Thăng Long vào những năm 40 của thế kỷ XVIII.

« Người thầy thuốc nếu không có những đức tính thương người, sáng suốt, đạo đức, khôn ngoan, rộng lượng, thành thật, liêm khiết, siêng năng, thì không nên làm thầy thuốc... »

Và ông già chỉ chịu tắt đèn đi nằm, sau khi đã hạ bút viết nốt dòng cuối cùng:

« Xin các bậc quân tử đời sau, lấy cái nhâm của tôi làm cái xe đồ trước để đề phòng. Lấy lời nói của tôi làm cái gương để sửa chữa, mới khỏi thẹn với hai chữ « nhân thuật »⁽¹⁾. »

II

Thư trấn Nghệ An⁽²⁾ nóng nảy viết vào tẩm phiếu:

« Bản chức đã sai một chiếc thuyền đưa cụ theo đường sông đến trạm. Xin cụ đi ngay cho. Dừng dằng nữa sợ có liên lụy ».

Đoạn, quát gọi thư lại, hạ lệnh cho lính tức tốc đi Hương Sơn, giục Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác phải lên đường ngay.

Trước đây mấy hôm, một tờ *chủ*⁽³⁾ đã từ kinh đô Thăng Long hỏa tốc truyền đến Vĩnh Dinh⁽⁴⁾:

(1) Những đoạn trích này đều ghi lại theo nguyên bản bệnh án số 10 trong tập *Y âm án* (Những bệnh án tử vong) của Hải Thượng Lãn Ông. Những châm ngôn tương tự, hoặc còn xuất sắc hơn nữa của Lãn Ông về nghề y và cuộc đời, còn được tập hợp trong tập *Y huấn cách ngôn*.

(2) Chức quan đứng đầu trấn Nghệ An, xưa gồm cả Nghệ An và Hà Tĩnh.

(3) Mệnh lệnh của vua chúa.

(4) Thủ phủ trấn Nghệ An, tức Vinh ngày nay.

« Quan nội sai Bình phiên Trạch trung hầu, vâng lời chỉ, truyền cho quan thư trấn Nghệ An là Côn lĩnh hầu phải tìm một người quê ở xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, con quan Thượng thư họ Lê, tên là Lê Hữu Trác, tục gọi là ông Chiêu Bầy⁽¹⁾. Hiện này ông ta ngụ cư ở quê mẹ, xã Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn.

Tìm được người này, phải sai lính ở Trấn hộ vệ đưa ngay lên Kinh đợi mệnh.

Nay chỉ truyền

Ngày 29 tháng 11 năm Cảnh hưng thứ 42⁽²⁾

Nhận được chỉ truyền, lại biết thêm được ý chúa Trịnh chuyển này muốn vời chính Lãn Ông ra kinh đô chữa bệnh cho hoàng tộc, Thư trấn Nghệ An đã vội vã tổ chức một cuộc hành trình hỏa tốc đường dài để đưa vị y sư nổi tiếng của trấn mình ra đi. Nhưng lạ thay, từ Hương Sơn đáp lại Thư trấn chỉ nhận được một lời nhắn miệng của Lãn Ông, nhờ Thư trấn làm hộ một tờ *khải*⁽³⁾, xin cho vị y sư, *bởi* lẽ tuổi già sức yếu, được miễn phải đi ra kinh đô hầu chúa.

Thật kỳ dị! Biết là không dùng quyền *luy* thì không xong, Thư trấn Nghệ An gần như cưỡng bức vị y sư phải tuân lệnh chúa và lệnh mình. Và thế là nửa tháng sau, một buổi sáng, chiếc cang chở Lê Hữu Trác đã cùng đoàn học trò và lính hầu hơn 20 người, cồng kênh bụi bậm những hòm thuốc, rương sách, bao kiếm, túi đàn, ra đến cửa Tây kinh thành.

(1) Lê Hữu Trác là con thứ bảy (nên gọi là Chiêu Bầy) của tiền sĩ Lưu Hữu Mưu, từng làm Thị lang bộ Công, được truy phong Thượng thư.

(2) Năm 1782.

(3) Tờ trình gửi lên vua chúa.

Nhưng chiếc cang đầu đoàn không thẳng đường nhập thành được ngay, bởi có một người khăn áo chỉnh tề đã chờ sẵn bên đường, nai nỉ mời đón cho kỳ được vị y sư ghé vào nhà mình.

— Bẩm thầy — chủ nhà [kinh cần chắp tay nói, sau khi đã lấy lễ thầy trò mà bái yết khách qua đường — năm xưa, con có xin chép được một bộ *tâm lĩnh*⁽¹⁾ của thầy, đêm ngày nghiền ngẫm, càng học càng thấy kinh lạ. Chỉ tiếc là xa xôi ngàn dặm, không được cập môn. Nhưng muốn vào tận chốn núi rừng bái yết, nhưng hiềm vì còn chút mẹ già phải sớm hôm phụng dưỡng. đành chỉ có cách ngưỡng mộ từ xa... Nay được tin thầy ra đây chữa bệnh cho chúa, lòng thành chờ đón, xin được trước tiên hầu hạ ít ngày như đã từng tháng năm đèn hương thờ phụng trước đây...

Lãn Ông lúc ấy mới để ý nhìn lên chiếc bàn thờ đang thơm nức khói hương ở giữa nhà. Và nhận ra hàng chữ ngay ngắn trên bài vị: «Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác tôn sư»

«Ông ta thờ sống mình!» — Lãn Ông bất giác thấy gai người khi đọc xong hàng chữ. Vị y sư liền hỏi thăm căn kể, mới biết được rằng đây cũng chính là một thầy thuốc đang nổi tiếng ở kinh thành. Thấy vậy, Lãn Ông bỗng nảy ra ý định thăm dò tài đức ở người học trò tình cờ của mình:

— Ông đọc bộ *Tâm lĩnh* của tôi, thấy có điều gì sở đắc nhất?

— Bẩm thầy — người danh y kinh kỳ chợt lúng túng trước câu hỏi có phần đột ngột — bề học khôn lường,

(1) Tức là bộ *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh* gồm 28 tập, 66 quyển, biên soạn trong gần 30 năm mới xong của Lê Hữu Trác.

nhưng quả là tất cả kiến thức trong nghề y đều đã được thâu tóm ở trong *Tâm lĩnh* rồi! Chúng con chỉ còn cách gắng hiểu lời sách mà làm theo cho đúng sách...

— Đọc sách biết nghĩa được là khó — Lãn Ông nóng nảy ngắt lời — nhưng hiểu được nghĩa cũng vẫn còn chưa khó lắm. Biện luận *phân biệt* cho ra chân lý mới thật là khó. Mà hiểu thấy được thêm gì ở chung quanh chân lý lại càng khó hơn...⁽¹⁾

Nhìn vẻ mặt chưng hửng ngơ ngác của người danh y kinh kỳ, Lãn Ông nói luôn một mạch:

— Người đời nay phần nhiều đều nệ sách mà không biết rằng người xưa từng đã nói: «*Y giả ý giả*», tức là lập ý thì phải vận dụng linh hoạt vô cùng. Lại có câu: «*Phương giả pháp giả*», là phải theo vào cách xử lý điều trị của mình mà lập thành *phương thuốc*⁽²⁾. Cứ xem như các chứng bệnh mùa đông bây giờ, tôi thấy thấy y nào cũng theo đúng bài *Phát hàn* trong sách *Trọng Cảnh*⁽³⁾ mà chữa. Nhưng có biết đâu rằng nước ta ở vào khu vực Đông Nam, gần với mặt trời, giữa mùa đông mà lá cây không rụng, nước không thành băng, trời không xuống tuyết, mùa đông thường ẩm nên hơi lao động một chút đã toát mồ hôi. Mồ hôi đã dễ toát như vậy, trung khí sẽ do đó mà hư, nên hơi gặp rét cũng có thể

(1) Câu nói nổi tiếng này, trích lại từ tập *Y hải cầu nguyên* của Lãn Ông.

(2) Tư tưởng xuất sắc này, Lãn Ông đã trình bày ở phần đầu tập *Bách gia Trán tàng*.

(3) *Trọng Cảnh* tức là Trương Trọng Cảnh, thầy thuốc nổi tiếng ở thời Đông Hán (thế kỷ II) của Trung Quốc, tác giả bộ sách *Thương hàn luận*.

cảm nhiễm được ngay. Như vậy thì sự cảm nhiễm đó chỉ nông thôi, chứ đâu có sâu như người phương Bắc, cho nên nước ta tuyệt không có thương hàn thuộc loại nặng như các sách Trung Quốc đã chép⁽¹⁾

Uống một hơi hết chén trà, Lãn Ông tiếp ngay:

— Tôi ngày trước đã từng đọc kỹ Trọng Cảnh, lại đọc cả Cảnh Nhạc, Thiên Sĩ, Cúc Thông⁽²⁾ nói về thương hàn. Nhưng rốt cuộc, tự mình phải thấy rằng đọc sách của Trọng Cảnh, theo phép của Trọng Cảnh, nhưng không nhất thiết phải theo phương của Trọng Cảnh. Những người không hiểu lẽ đó, hễ cứ thấy phát sinh chứng nhức đầu sốt nóng thì liền cho ngay là thương hàn, rồi dùng ngay những bài chữa về chứng thương hàn nặng ở phương Bắc, nhắm mắt cho uống bừa đi, chứ có nghĩ đâu rằng Bắc Nam khác biệt, phong thổ không giống nhau,⁽³⁾ dùng liều như thế sao được?

Lãn Ông trẻ môi, nín lặng, nhưng sắc giận cứ hiện dần trên nét mặt. Người thầy thuốc ở kinh kỳ vội vã đứng dậy, chấp tay vái:

— Nghe lời dạy của thầy mà như nghe tiếng sấm bên tai. Chỉ mới được gần thầy có một lúc mà đầu óc chúng con đã được mở mang bằng bao nhiêu tháng ngày! Thật giận mình không được sớm hôm gần gũi để thầy hằng luôn bảo ban cho...

(1) (3) Những câu biện luận rất hay này, Lãn Ông đã ghi lại trong tập *Ngoại cảm thông trị*.

(2) Tức Trương Cảnh Nhạc, Diệp Thiên Sĩ, Ngô Cúc Thông — các danh y Trung Quốc dưới các triều đại Minh, Thanh (thế kỷ XVI—XVIII).

Lãn Ông cười xòa:

— Cũng là tự nhiên tôi bỗng thấy có hứng muốn đàm đạo đôi chút y thuật đó thôi!

Và xuê xòa lái câu chuyện sang hướng khác:

— Đủ thấy rằng y hải thật mênh mông. Nhưng vẫn còn chưa khó bằng bệnh đời:

« Bệnh đời sâu sắc lắm thay

Tài y khôn dễ với tay ngăn ngừa! »⁽¹⁾

Câu thơ, ngẫu hứng về thời thế của Lê Hữu Trác bỗng gọi ngay cho người học trò xa lạ một đầu mối để bộc lộ chí hướng của mình:

— Bẩm thầy, nghe câu này, con lại càng thấy thầy là người tinh thâm về cái học về tinh và mệnh. Bấy lâu nay thầy mai danh ẩn tích ở nơi núi rừng, đã đành là cao thượng. Không làm một bậc lương tướng thì cũng làm được một ông lương y. Nhưng nay Cửu trùng đã biết, bốn bể nghe danh, đó chẳng phải là một việc mà kẻ trượng phu mong mỏi hay sao?

Nghe những lời lẽ ấy, vị y sư nghiêng đầu nhìn kỹ người học trò ngẫu nhiên của mình hồi lâu, rồi thở dài trả lời:

— Cây kia có hoa nên bị người ta hái. Người ta có cái hư danh nên phải lụy về chữ danh. Vì bằng trốn cái danh đi có phải thú hơn không?⁽²⁾

★
★

(1) Trích trong tập *Vệ sinh yếu quyết*, truyền là của Hải Thượng Lãn Ông.

(2) Những câu đối đáp, tâm sự này, Lãn Ông ghi lại trong phần đầu tập *Thượng kinh ký sự* mà không nói rõ người trò chuyện cùng mình là ai.

Huy quận công Hoàng Đình Bảo⁽¹⁾ đuổi hết tả hữu ra ngoài, rồi thăm thi với Lê Hữu Trác:

— Tuần này Thánh thượng ra cung Vọng hà xem thủy quân chèo thi, bị cảm gió. Đã năm sáu năm nay, người mắc một chứng cố tật, nguyên khi ngày một hao mòn, cho nên mới cảm đã trầm trọng ngay...

Vị y sư lẳng lẳng theo sau Hoàng Đình Bảo vào phủ chúa. Hoạn quan Trạch trung hầu — chính là người đã thảo tờ chỉ triệu Lãn Ông vào triều — dẫn hai người qua hết vườn ngoài lại hiên trong, rồi bước lên mấy bậc thềm cao, vào một tòa nhà lớn, bốn bề canh phòng cẩn mật. Phía sau tòa nhà là một gian phòng rộng, màn trướng kín mít, dùng làm nơi *ngự tẩm*⁽²⁾

Tĩnh đô vương Trịnh Sâm lơ lơ cặp mắt, nằm trên một chiếc võng điều, mắc là là qua một chiếc sập thiếp vàng, phủ nệm gấm. Vừa nhác thấy Lê Hữu Trác, Chúa Trịnh đã khàn khàn giọng nhận xét:

— Trông giống thầy Liêu!⁽³⁾

Phía sau một tấm màn gấm, cũng có tiếng thì thảo nhẹ nhẹ của đám cung nữ vừa được lệnh lánh mặt. Một ngọn sập cháy vật vờ trên cây nến mạ vàng ở góc nhà, soi mờ tỏ bàn tay leo lẻo của chúa Trịnh, vừa rời võng, ngồi xuống sập, đặt lên trên chiếc gối gấm để chờ Lê Hữu Trác thăm mạch.

(1) Còn được gọi là Huy quận (trong lời hát dân gian):

« Trăm quan có mắt như mờ »

Đề cho Huy quận vào sớ chính cung »

hoặc Chánh đường (chức quan cao nhất phủ chúa bấy giờ).

(2) Nơi vua chúa ngủ.

(3) « Thầy Liêu » là tên Trịnh Sâm quen gọi Lê Hữu Kiều, chú ruột Lê Hữu Trác, làm đến chức Thượng thư bộ Lễ.

Lúng túng vương viu mất hồi lâu, vị y sư mới tập trung được trí tuệ vào việc định bệnh⁽¹⁾. Sau một lúc nhiu mày, trề miệng xem xét bệnh trạng, Lãn Ông được phép lui ra ngoài tòa Thị kỵ điểm, đề cùng Huy quận công và các quan ngự y luận bệnh của chúa⁽²⁾. Rồi đó, Lãn Ông được lệnh thảo đơn thuốc⁽³⁾ và sau một cuộc biện luận căng thẳng nữa, cách chữa bệnh chúa của vị y sư mới được duyệt y. Chúa Trịnh Sâm theo thuốc của Lãn Ông uống hai nước, lập tức giảm bệnh.

Cả phủ Chúa xôn xao! Vị y sư ngồi đâu đứng đâu cũng cảm thấy có những cặp mắt thần phục soi vào mình. Chúa Trịnh cũng liên tiếp ban cho vị y sư những mâm cơm ngự soạn. Và cuối cùng, lại chính chức hoạn quan Trạch trung hầu trình tâu đến, đồng đặc xướng to:

(1) Lãn Ông đã ghi lại rằng lần xem mạch ấy, thấy trong 3 bộ mạch ở tay thì 2 bộ *quan* và *thốn* đều to nhanh và huyền, còn bộ *xích* thì bên tả trầm và nhanh, bên hữu nhỏ và nhanh.

(2) « Minh gầy, da khô, nước tiểu vàng và đục, đại tiện không tiêu, bụng đầy, thỉnh thoảng ợ hơi. Lại có cơn sốt, miệng khát, lưỡi nẻ, ho thất thanh. Những chứng này đều là do tình khô, huyết kiệt, mạch nhanh quá » — Lãn Ông về sau đã ghi lại như thế về bệnh trạng Trịnh Sâm.

(3) Sau đây là nguyên văn đơn thuốc của Lãn Ông:

« Tiểu thần Lê Hữu Trác xin trình: Xin phỏng dùng thang *Bát vị* gia giảm làm cao: *Thục địa*, *Sơn thủ*, *Mẫu đơn*, *Bạch linh*, *Mạch môn*, *Ngũ vị*, *Chế phụ tử*, *Nhục quế*.

Đồ vào nồi đất nấu thành cao. Điều với cao lộc nhung, cao cầu kỷ, trộn bột nhục quế, cất kín.

Dâng ngự mỗi lần một thìa trà hòa với nước sâm đặc. Thần căn khảo »

— Kính mừng: vâng lời thánh chỉ, ban khen lão sư vào châu đối đáp minh mạch, lại hiểu rõ bệnh lý. Nay ban thưởng một cái *thái ngư*. Lại sẽ ban áo mát, áo ấm để tiện khi vào châu!

Một lần nữa, vị y sư thấy lúng túng khó chịu về những nghi thức đang diễn ra trước mắt. Lãn Ông quay sang hỏi một viên quan hầu đứng cạnh:

— *Thái ngư* là cái gì?

Sợ hãi đảo mắt liếc quanh, viên quan hầu ghé tai vị y sư nói nhỏ:

— Là mười quan tiền!

Huy quận công Hoàng Đình Bảo thấy cảnh tượng nhốn nháo, vội hạ lệnh cho Lê Hữu Trác:

— Cụ quì xuống lĩnh thánh chỉ!

Và đến lúc ấy, viên quan đầu triều mới nhận ra vị y sư vẫn cứ đánh nguyên bộ quần áo thường dân xộc xệch! Huy quận công xit răng dãn giọng:

— Nếu ngày mai vào châu mà cụ còn mặc thế này thì tức là coi thường ân huệ của nhà vua, tội đáng chết đấy! ⁽¹⁾

★
★

Quả là Lãn Ông không màng đến việc mình được chúa Trịnh trọng dụng. Được giữ lại ở luôn trong vùng trũng điệp lâu son gác tía của phủ chúa để thường trực việc thuốc thang cho hoàng tộc, vị y sư lập tức tạ sự thoái thác:

(1) Đoạn này và đoạn sau, đều viết dựa theo lời kể của chính Hải Thượng Lãn Ông trong tập *Thượng kinh ký sự*.

— Tôi già yếu, lại có bệnh đau da. Ở đây không tiện... việc đi đồng! Xin cho tôi ra ở bên ngoài...

Cả mấy vị quan lại đều kinh ngạc:

— Làm thầy thuốc mà lại kêu mình có bệnh, thế thì còn ai để cho mình chữa nữa!

Viên A bảo ⁽¹⁾ gượng nhẹ giải quyết:

— Ở đây có một nơi nhà xí ở chỗ dưới chân thành, đã vắng vẻ, lại sạch sẽ, phía trước còn có thêm một cái ao, rất tiện!

Nhưng vị y sư vẫn nằng nặc đòi ra ở bên ngoài. Và ông tự tìm lấy nhà trọ để ở. Từ nơi nhà trọ, Lãn Ông gửi thư cho Huy quận công Hoàng Đình Bảo, thiết tha bày tỏ nỗi nhờ nhà để xin được rời kinh đô, về quê quán:

«*Tỉnh giấc dậy, đi về chưa toại*

Trước thềm nhà, trăng lại mọc ngay

Hồ bằng, thu sắc rạng đầy

Một chim rêu rất tiếng bay lia đàn

Chơi núi cũ mơ màng nằm thấy

Nơi để thành mình hãy còn đây

Người khôn nên giả làm ngây

Hư danh quấy mãi thân này làm chi? » ⁽²⁾

Chưa biết rõ chí hướng ấy, các vị công hầu khanh tướng chốn kinh kỳ, chỉ nghe dậy tiếng tăm ông già lười kỳ dị của xứ Nghệ, đã rầm rập ngày đêm, xe, ngựa, kiệu, võng, tìm đến xin kết giao, xướng họa, và nhất là xin chữa bệnh, trong khi Lãn Ông cố tìm cách trốn chuyển hết nhà trọ này sang nhà trọ khác. Sốt ruột chờ lệnh của Huy quận công cho phép trở về, vị y sư lại làm thơ:

(1) Chức quan trông nom con cái vua chúa.

(2) Nguyên văn chữ Hán, Phan Võ dịch

«Thuốc gì chữa được mạng khanh tướng?

Lòng khá tàu lên với quỷ thần.

Chỉ có tiếng thorn đời dễ mãi.

Giàu sang giả dối vốn phù vân»⁽¹⁾

Trước một ý chí không thể chuyển lay như thế của vị y sư cao ấn, Huy quân công mặc dù đã hết ý lưu giữ Lê Hữu Trác ở lại kinh đô phục vụ chúa Trịnh⁽²⁾, cuối cùng, cũng đành phải ngán ngẫm bỏ tay.

Lê Hữu Trác dò biết được thái độ ấy của viên quan đầu triều, vội vã làm ngay một cuộc chạy trốn thực sự. Và chỉ đến khi đã xuống được thuyền ở bến Tràng Tín⁽³⁾ để xuôi dòng về Hương Sơn, Lãn Ông mới thở được một hơi dài nhẹ nhõm. Giữa cảnh bát ngát nước trời, lời thơ phóng khoáng lại cất lên cùng với nỗi lòng giục giã tìm mau về nơi ẩn dật của vị y sư:

«Lên đường từ già long lâu

Gươm đàn nửa gánh, rồi mau đô thành

Ngựa quen đường cũ về nhanh

Quay thuyền khó lúc lênh - dênh giữa dòng

Đa tình mây muốn che nồng

Nước non mở mặt như lòng vì ai...»⁽⁴⁾

III

Đất rừng Hương Sơn ra hoa nẩy lộc mừng đón người thân trở về. Trẻ già trấn Nghệ yên dạ hồ hởi gặp lại vị

(1) Nguyên văn chữ Hán, Phan Võ dịch.

(2) Chính Hoàng Đình Bảo đã có lần tàu với chúa Trịnh Sâm rằng Lê Hữu Trác «là người quê mùa, ăn nói vụng về, nhưng về mặt hiểu sâu sắc trong y lý, thì thầy thuốc trong thiên hạ không ai hơn được».

(3) Tức là Thường Tín, thuộc Hà Tây ngày nay.

(4) Nguyên văn chữ Hán, Phan Võ dịch.

y sư. Và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, như cá được thả lại vào nước, lại chữa bệnh, lặn lội hết thôn này đến xóm khác, tìm thuốc lang thang từ rừng nọ sang núi kia, dễ rồi, yên tâm đắm mình trong những dòng thơ kỳ thú:

«Ngày ngày xem bệnh vừa xong

Đêm đêm tựa bóng trăng trong gáy đàn

Vùng đông cao, vẫn ngủ trằn

Bởi lòng mơ tưởng chữ nhân mà say»⁽¹⁾

Bộ Tâm lĩnh của cả một đời làm thuốc chất ngất giữa thư phòng, trong chuyến đi vừa rồi cố công lo việc khắc in không thành, bây giờ Lãn Ông lại cặm cụi sửa sang và viết thêm.

Hôm nay, Lê Hữu Trác cẩn thận ghi chép tỉ mỉ về một trường hợp chữa bệnh mà mỗi lần nghĩ tới, vị y sư lại thấy hiện lên như vẽ ra trước mắt từng cảnh, từng việc, từng người...

«Một người dân chài tên là Thuộc, có con gái 13 tuổi mắc chứng Đậu mùa. Lúc mới phát nóng, vì ngoại cảm nặng nên nhừ đầu, đau mình, không có mồ hôi, sợ lạnh, sốt cao, mũi ngạt, tiếng nặng, ho, phiền khát, mê man nói nhảm, đại tiện táo kết, tiểu tiện sền dờ.

«Người đó mời tôi đến chữa.

«Lúc đầu, tôi cũng không đề phòng là phát Đậu. Thấy đứa bé sức vóc đen gầy nên trong huyết được, thêm vị biểu được để phát tán. Nhưng tuy ra mồ hôi mà nóng không lui. Lại dùng thanh giả để cho hơi lợi một chút. Nhưng nóng cũng không bớt. Liều dùng thuốc làm mạnh thủy để chế hỏa. Dù chưa bớt được nhiều, nhưng tình thần đã hơi tỉnh, phiền khát khỏi dần.

«Hết thuốc, bệnh lại như cũ.

(1) Thơ của Lãn Ông trong tập Y lý thần nhân.

« Lúc đó, đã nóng đến 6 ngày. Tôi rất ngờ, lại thân hành đến xem thì thấy tai, xương cùn, ngón tay giữa đều lạnh, mạch Trầm sắc. Vả lại, mạch chứng Đậu, từ lúc phát nóng đến khi mừng mủ, cần phải Phù đại, không nên Trầm tố. Đây là vi huyết nóng độc thịnh quá. Tôi dùng thang *Thăng ma Cát căn*, gia những vị lương huyết giải độc như Tử thảo, Hồng hoa, Ngưu hoàng, Xuyên khung để thanh nhiệt thác độc. Tuy thấy nóng mà không dám vội dùng thuốc hàn lương sợ lạnh làm độc không ra được.

« Đến tối, tôi lại đến xem. Soi đèn thấy Đậu mọc lõm ở trong da, khắp mình vẫn đỏ. Lúc đó lại kiêm chứng trong bụng trướng đau, đánh rấm rất thối. Biết là trong có phân tích lại và độc ứng tắc, tôi lại dùng phương thuốc trước, gia Đại hoàng rửa rượu để hơi hạ một chút.

« Sáng sớm hôm sau, tôi lại tới xem, thấy trên trán đứa bé có đám đỏ như son, hai gò má, dưới cằm có mụn đầy như trứng tằm, ở ngực, ở lưng hơi rỗ quả đậu, ở tay chân, mụn mọc chi chít như dầu kim. Đứa bé nhai nuốt thì trong cổ họng vương vương như có vật gì làm hơi đau. Mình nóng rất như lửa. Mặt đã hơi sưng... »

Lăn Ông dùng bút, lấy tay xoa trán, vuốt mặt. Trí óc tập trung đã quá căng thẳng để cho việc nhớ lại và chép ghi không thể sai sót một chi tiết nhỏ, giờ đây đã khiến vị y sư như không phải một mình ngồi trước xấp giấy nữa, mà rõ ràng đang sống giữa cảnh ngộ của mình ngày ấy...

Một bên sông hoang vắng hiện ra. Con đò nát gối mình trên cát nóng mùa hạ. Trời oi bức như đốt như thiêu. Và mùi tanh thối xông lên nồng nặc.

Lom khom chui ra khỏi lòng thuyền chật chội, Lăn Ông cố nén cơn buồn nôn, đưa tay gạt những giọt mồ hôi chảy đầm đìa trên mặt. Buổi thăm bệnh thật quá nặng nhọc đối với tuổi tác của vị y sư. Và ác chứng của con bệnh hiểm nghèo khiến cho ông già làm thuốc nản lòng. Một cơn nóng giận đột ngột kéo đến.

— Chứng Đậu của cháu rất nguy hiểm. Tôi không chữa được đâu! Bác nên tìm thầy khác xem họa may có vớt vát được phần nào thì vớt!

Lăn Ông dăm dẳng nói với người ngư dân khốn khổ, đoạn lùi lũi đi thẳng về nhà.

Nhưng không ngờ là ngay tối hôm ấy người ngư dân đã lại lần đến, cả hai vợ chồng và một mâm lễ vật: 5 quan tiền dài cùng với trầu cau đủ bộ. Gia đình chài nghèo đã bán cả đồ nghề của mình để chạy cho được khoản đó, nghĩ rằng vị y sư có thể vì thấy thiếu cái đó mà chưa hết lòng chữa bệnh cho con mình. Và thế là, mỗi bên một ý, vật nài, thoái thác, van xin, chối từ... Cuối cùng hiển nhiên là một kết thúc sầu thảm: vợ chồng nhà chài gạt nước mắt, thất thểu ra về, trong bụng chỉ còn biết tủi hờn cho cái số phận nghèo hèn và bất hạnh của mình...

Nghĩ đến đây, Lăn Ông không cảm lòng được nữa, vị y sư vội lấy bút, dăm [mạnh vào nghiên mực, và viết tiếp:

« Trước cảnh tượng đó, tôi cảm động vô cùng. Nghĩ rằng: thầy thuốc đời nay chỉ là thầy thuốc của kẻ giàu sang, không phải thầy thuốc của kẻ nghèo hèn. Nếu thấy kẻ rách rưới đã không muốn đếm xỉa, thì khi nào họ còn chịu tốn thuốc cứu chữa để mong sự báo đáp vu vơ? Vả lại, làm thuốc là nhân thuật, chỉ nghĩ sao cứu sống được người. Nếu ta mất chút thì giờ mà người

được sống trọn đời, thì tuy mất mà cũng là được. Huống nữa, nhà kia đương tìm cái sống ở trong chỗ chết mà trông cậy ở thầy thuốc. Thầy thuốc lại có thái độ dễ làm khó bỏ thì làm thuốc dễ làm gì?

« Tôi liền sai trẻ gọi người kia trở lại mà bảo :

« — Không phải tôi khinh bác nghèo mà không giúp đỡ. Chỉ vì sức tôi không chịu nổi khó nhọc đó thôi. Trước bác còn có ăn, có mặc, tôi không chữa thì có thầy khác chữa, nhưng nay bác nghèo ngặt quá, tất họ không chữa cho đâu, cho nên tôi phải cố chữa. Nhưng bệnh cháu mười phần, chết chắc tám phần. Nay tôi không tiếc thuốc men, không nề vất vả, may ra muôn phần có kéo lại được một, cũng là nhờ ân đức của nhà bác. Số tiền bác cầm đến, hãy mang về để mua gạo củi!

« Nói xong, tôi thấp đuốc tới xem thì thấy bệnh nhi bụng trướng hơn trước, chối nắn không cho sờ tay vào. Tôi cho đó là hiện tượng nhiệt ung tặc ở trong, trướng vị táo bón, nếu không mau sơ thông cả biểu và lý, thì âm dương không sao thông đạt để đẩy độc tả ra. Tôi liền dùng bài *Quế chi Đại hoàng thang*, gia những vị thăng khí thác độc, cho uống. Uống xong, ỉa được một chút thì trướng đau đều khỏi, liền bảo thôi, không dám dùng hết thang. Lại nghĩ: huyệt hầu là cửa ngõ của thủy cốc, là then khóa của toàn thân, không thể để chậm được. Liền dùng bài *Sưu độc tiễn*, gia những vị Cam thảo, Cát cánh, Ngưu hoàng, Huyền sâm, Kinh giới. Quả nhiên, uống hai thang thì chứng vương vương như vật rắn ở cổ khỏi hết, chỉ còn hơi đau.

« Bốn ngày sau, nốt đậu mới mọc đều, những chỗ giữa trán, hai gò má dày chỉ chút không hở chỗ nào, tình trạng giống như bưng đầu trùn gáy, không nói cũng biết, chân tay lại còn dày hơn, không phân rõ

ranh giới; chỉ ở lưng và ngực hơi thưa, tuy có mọc lên thành mụn, nhưng đầu phẳng sắc tia, may mà sờ tay vào còn chuyển sắc trắng. Tôi nghĩ, nếu không dự phòng thanh nhiệt giải độc, nhất là chú ý thác độc ra, thì độc sẽ phục lại, dẫn đến chỗ hãm đen, hãm tia. Liền dùng bài *Hoàng liên giải độc thang*, xen lẫn với những vị Xuyên khung, Đương qui, Liên kiều, Cát cánh, Sơn tra, Huyền sâm, Đơn bì, Hồng hoa, Xích thực, Gạo nếp, Hoàng cầm, Thạch cao, Tử thảo, Búp măng, Sâu dầu, Xuyên sơn, Linh dương, tùy chứng lựa dùng, hàng ngày thay đổi cho uống.

« Đậu mọc dần lên, khi đã đầy ở đầu mụn, huyết đã phụ ở chân mụn. Sắc tia dần đổi ra sắc đỏ nhạt, dưới ánh đèn lấp lánh coi có thần sắc. Nhưng vì khí huyết khô độc ung tặc, trướng vị táo bón, nên thang nào cũng dùng Đại hoàng cho thông lợi một chút thì nóng hết. Không cho uống như thế thì lại có trạng thái lìm lìm không biết gì.

« Đến ngày thứ bảy, thể nóng lui dần, độc đã hóa dần thành mủ.

« Đến ngày thứ tám, mủ đã hơi vàng, tôi mới dám cho uống thuốc bổ khí, như *Bảo nguyên thang*, gia vị Lộc nhung để tuần bổ, thêm Gạo nếp, Gai bồ kếp, Sữa người, gia ít Nhục quế để thúc độc ra ngoài. Lại chiêu cổ đến phần huyết, dùng thuốc lương bổ, để phòng gãi đập ra. Lúc này mùi đậu rất thối. Tôi mừng, cho là khí độc đã ra hết... »

Nhưng cuộc vật lộn với bệnh tật vẫn chưa kết thúc được ở đây. Lăn Ông lại buông bút, xoa trán, vuốt mặt, nghĩ đến những biến chứng ác liệt của Đậu mà vị y sư đã phải đem hết sức lực và trí tuệ để đối phó rờn rã

thêm nửa tháng trời nữa. Thử thách quả là lớn: con bệnh bỗng đứng lên cơn sốt rét run cầm cập, rồi thối, rồi tả, và Đậu chuyển thể đảo áp trắng xám.

Phải chăng đây là chứng Đậu « quay quả » như sách vẫn nói? Lãn Ông căng óc tính toán, cân nhắc và quyết định một phép chữa khác hẳn: dùng ôn bổ để tăng lực vì nghĩ chắc chắn rằng cháu bé đã kiệt sức sau những ngày nung bệnh, chứ không phải do Đậu quay quả. Ấc bệnh quả đã không đánh lừa được vị y sư lão luyện: cơn nguy kịch lui dần. Nhưng mấy ngày sau lại thấy xuất hiện triệu chứng mới: Đậu không chịu bong vảy trên khu mặt bệnh nhi. Một tể *Bổ trung thang*, gia Xuyên khung, giảm Hoàng kỳ, sắc đặc, cuối cùng mới giúp được Lãn Ông giải quyết căn bệnh...

Vị y sư khe khẽ thở dài, cầm bút viết tiếp những lời tổng kết:

« Tôi chữa bệnh Đậu này, ngày đêm không dám bỏ vắng. Khi sinh ra « tặc đậu » « đình đậu » thì phải từ tay khêu ngay. Mỗi khi tới xem thì phải cởi hết quần áo để ở trên bờ, mình trần mà vào, lấy bông nút mũi, nín hơi như dân chài lặn ở trong nước, xem một mạch rồi ra ngay, khắp mình mồ hôi nhễ nhại. Về nhà, lại phải xông tắm rồi mới ăn uống được. Không những thế, phẩm gạo củi dầu đèn, thiếu đâu giúp đó. Tính ra, từ khi phát nóng đến khi khỏi hẳn, trước sau 1 tháng 4 ngày, khoản chi phí về thuốc của tôi không hết 5 quan tiền mà làm cho người ta được sống, toàn thân không bị hư hỏng chỗ nào » ⁽¹⁾.

(1) Đoạn này viết theo bệnh án số 8 trong tập *Y dương án* (Những bệnh án chữa khỏi). Những câu đặt trong ngoặc kép là trích nguyên văn. Trường hợp xảy ra bệnh án này, Lãn Ông ghi niên điểm Kỷ Mão (1759).

Những trang sách đã viết xong, Lê Hữu Trác buông bút mà vẫn thấy tâm thần lâng lâng sáng khoái. Vị y sư rung đùi, mồm lẩm nhẩm không rõ lời một câu thơ cổ, trong khi tay lại cầm lấy bút viết thêm xuống cuối trang:

« *Vương Ứng Chấn* nói: « Nhà làm thuốc có công tạo hóa » quả đúng như thế này chăng? »

Vị y sư bất giác ngả người, tựa lưng vào chiếc trường kỷ, phanh tà áo rộng, kéo trề xuống dưới vai. Và húng chi hết xoa bộ ngực to rộng lại vuốt chòm râu thưa dài cùng mái tóc bạc để xoa đến vai ⁽¹⁾. Tiếng ngâm bỗng buột ra từ khuôn miệng đang rạng rỡ một nét cười lành:

« *Chỉ muốn người đời không có bệnh
Ngâm thơ uống rượu được thanh nhàn* » ⁽²⁾

VĂN LANG

(1) Hình ảnh này dựa theo pho tượng nhỏ, tạc hình Lãn Ông, tìm thấy ở Kiêu Kỳ (Gia Lâm — Hà Nội).

(2) Thơ dịch trong tập *Y huấn cách ngôn* của Lãn Ông (nguyên văn chữ Hán).

NGUYỄN HUỆ

I

Từ khi mở trường dạy học ở ấp Yên Thái⁽¹⁾, học trò có nhiều, nhưng thầy giáo Hiến đặc biệt rất mến đám con Nguyễn Phi Phúc⁽²⁾. Trong ba anh em (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ) Nguyễn Huệ là út, nhỏ nhất lớp, nhưng là trò giỏi, nổi tiếng thần đồng, không ai địch được. Tuy còn nhỏ, nhưng Nguyễn Huệ sớm tỏ ra là người có trí, can đảm, sâu sắc, nhất là có tài điều khiển, thu hút chúng bạn trong mọi trò chơi. Những câu hỏi của cậu bé, phần lớn dễ lật ngược lại nghĩa sách, khiến cho thầy giáo Hiến, một người có tài, từng trải, phải nhiều phen lúng túng. Nhưng thầy giáo Hiến cũng rất ưa những câu hỏi bất ngờ, thể hiện sự khát khao muốn hiểu biết đến cùng tận của cậu bé Nguyễn Huệ. Vốn là một môn khách rất được kính trọng của nhà Trương Văn Hạnh, một người có thể lực triều Định Vương⁽³⁾, nhưng thầy giáo Hiến lại là người bất đắc chí. Bởi vì, khi Trương Văn Hạnh bị quốc phó Trương

(1) Nay thuộc huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định

(2) Cha mẹ Nguyễn Huệ là Nguyễn Phi Phúc và Nguyễn Thị Đồng.

(3) Làm chúa từ năm 1765 đến 1778.

Phúc Loan⁽¹⁾ vì kinh địch sát hại, giáo Hiến phải trốn vào Quy Nhơn⁽²⁾ mở trường dạy học ở ấp Yên Thái. Buồn rầu vì không được thi thố tài năng, nên hơn ai hết, giáo Hiến rất quý trọng người có tài trí. Giáo Hiến đặc biệt quý Nguyễn Huệ, cậu bé tóc quăn, da sần, tiếng nói sang sảng như chuông, cặp mắt hùng thư mà sáng như chớp⁽³⁾ là vì vậy.

Một hôm sau khi tan học, giáo Hiến gọi Nguyễn Huệ lại hỏi:

— Có phải ở nhà tía má anh vẫn gọi anh là Thơm phải không?

Nguyễn Huệ tinh nghịch đáp:

— Thừa thầy vâng. Vì hoa Huệ rất thơm a.

— Anh là một người cũng thích hoa? Vậy anh thích hoa nào nhất?

— Hoa Huệ a!

— Vì sao?

Vì gốc của hoa mọc từ đồng dai hoang dã, dáng của hoa vươn thẳng cứng cáp, hương của hoa thơm ngào ngạt không lẫn được. Đây là nói về hoa. Còn về người — thừa thầy — tổ tiên con vốn ở Hưng Nguyên, trấn Nghệ An. Trong một trận giao tranh giữa chúa Nguyễn và chúa Trịnh, ông tổ bốn đời của con bị chúa Nguyễn bắt vào đây khai khẩn. Gốc gác của con — Nguyễn Huệ mỉm cười — cũng giống loài hoa ấy lắm chứ.

(1) Trương Phúc Loan thâm tóm binh quyền triều Nguyễn, mặc sức làm giàu bằng cách bán quan buôn tước. Loan có hẳn một biệt thự Phấn Dương để chứa của. Sau một trận nước lụt, Loan phơi vàng bạc đầy sân.

(2) Quy Nhơn xưa gồm các tỉnh Bình Định, Công Tum và Plây Cu ngày nay.

(3) Các sách xưa đều tả Nguyễn Huệ như thế.

bình được, đáng lẽ ngôi chúa phải thuộc về người con lớn tuổi hơn cả của Phúc Khoát là Nguyễn Phúc Luân và chính Phúc Khoát trước lúc chết cũng có ý ấy. Nhưng quyền thần Trương Phúc Loan đã phế lập Phúc Luân, bắt Luân bỏ ngục, giết chết những người thân cận của Luân và đưa người con 11 tuổi của Phúc Khoát là Phúc Thuần lên làm chúa. Từ đấy, Trương Phúc Loan thâu tóm binh quyền trong tay, gia ân báo oán, ngày càng tham tàn bạo ngược, đến nỗi, bọn quan lại triều Nguyễn đều oán ghét Trương Phúc Loan và muốn phủ hoàng tôn Phúc Dương lên ngôi chúa.

Lợi dụng cơ hội ấy, năm 1771, anh em Tây Sơn hiệu triệu dân chúng: «đánh đổ Trương Phúc Loan ủng hộ hoàng tôn Dương», «lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo» để phát cờ khởi nghĩa.

Nguyễn Huệ khi ấy 19 tuổi, nảy ra sáng kiến, lập các toán nghĩa binh tỏa về các ấp, xuống các chợ để truyền bá nghĩa lớn, đồng thời lấy của cải của bọn quan lại và bọn nhà giàu phân phát cho dân nghèo⁽¹⁾. Chẳng mấy chốc, trai tráng trong vùng, không kể là người Kinh, người Chăm, người Ba Na, người Gia Rai hay người Xê Đăng, đều lũ lượt đến gia nhập đội quân nông dân Tây Sơn. Một số thổ hào, đại phú⁽²⁾, các đạo quân Hòa nghĩa và Trung nghĩa người Hán⁽³⁾ cũng đến tụ nghĩa. Đội quân nông dân ấy nhanh chóng tăng lên hàng vạn người.

★
★

(1) Hoạt động này của quân Tây Sơn, được giáo sĩ Tây Ban Nha E-ma-nu-en Ca-xtu-ơ-ra (Emanuel Castuera) ghi lại.

(2) Thổ hào như Nguyễn Thung, đại phú như Huyện Khê.

(3) Của các tướng Tập Đình, Lý Tài.

Sau khi chiếm được các thành Quy Nhơn, Quảng Nam, Diên Khánh, Bình Khang và Bình Thuận, quân Tây Sơn bỗng lâm vào thế nguy. Mùa hè năm 1774, chúa Nguyễn sau lúc choáng váng đã cử Tổng Phúc Hiệp — một tướng giỏi — đem 2 vạn quân theo hai đường thủy bộ tiến đánh quân Tây Sơn. Trước thế giặc mạnh, quân Tây Sơn phải rút khỏi Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang để giữ vùng đất từ Phú Yên đến Quảng Ngãi. Mùa đông năm ấy, một tin dữ khác lại truyền đến: chúa Trịnh cử danh tướng Hoàng Ngũ Phúc đem gần 4 vạn quân vượt sông Gianh tiến vào Thuận Hóa. Rồi đầu năm 1775, quân Trịnh tiến như vũ bão vào đánh Phú Xuân⁽¹⁾, tiến xuống Quảng Nam rồi vượt đèo Hải Vân đánh quân Tây Sơn. Các đại tướng Tây Sơn Lý Tài và Tập Đình xuất trận quyết cản bước tiến của quân Trịnh. Nhưng quân Tây Sơn bị đại bại ở Cẩm Sa⁽²⁾. Tập Đình bỏ nghĩa quân chạy tháo thân về nước.

Sau trận thua ấy, quân Tây Sơn phải rút khỏi Quảng Nam. Nhưng quân Trịnh vẫn tiếp tục tiến, Nguyễn Nhạc, Lý Tài phải đem quân về Quy Nhơn. Nhân dịp ấy, tướng Tổng Phúc Hiệp đem toàn quân đánh lấy Phú Yên. Quân Tây Sơn ở cánh này cũng phải rút về Quy Nhơn. Bị kẹp giữa hai kẻ thù có binh mạnh tướng hùng, quân Tây Sơn có cơ bị diệt.

Nguyễn Nhạc lo lắng triệu Nguyễn Huệ đến hỏi:

— Vì dễ dễ lôi kéo dân chúng nên biết chú là người có tài cầm binh, tôi vẫn phải trao quyền đại tướng cho Lý Tài và Tập Đình. Nay, Tập Đình bỏ chạy, Lý Tài thì thắng dễ kiêu, bại dễ nản, xem ra không thể giao trọng binh cho ông ta được.

(1) Huế ngày nay.

(2) Thuộc Quảng Nam.

— Ý tưởng anh lạ lắm — thầy giáo Hiến thừa nhận —
Mới rồi thầy có đọc thấy một câu sấm: « Tây khởi
nghĩa, Bắc thu công ». Anh hiểu câu ấy thế nào?

Thầy giáo Hiến sững sốt nghe thấy cậu bé Nguyễn
Huệ đáp:

— Bây giờ thần ninh chúa hôn. Nhân tâm dằng trong,
đảng ngoài đều tư loạn, dân chúng lầm than. Xem ra
thời bệnh ngày một trầm trọng. Thế tất không tránh
khỏi một cuộc biến cách lớn!

Thầy giáo Hiến không giấu được những điều bao lâu
ấp ủ:

— Ấp Tây Sơn này núi non hiểm trở, dân cư đông
đúc, giàu có nhất Quy Nhơn. Đâu cũng sẵn nhiều voi
lớn, ngựa hay; người người lại chuộng võ nghệ. Anh
là người Tây Sơn, cứ cố đi. Người anh hùng không cần
dời tuổi.

Được thầy giáo Hiến khích lệ, Nguyễn Huệ vừa học
văn vừa dùi mài binh thư và luyện tập võ nghệ. Ở
lĩnh vực nào cậu bé cũng tỏ rõ là người thông minh
xuất chúng đến nỗi thầy Hiến, con người tinh đời
nhưng kiêu ngạo, thường nhón các văn quan võ tướng
triều Nguyễn bằng nửa con mắt, đã thực sự khâm phục
Nguyễn Huệ. khắp vùng đồn đại về cậu bé. Và, cùng
với năm tháng, tài năng của Nguyễn Huệ lớn vụt lên
nhanh chóng như con người. Hơn thế, tài năng ấy được
nghĩa lớn ngày đêm thôi thúc, khiến Nguyễn Huệ sớm
có được tầm nhìn xa biết rộng, sớm gần bó với quần
chúng lầm than, mưu sự nghiệp lớn.

★
★★

Nguyễn Huệ lớn phổng lên thành một chàng trai tuấn
tú. Lòng khao khát hiểu biết không dừng lại ở sách vở

mà là mở rộng ra cuộc sống. Nhưng cũng là lúc cả nước
đang chìm trong một bể biển động. Ở đảng ngoài, dân
nghèo bị vua chúa và bọn nhà giàu cướp ruộng, tăng
tô thuế, phải phiêu tán dạt diu nhau kiếm ăn đây
đường, đây chợ. Thóc gạo quý như vàng. Dân đói đã
phải ăn rau, ăn cỏ, ăn cả thịt chuột, rắn. Nhưng nguồn
sống ấy rồi cũng cạn. Các ngã đường xác chết chồng
lên nhau. Số dân mười phần không còn một⁽¹⁾. Ở đảng
trong, giai cấp thống trị từ bọn nhà chúa đến các quan
to quan nhỏ, đua nhau làm giàu trên máu xương của dân
chúng, coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn⁽²⁾.

Bọn người ấy lại xa hoa dâm dật đến cùng cực.
Chúa Nguyễn Phúc Chu có tới 146 đứa con. Chúa
Phúc Thuận dâm loạn đến nỗi mới 16, 17 tuổi đã mắc
bệnh không gần đàn bà được. Để mua vui, tên chúa này
thường bắt phượng hát dâm loạn với cung nữ ngay
trước mặt mình⁽³⁾. Chúa đã vậy, bọn triều thần ăn chơi
không kém. Đại thần Nguyễn Nghiêm có tới 120 vợ lẽ
nàng hầu. Bọn quan lại này chia bè phái lũng đoạn
triều chính, mặc sức cướp bóc dân lành. Vì vậy, đảng
trong cũng như đảng ngoài, dân nghèo liên tiếp nổi dậy.
Anh em Tây Sơn theo sát tình thế, hiểu thấu dân tình,
gấp rút chuẩn bị dấy binh. Trong công cuộc chuẩn bị
ấy, Nguyễn Huệ sớm tìm ra chỗ yếu nhất của hiện tình
triều Nguyễn để đánh chúng. Ấy là năm 1765, chúa
Nguyễn Phúc Khoát chết. Lúc còn sống, Phúc Khoát
đã lập người con duy nhất của chính phi lên làm thế
tử để nối ngôi chúa. Nhưng người ấy chết sớm để lại
một đứa con là Nguyễn Phúc Dương. Khi Phúc Khoát
chết, Phúc Dương còn nhỏ quá không lên cầm quyền

(1) Theo *Việt sử thông giám cương mục*.

(2) (3) Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn.

— Anh nói rất hợp ý tôi — Nguyễn Huệ cắt lời — nhưng việc chọn tướng hãy bàn sau. Bây giờ phải nghĩ kế thoát ra khỏi cái thế nguy khốn này. Hiện sức ta không thể cùng đương đầu với quân Trịnh, quân Nguyễn được mà phải giảng hòa gấp với một trong hai kẻ thù ấy. Hoàng Ngũ Phúc trải việc đời, có tài cầm quân, rõ là kẻ cần phải giảng hòa. Hòa một kẻ thù, đánh một kẻ thù, chính là kế vẹn toàn vậy.

Nguyễn Nhạc phẩn chấn:

— Chú đã vén cho tôi một đám mây mờ. Chẳng hay muốn giảng hòa với quân Trịnh phải làm thế nào?

— Quân Trịnh cậy đông, hùng hổ vậy nhưng cũng đã thấm mệt. Anh cứ cho sứ đến thương thuyết bảo Hoàng Ngũ Phúc rằng ta nhận làm quân tiên phong để đánh chúa Nguyễn. Hoàng Ngũ Phúc tất phải biết là ta không thật bụng. Nhưng hắn sẽ nhận lời vì, nếu ta thắng, hắn đỡ công khó nhọc mà thu được đất mới. Nếu ta bại hắn nhân đó mà giết ta để mở đường đánh chúa Nguyễn.

Nguyễn Nhạc cười ha hả:

— Em ta tuổi trẻ mà mưu cao. Ta chịu không nghĩ được như thế.

Rồi, quả như lời Nguyễn Huệ, Hoàng Ngũ Phúc nhận giảng hòa với quân Tây Sơn và phong cho Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn trưởng hiệu, tráng tiết tướng quân. Hơn thế, viên tướng Trịnh này đã cử Nguyễn Hữu Chỉnh, tức cống Chỉnh vào tận Quy Nhơn ban gươm, cờ, ấn, áo, mũ, ngựa cho Nguyễn Nhạc⁽¹⁾.

★
★★

(1) Được cử đem binh vào Nam, Hoàng Ngũ Phúc được chúa Trịnh cho toàn quyền định đoạt mọi việc.

Tam yên mặt Bắc, quân Tây Sơn dốc sức đánh quân Nguyễn. Nhưng ở Phú Yên chúng có đến 2 vạn quân. Ngoài ra ở Vũng Lắm, Xuân Đài⁽¹⁾, Tổng Phúc Hiệp cũng cho đóng quân để vừa chống đỡ, vừa cứu Phú Yên khi cần. Vì vậy, việc đánh quân Nguyễn ở Phú Yên không dễ dàng. Mấy hôm rồi Nguyễn Nhạc vẫn phân vân chưa chọn được đại tướng. Trao binh quyền cho Nguyễn Huệ, Nhạc sợ Lý Tài ghen tỵ. Nhưng rõ là lâu nay Lý Tài bại trận liên tiếp mất hết lòng tin của quân sĩ, thì không thể giao cho trọng trách được. Bản thân Nguyễn Nhạc cũng tự thấy sức mình không làm nổi. Vì vậy, suy đi tính lại, Nguyễn Nhạc quyết định giao chức đại tướng cho Nguyễn Huệ. Hay tin ấy, quân Tây Sơn vui mừng khôn xiết. Nhưng Lý Tài dùng dùng nổi giận, nói với Nguyễn Nhạc:

— Huệ tài thật, nhưng tuổi còn trẻ sao cầm được trọng binh?

Nguyễn Nhạc phẫn trần:

— Có ông giúp sức, em ta chắc làm nên việc lớn. Ông không thấy em ta đang luyện quân rất nghiêm đó sao?

— Tôi chỉ thấy Huệ cho may cờ, áo, chú ý về phẩm phục nhiều hơn là luyện võ. Vả tướng soái gì mà lúc nào cũng cặp kè với quân sĩ, quân lệnh sao nghiêm được?

— Con ngựa hay cần hay đá mới là con ngựa hay. Nguyễn Nhạc nén giận nói — Thử chờ xem sao!

★
★★

(1) Xuân Đài cách Vũng Lắm 4 km. Vũng Lắm cách Phú Yên 10km.

Tổng Phúc Hiệp đang nằm nghỉ trong bản doanh của mình thì được lính canh vào báo: có sứ Tây Sơn là Nguyễn Văn Chất xin ra mắt. Lập tức, Tổng Phúc Hiệp dàn võ sĩ và quân lính gươm kiếm tuốt trần suốt lối đi rồi cho sứ Tây Sơn vào. Vừa thấy Nguyễn Văn Chất, viên danh tướng già triều Nguyễn lớn tiếng mắng:

— Lâu nay Nguyễn Huệ luyện quân sĩ mưu đánh ta. Nay nhà ngươi được tặc tướng sai đi dò xét nội tình quân bản triều phải không? Là tôn thất của chúa, ngươi không biết nhục sao?

Y theo kế của Nguyễn Huệ, Nguyễn Văn Chất đáp:

— Đại tướng tôi biết ông có lòng yêu mến hoàng tôn⁽¹⁾ chứ không phục Phúc Thuần lên ngôi chúa. Nay tên quốc tặc Trương Phúc Loan đã bị giết⁽²⁾, nạn nước đã qua. Vậy chính là lúc chúng ta nên lập hoàng tôn lên ngôi chúa cho yên xã tắc.

— Sao — Tổng Phúc Hiệp bốt giận dữ — anh em Tây Sơn cũng có bụng ấy?

— Điều ấy đã hẳn — Chất đáp tự tin — Nguyễn Huệ còn biết ông là danh tướng, quân Tây Sơn không địch được. Mà quân Trịnh thì đã phơi bày hết tâm địa của kẻ tham, muốn lấn đất chiếm dân của chúa. Vậy còn đợi gì mà ông không cùng anh em Tây Sơn nhân lúc này trừ hẳn một kẻ địch từ xa đến. Nguyễn Huệ sẽ xin làm tướng tiên phong để ông đốc suất trung quân.

Tổng Phúc Hiệp ngồi lặng đi hồi lâu. Những điều sứ Tây Sơn vừa nói như đọc được lòng hẳn. Có điều hẳn còn hồ nghi chưa tin. Vì vậy, hẳn tiến lại gần Nguyễn Văn Chất, giọng chim đi:

(1) Chỉ Nguyễn Phúc Dương.

(2) Chúa Nguyễn nộp Trương Phúc Loan cho Hoàng Ngũ Phúc vào năm 1774.

— Nguyễn Huệ trẻ tuổi mà nhìn thấu được ruột gan ta. Vì chút tình riêng ông không được dối ta. Nguyễn Huệ thực bụng vậy sao?

— Lý Tài cầm binh bao phen đại bại với quân Trịnh, Nguyễn Huệ đang nóng lòng rửa mối quốc thù ấy. Sao tôi lại nói sai!

Tổng Phúc Hiệp bãi việc dàn đặt quân sĩ thì oai rồi mở tiệc đãi sứ Tây Sơn. Nhưng ngày hôm sau, giữa lúc Tổng Phúc Hiệp và Nguyễn Văn Chất bắt đầu thương thuyết cụ thể thì chợt quân canh vào báo: có đội quân la mịch sắc phục đỏ đang trùng điệp kéo đến. Tổng Phúc Hiệp tóm áo Nguyễn Văn Chất thét lớn:

— Nguyễn Huệ lừa ta. Cả ngươi cũng lừa ta.

Nguyễn Văn Chất mặt lạnh như tiền, chậm rãi đáp:

— Ông hãy lên mặt thành xem có đúng là Nguyễn Huệ mang cờ trắng không?

Tổng Phúc Hiệp lên mặt thành. Hắn kinh hoàng nhìn thấy bụi đường bốc lên mù mịt theo bước đoàn quân sắc phục đỏ. Đoàn quân đông như kiến cỏ đi chật đường, đi men theo đồi, đi tràn ra đồng ruộng. Đoàn quân ào ạt tràn tới thành như một dòng thác. Chưa kịp định thần, Tổng Phúc Hiệp đã nhận ra Nguyễn Huệ ngồi trên bánh voi dẫn đầu đoàn quân vừa chỉ tay ra một mệnh lệnh gì đấy. Từng trải chinh chiến, là viên dũng tướng bao phen xông pha giữa đội ngũ quân Trịnh, nhưng vì quá bất ngờ, lại ức vì trúng độc kế của viên tướng trẻ Tây Sơn, hăm rằng Tổng Phúc Hiệp như cứng lại, không ra nổi một mệnh lệnh. Đến lúc Tổng Phúc Hiệp thét gọi tướng sĩ lên mặt thành, thì Nguyễn Văn Chất đã cao chạy xa bay và quân Tây Sơn đã hò reo náo động ập tới thành. Tổng Phúc Hiệp sai phó tướng Nguyễn Văn Hiến đem quân tràn ra. Lập tức viên tướng quân Nguyễn bị chém chết, quân Nguyễn tan vỡ.

Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên lại được lệnh đem quân ra chặn. Thoắt một cái, Kiên đã bị Nguyễn Huệ bắt sống. Quân Tây Sơn nhân cơ hội ấy tràn vào thành như nước vỡ bờ. Tổng Phúc Hiệp hồn xiêu phách lạc, lên ngựa tháo chạy. Thành Phú Yên bị hạ trong chớp nhoáng. Cờ đỏ Tây Sơn được cắm san sát khắp bốn mặt thành. Chỉ trong một ngày gần 2 vạn quân Nguyễn bị diệt, nhiều tướng bị chết hoặc bị bắt.

Tin vui dội về Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc không ngờ Nguyễn Huệ lập công nhanh đến thế. Hoàng Ngũ Phúc hay tin ấy thở dài nói với các tạo sĩ⁽¹⁾ Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thề:

— Nguyễn Huệ làm đại tướng, quân Tây Sơn như ngọn lửa bốc mạnh. Tôi già rồi, còn các tướng, tôi e không phải là tay đối địch được với hắn.

Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ khiến quân Trịnh kinh hãi. Hoàng Ngũ Phúc buộc phải phong cho Nguyễn Huệ làm Tây Sơn hiệu tiến phòng tướng quân. Rồi sau đấy, biết không địch được quân Tây Sơn, Hoàng Ngũ Phúc tự ý bỏ đất Quảng Nam lui về Phú Xuân. Ít lâu sau, Hoàng Ngũ Phúc chỉ để lại một ít quân tướng giữ Phú Xuân, còn mình rút đại quân về Bắc.

Nguyễn Huệ, năm ấy 23 tuổi, lần đầu tiên cầm đại binh đánh một trận lớn đã thắng rực rỡ. Hơn thế mọi việc Nguyễn Huệ trù tính đều chính xác, khiến cho trận đánh vừa nhanh nhẹn táo bạo lại rất gọn. Bằng chiến thắng ấy, đã thay đổi hẳn tình thế, quân Nguyễn khó lòng lấy lại được sức, quân Trịnh kinh hoàng tự rút lui. Khắp nước hăm mộ tài năng siêu việt của viên tướng trẻ Nguyễn Huệ.

★
★★

(1) Thời Lê, thi đỗ võ cử nhân, gọi là tạo sĩ.

Hoảng hốt trước sức mạnh của quân Tây Sơn, Nguyễn Phúc Thuần truyền hịch tuyển lính và cấp tốc triệu quân các nơi về Gia Định hội binh. Lập tức từ Hà Tiên, quân của Mạc Thiên Tứ xuất phát. Tướng lục lâm Chu Văn Tiếp, sau này là tổng nhung⁽¹⁾ của Nguyễn Ánh, đem quân từ Phú Yên về gấp. Lý Tài vì ghen tức chức đại tướng của Nguyễn Huệ, đem 8.000 quân Hòa Nghĩa sang hàng Tổng Phúc Hiệp. Giặc Nguyễn lại mạnh lên. Tổng Phúc Hiệp một lần nữa đem đại quân ra Phú Yên cự nhau với quân Tây Sơn.

Nguyễn Huệ nói với Nguyễn Nhạc:

— Thế giặc chẳng nên coi thường. Xin anh cho quân chia cắt binh lực của chúng mới mong diệt được.

Nguyễn Nhạc bèn sai Nguyễn Lữ đem quân đánh thẳng vào Gia Định khiến cho Phúc Thuần phải bỏ thành chạy ra Trấn Biên⁽²⁾ rồi Bà Rịa. Nhưng tướng Nguyễn, Đỗ Thanh Nhơn đã mộ được 3.000 quân Đông Sơn đi tìm chúa. Rồi Tổng Phúc Hiệp, Lý Tài cũng được triệu về. Thấy giặc mạnh, Nguyễn Lữ rút quân về Quy Nhơn.

Anh em Tây Sơn nhanh chóng tuyển thêm lính, điểm duyệt tướng sĩ, quyết sống mái với giặc. Nguyễn Huệ lại được giao toàn bộ binh quyền đem quân tiến đánh Gia Định, quyết xóa sạch cơ đồ chúa Nguyễn.

Đầu năm Bính Thân (1776), năm cơ hội nội tình chúa Nguyễn đang rối ren: Lý Tài và Đỗ Thanh Nhơn tranh giành nhau quyền thống lĩnh quân đội chia ra hai phe với hai chúa. Thái thượng vương Nguyễn Phúc Thuần đi với Đỗ Thanh Nhơn; Tân chính vương Nguyễn Phúc

(1) Tựa như tổng tư lệnh quân đội.

(2) Biên Hòa.

Dương thuộc phe cánh của Lý Tài nên Nguyễn Huệ hay động toàn quân theo hai đường thủy bộ bất thần tiến vào Gia Định.

Bằng cuộc hành quân thần tốc, bằng trí phán đoán chính xác quả quyết, bằng cách đánh vũ bão vào những nơi tập trung binh lực của giặc, sau 6 tháng đánh liên tiếp với mấy chục trận lớn nhỏ, cơ đồ chúa Nguyễn bị quét sạch trước sức mạnh của quân Tây Sơn. Thái thượng vương Nguyễn Phúc Thuần, tân chính vương Nguyễn Phúc Dương cùng tất cả các tướng lĩnh lớn nhỏ đều bị bắt sống. Chỉ có Nguyễn Ánh, khi ấy 15 tuổi, cùng mẹ và một số chị em trốn thoát. Toàn bộ miền đất Gia Định được thu phục.

Nguyễn Huệ, năm ấy 25 tuổi, lần đầu tiên thống lĩnh một đội quân lớn, lập nên kỳ tích đã phải vội vàng đem quân về Quy Nhơn ngay theo lệnh của Nguyễn Nhạc. Thiên tài cầm quân của Nguyễn Huệ chẳng những chỉ khiến cho giặc khiếp đảm mà còn khiến cho Nguyễn Nhạc nảy sinh mối lo ngại nhỏ nhen. Nguyễn Nhạc không muốn để Nguyễn Huệ quá nổi danh, càng không muốn Nguyễn Huệ ở ngoài vòng kiểm thúc của mình.

★
★★

Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn vương, phong cho Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, Nguyễn Lữ làm thiếu phó. Từ đó, nhất là khi lật đổ được nhà Nguyễn, vua Tây Sơn tỏ ra thỏa mãn với ngôi báu của mình. Thậm chí, tầm nhìn của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc chỉ bó hẹp ở vùng Quy Nhơn còn miền đất Gia Định không được Nguyễn Nhạc chú ý gìn giữ. Nguyễn Nhạc không

dám để Nguyễn Huệ, người có tài kinh bang tế thế, giỏi điều khiển công việc, nghiêm quân luật, được lòng dân ở lại trị vì mà chỉ giao cho các thuộc tướng đủ lòng dũng cảm, trung thành, nhưng kém tài điều khiển việc nước ở lại cốt giữ thành trì. Vì vậy, Nguyễn Ánh được người Phú Lãng Sa⁽¹⁾, người Bồ Đào Nha ra sức giúp vũ khí, tiền bạc, được bọn hào phú, bọn tướng sống sót hùn sức, nên hắn đã nhanh chóng khôi phục được sức lực, trở thành mối đe dọa đối với cơ đồ nhà Tây Sơn. Năm 1781, Nguyễn Ánh đã có 3 vạn quân thủy bộ và nhiều tàu chiến do người Tây dương⁽²⁾ điều khiển. Trước thế giặc mạnh, Nguyễn Nhạc phải cử Nguyễn Huệ đem quân đi đánh. Sau trận thủy chiến khùng khiếp giữa một bên là hơn 400 thuyền chiến có nhiều tàu của bọn Tây dương với hơn một trăm thuyền chiến của quân Tây Sơn do đích thân Nguyễn Huệ đốc suất ở Ngã Bảy, tên tuổi Nguyễn Huệ càng thêm lẫy lừng trong chiến công thần kỳ mới. Toàn bộ thủy quân Nguyễn Ánh bị đánh tan, nhiều tàu chiến của người Tây dương gắn súng đại bác đã bị đánh rơi tã. Tàu chiến do cai cơ⁽³⁾ Mạn Hòe⁽⁴⁾ chỉ huy bị vùi xuống lòng sông sâu cùng với chủ tướng của nó. Nguyễn Ánh sau trận đại bại ấy phải chạy ra đảo Phú Quốc nương nhờ bọn Bá Đa Lộc và cử sứ bộ sang Xiêm xin cầu viện⁽⁵⁾. Nguyễn Huệ quyết định ở lại Gia Định để điều khiển công việc triều chính. Buông vũ khí, Nguyễn Huệ trở thành người minh chủ biết coi quân trị dân, thích nghe

(1) Người Pháp.

(2) Châu Âu.

(3) Chức quan võ cao cấp thời ấy.

(4) Kẻ này là người ngoại quốc, tên thật là Ma-nuy-en (Manuel)

(5) Phái bộ này gồm 150 người, đi được nửa đường bị quân Chân Lạp chặn bắt giết hết.

thích xét, trọng nhân nghĩa, làm điều nhân nghĩa. Hơn thế, Nguyễn Huệ trở thành người có con mắt tinh tường biết cách khôi phục sản xuất, mở mang việc buôn bán, vỗ yên xã tắc, giúp dân chúng an cư lạc nghiệp. Nhờ vậy, đất Gia Định sớm trở lại cảnh thanh bình thịnh vượng⁽¹⁾. Nhưng Nguyễn Huệ đã lại bị Nguyễn Nhạc triệu về Quy Nhơn. Nguyễn Huệ đem quân đi, Nguyễn Ánh liền trở lại khôi phục sức lực. Vì vậy, năm 1783, Nguyễn Huệ lại được cử đem binh đi đánh. Và cũng như các lần trước, Ánh đại bại phải chui rúc hết đảo này đến đảo khác, ngửa tay xin bọn cố đạo Tây dương từng chút lương thực.

★
★★

Sau khi thoát chết, Nguyễn Ánh cùng đám tùy tùng đi thuyền tìm gặp Bá Đa Lộc. Viên cố đạo người Phú-lăng-sa này chưa hoàn hồn sau những ngày chạy trốn quân Tây Sơn nên đón Ánh chẳng mặn mà. Ngắm nhìn nét mặt tiêu tụy của Ánh, Bá Đa Lộc cất giọng trách móc:

— Tôi không thể tưởng tượng được quân của chúa lại bạc nhược đến nỗi không lần nào đương nổi đội quân dân đen ấy! Tài năng của chúa — Bá Đa Lộc cười khẩy

(1) Legrand de la Liraye đã viết về Nguyễn Huệ lúc đó như sau: « Với việc chiếm đóng Gia Định, Long Vương đã hoàn toàn làm chủ cả Đường trong. Ông này không phải chỉ là một người cầm quân mà còn là một nhà cai trị rất giỏi và khác với những tướng lĩnh mà Nguyễn Nhạc đã cử vào lần đầu, ông nắm được cả miền đất Gia Định trong tay, bằng những đồn binh vững vàng và bằng một kỷ luật nghiêm minh, đồng thời lại nhân từ với nhân dân ».

— chỉ là huyền thoại chăng? Bao nhiêu tàu đồng, vũ khí của người Phú-lăng-sa đều lọt vào tay giặc cả rồi...

Nguyễn Ánh nhin nhục cầu khẩn:

— Thưa đạo trưởng, người Tây dương cũng không cự nổi quân giặc chứ cứ gì quân tướng của tôi. Cai cơ Man Hòe bị chết trong đám loạn quân, người Tây dương phải tháo chạy ở Ngã Bảy năm trước tỏ rõ thủy bình Nguyễn Huệ mạnh mẽ nhường nào. Vả, lúc này mà còn day nghiêng nhau là trùng kếp Nguyễn Huệ, phỏng có ích gì?

Bá Đa Lộc dịu giọng:

— Bây giờ chúa muốn gì cứ xin nói thẳng.

— Thưa đạo trưởng — Ánh đáp — trong cơn hoạn nạn mới tỏ rõ tấm lòng người đại trượng phu. Xin đạo trưởng cấp thêm cho tàu đồng, vũ khí và cả quân sĩ nữa. Cấp càng nhiều càng hay. Công trời biển của đạo trưởng tôi sẽ ghi lòng tạc dạ, hẹn có ngày báo đền.

Ngẫm nghĩ rồi Bá Đa Lộc thủng thẳng nói:

— Người Phú-lăng-sa bao giờ cũng sẵn lòng giúp chúa khôi phục lại nghiệp cũ. Nhưng việc trợ giúp ấy không phải một lúc mà có ngay được. Chúa tôi hãy quay về gắng mộ binh, luyện quân ta sẽ hết lòng.

Bá Đa Lộc nói xong lạnh nhạt bỏ xuống tàu. Nguyễn Ánh bị làm nhục đứng lặng hồi lâu rồi ghen ngào nói với đám tùy tùng:

— Đạo trưởng không còn tin vào sức ta nữa. Bây giờ thế ta đã cùng, lực ta đã kiệt, chỉ còn đánh liều sang cầu cứu vua Xiêm nữa mà thôi.

★
★★

Rồi ngài vàng, vua Xiêm thân đồ Nguyễn Ánh đang quỳ phủ phục trước mặt mình, giọng ôn tồn:

— Tự vương thật đáng thương hại, ta bằng lòng lời cầu xin của tự vương can chi phải buồn phiền cho nhọc lòng.

Nguyễn Ánh lại sụp lạy:

— Quả là danh bất hư truyền. Đức lớn của bệ hạ thấm nhuần đến cả cỏ cây muôn vật. Ôn này dầu phải xả thân làm trăm mảnh cũng không báo đáp được.

— Việc ấy là cần nhưng hãy nói sau. Tự vương hãy vững lòng chờ xem quân ta chỉ một trận là bắt sống được Nguyễn Huệ.

Ngay sau đấy, vua Xiêm cử hai cháu mình là Chiêu Tăng và Chiêu Sương⁽¹⁾ đem 2 vạn thủy binh và 300 thuyền chiến theo chân Nguyễn Ánh tiến vào Gia Định. Núp dưới bóng quân Xiêm, Ánh tập hợp tàn quân, cử Chu Văn Tiếp làm binh Tây đại đô đốc điều khiển các cơ quân.

Ngày mồng 9 tháng 6 năm Giáp Thìn (25-7-1784) quân Xiêm — Nguyễn từ Vọng Các xuất phát. Tháng sau, quân Xiêm — Nguyễn đổ quân lên Rạch Giá, rồi Cần Thơ, Sa Đéc. Quân Tây Sơn không chống nổi thế giặc mạnh phải rút chạy. Đặc ý, Nguyễn Ánh vội viết thư với bọn Bá Đa Lộc và các cố đạo mà Ánh chịu ơn sâu về Gia Định, an hưởng thái bình. Rồi để chắc thắng, lần nữa Ánh khẩn khoản nhờ Bá Đa Lộc một phen đi cầu viện nước Phú-lăng-sa và gửi cả đứa con đầu của mình là Cảnh làm con tin. Nghĩa là cùng một lúc, vì ngôi báu, Ánh bán nước cho hai kẻ thù.

(1) Chiêu là tước chứ không phải tên họ.

Ở Quy Nhơn được tin dữ, lần thứ tư, Nguyễn Nhạc cử Nguyễn Huệ thống lĩnh đại quân đi đánh giặc. Nguyễn Nhạc dặn Nguyễn Huệ:

— Di chuyển này, Long Nhương chờ khinh suất. Xiêm vốn quen thủy trận lại được bọn Tây dương trợ giúp, xem ra việc khó hơn trước nhiều lắm.

Vẫn đáng quả quyết, tự tin, Nguyễn Huệ đáp:

— Giặc hùng hồ lúc đầu nhưng không tránh được hai lẽ yếu. Lẽ thứ nhất, chúng cậy công đem quân giúp Ánh nên ngao mạn, chỉ lo cướp bóc vợ vết cho nhiều, khiến trăm họ đều căm giận, chỉ chờ dịp trừ đi. Lẽ thứ hai, tướng sĩ ta hết lòng nhưng không đánh thắng, giặc tưởng ta núng nên kiêu căng khinh suất. Chỉ cần một trong hai lẽ ấy giặc đã đủ bại. Hoàng huynh yên lòng, mọi kế đánh giữ tôi đã nghĩ rồi.

Ngày ngày hôm sau, viên dũng tướng mưu lược thống lĩnh thủy binh tiến về Gia Định. Dọc đường đi, nhờ những tin tức thu được, Nguyễn Huệ quyết định chọn một nơi giao chiến có lợi cho mình nhất. Ấy là khúc sông Mỹ Tho, đoạn từ Rạch Gầm đến Soài Mút. Tại đây, Nguyễn Huệ cho giấu thủy quân, thuyền chiến ở Rạch Gầm, rạch Soài Mút và sau cù lao Phới Sơn. Hai bên bờ sông, Nguyễn Huệ cho đặt súng lớn, quân bộ và nghi trang rất khéo.

Bài binh bố trận xong, Nguyễn Huệ đích thân đốc suất một cánh quân thiện chiến xông thẳng vào đại bản doanh của giặc ở Sa Đéc thách chiến. Chiêu Tăng, Chiêu Sương và Nguyễn Ánh thấy Nguyễn Huệ bất thần đem quân đến đều kinh hãi. Nhưng rồi cậy thế đông, chúng hò nhau xuất toàn quân ra đánh. Nguyễn Huệ núng thế

lùi dần, lùi dần rồi chạy thật. Trưa ngày mồng 8 tháng chạp năm Giáp thìn (18-1-1875), các tướng Xiêm—Nguyễn và toàn bộ thủy quân của chúng lọt vào Rạch Gầm, Soài Mút⁽¹⁾. Lập tức Nguyễn Huệ bắn pháo lệnh rồi quay thuyền tiến đánh. Dưới nắng gay gắt, quân thủy bộ Tây Sơn từ các ngả tràn ra như những dòng thác đổ. Súng hai bên bờ sông từng đợt gầm lên chìm trong tiếng reo hò dậy trời của quân Tây Sơn. Bị đánh bốn mặt, chỉ trong phút chốc, 400 thuyền chiến của giặc chìm trong biển lửa. Máu giặc nhuộm đỏ khúc sông. Những tên lính Xiêm—Nguyễn sống sót nhấp nhò bơi giạt vào bờ liền bị bộ binh Tây Sơn vung kiếm chém chết tức khắc. Hai vạn quân Xiêm chỉ còn vài nghìn tên chạy thoát. Ba nghìn quân Nguyễn trong số bốn nghìn bị vùi xác. Tin thắng trận loan đi, dân chúng Gia Định còn bàng hoàng sửng sốt. Họ không ngờ Nguyễn Huệ đã cả phá đại quân Xiêm—Nguyễn nhanh đến thế. Dân chúng từ các nơi cơm dùm cơm nắm xuôi thuyền, ngược sông lũ lượt đổ về Rạch Gầm, Soài Mút xem trận đánh còn tanh máu giặc, nhất là để được nhìn tận mắt người anh hùng áo vải mưu lược như thần: chỉ qua một trận kịch chiến, quân giặc đông nhường ấy, hung hăng nhường ấy, đã đại bại. Nguyễn Huệ giản dị, thân thiết đứng giữa đám đông dân chúng, ân cần khuyên nhủ dân chúng siêng năng việc đồng áng để cho dân thịnh nước giàu. Dân chúng Gia Định mến thương và tự hào về viên tướng nông dân xuất chúng. Hình ảnh Nguyễn Huệ giản dị, đôn hậu, nặng tình yêu thương dân đã khắc sâu vào lòng dạ họ.

(1) Đoạn này dài chừng 6, 7 cây số.

Tháng 4 năm Ất tỵ (1785) hay tin Nguyễn Ánh đã trốn sang Xiêm⁽¹⁾ Nguyễn Huệ đề cử Đặng Văn Trấn ở lại giữ Gia Định rồi đem đại quân về Quy Nhơn lo việc diệt Trịnh.

II

Nguyễn Huệ sửa soạn binh lực lo việc diệt Trịnh ở đẳng ngoài. Một hôm, Nguyễn Huệ triệu Nguyễn Hữu Chỉnh⁽²⁾ đến hỏi:

— Lâu nay vì bạn đánh Nguyễn nên tôi phải chịu để cho quân Trịnh giữ đất Thuận Hóa. Nay Chúa Nguyễn đã bị diệt; vậy phải tính đến việc diệt Trịnh, quy giang sơn về một mối. Muốn diệt Trịnh trước phải lấy được đất Thuận Hóa, ông thấy thế nào?

— Tướng quân hỏi tức là đã trả lời. Tôi xin hết lòng phò tá.

— Nội tình Bắc Hà ra sao?

Thấy Nguyễn Huệ hỏi thực bụng, Nguyễn Hữu Chỉnh mạnh dạn:

— Từ ngày lấy được Phú Xuân, Trịnh Sâm kiêu ngạo lấn áp vua Lê ra mặt. Đã thế, bạo chúa lại hoang dâm, tửu sắc, xa hoa rất mực nên bọn cung nhân, đại thần ý thể làm càn, phá rối triều chính, ức hiếp dân đen nên thần người đều căm giận.

(1) Trốn sang được đất Xiêm, Nguyễn Ánh lần nữa xin cầu viện. Nhưng vua Xiêm thấy quân mình bị đại bại nên không dám. Cực chẳng đã, Nguyễn Ánh xin vua Xiêm khu đất Đồng Khoai (ngoại thành Vọng Các) cùng bọn bại vong làm ruộng, khẩn hoang, đồn cửi nuôi nhau.

(2) Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ nhà Trịnh về hàng Tây Sơn năm 1782.

— Triều chính ư? — Nguyễn Huệ cướp lời — cứ gì vua Lê, phủ chúa cũng không còn quyết đoán mọi việc.

— Quả vậy — Chính phần chấn — Từ ngày quân tam phủ phẫn Trịnh Cán, lập Trịnh Khải, giết cung phi Đặng Thị Huệ và quyền thần Hoàng Đình Bảo, chúng cày công đòi đủ điều. Ngay việc cất đặt quan lại, tướng lĩnh nhà vua nhà chúa cũng không dám trái ý chúng. Xem vậy, tướng quân đem binh ra lấy Thăng Long dễ như trở bàn tay!

Nguyễn Huệ phì cười hỏi tiếp:

— Thực trạng Thuận Hóa thế nào?

— Quân Trịnh có cả thủy 3 vạn. Nhưng chúng kiêu rông, sách nhiễu dân chúng khiến ai cũng muốn trừ đi. Chủ tướng chúng, Tào quận công Phạm Ngô Cầu vũ dũng nhưng vô mưu; phó tướng Hoàng Đình Thề cũng vào loại ấy. Ngươi ấy không phải là tay đối địch với tôi chứ chưa dám nói đến tướng quân.

— Tôi vẫn có bụng đánh Thuận Hóa — Nguyễn Huệ nhấn mạnh — nhưng mấy lần xin mà hoàng huynh⁽¹⁾ chưa nghe.

Vừa lúc ấy, Phạm Ngô Cầu mượn tiếng thăm hỏi nhưng sự thực là để dòm dò nội tình quân Tây Sơn, đã cử hai thuộc tướng là Nguyễn Phú Như và Vũ Vĩnh Thành vào ra mắt Nguyễn Huệ. Nhưng hăm mộ tài đức Nguyễn Huệ, Nguyễn Phú Như đã khai hết thực trạng Thuận Hóa với anh em Tây Sơn. Qua lời Phú Như, Nguyễn Huệ biết tướng Trịnh Phạm Ngô Cầu chuộng việc thờ cúng, tin chuyện nhảm nhí nên đã mật sai một nghĩa quân giả làm thuật sĩ vào ra mắt Phạm Ngô Cầu nói chuyện họa phúc và khuyên Cầu phải làm đàn chay,

(1) Chỉ Nguyễn Nhạc.

cầu trời phạt đền tai qua nạn khỏi. Đồng thời, Nguyễn Huệ thúc Nguyễn Nhạc cho cất quân đi đánh. Nguyễn Nhạc cực chẳng đã, sai Nguyễn Huệ thống lĩnh các quân thủy bộ, Vũ Văn Nhậm làm tả quân dò đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân dò đốc, Nguyễn Lữ đốc suất đội dự bị thủy quân sửa soạn tiến đánh Thuận Hóa.

Trước ngày xuất trận, Nguyễn Huệ triệu các tướng lại nói:

— Đánh Trịnh không thể như đánh Nguyễn vì binh Trịnh đông, tướng Trịnh mạnh. Lại nữa, suốt từ Hải Vân đến sông Gianh đồn binh Trịnh đóng san sát, chúng dễ ứng cứu cho nhau. Vì vậy, xuất quân lần này, quyết không thể đánh thẳng vào Phú Xuân như khi đánh Gia Định, mà phải đánh đầu, đánh đuôi, đánh giữa cùng một lúc, cốt sao cho chúng không thể ứng cứu được cho nhau, việc mới mau thành được.

Thật là diệu kế. Nguyễn Hữu Chỉnh tán phục nói. Đây là trận đầu là đánh Trịnh — Nguyễn Huệ tiếp tục nói — Để chắc thắng ta dùng uy và cả dùng mưu nữa.

Vũ Văn Nhậm nhấp nhồm:

— Xin cho tôi một phen đem thủy binh đánh tan cái thành Phú Xuân ấy ra cho hả giận, can chi Long Nhương phải bận lòng.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt:

— Tả quân sẽ được làm như ý. Nhưng dầu là cháu⁽¹⁾, phép dụng binh phải nghiêm quân lệnh với cả người thân. Chính là ta cử tả quân đem 2 nghìn thủy binh đánh thẳng vào Phú Xuân đó. Còn quan thiếu phó, hãy lĩnh 3 nghìn quân thủy tiến ra sông Gianh. Đến đấy,

(1) Vũ Văn Nhậm là con rể Nguyễn Nhạc.

quan thiếu phó để một số quân án ngữ mặt Bắc phòng quân Trịnh từ Nghệ An vào cứu, số quân còn lại tung ra đánh các đồn lẻ. Còn tôi và hữu quân đô đốc đem quân theo đường độc đạo đánh Hải Vân rồi cùng tả quân đánh lấy Phú Xuân. Việc cứ thế mà làm.

Ngày 28 tháng Tư năm Bình Ngô (25-5-1786) cả ba cánh quân Tây Sơn đều xuất trận.

Đại binh của Nguyễn Huệ sau một tuần hành quân thần tốc⁽¹⁾ đã đến đèo Hải Vân. Mặc dù quân Trịnh có đồn lũy kiên cố, lại án ngữ con đường độc đạo, nhưng bị đánh bất ngờ, chúng không kịp trở tay. Từ phút đầu, chủ tướng Trịnh là Hoàng Nghĩa Hầu đã bị tử trận. Trong chốc lát 6 nghìn quân Trịnh đã bị diệt; chỉ còn hai tên chạy thoát về Phú Xuân. Hạ xong đèo Hải Vân, Nguyễn Huệ cho quân nghỉ ngơi rồi báo Nguyễn Hữu Chỉnh:

— Ta thắng trận đầu nhưng khó khăn còn nhiều. Độc đường ta nghĩ kỹ rồi. Hoàng Đình Thề là bạn cng; vậy ông hãy viết thư dụ hãn về hàng.

Nguyễn Hữu Chỉnh đoán ra mưu của Nguyễn Huệ vội đáp:

— Tôi hiểu rồi, viết cho Hoàng Đình Thề nhưng lại gửi cho Phan Ngô Cầu. Kế ly gián ấy lũ tướng Trịnh sao tránh nổi!

Bức thư nguy hiểm ấy đã được Nguyễn Huệ trao cho một nghĩa quân đem đi ngay.

Đại binh của Nguyễn Huệ tiếp tục lên đường.

(1) Từ Quy Nhơn đến đèo Hải Vân đường dài trên dưới 300 cây số.

Đàn chay cầu phúc cực kỳ tốn kém do Phạm Ngô Cầu, chủ tướng Trịnh ở thành Phú Xuân thân đứng ra trông coi, được dựng ở chùa Thiên Mụ. Y theo lời thuật sĩ, để trừ được tai, cầu được phúc, đàn chay được mở đúng 7 ngày 7 đêm liền. Tất cả tướng lĩnh và quân sĩ theo lệnh Cầu, phải châu chực, phục dịch vô cùng vất vả. Chùa Thiên Mụ đêm ngày khói hương nghi ngút, chiêm trống điểm hồi, trống sĩ nhịp nhịp vào ra đã bước sang ngày thứ sáu.

Sáng ấy, khi Phạm Ngô Cầu từ đàn chay bước ra, về mặt thành kinh thì chợt lĩnh canh vào báo tin dữ: tướng thủy đạo Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm đã bủa vây, đốt cháy tàu chiến của người Tây dương⁽¹⁾ ở cửa Thuận An⁽²⁾. Phạm Ngô Cầu chưa kịp định thần thì lại được tin quân bộ Tây Sơn do Nguyễn Huệ thân đốc suất đã kéo gần đến thành. Phạm Ngô Cầu tái mặt, than:

— Ta mắc mưu thâm tử của Nguyễn Huệ rồi!

Cầu vội chạy về thành nổi lệnh họp tướng sĩ phò phạc vì mấy ngày phục dịch, cùng bái bàn cách đối phó. Vừa lúc ấy, Cầu nhận được thư dụ hàng của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Hoàng Đình Thề. Cầu rụng rời chân tay vội đem thư ấy đi. Phút chốc quân thủy bộ Tây Sơn đã áp đến thành. Cầu nảy sinh ý muốn ra hàng quân Tây Sơn. Nghĩ vậy, Cầu cử Hoàng Đình Thề lên mặt thành đốc chiến, còn hãn ở lại trong thành, mượn tiếng giữ thành để tùy cơ ứng biến.

Từ trên mặt thành, Hoàng Đình Thề cho bắn súng thần công dữ dội vào quân Tây Sơn, buộc Nguyễn Huệ

(1) Tàu của người Bồ Đào Nha. Chủ tàu chống thủy quân Tây Sơn nên bị Vũ Văn Nhậm cho vây đánh, đốt cháy.

(2) Cửa Thuận An cách thành Phú Xuân 12 km.

phải cho quân lui ra xa. Thủy quân Tây Sơn lập tức được điều đến. Nhưng súng quân Tây Sơn không bắn tới mặt thành được. Nguyễn Huệ hạ lệnh ngừng chiến, cho quân nghỉ ngơi. Ngay sau đấy Nguyễn Huệ bỗng nảy ra ý định lợi dụng nước thủy triều về đêm dâng lên cao để đánh thành. Quả nhiên, đêm về khuya, nước sông Huế⁽¹⁾ dâng lên tràn ngập cả chân thành Phú Xuân. Lập tức, Nguyễn Huệ cho thuyền chiến áp sát lại rồi nổ súng dữ dội lên mặt thành. Đạn súng Tây Sơn dày đặc đến nỗi quân Trịnh không dám lên mặt thành. Cùng lúc ấy, quân bộ Tây Sơn xông lên vây chặt các cổng thành. Hoàng Đình Thề thấy nguy liền cùng bọn thuộc tướng Vũ Tá Kiên và hai con mở cửa thành đem quân ra nghênh chiến. Nhưng qua một trống canh, quân Hoàng Đình Thề hết thuốc đạn. Hoàng Đình Thề cho quân quay về thành lấy thuốc súng thì từ trên thành, Phạm Ngô Cầu đã treo cờ trắng xin hàng quân Tây Sơn. Cổng thành cũng đã đóng lại. Nhìn thấy cờ trắng, quân Tây Sơn phần chấn hò reo đốc lòng đánh dữ. Đạo quân của Hoàng Đình Thề bỗng nhiên bị vây chặt. Vũ Tá Kiên cùng hai con Hoàng Đình Thề bị quân Tây Sơn lớp lớp xô đến như cơn lốc chém chết ngay giữa trận. Hoàng Đình Thề buộc phải tự tử trên mình voi chiến.

Diệt xong cánh quân của Hoàng Đình Thề, quân Tây Sơn hò reo phá cổng thành xông vào. Đốc thị Vũ Trọng Đang đốc suất quân Trịnh ở trong thành bị giết ngay từ phút đầu. Không chống cự nổi, quân Trịnh bị giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Phạm Ngô Cầu, chủ tướng thành Phú Xuân, tự trói mình, xe quan tài ra xin hàng. Vài trăm quân Trịnh trốn ra ngoài thành bị dân chúng bắt đem nộp cho Nguyễn Huệ. Hơn hai vạn quân Trịnh

(1) Sông Hương bây giờ.

chỉ còn một tên lính duy nhất sống sót chạy về đồn Dinh Cát báo tin dữ. Đó là đêm 20 tháng 5 năm Bình Ngô (15-6-1786).

Nghe tin Phú Xuân thất thủ, quân Trịnh từ sông Gianh trở vào đều kinh hoàng. Mỗi khi thấy bóng quân Tây Sơn chúng đều bỏ trốn. Vì vậy, chỉ trong 9 ngày kể từ khi đánh đèo Hải Vân đến lúc hạ được lũy Đồng Hới, quân Tây Sơn đã thu phục được cả một miền đất rộng lớn. Hơn 3 vạn quân sĩ và tướng lĩnh Trịnh bị diệt gọn. Uy danh và thiên tài dùng binh của Nguyễn Huệ làm chấn động dư luận đẳng ngoài. Chúa Trịnh và các đại thần văn võ mới nghe nói đến quân Tây Sơn đã thất sắc.

★ ★

Nguyễn Huệ họp các tướng bàn việc đánh Thăng Long lật đổ cơ đồ nhà Trịnh để thống nhất giang sơn. Nguyễn Hữu Chỉnh vốn có tham vọng trở lại Bắc hà hăng hái thừa:

— Bắc Hà bây giờ tướng biếng nhác, quân kiêu rông, triều đình không có kỷ cương, lòng dân oán giận. Vậy nhân dịp này kéo quân ra diệt kẻ loạn vong, vỗ yên xã tắc là việc chẳng những nên làm mà phải làm gấp.

Nguyễn Huệ vai vế:

— Lật đổ họ Trịnh, quy giang sơn về một mối, làm cho nước thịnh dân giàu, từ lâu vẫn là chí hướng của ta. Nhưng nhân tài Bắc Hà còn nhiều ta chẳng nên khinh suất.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội nói:

— Nhân tài đẳng ngoài chỉ có mình Chỉnh này mà thôi. Chỉnh đã đi rồi thì nước rỗng không. Xin tướng quân quyết một bề cho.

Từ lâu thấy Chinh có tài nhưng cũng là người quý quyết, nhân vậy, Nguyễn Huệ răn đe:

— Nhân tài Bắc Hà chẳng đáng ngờ người nào khác, có chăng chỉ đáng ngờ ông.

Nghe lời cảnh cáo ấy, Nguyễn Hữu Chinh thất sắc, nói chừa:

— Ý tôi muốn nói quá đi như thế. Tôi đã là một tên ngu dân hèn mọn; vậy mà ngoài Bắc không ai hơn tôi, đủ biết ngoài ấy vô tài đến thế là cùng!

Nguyễn Huệ ngọt ngào bảo Chinh:

— Bắc Hà bao lâu có vua lại có chúa, đó là việc xưa nay chưa từng có. Họ Trịnh tiếng rằng phụ chính nhưng nắm hết binh quyền, mặc sức tác oai tác quái. Vì vậy, tiến đánh Thăng Long, trước phải mượn đại nghĩa phù Lê diệt Trịnh để trấn an dân chúng. Ông hãy gắng làm việc đó. Việc loan truyền tin ấy quan trọng không kém việc hành binh.

— Tướng quân mưu lược như thần tại nhìn xa thấy rộng, xã tắc hẳn phải được thắm nhuần ơn sâu. Vậy, tướng quân đem binh ra là điềm đại hạnh cho dân đó.

Nguyễn Huệ quyết định đem binh đánh Thăng Long.

Lòng đã quyết, Nguyễn Huệ một mặt cho người phi báo với Nguyễn Nhạc ý định của mình, mặt khác hạ lệnh tuyển quân, sửa sang cầu đường, chuẩn bị tiến ra Bắc. Hưởng ứng nghĩa lớn, dân chúng Thuận Hóa nô nức tòng quân. Trai tráng 15 tuổi trở lên đều xin nhập ngũ. Phụ lão, phụ nữ bỏ việc nhà đi sửa sang đường sá, cầu cống, xay thóc, giã gạo làm lương ăn cho quân Tây Sơn. Và trước lúc xuất quân Nguyễn Huệ đã phác ra kế tiến đánh Thăng Long thần tốc, mưu lược và hết sức tỉ mỉ. Theo kế ấy, Nguyễn Huệ chia quân ra làm ba đạo: một đạo do Nguyễn Lữ đốc suất giữ Thuận Hóa, còn hai đạo tiến ra Bắc Hà. Trong hai đạo này,

đạo quân tiên phong do Nguyễn Hữu Chinh đốc suất gồm 400 chiến thuyền sẽ tiến ra đánh chiếm Vị Hoàng⁽¹⁾ và dọc đường đi, cử các toán du binh đánh úp các đồn binh Trịnh dọc bờ bể. Đạo quân thứ hai, cũng là đạo quân chủ lực do Nguyễn Huệ thống lĩnh, Vũ Văn Nhậm làm phó tướng, sẽ theo hai đường thủy bộ tiến ra Nghệ An, Thanh Hóa. Khi đạo quân tiên phong lấy được Vị Hoàng, đạo quân chủ lực sẽ tiến ra Bắc cùng đạo quân tiên phong tiến đánh Thăng Long.

Vạch ra kế đánh chu toàn ấy, Nguyễn Huệ đã tiến gần đến thắng lợi.

*
**

Tháng 6 năm Bính Ngọ, Trịnh Khải được tin Phú Xuân thất thủ liền triệu quần thần bàn việc đối địch. Nghe uy danh Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn, ai nấy đều kinh hãi không dám cử binh đi cứu viện. Cuối cùng, tể tướng Bùi Huy Bích nói:

— Thuận Hóa vốn không phải là bờ cõi của triều đình. Tiên triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đi đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là may. Bây giờ chỉ nên đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương vực cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hóa làm may ắt họ phải lấy đất của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hẳn là ta không phải lo gì nữa.

Quần thần đều cho làm phải. Vì vậy, Trịnh Khải cử Trịnh Tự Quyền làm thống tướng đem quân lính 27 cơ vào Nghệ An giữ đất. Nhưng quân lính chần chừ, đòi

(1) Ở Nam Định (Nam Hà) ngày nay.

thay thống tướng nên 10 ngày sau vẫn chưa xuất quân được. Đến khi Trịnh Tự Quyền cất quân ra khỏi Thăng Long nửa ngày đường thì phủ chúa kinh động trước tin dữ: liền quân Tây Sơn đã lấy được thành Vị Hoàng⁽¹⁾. Trịnh Khải vội mật sai Trịnh Tự Quyền đem quân xuống giữ Kim Động (Hải Dương) rồi truyền lệnh cho trấn thủ Sơn Nam Đỗ Thế Dân đem quân bộ xuống chặn quân Tây Sơn ở bờ sông Phù Sa⁽²⁾. Đinh Tích Nhưỡng đốc lãnh các quân thủy đạo đang ở Hải Dương cũng được lệnh đến trấn giữ cửa Lục Môn⁽³⁾.

Nhưng chỉ mấy ngày sau, tin cấp báo dội đến soái phủ. Ngày 17-7-1786, hơn 1.000 chiến thuyền quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh đã ồ ạt kéo đến Vị Hoàng mạnh như thác lũ. Rồi ngày hôm sau, đại quân Nguyễn Huệ tiến đánh trấn Sơn Nam.

Cả kinh thành náo loạn. Trịnh Khải đứng ngồi không yên. Quả vậy, xâm tới ngày 18-7-1786, thủy quân Tây Sơn tiến nhanh như gió đã áp đến thế trận hình chữ « nhất » chắn ngang sông Lục Môn của Đinh Tích Nhưỡng. Trước hết, Nguyễn Huệ cho 5 chiến thuyền lớn, giương buồm thuận gió, xông vào tiền đội quân Trịnh. Hốt hoảng, Đinh Tích Nhưỡng cho nổ súng, bắn tên dữ dội vào các thuyền chiến Tây Sơn. Một chiếc đắm. Quân Trịnh đặc chí càng bắn vô hồi kỳ trận. Nhưng thuyền chiến Tây Sơn vẫn lừ lừ tiến. Cuối cùng, quân Trịnh mới biết thuyền Tây Sơn không người, chân sào trên thuyền chỉ là bù nhìn. Nhưng quân Trịnh đã bắn cạn thuốc đạn. Không chậm trễ, Nguyễn Huệ thúc đại quân

(1) Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ huy quân Tây Sơn lấy được thành Vị Hoàng ngày 11-7-1786.

(2) Thôn Phù Sa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hải Hưng.

(3) Thuộc huyện Nam Sách, Hải Dương.

xông vào thế trận quân Trịnh như vũ bão. Thủy quân Trịnh không chống đỡ nổi kêu la thảm thiết tranh nhau bỏ chạy. Quân bộ của Đỗ Thế Dân xông tới hộ sức với Đinh Tích Nhưỡng liền bị đại bác quân Tây Sơn bắn sang hai bên bờ nổ rền như sấm. Rồi cùng một loạt, quân Tây Sơn nhảy lên hai bên bờ vừa hò reo vừa tung hỏa hổ vào đội ngũ quân Trịnh. Tàn quân Đinh Tích Nhưỡng, Đỗ Thế Dân bỏ chạy tán loạn. Ở Kim Động, 27 cơ quân của Trịnh Tự Quyền nghe súng nổ rầm rĩ suốt đêm trên sông Lục Môn cũng vội vàng bỏ trốn. Chỉ qua một trận, ba đạo quân Trịnh hoàn toàn tan rã. Đó là đêm 19-7-1786.

Tin thất trận của các đạo quân Trịnh tới tấp dội về Thăng Long. Văn võ triều đình cuống cuống lo cất giấu của cải, đưa vợ con đi trốn. Trịnh Khải bãi chức tể tướng của Bùi Huy Bích, bắt Bích ra trận đốc chiến và cử Nguyễn Lê lên thay. Nguyễn Lê dảng kẻ hay, nhưng không kịp thực hiện, đã bị bọn kiêu binh sẵn ghét tụ họp làm loạn rồi đi tìm bắt. Nguyễn Lê phải chạy trốn.

Trịnh Khải tức tốc triệu quần thần họp bàn kế giữ kinh thành. Trần Công Xán quả quyết:

— Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ đó là điều mà trong binh pháp rất kỵ. Nên dủ cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt cho hết, đó là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiêu chúa lật đật ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bây giờ chỉ nên xin thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi.

Cái kế không biết mình biết người, không hiểu binh pháp của Xán được Trịnh Khải và đám quần thần mất

hết nhuệ khí khen hay. Y theo kế ấy, Trịnh Khải vội triệu quân Thạc Hoàng Phùng Cơ đang ở Sơn Tây về kinh hộ vệ. Vào ra mắt Trịnh Khải, danh tướng Hoàng Phùng Cơ nói cứng:

— Bẩm chúa thượng! Xin chúa thượng yên lòng, chín cha con tôi⁽¹⁾ quyết đem cái chết để đền ơn chúa, chứ không chịu cùng sống với giặc.

Hoàng Phùng Cơ lúc ấy chỉ có 500 nghĩa dũng. Trịnh Khải phải bỏ ra 5 nghìn lạng bạc cho Cơ mộ quân và mộ một ngày được một nghìn lính cũ.

Ngay sau đấy, Trịnh Khải cử Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yêm quản lĩnh đội Tứ Thị thủy sư tới dàn chiến thuyền ở sông Thủy Ái⁽²⁾; sai Hoàng Phùng Cơ cùng 8 con đem quân bộ tới giữ hồ Vạn Xuân⁽³⁾, để nếu cần sẽ tiếp viện cho thủy quân ở Thủy Ái. Còn Trịnh Khải, mặc nhung phục, cưỡi voi đem hết lính trong thành kể cả đội tượng binh 100 con ra quảng trường lâu Ngũ Long⁽⁴⁾ bày thế trận chống giữ kinh thành. Để giữ mình, Trịnh Khải cho bày voi trận ở ngay quảng trường để phòng tai biến.

Về phía Nguyễn Huệ, ngay sau khi hạ xong phố Hiến, thủ phủ trấn Sơn Nam, liền tiến quân ngay. Thuyền chiến Tây Sơn được gió tiến như bay về phía kinh thành. Ngày 26 tháng 6 âm lịch (21-7-1786) thủy quân Tây Sơn đến bến Nam Dư⁽⁵⁾. Nguyễn Huệ cho một cánh quân vòng lên đánh úp thủy quân Trịnh ở bến

(1) Trong đó có một con rết.

(2) Tức Thủy Lân, Thanh Trì, Hà Nội bây giờ.

(3) Nay là địa phận thôn Thanh Trì và thôn Vĩnh Tuy, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(4) Lâu ở vườn hoa Chí Linh ngày nay.

(5) Xã Nam Dư, Thanh Trì, Hà Nội.

Thủy Ái. Quân Trịnh lúc ấy tướng quân Tây Sơn còn ở xa nên neo thuyền lại, bỏ đi chơi tản mát trên bãi. Vì vậy, khi quân Tây Sơn đến, binh lính Trịnh không kịp xuống thuyền, phần bị giết, phần bỏ chạy hết⁽¹⁾.

Diệt xong đạo thủy quân ở Thủy Ái, cánh quân Tây Sơn ấy tiến nhanh về hồ Vạn Xuân. Cũng như quân Trịnh ở Thủy Ái, quân Hoàng Phùng Cơ không ngờ quân Tây Sơn đã đến, nên kinh hãi bỏ cả khí giới mà chạy. Quân Tây Sơn bủa vây, đánh ép lại khiến cho quân Trịnh bị giết hại, xác chết thành đống. 6 con Hoàng Phùng Cơ tử trận. Hoàng Phùng Cơ và hai con cố lắm mới thoát chết. Cùng lúc ấy thủy quân Tây Sơn vẫn băng băng tiến về kinh thành rồi đổ bộ lên bến Tây Long⁽²⁾, đánh mạnh vào thế trận của Trịnh Khải. Quân Trịnh nổi súng. Trịnh Khải phát cờ lệnh thúc quân đánh trả nhưng tướng sĩ Trịnh nhón nhác nhìn nhau không ai dám tiến. Lợi dụng cơ hội ấy, quân Tây Sơn xông vào như cơn lốc, tung hỏa hổ đánh giết quân Trịnh. Phút chốc quân Trịnh đại bại. Trịnh Khải thấy bên mình chỉ còn voi chiến, vội cỡi bỏ nhung phục, tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau bành voi rồi cõ đầu voi chạy trốn về phủ. Nhưng phủ chúa quân Tây Sơn đã chiếm xong, Trịnh Khải hồn siêu phách lạc bỏ chạy về Sơn Tây⁽³⁾.

Nguyễn Huệ đã lấy được Thăng Long, lật đổ cơ đồ nhà Trịnh. Đó là ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ, tức 21-7-1786.

★
★★

(1) Ngô Cảnh Hoàn, Nguyễn Trọng Yêm là hai người duy nhất còn lại dưới thuyền vội vác siêu đao ra chống cự, bị quân Tây Sơn bắn đại bác chết.

(2) Khoảng Nhà Hát Lớn, Hà Nội, ngày nay.

(3) Dân chúng Sơn Tây đã bắt Trịnh Khải nộp cho Nguyễn Huệ. Dọc đường đi Trịnh Khải tự tử chết.

Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long một mặt hạ lệnh chiêu an, cấm ngặt quân sĩ không được sách nhiễu, xâm phạm đến tài sản của dân, mặt khác, cho bắt giết bọn côn đồ, trộm cướp, khiến cho dân chúng kinh thành cảm cái ơn ấy đã coi Nguyễn Huệ là ân nhân. Lòng người đã yên, chợ lại họp, phố xá đông vui, dân chúng mừng thấy lại cảnh yên hàn và thêm yêu mến người anh hùng áo vải tài năng và trí lớn trùm thiên hạ nhưng cũng là người nhân từ, chuộng công bằng.

Giữ đúng lời hứa phù Lê, Nguyễn Huệ vào ra mắt vua Lê Hiển Tông, cung kính nói:

« Tôi vốn là kẻ áo vải ở Tây Sơn, vì đại nghĩa mà nổi dậy đánh Nguyễn diệt Trịnh. Họ Trịnh vô đạo, hiếp đáp hoàng gia nên đánh được Trịnh là hợp lòng dân và nhờ oai đức của bệ hạ vậy ».

Vua Lê Hiển Tông không ngờ con người đánh trăm trận trăm thắng lại khiêm tốn dễ ư ả đến thế! Vua nói:

— Đánh được Trịnh ấy là võ công của tướng quân cả, chứ quả nhân nào có tài đức gì!

— Tôi chỉ cốt phò vua để xã tắc sớm được hưởng cảnh thái bình đâu dám kể công. Vậy, xin bệ hạ từ bây giờ trở đi nắm giữ triều chính, khiến cho trong ấm ngoài êm, tôi cũng được ơn nhờ.

Ngày 7 tháng 7 năm Bình Ngô (31-7-1786), Nguyễn Huệ cùng các tướng Tây Sơn và các quan văn võ Bắc Hà vào Triều chúc mừng vua Lê. Vua Lê sắc phong Nguyễn Huệ làm Nguyên soái phù chính lực vũ, Uy quốc công và trao binh quyền Bắc Hà cho vị tướng nòng dân.

Thoát ra khỏi sự ràng buộc của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ có dịp thi thố tài năng, điều khiển việc triều chính. Vì vậy, xung quanh chiến công của Nguyễn Huệ là vùng hào quang của trí tuệ. Và, cả ở mặt này nữa, Nguyễn

Huệ càng tỏ rõ là người có tài kinh bang tế thế, giỏi việc trị nước an dân, khiến cho dân chúng Bắc Hà vô cùng yêu kính.

Nhưng, Nguyễn Nhạc vốn không ưng cho Nguyễn Huệ đánh ra Thăng Long⁽¹⁾, biết vậy, nói với quần thần:

— Nếu ta không thân hành ra Bắc bắt hãn (Nguyễn Huệ) phải về, ấy là thả hùm ra khỏi cũi, không bao giờ còn có thể nuôi dạy được nữa vậy.

Nguyễn Nhạc tức tốc đem 500 quân ra thành Phú Xuân. Tại đây, Nhạc lấy thêm 2 nghìn quân nữa rồi đi gấp ra Thăng Long. Ngày 5 tháng 8 năm Bình Ngô (26-8-1786), Nguyễn Nhạc tới Thăng Long và được Nguyễn Huệ trao lại toàn bộ binh quyền. Chỉ cốt có thế, nên ngay sau đấy, Nguyễn Nhạc đem quân Tây Sơn cùng Nguyễn Huệ về Nam.

III

Nguyễn Huệ đem quân về Phú Xuân, tình hình Bắc Hà bỗng trở nên hỗn loạn. Trịnh Lệ, con Trịnh Doanh và Trịnh Bồng, con Trịnh Giang tranh giành ngôi chúa đem quân đánh lộn nhau. Rồi Trịnh Bồng cầu kết với Đình Tịch Nhượng ước hiệp dân chúng, toan phế bỏ kẻ kế vị vua Lê Hiển Tông là Lê Chiêu Thống, lập vua khác. Lê Chiêu Thống phải mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân từ Nghệ An ra cứu giải⁽²⁾. Nguyễn Hữu Chỉnh diệt

(1) Nhạc gửi thư ngăn Nguyễn Huệ nhưng không kịp.

(2) Khi về Nam, Nguyễn Huệ bỏ Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại Thăng Long. Nhưng biết nếu ở lại, dân chúng Bắc Hà sẽ giết, nên Chỉnh đuổi theo Nguyễn Huệ. Cựে chẳng đã, Nguyễn Huệ cho Chỉnh trấn giữ Nghệ An.

được Trịnh Bồng nhưng lại lộng hành, đưa bè đảng chân tay vào giữ các chức trong triều ngoài trấn, khuynh loát triều chính, chẳng khác chúa Trịnh, khiến Bắc Hà rối loạn.

Nhưng ở Phú Xuân, Nguyễn Huệ lại phải bận tâm về chuyện khác. Nguyên do, Nguyễn Nhạc thấy uy tín Nguyễn Huệ lầy lừng, dân chúng Thuận — Quảng sùng ái coi Nguyễn Huệ là đức chúa nên đem lòng ghen ghét, gửi thư hăm dọa trị tội Nguyễn Huệ. Thấy rõ, nếu cứ chiều theo ý Nguyễn Nhạc mãi, cơ đồ nhà Tây Sơn có cơ sụp đổ, Nguyễn Huệ truyền hịch vạch rõ sự sai trái của Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc đem quân đánh Nguyễn Huệ. Buộc lòng Nguyễn Huệ phải hạ lệnh tuyển quân rồi kéo quân vào Quy Nhơn vây hãm Nguyễn Nhạc trong 2 tháng, đòi Nhạc phải từ bỏ ý muốn kiểm chế mình. Nguyễn Nhạc hoảng sợ phải nhượng bộ, xin giảng hòa.

Thoát khỏi sự ràng buộc của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ sắp đặt mọi công việc triều chính theo ý mình và rảnh tay lo liệu đến nội tình Bắc Hà. Thấy Nguyễn Hữu Chỉnh phản bội và ra mặt chống đối mình, tháng Một năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Huệ cho Vũ Văn Nhậm và Ngô Văn Sở đem hai vạn quân ra hỏi tội Chỉnh. Nhưng giết được Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm lại kiêu ngạo, lộng hành, tự ý đúc ấn chương riêng, chuyên quyền định đoạt mọi việc, âm mưu làm phản triều Tây Sơn. Vì vậy, tháng 4 năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Huệ thân đốc lĩnh bộ binh và tượng binh đi gấp, 10 ngày tới Thăng Long, bắt giết Vũ Văn Nhậm. Nguyễn Huệ gấp rút chia chức đặt quan, chỉnh đốn việc quốc chính lựa chọn nhân tài, khích lệ họ ra giúp nước. Và, chính bằng sức mạnh quả quyết, dứt khoát, thẳng thắn và tài dùng người của Nguyễn Huệ, nên chỉ trong một thời

gian ngắn, chúa Tây Sơn đã giải quyết xong những việc lớn ở Bắc Hà. Nguyễn Huệ không thể ở lại Bắc Hà lâu vì đang trong Nguyễn Ánh, vào lúc ấy, đã đem quân đánh phá miền đất Gia Định rất dữ dội. Từ tháng 9 năm trước, vì sợ chết, Nguyễn Lữ đã trao binh quyền cho tướng Tây Sơn Phạm Văn Tham rồi hèn nhát rút quân về Quy Nhơn. Nguyễn Huệ vội về Phú Xuân để lo việc diệt Nguyễn Ánh.

★ ★

Hưởng ứng lệnh tuyển quân của Nguyễn Huệ, 6 vạn trai tráng vùng Thuận — Quảng nô nức nhập ngũ. Sau mấy tháng dốc sức luyện binh, Nguyễn Huệ đã có một đội quân tinh nhuệ. Kế tiến đánh Nguyễn Ánh cũng được chúa Tây Sơn vạch xong. Nhưng đang ngoài Lê Chiêu Thống đã rước 29 vạn quân Thanh tiến vào Bắc Hà.⁽¹⁾ Họa mất nước đến gần. Vì vậy, sau phút đắn đo, cân nhắc, người anh hùng áo vải Tây Sơn quyết định đem toàn lực đánh giặc Thanh trước. Chỉ đã quyết, Nguyễn Huệ viết bức mật thư dặn dò phương lược đánh giặc Ánh trao cho một tướng thân tín mang gấp vào Gia Định cho Phạm Văn Tham⁽²⁾. Vừa lúc ấy từ Bắc Hà, dò được Nguyễn Văn Tuyết theo lệnh Ngô Văn Sở chạy ngựa trạm về Phú Xuân, ra mắt Nguyễn Huệ, báo tin dữ. Nguyễn Huệ đập bàn quát:

(1) Con số này lấy theo thư của Ngô Thì Nhậm gửi vua Thanh.

(2) Viên tướng này tên là Diệm. Diệm vào đến nơi, vì bị cô lập, Phạm Văn Tham đã phải hàng Nguyễn Ánh. Nhận được thư Nguyễn Huệ, Phạm Văn Tham mưu chống lại Ánh. Nhưng việc bại lộ. Tham bị Ánh giết.

— Đản Ngô cầu⁽¹⁾ kia vì khinh suất sẽ phải mua lấy cái chết.

Ngày ngày hôm sau, 25 tháng Một năm Mậu Thân (22-12-1788), Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Chiều ý các tướng và đề làm sáng tỏ danh nghĩa đối với cả nước, tự nhận trách nhiệm đối với dân chúng, trước khi xuất quân, Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung.

Ngày 29 tháng Một năm Mậu Thân (26-12-1788) đại binh của vua Quang Trung Nguyễn Huệ tới Nghệ An, Nguyễn Huệ cho quân đóng lại hơn 10 ngày. Tại đây, Nguyễn Huệ viết 3 đạo bầm văn giả, giải bày sự tình phải lên thay vua Lê cốt làm kiêu lòng giặc và cử Trần Danh Bình cầm đầu đoàn sứ thần trao cho Tôn Sĩ Nghị. Đồng thời, Nguyễn Huệ hạ lệnh tuyển quân. Vì đại nghĩa, vì kính yêu Nguyễn Huệ, hàng vạn trai tráng Nghệ An gia nhập nghĩa quân. Đoàn quân áo đỏ đông đến 10 vạn với đội tượng binh 200 voi chiến. Bằng số quân ấy, Nguyễn Huệ chia làm 5 doanh: tiền, hậu, tả, hữu và trung quân. Binh sĩ mới tuyển ở Nghệ An chưa quen chiến trận, chưa được thao luyện, được đặt vào trung quân. Hơn thế, tân binh đặc biệt phấn chấn, vững lòng vì chính là Nguyễn Huệ thân thống lĩnh đội trung quân ấy⁽²⁾.

Phiên chế xong quân ngũ, vua Quang Trung Nguyễn Huệ làm lễ duyệt binh lớn ở ngay tại trấn doanh Nghệ An. Vào đầu buổi lễ, sau mấy lời an ủi, vỗ về tướng sĩ, Nguyễn Huệ bỗng cất cao giọng hỏi:

(1) Thời ấy dân ta thường gọi giặc Thanh là Ngô cầu (chó Ngô).

(2) Tinh tiết này tỏ rõ Nguyễn Huệ biết dùng người một cách thông minh.

— « Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đang chiếm cứ Thăng Long, sát hại dân lành, các người đã biết chưa?... »

Hàng quân chấn động. Người hiền lành nhất cũng đỏ bừng nét mặt vì giận dữ.

Nguyễn Huệ giọng vang như chuông đồng, tiếp tục nói:

— «... Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc chia nhau mà cai trị... Từ đời Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, nông nổi ấy không thể chịu được, ai cũng muốn đuổi chúng đi... Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt thành quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra. Các người đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, đề dựng nên công lớn... »

Hàng quân im phăng phắc. Ai nấy đều cảm kích, muốn được xả thân vì nước theo lời hiệu triệu của người anh hùng áo vải.

Ngày sau lễ duyệt binh, Nguyễn Huệ vẫn đội mũ giáp trụ, mặc chiến bào, cưỡi voi thúc quân tiến ra Bắc. Ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân (15-1-1789), đại quân của Nguyễn Huệ đến Tam Điệp⁽¹⁾. Ngô Văn Sở và các tướng Tây Sơn ở đấy, đi đón vua Quang Trung, đều mang gươm trên lưng xin chịu tội. Nguyễn Huệ hài lòng trước thái độ của những tôi trung ấy. Vua quả trách mà không giận dữ:

— Các người đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt, lại được tùy tiện làm việc

(1) Vùng núi giữa Ninh Bình và Thanh Hóa ngày nay.

Vậy mà giặc đến, không đánh nổi một trận, mới nghe thấy đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: quân thua chém tướng. Tội các người đáng chết một vạn lần.

Nguyễn Huệ nhìn các tướng rồi hạ giọng:

— Song ta nghĩ các người đều là hạng vũ dũng chỉ biết gặp giặc là đánh, còn việc tùy cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thị Nhậm ở lại làm việc với các người, chính là lo về điều đó. Bắc Hà mới yên, lòng dân chưa phục. Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cứ rõ ràng. Các người đóng quân lơ lửng ở đây, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ làm nội ứng cho chúng, thì các người còn biết xoay xở làm sao được.

Các tướng sĩ lắng nghe như nuốt từng lời. Nguyễn Huệ đưa mắt tìm Ngô Thị Nhậm rồi thông thả, tiếp:

— Các người đã biết nhìn nhin để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng. Khi mới nghe nói ta đã đoán là do Ngô Thị Nhậm chủ mưu. Sau hỏi Văn Tuyết thì đúng như vậy...

Và, vượt ra ngoài sự xét đoán của mọi người từ trước lúc giáp chiến với giặc Thanh, ngay dưới chân núi Tam Điệp, Nguyễn Huệ đã lường trước mọi việc phải xảy đến một cách thần kỳ:

— Lần này ta thân hành cầm quân — Nguyễn Huệ, giọng quả quyết nói — phương lược tiến đánh đã có tính sẵn, chẳng qua mười ngày là có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn

mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải phúc cho dân, nỗ nào làm như vậy?

Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi binh đao. Việc ấy phi Ngô Thị Nhậm thì không ai làm được.

Phải là người cực kỳ minh mẫn, có đầu óc chính trị sắc nhạy và cặp mắt chiến lược tinh tường, tin ở mình, tin ở các bầy tôi, lường trước công việc mới dám phó thác việc lớn như thế cho Ngô Thị Nhậm. Rồi Nguyễn Huệ bỗng đổi giọng ngọt ngào, rộng lượng nói với các tướng Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân:

— Các khanh làm vậy cũng là một mẹo như giặc đó. Thôi, nay ta hãy cho đổi tội lập công, trông mong ở chỗ các người rằng sức sau này.

Các tướng Tây Sơn sụp xuống lạy tạ ơn. «Nước cờ Tam Điệp» đã được chính Nguyễn Huệ phân tích, đánh giá. Ai nấy đều cảm kích và thêm thán phục tâm hồn biết cực kỳ sâu rộng và tài dùng người của Nguyễn Huệ.

★ ★

Xuất quân từ 28 tháng 10 năm Mậu Thân (25-11-1788) đến lúc nghe tin Ngô Văn Sở rút về Tam Điệp, Tôn Sĩ Nghị quát viên quan nhà Lê theo hầu:

— Các người sao cứ nhu nhược để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang? Bây giờ đại binh đã đến địa giới nước mình mà các người vẫn tuyệt nhiên không làm nên công trạng gì. Như thế, còn gọi là nước có người được chăng?

Vũ Trinh — viên quan hầu ầy, khúm núm đáp:

— Nước nhỏ này tự mình không thể làm được việc, mới đến nỗi phải gõ cửa ải cầu cứu... Được tin thiên

binh đến, bọn chúng chưa biết thực hư thế nào, nên hãy thu quân tạm lánh. Một tên ty tướng còn kiệt hiệt như thế, huống chi tên đại tù trưởng của chúng. Nếu không dùng đạo binh cực lớn mà đánh, làm sao có thể bắt sống được chúng?

Tôn Sĩ Nghị giọng kiêu căng, tự đắc:

— Theo ta xem xét thì chúng chỉ như hạng trâu dê, sai một người đem thừng buộc lấy cổ mà lôi về, hẳn cũng không khó gì. Đợi khi quân ta đến La Thành, nhổ bãi nước bọt xoa tay là làm xong việc. Người hãy chờ mà xem.

Khi Tôn Sĩ Nghị đem quân vào Thăng Long, Lê Chiêu Thống đội mũ miện, mặc áo long cổn, quý ở giữa sân điện Kinh Thiên để đón. Tôn Sĩ Nghị sau khi chia quân đóng quanh thành, dặn dò hiệu lệnh liên lạc liền tuyên đọc tờ sắc của vua Thanh phong Lê Chiêu Thống làm An Nam quốc vương.

Từ đây ngày ngày sau các buổi chầu, Chiêu Thống lại cưỡi ngựa cùng đám quần thần tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền việc quân việc nước. Dân chúng kinh thành thấy vậy than rằng: « Nước Nam ta từ khi có đế vương tới nay chưa thấy ông vua nào luôn cúi đầu đến thế ». Được thế, Tôn Sĩ Nghị càng ngông nghênh, bắt Lê Chiêu Thống ngày ngày phải tiến rượu ngon, gái đẹp, tiệc tùng suốt ngày đêm. Bọn tướng Thanh theo gương Nghị, cũng mặc sức ăn chơi, cướp bóc. Vì vậy, nơi nào có quân Thanh, nạn cướp chợ, hiếp dân không ngày nào không xảy ra, cũng không ngày nào Tôn Sĩ Nghị không giết đến ba, bốn mươi mạng người lương thiện. Dân chúng kinh thành căm thù bọn sai lang, bọn bán nước đến tận xương tủy. Lê Chiêu Thống cũng vui đầu vào việc báo ân trả oán, mọi việc mặc ý Tôn Sĩ Nghị.

Nhưng trong số các quan lại triều Lê có người tỏ ý lo ngại vì thấy Tôn Sĩ Nghị không nhắc gì đến việc đem quân đánh Nguyễn Huệ. Lê Chiêu Thống bày tỏ nỗi lo lắng ấy. Nhưng Tôn Sĩ Nghị gạt đi:

— Việc gì phải vội vã như vậy? Ví như thò tay lấy đồ vật ở trong túi, đến sớm lấy sớm, đến muộn lấy muộn đó mà thôi. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân xa xôi tới đây, cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gầy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt.

Tuy nói vậy, nhưng Tôn Sĩ Nghị không dám bề trễ nải việc quân. Ngoài các đồn cũ, Nghị sai đắp lũy đất, một ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết, huyện Thanh Liêm, một ở làng Nhật Tảo, huyện Duy Tiên, một ở làng Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì rồi chia quân ra đóng giữ.

Tình hình ngày một gấp. Hoạt động của quân Tây Sơn ở Nghệ An lọt đến tai Lê Chiêu Thống. Chiêu Thống hoảng sợ liền cùng bọn Lê Quỳnh đến quân doanh Tôn Sĩ Nghị tha thiết xin xuất quân. Tôn Sĩ Nghị chỉ vào mặt Lê Quỳnh mắng:

— Người nước mây nay quả thật không thể trông cậy được, thế thì lời cung khai của mây trước đây ra sao?

Rồi quay sang Lê Chiêu Thống, Nghị tiếp:

— Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Nay đã bỏ lỡ cơ hội ấy để chúng có thì giờ thông thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Vả lại, đã định đến sang xuân vào ngày mùng 6 thì sẽ xuất quân, như vậy cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được.

Thất thểu ra về, Lê Chiêu Thống cử Lê Quỳnh cầm quân. Lê Quỳnh vin cơ không muốn xa vua, (thực ra là không dám ra trận) 'gợi ý' với trấn thủ Sơn Tây là Hoàng Phùng Tử trao cho trọng trách. Tử được lệnh đem quân xuống đóng ở Gian Khẩu chặn đường quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long.

Ngày 23 tháng Chạp năm Mậu Thân (18-1-1789), thám tử quân Thanh chạy ngựa trạm về Thăng Long cấp báo: quân Tây Sơn đang tuyển binh lương ở Nghệ An sửa soạn đánh Bắc Hà. Tôn Sĩ Nghị vội cho quân đi đóng giữ các nơi hiểm yếu trên khắp bốn ngã đường, còn đại quân thì sáng chiều tập dượt để chuẩn bị xuất trận. Tôn Sĩ Nghị đặc trao cho đề đốc Hứa Thế Hanh quyền thống lĩnh các đạo quân phía nam Thăng Long và điều thêm nhiều quân cho mặt này.

★★

Các thám mã lanh lợi của quân Tây Sơn đã kịp báo cho Nguyễn Huệ cách bố phòng và ngày xuất quân của giặc. Vì vậy, khi tướng sĩ nhà Thanh bắt đầu nghỉ đón tết thì Nguyễn Huệ, căn cứ vào sự bố phòng của giặc, phiên chế quân ra làm 5 đạo, chia đường tiến binh: Đạo trung quân do Nguyễn Huệ thống lĩnh có Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm tướng tiên phong, Hán hổ hầu đi hậu quân đốc chiến, sẽ đánh thẳng vào nơi tập trung binh lực của giặc ở phía nam thành. Hai đạo hữu quân, một đạo do đại đô đốc Bảo thống lĩnh đi theo đường Sơn Minh⁽¹⁾ ra làng Đại Áng cùng đạo trung quân đánh đồn Ngọc Hồi; một đạo do đô đốc Long thống lĩnh đi

(1) Thuộc Ứng Hòa, Hà Đông.

xuyên qua Chương Đức đến làng Nhân Mục để đánh thẳng vào đồn Khương Thượng của Sâm Nghi Đống rồi theo cửa Tây, tiến vào Thăng Long vây đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị. Hai đạo tả quân, một đạo quân thủy do đô đốc Nguyễn Văn Tuyết thống lĩnh tiến vào sông Lục Đầu, diệt cánh quân cần vương của Lê Chiêu Thống rồi tiến lên đánh vào sườn phía đông kinh thành, trên bờ sông Hồng; một đạo thủy quân khác do đại đô đốc Lộc thống lĩnh sau khi tiến vào sông Lục Đầu sẽ đi gấp lên các hạt Phụng Nhãn, Lạng Giang, Yên Thế chặn đường rút chạy của giặc.

Trước ngày khởi đại binh đánh những trận lớn chưa từng thấy này, Nguyễn Huệ làm tiệc khao quân rất linh đình. Trước bữa tiệc, Nguyễn Huệ nói với tướng sĩ, giọng náo nức, quả quyết:

— Ngày xuất quân rửa điều xấu hổ lớn do Lê Chiêu Thống gây ra đã đến. Nay ta hãy làm lễ ăn tết Nguyên đán trước, đợi đến ngày mùng 7 tháng Giêng vào thành Thăng Long, sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi lấy lời ta nói xem có đúng thế không? Các người có quyết quét sạch bọn Ngô cầu ra khỏi Thăng Long như quét rác rưởi trong nhà mình không?

Hơn 10 vạn tướng sĩ nhất loạt đáp lại như sấm động:

— Xin quyết xung trận đánh cho bọn Ngô cầu biết uy danh của hoàng đế nước Nam ta.

Ngay sau tiệc lớn, 5 đạo quân sắc phục đỏ rầm rộ lên đường.

Ngay đêm hôm xuất quân (25-1-1789), đạo trung quân do Nguyễn Huệ thống lĩnh như từ trên trời rơi xuống vây chặt đồn Gian Khẩu do quân tướng nhà Lê đóng giữ. Không một tên quân nào chạy thoát. Nguyễn Huệ tiếp tục cho tiến binh. Một cánh quân do thám của giặc Thanh bắt chợt gặp tiền quân của Ngô Văn Sở. Cả bọn

giặc ấy nữa, cũng bị bắt gọn. Nửa đêm mùng 3 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (28-1-1789) đạo trung quân đã vây chặt đồn Hạ Hồi⁽¹⁾ mà quân giặc không hề hay biết. Nguyễn Huệ cho bắc loa truyền hịch, quân lính thừa vang, tưởng như có cả chục vạn người đang sắp xông vào đồn. Quân Thanh kinh hoàng kéo cờ trắng, lóc nhóc mở cổng thành xin hàng. Ngày 4 tháng Giêng âm lịch (29-1-1789), đồn Ngọc Hồi, đồn kiên cố nhất, lớn nhất, có mặt các danh tướng Thanh cũng đã bị vây. Hứa Thế Hanh được quân sĩ báo, vội lên mặt thành xem xét. Trước mắt hẳn, đại binh Tây Sơn đông như kiến cỏ đang tràn tới như dòng thác đổ. Hứa Thế Hanh sửng sốt, kinh hoàng kêu lớn:

— Đồn Hạ Hồi mất rồi! Quân chúng từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất chui lên hay sao mà nhanh đến thế được?.

Lập tức, Hứa Thế Hanh cho thám mã cấp báo cho Tôn Sĩ Nghị hay tin rồi đốc quân lên mặt thành cự chiến.

Tôn Sĩ Nghị đang ngồi bên mỹ nữ do Lê Chiêu Thống mới tiến dâng hôm trước nghe tin dữ, vội vùng dậy mặt tái đi như gà bị cắt tiết. Sau khi đã định thần, Tôn Sĩ Nghị vội triệu lãnh binh Quảng Tây là Thăng Hùng Nghiệp cùng viên hàng tướng Phan Khải Đức đem quân cần vương của Lê Chiêu Thống đi cứu viện cho đồn Ngọc Hồi⁽²⁾. Phái binh đi rồi, Tôn Sĩ Nghị căng thẳng chờ đợi tin tức. Nhưng một loạt cấp báo khác tới tấp dội tới dinh Tôn Sĩ Nghị: Quân Tây Sơn do đô đốc Long thống lĩnh đã hạ thành Khương Thượng. Rồi lại có súng nổ liên hồi, lửa cháy rực trời ở phía tây thành.

(1) Đồn Hạ Hồi cách Thăng Long 20 cây số.

(2) Cảnh quân này không đến được đồn Ngọc Hồi

Tôn Sĩ Nghị phải thám tử đi xem xét. Thám tử chưa về thì tin sét đánh chợt đến: quân của đô đốc Long đã vào Thăng Long và đang tiến như bão táp về đại bản doanh của Nghị. Kinh hoàng, Tôn Sĩ Nghị liú loúi gọi bọn tướng tùy tùng rồi không kịp đóng yên, không kịp mặc áo giáp, không kịp mang theo ấn tín, Nghị cùng toán kỵ binh hầu cận, vượt qua cầu phao, nhằm thẳng hướng bắc tháo chạy. Quân các doanh thấy chủ tướng cao chạy xa bay cũng tranh nhau qua cầu xô đẩy giẫm đạp lên nhau mà chết. Rồi, « cầu bị đứt, quân Thanh rơi xuống sông, đến nổi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc lại không chảy được nữa »⁽¹⁾. Thấy nguy, Lê Chiêu Thống tham sống sợ chết, cũng bỏ cả vợ con cùng mấy tên quan hầu men theo bờ sông chạy miết lên Nghị Tâm, cướp thuyền vượt sông, chạy lên ải Nam Quan, rồi vượt biên giới.

Nguyễn Huệ vây đồn Ngọc Hồi rồi một mặt cho quân chuẩn bị thang, mộc, mặt khác phô trương thanh thế chứ không vội đánh. Mờ sáng ngày 5 tháng Giêng, khi được tin đô đốc Long đã hạ đồn Khương Thượng đúng như kế đã vạch, Nguyễn Huệ đội mũ miện, mặc áo bào đỏ và đề tỏ ý quyết chiến, vua Tây Sơn tự mình buộc khăn vàng vào cổ rồi lên mình voi đốc chiến.

Trước hết, Nguyễn Huệ cho đội tượng binh gồm 100 voi chiến huỳnh huych đạp đất xông lên. Trên mặt đồn, Hứa Thế Hanh đang tung đội quân kỵ tinh nhuệ nhất vun vút xông ra chặn voi chiến. Nhưng các chiến

(1) Theo Hoàng Lê nhất thống chí và Đại nam chính biên liệt truyện.

mã quân Thanh thấy voi bỗng rú lồng lên, chà đạp lên nhau quay lại. Các quân tượng Tây Sơn giờ búa thúc voi giẫm lên người, ngựa của giặc. Tiếng người kêu, tiếng ngựa hí bị át trong tiếng hò reo như sấm động của quân Tây Sơn đang lao lên như bão táp. Quân Thanh trên mặt đồn chực nòng súng khạc lửa cổ cản quân Tây Sơn. Lập tức Nguyễn Huệ chia đội tượng binh ra làm hai, đánh bọc vào 2 bên sườn địch và cử Ngô Văn Sở cầm một đạo quân vòng ra sau đồn Ngọc Hồi, chặn đường rút của giặc về phía Tây Luông. Tiếp đấy, Nguyễn Huệ hạ lệnh cho cánh quân xung phong gồm những binh sĩ khỏe mạnh, thiện chiến chia thành 20 toán, mỗi toán 10 người khiêng mộc gổ, bện rom ướt bên ngoài nhất loạt xông lên. Đạn đại bác của quân Thanh mất hiệu lực. Cánh quân xung phong của Nguyễn Huệ sát đến thành vút mộc, rút đoản đao xông vào kịch chiến. Từ phía sau, đại binh Tây Sơn cũng tràn lên phá lũy. Quân Thanh vội bắn hỏa mù. Cả trận địa sầm tối. Nhưng quân Tây Sơn tung hỏa hổ vào đồn. Phút chốc đồn Ngọc Hồi chìm trong một cơn bão lửa. Không chống nổi, quân Thanh bỏ chạy tán loạn. Xác giặc chồng chất ở chân lũy. Những tên sống sót chạy về phía Tây Luông. Ở phía ấy, đạo quân của Ngô Văn Sở tua tủa gươm giáo đang tràn tới chặn đường. Hốt hoảng, giặc chạy tạt sang Vịnh Kiều⁽¹⁾ để về Thăng Long. Cả ở mặt ấy nữa, quân Tây Sơn do đô đốc Bảo cũng đã chờ sẵn. Cùng đường, chúng chạy vào Đàm Mục. Quân Tây Sơn rượt theo, không tên giặc nào sống sót. Đại quân xâm lược Mãn Thanh đã đại bại. Quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh đã cứu cho dân Việt khỏi ách đô hộ bạo tàn.

(1) Nay là thôn Ích Vịnh, xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

Nguyễn Huệ ngồi trên bành voi, uy phong lẫm liệt, cùng các tướng Tây Sơn đem đại quân hùng dũng tiến vào Thăng Long. Dân chúng Thăng Long, cả ông già bà cả đều tràn hết ra đường náo nức chào đón đoàn quân chiến thắng. Đô đốc Long cùng đội kỵ binh tinh nhuệ cũng từ hoàng cung hơn hờ ra đón vua Tây Sơn. Trong niềm vui kiêu hãnh, tự hào, tướng sĩ Tây Sơn và dân chúng Thăng Long bỗng nhận ra chiếc áo bào đỏ của vị vua bách chiến bách thắng đã sạm đen thuốc súng. Hình ảnh ấy với bao võ công phi thường, bụi đường và chiến tích theo bước chân của Nguyễn Huệ suốt từ Nam ra Bắc, khiến tên tuổi Nguyễn Huệ từ đây trở thành niềm tự hào vô hạn; hơn thế, trở thành bất tử đối với dân chúng Thăng Long.

Hai mươi chín vạn quân Thanh hung hăng lúc ban đầu, đã đại bại. Một loạt trận đánh của năm đạo quân tiến theo các hướng khác nhau, nhưng cũng là những trận đánh hiệp đồng chặt chẽ, kỳ diệu, diễn ra chính xác, đúng theo kế sách của vị anh hùng áo vải thiên tài Nguyễn Huệ đã vạch ra.

★
★

Nguyễn Huệ lại bắt tay ngay vào việc trị nước an dân. Bản thân Nguyễn Huệ và Nguyễn Huệ bắt buộc các bề tôi của mình ra trận phải đi trước ba quân, trị nước phải lấy sinh dân làm mục đích, phải đồng cam cộng khổ lúc gian nan, phải chung hưởng phú quý lúc thái bình, phải lấy ân thay uy, lấy đảm lược để chinh phục lòng người. Vì vậy, Bắc Hà được nhanh chóng ổn

định, đời sống dân chúng được no đủ. Nguyễn Huệ lại vội về Nam lo việc diệt Ánh và trao binh quyền cho Ngô Văn Sở, Ngô Thị Nhậm.

Theo lệnh Nguyễn Huệ, ngay sau trận độ sức bằng súng, gươm là cuộc tấn công bằng ngoại giao, bằng sự khôn khéo, kiên trì, linh hoạt và táo bạo đối với nhà Thanh. Ngô Thị Nhậm, người tôi trung có tài đã đứng vững trên thế cao của một dân tộc chiến thắng, chẳng những phá tan được âm mưu trả thù của nhà Thanh mà còn buộc vua Thanh phải công nhận triều Tây Sơn là triều chính thống. Hơn thế, phải trước sau kính nể ông vua của một nước nhỏ.

Đang trong, vào lúc này, Nguyễn Ánh đã ký hòa ước Véc-xai-ơ (Versaille) bán đứt cho giặc Pháp đảo Côn Lôn và đảo Hội An để đổi lấy vũ khí, tàu chiến và hơn một nghìn binh lính của họ. Và, lợi dụng lúc Nguyễn Huệ bận đánh giặc Thanh, Nguyễn Ánh một mặt gửi thư và 50 vạn cân gạo ra giúp quân Thanh⁽¹⁾; mặt khác ra sức mở rộng lực lượng, đánh các tướng Tây Sơn. Được Ánh khuyến khích, bọn tướng tá giặc Pháp khuếch đại sự thần kỳ của các tàu chiến họ giúp Ánh. Hơn thế, chúng thả khinh khí cầu để lòe bịp dân chúng về phép lạ của người Tây dương. Vì vậy, ngay khi trở về Phú Xuân, Nguyễn Huệ đốc sức mộ binh, tích lương sửa soạn đánh Gia Định. Chẳng mấy chốc, Nguyễn Huệ đã có một đạo quân không phải trên 10 vạn như khi đánh giặc Thanh mà là gần 30 vạn. Và, một kế đánh quyết liệt vũ bão đã được nhà chiến lược thiên tài tính toán vạch ra. Theo kế ấy, đại quân của Nguyễn Huệ phối hợp với Nguyễn Nhạc sẽ chia thành 3 đạo cùng tiến vào đất

(1) Đoàn thuyền nửa đường bị đắm.

Gia Định⁽¹⁾, Ba đạo quân ấy như ba lưỡi gươm sắc cùng bổ vào đầu Nguyễn Ánh. Dầu lúc ấy Ánh còn vùng vẫy nhưng số phận tên bán nước đã như cá nằm trên thớt.

Nhưng kế đánh quyết liệt tận gốc tên giặc Ánh không được thực hiện ngay, vì lúc ấy, đang vào mùa gió nồm thổi, bất lợi cho việc tiến quân.

Tháng 5 năm Nhâm Tý (1792), Nguyễn Huệ đã cử một đội chiến thuyền 40 chiếc vào Quy Nhơn hợp quân với Nguyễn Nhạc. Tháng 7 năm ấy, trước lúc xuất quân để yên lòng dân chúng Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Nguyễn Huệ truyền hịch:

« — Bây giờ, theo lệnh Hoàng đại huynh, trẫm sẽ thân chinh cầm đại quân theo hai đường thủy bộ vào dẹp giặc. Trẫm sẽ đập tan bọn giặc Nguyễn để dằng như đập tan một cành củi khô, một thanh gỗ mục... Các người chớ qua nghe nhẽ đa cả nghe những lời phao đồn về bọn người Tây dương. Tài giỏi gì hạng người đó? Mắt chúng là mắt rắn xanh, chúng chỉ là xác chết trôi từ biển Bắc giạt về đây, các người nên hiểu như thế! Những tàu đồng, những khinh khí cầu của chúng thì có gì lạ mà phải đệ trình lên trẫm biết.

(1) Ba đạo quân sẽ tiến như sau: Đạo thứ nhất gồm quân thủy bộ của Nguyễn Nhạc và 40 thuyền chiến của Nguyễn Huệ phối hợp sẽ từ Quy Nhơn đánh thẳng vào Biên Hòa, Gia Định. Đạo thứ hai gồm bộ quân sẽ từ Phú Xuân theo đường núi xuống Nam Vang, đánh vào Sài Gòn, chặn đường Ánh rút sang Chân Lạp. Đạo thứ ba gồm thủy quân sẽ tiến thẳng vào Côn Lôn, Hà Tiên theo đường Long Xuyên, Kiến Giang, đánh ngược lên Sài Gòn, chặn mọi ngã đường Ánh chạy ra các hải đảo hay sang Xiêm. Kế đánh này cho thấy quyết tâm diệt Ánh đến tận gốc.

Đề cho đại quân của ta tiến vào được dễ dàng, các xã dân hai phủ dọc đường hành quân, hãy kịp sửa sang cầu cống.

Lệnh truyền tới, nhân dân hãy vâng theo ý trẫm⁽¹⁾ ».

Giặc Ánh và bọn đạo trưởng mật thám Tây dương nơm nớp lo sợ. Nhưng ngày 16-9-1792, một nỗi đau đớn không thể bù đắp được của quân, dân Tây Sơn bỗng xảy đến: Vua Quang Trung Nguyễn Huệ sau mấy ngày mắc bạo bệnh đã băng hà⁽²⁾. Năm ấy Nguyễn Huệ mới 40 tuổi. Biết bao hoài bão của người anh hùng chưa được thực hiện. Nguyễn Huệ mất, lưỡi gươm cực kỳ sắc bén đang bỏ vào đâu Nguyễn Ánh sẽ lại giữa chừng.

QUỲNH CƯ

thuongmaitruongxua.vn

(1) Hịch viết ngày 10 tháng 7 âm lịch (27-8-1792).

(2) Sử ghi: Một chiều, vua Quang Trung đang ngồi bông hoa mắt, mặt mũi sầm tối rồi mê man bất tỉnh. Chứng bệnh ấy, người xưa gọi là «huyền vận», nguyên nhân do não tổn thương và thần kinh căng thẳng lâu ngày sinh ra.

BÀ HUYỆN THANH QUAN

Bà Đốc lại nhìn con gái. Bàn tay gầy gò xanh xao của con gái vẫn lần giở từng trang sách. Bà không rõ con bà đang đọc sách gì, nhưng là người có chút ít học vấn, bà hiểu cái giá sách xếp gọn gàng trước bàn học của con là những sách quý. Những cuốn sách ấy chồng bà đã bao năm tìm kiếm, thu thập mới có được. Có những sách ấy, con bà chẳng mấy khi rời khỏi bàn học. Nó gầy đi, thậm chí ốm cũng vì học. Nhưng — bà Đốc buồn rầu thầm nghĩ — thời thế này tài cán mà làm gì! Chắc gì sau này con bà được vinh hạnh sung sướng?

Chồng bà tiếng làm quan nhưng nào có được tin dùng. Biết bao danh sĩ Bắc Hà bấy nay phải lặn lội sống vùi dập ở nơi thôn dã mà có khi tính mạng vẫn nghìn cân treo sợi tóc. Xã tắc không còn cảnh thái bình hưng thịnh thì đường hậu vận của con gái bà rồi sẽ ra sao? Bà Đốc thở dài ngao ngán.

— O mẹ, mẹ ngồi đấy từ bao giờ? — Nguyễn Thị Hinh⁽¹⁾ nghe tiếng mẹ thở dài, vội bỏ cuốn sách, xoay hẳn người lại, hỏi.

Bà Đốc lúng túng:

— Còn mới ốm dậy, chẳng nên học quá như thế!

(1) Bà huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh.

— Mẹ lại lo cho con rồi. Hình tiến lại ngồi sát bên mẹ — con đang đọc những bài thơ theo luật thơ riêng⁽¹⁾.

Đột nhiên ông Đốc tiến vào hỏi con, giọng nghiêm nghị:

— Xưa nay mỗi người chỉ giỏi một loại thơ. Con thích thơ Đường luật cơ mà⁽²⁾?

— Thưa cha ấy là con đọc thêm cho biết. Đời nay, đôi khi thi gia vẫn còn dùng đến lối thơ ấy.

— Vậy thơ riêng có mấy lối, con đã hay chưa?

— Thưa cha, thơ riêng có 10 lối⁽³⁾ nhưng lối Họa vận và Liên ngâm chỉ làm để vui chơi phải không ạ?

(1) Ý nói không phải thơ Cổ phong và thơ Đường luật.

(2) Thơ có từ đời Đường (618 — 907), phải theo niêm luật rất chặt chẽ. Thơ Cổ phong có từ trước đời Đường không theo niêm luật nhất định.

(3) Thủ vĩ ngâm: lối thơ có câu đầu câu cuối giống nhau.

— Liên hoàn: lối thơ có nhiều bài, câu cuối bài trên là câu đầu bài dưới, hoặc vài bốn chữ bài trên lấy lại ở bài dưới.

— Thuận nghịch đọc: lối thơ đọc xuôi hoặc đọc ngược đều có vần và có nghĩa cả.

— Yết hậu: lối thơ có 3 câu trên đủ chữ, câu cuối chỉ có 1 chữ.

— Lục ngôn thể: lối thơ thất ngôn xen vào vài câu chỉ có 6 chữ.

— Tiệt hạ: lối thơ câu nào cũng bỏ lửng ở cuối, nhưng người đọc hiểu được.

— Vĩ tam thanh: lối thơ mà 3 chữ cuối cùng của câu nào cũng phát âm giống nhau.

— Song điệp: lối thơ mỗi câu ở đầu hoặc ở cuối có đặt 2 cặp chữ lấy lại.

— Họa vận: lối thơ gieo đúng các chữ vần của bài trước, tức là bài xướng để đáp lại cho ý nghĩa bài trước.

— Liên ngâm: bài thơ do nhiều người cùng làm, cứ lần lượt mỗi người đọc một câu rồi chấp lại thành bài.

Ông Đốc sừng sốt về sự hiểu biết rất sâu của con:

— Đúng vậy nhưng trong thơ riêng, ba lối tiết vĩ, vĩ tam thanh và song điệp chỉ đặc biệt ở ta mới có. Còn các lối khác, ta và Tàu đều giống nhau.

— Con muốn biết chút ít về các lối thơ này thôi. Con vẫn thích thơ Đường luật hơn cả. Nó tao nhã và thi vị biết bao.

Ông Đốc khuyến khích:

— Con cố lên. Nhưng xưa nay người giỏi thơ không phải chỉ là người có thơ nhiều, thơ nhanh. Muốn có thơ hay phải có hứng, nghĩa phải súc tích và từng chữ phải được trau chuốt quý như những viên ngọc mới được⁽¹⁾.

— Con sẽ ghi lòng những lời chỉ giáo của cha.

★
★★

Nghe tiếng mẹ gọi đi ngủ, Hình tiếc rẻ đặt cuốn thơ của Lý Bạch⁽²⁾ trên bàn học. Hình không muốn làm trái ý mẹ, nhưng lời và ý thơ bài *Tĩnh dạ quang* vẫn làm rung động tâm hồn Hình, khiến Hình không muốn đi ngủ. Chao ôi, bài thơ chỉ có bốn câu thôi mà gói được cả nỗi lòng, bày tỏ được cả tâm sự của người làm thơ. Đêm nay không trăng sao mà cảm xúc của bài thơ khiến Hình như thấy ánh trăng tràn chiếu cả tâm hồn mình, gợi nỗi nhớ quê nhà da diết. Hình nhẩm lại bài thơ, gửi tình cảm mình vào từng câu từng chữ:

Sàng tiền khán nguyệt quang

Nghĩ thị địa thượng sương

(1) Đây là một quán điểm làm thơ đương thời. Sau này bà huyện Thanh Quan chịu ảnh hưởng của quán điểm này.

(2) Lý Bạch (701 — 761) nhà thơ lớn đời Đường.

*Cử đầu vọng minh nguyệt
Đề đầu tư cố hương⁽¹⁾*

Tài tình thật, cùng ánh trăng ấy, Lý Bạch chỉ có ngừng đầu lên, cúi đầu xuống mà hai cảnh vẽ ra đối nhau, uẩn súc, xa vời vợi. Hình thầm nhủ: rồi ta cũng sẽ dật cho ta những vần thơ điêu luyện, trong như pha-lê, quý như những viên ngọc như thế! Niềm tin và hy vọng ấy như có sức mạnh nâng bổng tâm hồn Hình, khiến lòng Hình rạo rực.

Biết không thể ngủ được và để mẹ khỏi lo lắng, Hình tắt ngọn đèn dầu rồi ngồi tư lự một mình. Hai năm qua — Hình nhớ lại, kể từ sau trận ốm thập tử nhất sinh, nhờ cha mẹ giữ gìn, chăm sóc, Hình đã lớn phổng lên thành một cô gái hồng hào khỏe mạnh. Cũng hai năm ấy, Hình không tới trường học nữa mà chỉ ở nhà chuyên chú vào việc đọc sách. Kho sách gần một nghìn cuốn của cha, Hình đọc không đầy một năm đã hết. Cha Hình phải đi tìm kiếm thêm nhiều sách quý để chiều ý con. Tuy đọc nhiều, đọc rộng nhưng Hình không sao nhặng việc học làm thơ. Hình đọc thơ, học thơ không chỉ cốt để thưởng thức mà còn để tìm cái hay cái đẹp trong từng câu từng chữ của mỗi thi gia. Các nhà thơ xưa kể từ Khánh Hỷ Thiên sư⁽²⁾, Trần Thánh Tôn⁽³⁾, Trần Nhân Tôn⁽⁴⁾, Nguyễn Trung Ngạn⁽⁵⁾, đến Nguyễn Trãi,

(1) Nghĩa như sau: Đêm khuya khi thức giấc thấy ánh trăng chiếu vào trăng xóa. Ngỡ là hơi sương rơi xuống mặt đất và trời đã sáng. Ngẩng đầu lên trông thì trời vẫn chưa sáng. Lúc đó mới nhớ mình đang lặn độn ở nơi đất khách. Thế là lại cúi đầu xuống nghĩ về quê hương.

(2) 1067 — 1142

(3) 1240 — 1290

(4) 1258 — 1308

(5) 1289 — 1371

Lê Thánh Tôn⁽¹⁾ Nguyễn Bình Khiêm⁽²⁾, Phùng Khắc Khoan⁽³⁾, Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm v.v... kể cả những người còn sống như Phạm Quý Thích⁽⁴⁾, Nguyễn Du v.v... Hình đều đã đọc gần hết trước tác của họ. Các cuốn thơ ấy, Hình đọc nhiều đến nỗi, chỉ cần trông vào hình dáng, nhìn vết mực dây hoặc nếp sờn của mỗi cuốn sách là Hình có thể biết được tác giả của nó và những bài thơ hay trong đó. Ở mỗi nhà thơ, Hình đều thấy họ có những lối làm thơ riêng biệt, nhất là con đường để họ trở thành thi nhân. Nhưng lạ thay, dù yêu mến, khâm phục họ mà Hình vẫn không tìm thấy bóng dáng mình trong ấy. Có chăng, Hình thấy tâm sự mình gần gũi với cụ Phạm Quý Thích, người vẫn lui tới nhà Hình và là thầy học của cha Hình ngày trước. Nhưng thơ của cụ Phạm có nỗi buồn sâu xa, kín đáo quá khiến Hình dù hiểu nhưng không tài nào theo được. Hình cũng buồn, nhưng là nỗi buồn nhẹ nhẹ, mờ ảo của tuổi đang lớn. Hình thích gửi tâm sự mình, trong những vần thơ tha thiết, câu đặt thuận, lời thơ gọt giũa nhẹ nhàng, xứng hợp với tâm hồn Hình. Hiểu mình nên Hình đã chọn cho mình lối thơ Đường luật để dày công luyện tập. Và, dù không tự lực vẫn mình nhưng Hình yêu thích lối thơ ấy vì thấy nó cao quý, nặng về tôn kính cổ nhân, nhất là âm điệu uyển chuyển hợp với tâm tình và cuộc sống của Hình.

Chính vì yêu thích thơ Đường luật nên sau khi đọc xong các thiên sách: « Ly tao », « Cửu chương », « Thiên

(1) 1442 — 1497

(2) 1491 — 1585

(3) 1528 — 1613

(4) 1760 — 1825

vấn» của Khuất Nguyên⁽¹⁾, rồi đọc trọn bộ 8 quyển «Đào Uyên Minh thi văn tập» của Đào Tiềm⁽²⁾, Hình say sưa đọc đến quên ăn quên ngủ thơ của Lý Bạch, Đỗ phủ⁽³⁾ v.v... Cũng chỉ đến lúc đọc và học gần trọn các sách thơ của các thi gia của ta và Tàu, Hình mới thấy rõ, ý thích thơ Đường luật của mình là chín chắn. Thế là Hình đã quyết, đời Hình sẽ chuyên chú vào lối thơ ấy, Hình vừa lo lắng vừa phấn chấn trước quyết định ấy.

Hình lại thấp đèn giờ đọc từng trang thơ của Lý Bạch, rồi lại đọc đi đọc lại từng bài thơ của Đỗ phủ. Hình nghiền ngẫm, có khi học thuộc lòng những đoạn thơ lời đẹp ý hay, âm điệu lúc khoan thai lúc rộn ràng để rồi mắt hút trong những cảnh đẹp như tranh vẽ. Hình là phận gái, nền nếp của gia đình buộc Hình từ lời ăn tiếng nói đến diện di dáng đứng, đều phải khoan thai dịu dàng. Ấy vậy mà câu thơ đầy khí phách và phong túng của Lý Bạch cũng có sức lôi cuốn Hình, khiến Hình xao xuyến đến ngỡ ngàng. Hình cúi sát tập thơ, khẽ đọc:

«Cởi áo bào đòi lấy rượu ngon

Cùng người tiên được vạn kiếp buồn...»⁽⁴⁾

(1) Khuất Nguyên sinh năm — 338, mất năm — 288 (trước công nguyên) là nhà thơ lớn người nước Sở, đời Chiến quốc.

(2) Đào Tiềm (372-427) nhà thơ lớn đời Đông Tấn.

(3) Đỗ Phủ (712-770) nhà thơ lớn đời Đường.

(4) Sau này trong thơ mình có lúc Hình cũng thể hiện sự phóng túng ấy. Và để dễ hiểu, từ đây trở đi, chúng tôi không chép nguyên văn những bài thơ chữ Hán mà dùng phần đã được các nhà thơ Việt Nam dịch rồi.

Và đây nữa, Đỗ Phủ dùng thuật vịnh cảnh để ngỏ tâm sự mình, nghĩa thơ uẩn súc, lời thơ óng chuốt đến thế là cùng:

«Gió nhẹ lay bờ cỏ

Thuyền đêm một cột cao

Sao rơi trên bãi rộng

Trăng nháy giữa dòng sao...».

Hình lại tiếp tục giờ từng trang thơ và mỗi bài thơ lại đem đến cho Hình những rung cảm mới.

Chỉ đến khi nghe tiếng giày của mẹ ở phòng bên, Hình mới dừng đọc thơ và giật mình thấy trời đã sáng.

★
★

Hình sung sướng đến ngỡ ngàng khi sắp được trở về quê hương, nhân cha Hình được điều về làm giám khảo kỳ thi Hương ở Thăng Long⁽¹⁾. Chỉ nghĩ đến Nghi Tàm, cái làng nhỏ bé bên quan lộ, giáp với Tây Hồ, nơi ghi đậm bao kỷ ước thời thơ ấu, lòng Hình đã nao nức, bồi hồi. Rồi, một việc khác, rất hệ trọng đến với Hình: cụ Phạm Quý Thích sau bao lần đánh tiếng, đã dẫn chàng tú tân khoa đến ra mắt gia đình⁽²⁾. Là phận gái, Hình không được bày tỏ những suy nghĩ của mình với cha mẹ, song Hình yên lòng vì chàng trai là người có học vấn uyên thâm, lại thư sinh điềm đạm. Vả chăng, gia cảnh chàng — theo lời mẹ Hình kể — cũng là dòng dõi bầy tôi của vua Lê, rất hợp với gia đình Hình.

(1) Năm 1819.

(2) Ba năm sau (1821) Lưu Nghi đỗ cử nhân.

Và lúc này đây, khi cả gia đình sắp từ biệt đất Hải Dương, lòng Hình lại nao nao xúc động. Dẫu sao — Hình thầm nghĩ — Hình cũng đã sống những năm tháng ở chốn này thật là đẹp.

Nhưng chiếc xe ngựa xếp đầy hành lý, sắp sửa lên đường, đã cắt đứt mạch suy nghĩ của Hình. Cũng chỉ đến lúc đã ngồi lên xe, sát bên mẹ, ngắm nhìn cảnh vật hai bên đường, lòng Hình mới thanh thản trở lại.

Chao ôi, thiên nhiên mới huyền diệu làm sao! Bao năm dúi mài với đèn sách, Hình đâu có dịp đi đây đó, ngắm xem phong cảnh của đất nước. Được dịp đi xa, Hình như con chim non lóa mắt trước vẻ đẹp của núi sông. Hình say ngắm cảnh vật muôn màu nghìn vẻ kia bằng cả những rung động sâu sắc của tâm hồn mình. Hình không bỏ lỡ một cảnh đẹp nào dọc đường đi. Từ màu xanh mát mẻ của cây cỏ bên lề đường đến đường viền xanh thẫm vô tận của núi rừng, từ một cái ao con phản chiếu nền trời thu trong xanh ven một xóm vắng, có lối đi trồng trúc đến dòng sông trắng xóa và phẳng lặng như tờ giấy trải; từ bóng cây đa xanh um tùm tròn xoe như cái tán dương đến áng mây sà trên núi xa, tất cả đều đem lại cho Hình những cảm hứng rạo rức.

Bao cảnh đẹp như bức tranh cổ được gạn lọc chắt chắt trong những tứ thơ mà Hình từng đọc, có cái gì vừa gần lại vừa khác lạ với thiên nhiên rộng lớn đang trải ra trước mắt Hình. Hình thêm khao khát yêu mến cây cỏ, núi sông và Hình như cảm thấy thiên nhiên cũng có tình quyến luyến đối với mình. Tâm hồn Hình bay bổng lên trong những tình cảm mới mẻ. Cảnh thu kỳ diệu quá. Một tứ thơ của cụ Đỗ Phủ tả cảnh thu tuyệt đẹp tương tự như thế này mà sao Hình không nhớ ra. Bài thơ thế nào nhỉ. À đây rồi, Hình nhớ đọc:

« Vàng úa rừng phong hạt móc bay
Non vu hiu hắt phủ hơi may
Dòng sông còn cợn trời tung sóng
Ngọn ải mờ mờ đất rợp mây... »

Hình không thích cái dòng sông dữ dội nổi sóng của cụ Đỗ Phủ vì Hình đang say ngắm mặt sông lặng lẽ trước mắt mình. Nhưng thật là bài thơ tả cảnh thu thanh cao và trong suốt. Hình nhớ lại bài thơ và một ý nghĩ thoáng qua rất nhanh rồi dần dần hình thành trong óc Hình: Sao ta không dệt cho ta những vần thơ mùa thu óng chuốt, uyển chuyển như bao lâu đã hằng mơ? Ta có thể sàng lọc những cảnh vật này qua khuôn thơ Đường luật để bày tỏ tâm tình ta.

Nhưng dùng Đường thi Hán ngữ hay Đường thi nôm đây, Hình bỗng dừng tự hỏi: chẳng lẽ người Việt lại cứ phải làm thơ chữ Hán còn chữ nôm lại không thể làm nổi một bài thơ hay được sao? Ta chẳng nên bắt chước người đời đi mượn chữ nước ngoài và cũng chẳng phải làm thơ Hán mới là sang. Nhưng làm Đường thi nôm thì thật là khó. Việc chọn chữ vì thế sẽ rất công phu — cha ta đã từng răn dạy ta như thế bao lần rồi. Đột nhiên Hình thấy vui mừng trước quyết định làm bài thơ tức cảnh mùa thu bằng chính chữ nước mình.

Một cơn mưa nhỏ chợt kéo đến. Gia đình Hình phải tản vào trú mưa bên một ngôi miếu cổ bên đường. Cha Hình lấy rượu ra uống. Hình không uống rượu nhưng Hình như đang say trước cảnh vật, say về những ý thơ đang thai nghén. Bao nhiêu cảnh thu dọc đường đang xáo trộn trong óc Hình, khiến Hình không biết bắt đầu từ nét nào của mùa thu. Ý thơ này vừa sáng bừng lên đột nhiên lại biến đi, nhường cho ý khác lời khác dồn dập đến.Ồ, phải gạn lọc những ý ấy những cảnh ấy;

phải chọn từng từ, âm điệu phải uyển chuyển, nhẹ nhàng, lời thơ phải dài các, đoan trang mới được. Từ thơ đã định, ý thơ đã thành. Hình càng óc tìm câu phá và câu thừa⁽¹⁾. Và, rồi một câu thơ bật ra theo cảm xúc nóng hổi:

*«Thấp thoáng non tiên lúc đặc mưa
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ...»*

Hình nhăm lại câu thơ lấy từ cảnh thật đang diễn ra trước mắt, vẽ bằng lòng hiện lên nét mặt. Nhưng trời đã ngớt mưa Hình lại lên xe đi tiếp, lòng nung nấu bài thơ «tức cảnh mùa thu» đang làm dở.

★
★★

Hình ngồi trước kỷ sửa lại bài thơ lần cuối trước khi viết vào giấy đẹp. Lần này cũng như các lần trước, Hình thấy vẽ vắn, phép đối, niêm, luật, bố cục không còn chỗ nào đáng chê trách, ý tứ bài thơ cũng thật là chặt chẽ. Điều đặc biệt đáng mừng là sau nhiều lần sửa ý, chọn chữ, Hình thấy rõ, làm thơ nôm chẳng những có thể rất hay mà cũng không khó như lúc đầu Hình tưởng. Hình phấn chấn chép lại bài thơ vào giấy hoa tiên, nét bút bay bướm mà rõ ràng:

*«Thấp thoáng non tiên lúc đặc mưa
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ
Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán
Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ
Bầu giốc giang sơn say chấp rượu
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ»*

(1) Một bài thơ thất ngôn bát cú (mỗi câu 7 chữ, cả bài có 8 câu) có 4 phần: phá đề và thừa đề, thực, luận, kết.

*Cho hay cảnh cũng ưa người nhĩ
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ».*

Soát lại lần nữa bài thơ, Hình sững sốt thấy 5 ngày đã trôi qua. Hình càng không ngờ, chỉ bằng bài thơ đầu tay ấy, Hình làm cho giới thi nhân ở Thăng Long sững sốt hâm mộ.

II

Lau nước mắt rồi lần nữa cúi xuống sửa lại những nét hương đang cháy dở trên năm mồ người mẹ, Nguyễn Thị Hình vẫn chần chừ chưa nỡ ra về. Mẹ Hình mất ngay sau năm Hình đi lấy chồng. Nỗi tiếc thương người mẹ cả đời đã nuôi nấng, yêu chiều Hình tưởng không bao giờ khuây được. Nhưng Hình đã được đền bù bằng tình yêu của chồng, và sống bên chồng, Hình nguôi dần nỗi nhớ người mẹ đã mất. Ông huyện Thanh Quan yêu vì nết, trọng vì tài đã quý Hình như quý khách. Hơn thế, trong mọi việc, ông vẫn để cho Hình tự lo liệu. Nào ngờ tai họa đã chợt xảy đến. Ngày trở lại thăm nhà cũng là ngày chồng bị giáng chức, mà nguyên do của sự thật phũ phàng ấy, như lời đồn đại, là do Hình gây nên, qua một câu chuyện phê án bằng thơ vui đùa nào đó⁽¹⁾.

(1) Cô gái quê tên là Nguyễn Thị Đào đem đơn kêu lên ông huyện Thanh Quan về người chồng, con một viên xã quan, đã rẻ rúng cô và cô xin được ly dị. Ông huyện đi vắng, Hình xem đơn rồi phê:

*«Phò cho con Nguyễn Thị Đào.
Nước trong leo lẻo cấm sào dọi ai?
Chữ rằng: Xuân bất tái lai,
Cho về kiếm chút kẻ mai nữa già».*

Chồng cô Đào kiện quan trên. Quan trên ăn của đút, giáng chức ông huyện Thanh Quan.

Hình bần thần nấn lại những ngọn cỏ trên nắm mồ mẹ. Nỗi buồn vì nhớ mẹ, thương chồng khiến cho Hình thấy ngao ngán hết thấy. Giá như mẹ còn sống... Hình đột nhiên nhớ tới cử chỉ âu yếm, lời nói dịu dàng đượm lo âu của mẹ ngày Hình đi lấy chồng: « Thời nay loạn lạc, nhân tâm điên đảo. Cha con tiếng là làm quan mà không được tin. Chồng con chắc gì đã thoát khỏi cảnh ấy. Mẹ muốn con lúc nào cũng phải giữ gìn ».

Ừ — sao ta không hiểu hết lời khuyên của mẹ. Lời khuyên ấy với cảnh ngộ này có cái gì ăn nhập với nhau? Chẳng phải mẹ ta đã lo trước cho ta sự thể này rồi sao? Hình ân hận đã không ghi nhớ lời mẹ. Thật là, một nghìn lời khuyên không bằng một cái gai kinh nghiệm. Việc đã xảy ra, phiền muộn mãi cũng chẳng ích gì — Hình tự nhủ rồi đứng dậy, lưu luyến nhìn mồ mẹ lần nữa như để nhắn chào, rồi phúi đất, vuốt lại nếp áo, thông thả đi về phía quan lộ. Xa kia, nắng chiều hắt xuống mặt Tây Hồ một vòng sáng kỳ ảo, bao la, làm nổi bật đường viền xanh đen quanh hồ. Một nỗi buồn man mác lại đến choán lấy tâm hồn Hình. Hình nao nao nhớ ngày nào mẹ còn sống. Hình nhớ cả một thời kỳ xa xăm trước, cái thời Hình không được sống nhưng cha mẹ, ông bà Hình luôn nhắc đến và hằng trân trọng, lưu luyến nó. Chính vì cái thời ấy, Hình chỉ được sống trong tưởng tượng nên nó càng đẹp và càng đáng nhớ. Ngày ấy nay còn đâu!

★
★★

Trở lại Thăng Long, đi thăm lại các danh lam thắng cảnh nơi đây, Hình như gặp lại một giấc chiêm bao. Chiêm bao mà thật. Phở xá bây giờ tiêu điều quá, việc canh phòng nghiêm ngặt không bình thường. Vua Minh Mệnh⁽¹⁾

(1) Minh Mệnh làm vua từ năm 1820 đến 1840.

trị vì có phần còn khắc nghiệt hơn cả Gia Long, nên cảnh loạn lạc chẳng những không dứt được mà ngày càng nặng nề⁽¹⁾. Hình tự hỏi: có phải vì Hình đang đau buồn khiến cho Hình thấy Thăng Long tẻ ngắt đơn điệu hơn xưa không? Thật ra, từ khi Gia Long lấy được đất Bắc Hà, Thăng Long đã ảm đạm. Hình, gia đình và bạn bè Hình đều thấy rõ từ lâu, một cái gì đã tan vỡ trong đời sống và trong cả ước mơ. Hình trách tào hóa đổi thay và tiếc nuối cái thời huy hoàng xa xăm trước. Hình đã dạo khắp Thăng Long, nhưng những chiều thu ở đây cũng da diết buồn như lòng Hình. Hình bàng hoàng trước những ngôi đền đồ sộ, mái sân rêu phủ, cột tường xiêu gãy. Chao ôi! Những lâu đài mà xưa kia long lẫy, tường hoa chằng gấm, đèn nến sáng trưng, bàn tiệc ngồn ngàng, bây giờ chỉ còn là những bức tường loang lổ, in nắng chiều ảm đạm. Ngay cả nơi xưa kia từng bùng vui vẻ, xe ngựa rộn rịp, mà bây giờ cũng đã hoang dại, đường đi vắng vẻ, vết xe xưa cỏ thu phủ mọc. Tất cả những đổi thay phũ phàng ấy đem đến cho Hình nỗi đau đứt ruột.

Một bài thơ nhớ thành Thăng Long xưa đã nhen nhóm trong lòng Hình. Nhưng Hình chưa vội chấp bút. Tâm hồn Hình đang xáo động, trong trí Hình bao nhiêu cảnh hoang tàn là bấy nhiêu tâm sự. Cho nên, phải để cho những ý ấy lắng lại, phải viết thế nào để ngỏ hết được tâm sự mình nhưng không quá lộ liễu, để phòng tai biến. Cuộc sống của vợ chồng Hình hiện thời đã chẳng nhắc Hình phải thận trọng như thế nào?

★
★★

(1) Dưới thời Minh Mệnh, có 234 cuộc khởi nghĩa của nhân dân.

Chiều ấy Hình đi ngang qua chùa Trấn Quốc, nắng chiều vàng và tiếng chuông chùa như giục Hình dừng bước và Hình đã dừng bước. Vừa tới cổng chùa, Hình bỗng sững sờ bật kêu lên thành tiếng. Hành cung đã hoang phế đến nỗi này rồi ư! Thời Lê, cái hành cung này rực rỡ biết dường nào mà nay đã thành một nơi bỏ không, phó mặc mưa dầm nắng dãi, khiến ai đi qua chẳng chạnh lòng đau đớn: Sự thay đổi thương tâm này là bởi đâu? Ai đã gây ra cảnh náo lòng đó? Hình không tìm được lòng tự hỏi? Chính triều Nguyễn với những ông vua như Gia Long và bây giờ là Minh Mệnh đã gây ra cảnh này. Những vua ấy đâu nghĩ đến việc gìn giữ những lâu đài người xưa để lại. Hơn thế, chính những vua ấy không dám dùng người chính trực như cha Hình, chồng Hình, không tin các cựu thần nhà Lê nghi ngại các danh sĩ Bắc Hà, nhưng lại dùng bọn bộ hạ ít nghĩ đến lợi nước, thích gây chuyện hiềm khích, bè phái để hại nhau. Hình không dám nghĩ tiếp những chuyện có thể dẫn đến va chạm đình, những chuyện dù biết đến đâu, cũng phải chôn chặt tận đáy lòng ấy. Nhưng, một quyết định vượt ngoài ý định của Hình. Cảm xúc từ những điều mắt thấy khiến Hình không thể cưỡng lại được ý muốn làm một bài thơ hoài cổ. Những ý thơ nối tiếp nhau hình thành không tài nào kìm nổi. Hình lấy giấy bút, rồi hai câu thơ bật ra theo cảm xúc. Hình vội ghi:

*« Trấn Quốc hành cung cỏ dãi dầu
Khiến người qua đó chạnh lòng đau... »⁽¹⁾*

Hình ngẫm nghĩ lại ý thơ. Chữ « cỏ » đặt liền với « dãi dầu » có phần không hay. « Cỏ dãi dầu » là chuyện

(1) Có tài liệu bảo là của Hồ Xuân Hương.

thường tình, dùng chữ « cỏ » như vậy không nói được ý mình. Hình vội sửa chữ « cỏ » thành chữ « bỏ ».

Hình lặng ngẫm hành cung xưa, nhìn hồ sen bát ngát và nhìn rặng liễu vàng chiều hắt lên chùa. Hương sen thoang thoang tinh khiết kia, màu vàng rực rỡ của nắng chiều chiếu trùm lên lớp rêu loang lổ trên tường kia, có cái gì gần gũi, gợi cảm đến thế. Hình dầm bút vào nghiên mực và sững sờ trước ý thơ mới nảy. Hương sen ấy khác nào hơi hương ngự còn rớt lại, màu vàng rực rỡ kia chính là màu áo châu trong những ngày từng bừng khi vua ngự đến. Hình run run ghi câu thơ chốt chứa tâm sự mình:

*« Dưới hồ sen rớt hơi hương ngự
Trên vách rêu in nếp áo châu »*

Hình đọc lại câu thơ và vui mừng thấy từng chữ đối nhau rất chỉnh.

Hình vẫn ngồi lặng đi bên gốc đại nhưng tất cả tâm trí Hình đang dồn về những cảnh diễm lệ của hành cung xưa. Nếu không có tiếng chuông chùa lúc khoan lúc nhặt lẫn trong tiếng sóng hồ từng đợt từng đợt dội vào bờ, có lẽ Hình chưa dứt được những mộng tưởng về những ngày xưa êm đẹp. Chính tiếng sóng trên hồ rộng và tiếng chuông chùa gợi buồn ấy đã chấp cánh cho một tứ thơ mới mẻ. Lớp sóng xô đẩy nhau làm động cả mặt hồ khác nào sự hưng vong của các đế vương và tiếng chuông chùa lúc mau lúc khoan giống hệt sự dài tạ của vòng trần thế, đáng cảm khái biết chừng nào. Đắm mình trong nỗi thất vọng về người xưa, cảnh xưa đâu còn, lòng Hình càng thêm tê tái. Hình viết những dòng thơ cuối, lòng buồn rười rượi:

*« ... Sóng lớp phể hưng coi đã rộ
Chuông chùa, kim cổ lắng càng mau »*

*Người xưa cảnh cũ còn đâu tá
Ngơ ngẩn lòng thu khách bạc đầu»⁽¹⁾*

Tối hôm ấy bài thơ được cha Hình và chồng Hình trao tay nhau đọc đi đọc lại.

— Hoài cổ đến thế này thì thật là tuyệt bút — cha Hình ít khen con lộ liễu nhưng cuối cùng phải nói —, cả bài không câu nào, chữ nào ra ngoài chủ định của đầu đề. Lại thêm lời hay ý đẹp, cha đọc thấy cảm khái vô hạn.

Và, mấy ngày sau, Hình đã làm xong bài «Thăng Long thành hoài cổ», bài thơ mà Hình đã có ý định làm từ trước. Chiều ý chồng, một tối Hình đọc bài thơ ấy:

*«Tạo hóa gây chi cuộc hi trường?»⁽²⁾
Đến nay thắm thoát mấy tình sương?»⁽³⁾
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo⁽⁴⁾
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương⁽⁵⁾
Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đáy người đây lưng đoạn trường»⁽⁶⁾*

Nghe trọn bài thơ, chồng Hình nghĩ thầm: chưa dễ các thi gia đời Đường đã vượt được tài năng. Tuy thế, ông chỉ nói:

(1) Câu cuối có sách chép: «Khéo ngẩn ngơ thay lũ trẻ đầu». Câu này sợ không hợp với văn cảnh ấy.

(2) Hi trường: sân khấu phường chèo.

(3) Tình sương: sao và sương, nghĩa là sự thay đổi của một năm. Mấy tình sương ý nói mấy năm.

(4) Thu thảo: cây cỏ mùa thu.

(5) Tịch dương: bóng mặt trời buổi chiều.

(6) Đoạn trường: đứt ruột.

— Lời văn thật là khéo. Thơ như vậy thuộc vào số ít đời nay. Chữ «tro» đi với chữ «gan»; chữ «gan» đi với chữ «đá»; chữ «cau» đi với chữ «mặt», chữ «mặt» đi với chữ «nước», ấy là cách dùng chữ rất luyện. Có lẽ nàng đã nát gan nát ruột vì mấy chữ ấy.

Hình nhìn chồng vẻ biết ơn nhưng không đáp.

Những bài thơ của Hình được lưu truyền rất nhanh ở Thăng Long. Rồi giới văn thân ở kinh đô Huế cũng sùng sốt trước tài năng lỗi lạc của bà huyện Thanh Quan⁽¹⁾. Bao nhiêu nho sĩ Bắc Hà hâm mộ Hình, xin được gặp mặt và ngỏ ý muốn kết bạn ngâm vịnh. Nhưng Hình đã từ chối hết thảy. Hình chối từ vì Hình không thích đàn dúm ngâm vịnh. Hình sợ sự giao du rộng rãi có thể làm phiền lụy đến Hình và gia đình. Vả chăng, ngày chồng Hình phải lên đường về kinh nhận chức Bát phẩm Thự lại bộ Hình đã đến gần.

III

Theo chồng vào kinh đô Huế chưa đầy một năm, biết Nguyễn Thị Hình là người có học vấn lại có đức hạnh, vua Minh Mệnh liền triệu vào cung, phong làm chức Cung trung giáo tập, dạy dỗ cung nhân⁽²⁾. Trong buổi ra mắt, thấy Hình là người biết mười nói một, cử chỉ

(1) Người ta vẫn gọi Nguyễn Thị Hình bằng cái tên «bà huyện Thanh Quan»

(2) Cũng có thuyết cho rằng thời Tự Đức (1847-1882), bà huyện Thanh Quan mới được vời vào cung. Thuyết này còn nói rõ, để xi xóa chuyện cũ, Tự Đức thăng chức Viên ngoại lang cho chồng bà. Thuyết này có phần vô lý, vì chồng bà huyện Thanh Quan mất từ năm 1847, nghĩa là trước khi Tự Đức lên ngôi.

doan trang, tao nhã, rõ là dòng quý phái, lại xinh đẹp, Minh Mệnh rất quý mến. Vì vậy, vốn rất khắc nghiệt, Minh Mệnh vẫn thường cho Hình được đàm luận thơ phú với mình. Một lần, nhân có bộ chén quý kiểu Trung Quốc mới đưa sang, chén vẽ sơn thủy Việt Nam và có đề thơ nôm, Minh Mệnh đưa khoe với những người xung quanh rồi bảo Nguyễn Thị Hình làm một câu thơ nôm. Không phải suy nghĩ lâu, Hình đọc hai câu thơ rằng:

*«Như in thảo mộc trời Nam lại
Đem cả sơn hà đất Bắc sang».*

Những người xung quanh hết lời khen và vua Minh Mệnh tỏ ra rất thích thú. Nhân nhìn thấy bức tranh sơn thủy treo trên tường, đề thử tài Hình, Minh Mệnh đọc:

«Quải thư bích thượng, tận thu tứ hải sơn hà»⁽¹⁾

Nhờ có một trí nhớ kỳ diệu, Hình biết câu đối này không phải của Minh Mệnh nghĩ ra mà là ở trong sách xưa, cuốn sách mà Hình đọc nó từ hồi còn nhỏ. Nhưng không muốn làm cho vua phật ý, Hình mỉm cười, đọc câu đối lại:

«Tây túc tri trung, dao động cửu thiên tinh đầu»⁽²⁾

Nghe câu đối vừa nhanh vừa hay, mọi người tỏ ý khâm phục. Riêng Minh Mệnh càng chịu Hình là tài.

Tuy không phục ông vua tự phụ về văn thơ này nhưng vì vua ân cần, trân trọng Hình, nên Hình đã sống những năm tháng phần nào thanh thản bằng nghề dạy học trong cung cấm. Hình càng yên lòng vì chồng Hình tuy ốm yếu luôn nhưng cũng đã được thăng chức viên ngoại lang.

(1) Treo tranh trên vách, thu hết non sông bốn biển.

(2) Rửa chân trong ao, lay động trắng sáo chín tầng trời.

Nhưng những ngày sống êm đềm ấy đã qua đi như một giấc mộng. Hình muốn đắm mình trong tình yêu thiên nhiên, vui với công việc dạy học, nhưng triều đình Minh Mệnh ngày càng rối ren, khiến Hình thấy chán nản hết thảy. Minh Mệnh đã tin dùng bọn võ tướng, cai trị dân không phải bằng đức rộng mà bằng hình luật khắc nghiệt nên không tháng nào lại không có tin cấp báo dân nổi dậy từ các trấn đưa về. Từ đó Minh Mệnh càng khó tính. Rồi quan hệ giữa vua và Hình cũng bắt đầu rạn nứt. Vua Minh Mệnh bắt đầu để ý mọi việc làm của Hình. Khởi điểm của sự rạn nứt ấy vẫn là chuyện văn chương.

Một lần vua viết hai chữ «phúc», «thọ» rất lớn để ban ơn cho một đại thần. Vua hỏi Hình chữ viết thế nào. Thấy chữ vua xấu quá, Hình chê khéo:

«Phúc tối hậu, thọ tối trường».

Bắt đầu vua ngỡ ngàng không hiểu. Sau nhìn kỹ thấy chữ «phúc» béo phịch, chữ «thọ» dài lê thê, vua Minh Mệnh gượng cười nhưng trong lòng giận lắm. Từ đấy vua lạnh nhạt với Hình ra mặt.

Hình nói chuyện ấy với chồng. Chồng Hình giọng chua chát:

— Vua hỏi là để nghe lời khen, sao nàng lại vô tâm đến thế. Trái ý vua rồi có ngày sẽ sinh vạ. Huống hồ ta là dòng dõi bầy tôi nhà Lê...

Câu nói của chồng như mũi kim chích vào tim Hình. Lặng đi một hồi lâu, Hình đáp:

— Con cháu những người ăn lộc của nhà Lê thì còn nhiều. Cũng như vợ chồng ta, họ đã an phận kiêu sống nhạt nhẽo này từ lâu rồi. Nhưng cũng là tạo hóa đổi

thay, sao hoàng đế Quang Trung lại sẵn sóc đến bày
tôi nhà Lê một cách chu đáo đến thế. Ai trốn thì tìm
về cho làm quan, ai ở chức cũ thì cất nhắc lên chức
trên. Ngay cả những người nhất quyết từ chối không
chịu nhận quan tước thì để mặc ý an cư lạc nghiệp,
không phiền nhiễu tới. Đảng này các vua Nguyễn thì
lại nghi ngờ hết thảy. Vua như thế sao thu phục được
nhân tâm trăm họ?

— Phải lắm! Nhưng nói làm chi cho thêm phiền lòng.
Các bày tôi nhà Lê đã bao phen cay đắng. Cay đắng
mà cam chịu. Mà họ có tội tình gì? Ta chỉ còn nỗi tiếc
thương âm thầm mà thôi.

Nghe chồng nói, Hình càng thương chồng và thương
mình. Hình hối hận đã làm cho chồng buồn. Phải rồi,
cũng giống như chồng, Hình đã gửi tâm sự/tiếc nuối
cái thời huy hoàng xa xăm vào bao nhiêu ý thơ và chôn
chặt bao nỗi bất bình vào đáy lòng. Và, khi biết nỗi
nhớ ấy chẳng bao giờ nguôi được, ngày xưa đối với
Hình càng đẹp, càng thơ. Chính trong những ngày sống
căng thẳng ấy, hình ảnh quê nhà với tháng năm ghi
đậm kỷ ức thời thơ ấu, đã vỗ về an ủi Hình. Vào dịp
này, kinh đô Huế lại được truyền tay nhau bài thơ
«chiều hôm nhớ nhà» mới làm của Hình. Bài thơ từng
lời từng lời được trau chuốt tinh tế, quý như những
viên ngọc, đẹp như một bức tranh cổ ấy đã được các
cung nữ trong triều đọc cả ngày không chán:

*«Chiều trời bằng lăng bóng hoàng hôn⁽¹⁾
Tiếng ốc xa đưa lên trống đồn*

(1) Hoàng hôn: lúc trời sắp tối.

*Gác mái⁽¹⁾ ngư ông⁽²⁾ về viễn phố⁽³⁾
Gõ sừng⁽⁴⁾ mục tử⁽⁵⁾ lại cô thôn⁽⁶⁾
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn chương đài, người lữ thứ⁽⁷⁾
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn⁽⁸⁾»*

IV

Từ trong cung trở về, nét mặt Hình lộ rõ vẻ tức giận.
Có thể nào lại vô lý đến thế được? Sao vua Minh Mệnh
lại bắt bẻ và mắng mình trước mặt các cung nhân ngay
trong buổi dạy học như thế? Vua nhiều tuổi nên khó
tính hay vua đồ kỹ nhỏ nhen, thích làm nhục người
khác? Câu chuyện như thế nào nhỉ. Phải rồi, lúc ấy
Hình đang giảng về luân lý trong kinh Thi cho các cung
nhân. Hình đọc lời dạy của Khổng Tử đã ghi trong
sách: «Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần,
khả dĩ oán, nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa thực
ư điều thú, thảo, mộc, chi oanh»⁽⁹⁾.

(1) Gác mái: gác chiếc mái chèo.

(2) Ngư ông: người dân chài.

(3) Viễn phố: nơi ở xa.

(4) Gõ sừng: gõ vào sừng trâu.

(5) Mục tử: người chăn trâu.

(6) Cô thôn: cái xóm trơ trọi.

(7) Chốn chương đài: nhà cao cửa rộng của kẻ quyền quý, lữ thứ:
kẻ bơ vơ lưu lạc.

(8) Hàn, ôn: lạnh và ấm, ý nói chuyện tâm sự.

(9) Xem Kinh thi có thể phần khởi được ý chỉ, xem xét được
việc hay dở, hòa hợp với mọi người, bày tỏ nỗi sâu oán, gần
thì học việc thờ cha, xa thì học việc thờ vua, lại biết được
nhiều chim muông, cây cỏ và loài đom đóm.

Biết được nhiều tên chim muông cây cỏ, Hình đang say sưa cắt nghĩa, nhân tiện đọc cho các cung nhân nghe những bài thơ tả cảnh hay, thì thỉnh thoảng vua Minh Mệnh bước vào và gắt với Hình:

— Sao dạy Kinh thi nhà ngươi lại chỉ giảng về chim muông, cây cỏ và đọc những bài thơ chẳng đâu vào đâu như thế?

Hình trấn tĩnh, đáp:

— Muôn tâu bệ hạ! kẻ ngu thần không dám chỉ dạy như thế bao giờ!

— Ta vừa nghe nhà ngươi đọc thơ — Minh Mệnh nổi xung. Ngươi còn dám cãi sao?

Bị làm nhục oan uổng, Hình toan thanh minh tiếp. Nhưng nghĩ đến phận mình, nghĩ đến người chồng đang ốm thập tử nhất sinh ở nhà, Hình nén lòng nhìn nhục. Minh Mệnh được thể càng mặt sát Hình nhiều điều tàn tệ.

Ngỡ ngàng trước sự phản nộ nhỏ nhen của vua, Hình vừa tủi thân vừa uất ức. Về đến nhà, Hình cố giấu chồng. Nhưng chồng Hình đã nhận thấy nét buồn bất thường ấy của Hình. Hình chối, lấy cớ trong người vắng vất khó chịu rồi kêu mệt, bỏ cơm chiều, về buồng riêng nằm úp mặt vào gối khóc nức nở. Nước mắt Hình đầm đìa trên chiếc gối gấm thêu phượng.

*
**

Hình đã tự vực mình vượt qua thời kỳ sóng gió nhất sau khi chồng mất⁽¹⁾. Ngay tháng sau, lấy cớ sức yếu, Hình cũng đã từ chức Cung trung giáo tập. Ngày từ biệt

(1) Chồng Nguyễn Thị Hình mất năm 1847 thọ 44 tuổi.

triều đình Thiệu Trị⁽¹⁾ lòng Hình cũng đứng đưng như ngày đến triều đình Minh Mệnh. Hình đã gửi 4 con về Nghi Tàm từ trước⁽²⁾. Và hôm nay, Hình đang trên đường về quê nhà, bỏ lại đằng sau bao nỗi đắng cay từng trải.

Hình đã lên đến đỉnh Đèo Ngang. Vẻ đẹp của thiên nhiên rộng lớn, đầy màu sắc, khiến Hình xao xuyến đứng chân. Trời về chiều êm ả quá. Trước mắt Hình, ráng chiều phủ lên núi rừng vùng Đèo Ngang một màu đồng thau vàng rực. Không gian tĩnh ngất lại càng làm cho cảnh chiều đượm một vẻ trầm tư man mác. Đứng trên đỉnh đèo, Hình nhìn suốt cả cảnh vật đến tận chân trời. Đó đây cỏ cây mọc chen nhau với đá, trùm lên đá. Và, theo gió nhẹ, hoa lá chen nhau đong đưa chuyển động như cùng vẫy gọi Hình. Cảnh vật sinh động, đẹp như một bức họa kia sao gọi cảm đến thế. Vẫn dùng khuôn Đường luật và bằng câu phá du dương, câu thừa lấy từ cảnh vật đang xao động trước mắt, Hình vội ghi hai câu thơ đầy cảm xúc:

*« Bước lên Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa... »*

Nhưng sao giữa cái mênh mông của tạo vật, giữa cảnh bát ngát của núi rừng này, lòng Hình thấy trống trải đến thế. Mấy người kiếm củi ở chân núi bên kia, và cái chợ lèo tèo mấy nếp nhà không một bóng người qua lại, trông càng tiêu điều, hiu quạnh. Hình tự hỏi: không biết có phải vì lòng Hình trống trải, cô đơn nên cảnh vật cũng trống trải, cô đơn theo hay ngược lại. Nhưng rõ ràng, cảnh vật cũng có nỗi buồn như lòng Hình, khơi sâu thêm nỗi buồn trong Hình. « Tiều và

(1) Thiệu Trị làm vua từ năm 1841 đến năm 1847.

(2) Hình có 4 con: Trai là Tuấn và Cung, gái là Chính và Lương.

chủ», «chợ mấy nhà», hai vế của câu thơ vừa hình thành thật là chỉnh. Hình chưa kịp chọn chữ cho thành câu thơ, thì bỗng ở gần đó, tiếng kêu của một loài chim vọng tới. Xoay người về phía có tiếng động, Hình thấy một con gà gô vừa kêu «gia gia» vừa bay vút đi. Hình căng mắt theo dõi cánh chim. «Gia cô mình gia gia» «Đỗ cô mình quốc quốc»⁽¹⁾, câu thơ của ai đã nói về giống gà và giống chim ấy nhỉ. Một gợi ý tuyệt hay hợp với nỗi lòng khắc khoải của Hình bấy lâu mà sao Hình không nghĩ ra? Quốc quốc, gia gia, gợi nỗi nhớ nước nhớ nhà, gợi lòng chán ghét bọn vua quan nhà Nguyễn mà đặt trong câu luận, thì ý vừa sâu sắc vừa kín đáo. Hình ngồi xuống thảm cỏ xanh non, nghĩ cho trọn câu thơ. Cặp mày vừa thanh vừa cong của Hình nhú lại. Rồi bốn hàng chữ bay bướm đã được ghi trên giấy. Hình đọc lại:

*«Lom khom dưới núi tiền núi chủ
Lác đác bên sông chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia».*

Đọc xong những dòng thơ, Hình khẽ mỉm cười hài lòng. Nhưng ngay sau đấy, mấy giọt nước mắt không kìm được từ từ lăn trên má, rồi rơi xuống trang giấy, làm nhòe cả mấy nét chữ còn chưa ráo mực. Hình cười vì lời thơ tao nhã, âm điệu uyển chuyển, từng chữ lại đối nhau không ngờ. Hình khóc vì Hình quá xúc động do chính ý thơ viết ra. Những ý thơ ấy đã gói ghém được cả tâm sự bất tận nhưng kín đáo về nỗi nhớ triều Lê xưa, và cũng rất kín đáo để bày tỏ sự chán ghét cái triều đình của Gia Long, Minh mệnh, Thiệu Trị. Ý thơ ấy cũng là tâm sự của vợ chồng Hình, của cha mẹ,

(1) Gà gô kêu gia gia; con cuốc kêu quốc quốc.

ông bà Hình và không ít con cháu các bầy tôi nhà Lê đang cam chịu cuộc sống buồn tẻ ở nơi thôn dã.

Chưa bao giờ Hình thấy lòng cô quạnh như lúc này. Cũng vẫn cảnh chiều hôm với bầu trời bao la, với núi non trùng điệp; vẫn là cảnh chiều với dòng sông lặng lẽ chảy cùng năm tháng, mà sao Hình thấy mình quá nhỏ bé đơn độc? Những người thân nhất đã lần lượt qua đời rồi, chính Hình cũng đang đi trong buổi chiều tà của cuộc đời. Vậy thì còn ai hiểu cho nỗi buồn chắt chứa những thương đau này. Hình lau nước mắt, ghi nốt hai câu thơ cuối, lòng nao nao xúc động:

*«... Dừng chân đứng lại trời, non, nước.
Một mảnh tình riêng ta với ta».*

Hình lưu luyến nhìn cảnh vật như để khắc vào tim mình. Hình biết rằng đời Hình sẽ không còn dịp quay lại nơi này. Hình lại lên đường, bỏ lại ngày càng xa triều đình nhà Nguyễn ở phía sau⁽¹⁾.

(1) Tác phẩm của bà huyện Thanh Quan có thể vì thất lạc nên chỉ còn 6 bài thơ. Một bài nữa chúng tôi không đưa vào đây. Bài thơ lấy đề là «Nhớ nhà», nội dung như sau:

*«Vàng tỏa non tây bóng ác tà
Đầm đầm ngọn cỏ tuyết phun hoa
Ngàn mai, lác đác chim về tổ
Dặm liễu bằng khuâng khách nhớ nhà
Còi mục⁽¹⁾ thét trắng miền khoáng dã⁽²⁾
Chài ngư⁽³⁾ tung gió bãi bình sa⁽⁴⁾
Lòng quê một bước nhường ngao ngán
Mấy kẻ tình chung có thấu là».*

Bài này chắc hẳn bà huyện Thanh Quan làm khi còn ở Huế.

- (1) Còi mục: Còi của kẻ chăn trâu
- (2) Khoáng dã: Cánh đồng rộng
- (3) Chài ngư: Chài của người đánh cá
- (4) Bình sa: Bãi cát phẳng.

Hơn 20 năm sau, lúc Nguyễn Thị Hình ngoài 60 tuổi, bà đã bước sang một cuộc sống khác, hoàn toàn trái ngược với nếp sống cũ. Dù những ý nghĩ về cuộc sống đối với bà vẫn nặng nề như bản thân cuộc sống, nhưng lảng tránh ra khỏi vòng vây ngọt ngào của triều đình các vua Nguyễn, trở về với tình yêu thiên nhiên, với cuộc sống giản dị, chất phác, ấm áp tình người của dân chúng Nghi Tâm, tâm hồn Nguyễn Thị Hình thanh thản trở lại. Hơn thế, Nguyễn Thị Hình đã thấy rõ, sự nín nhịn, cam chịu, an phận trước cường quyền là cuộc sống tẻ nhạt và vô vị. Vì vậy, không thách thức, không vùng vẫy lồng lộn, không liều lĩnh vô ích nhưng Nguyễn Thị Hình đã bắt đầu sống theo tình cảm thật của mình. Cho nên, đạo ấy, sau lúc dân chúng Nghi Tâm nổi dậy chống lệ nộp sâm cầm cho vua thắng lợi⁽¹⁾, thì một việc khác liên quan đến Nguyễn Thị Hình, lại mới chỉ là bắt đầu. Quan huyện Hoàn Long⁽²⁾ đem lính về nhà lý trưởng làng Nghi Tâm cũng vì có ấy. Theo lệnh thượng cấp, quan huyện Hoàn Long phải tìm cho ra ai là người xúi giục dân chúng và dám thảo đơn gửi lên đến triều đình Tự Đức đòi bỏ lệ nộp cống ấy.

Sau bữa rượu thịnh soạn ở nhà lý trưởng Nghi Tâm, viên quan huyện ngả lưng trên chiếc sập gu, hách dịch hỏi lý trưởng:

(1) Năm 1870, ở Nghi Tâm nổ ra cuộc đấu tranh chống lệ nộp sâm cầm (giống chim bồ câu, đặc sản của vùng này). Bà huyện Thanh Quan, theo gia phả, có dính líu đến vụ này, nhưng được quan huyện Hoàn Long phục tài đức của bà nên bỏ đi.

(2) Nghi Tâm xưa thuộc huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông.

— Bấy lâu chẳng lẽ ông không biết thượng cấp hoanh học mãi về việc ấy hay sao mà cứ làm lơ đi như vậy?

Viên lý trưởng ôn tồn đáp:

— Bẩm quan lớn! Bọn dân đen không chịu nói thì biết làm sao?

— Không chịu nói à, cứ nọc ra đánh cả lũ. Một gậy, mười gậy, một trăm gậy là khai tuốt.

— Bẩm quan, dân làng này cứng đầu lắm. Vả, việc đã yên rồi, tróc nã người thảo đơn làm gì? Vua cũng đã bãi lệ ấy rồi!

Viên quan sáng giọng:

— Ông ngu lắm. Lá đơn ấy có những điều tỏ rõ là người biết hết nội tình triều đình. Lời lẽ mềm mỏng mà từng chữ lại chắc như đá. Thật là—viên quan lúng túng—thật là tuyệt diệu. Lệnh thượng cấp: nếu không trị tận gốc, trị sớm, trị một cách êm thấm thì còn là loạn.

— Dân chúng tôi có ai là trạng nguyên, tiến sĩ đâu?

— La thật—viên quan vùng dậy đi bách bộ—Vây, ông lý, làng này ai là người hay chữ?

— Chỉ có... Lý trưởng Nghi Tâm ngần ngừ.

— Ai? Quan huyện quát hỏi.

— Chỉ có cụ huyện Thanh Quan—Lý trưởng biết đã chót lời nên nói thêm—Nhưng cụ ấy chỉ lấy phong cảnh làm vui và có tài thơ thôi.

— Bà huyện Thanh Quan—quan huyện sừng sốt—Tên thực là Nguyễn Thị Hình phải không? Bà ta đi tu rồi chứ?

Lý trưởng đáp:

— Bẩm quan: Từ khi từ chức Cung trung giáo tập, cụ huyện trở về quê. Cụ thường đi văn cảnh chùa, đến các nơi danh lam thắng cảnh chứ nào phải đi tu. Thật là con người chỉ biết lấy cỏ cây sông núi làm vui.

Đến lượt viên quan huyện bối rối:

— Ông cho đòi bà huyện tôi đây. À mà thôi! Tự ta đến hỏi cho ra lẽ cũng được.

*
**

Thấy quan huyện đến, cụ Nguyễn Thị Hình đang ngồi xem sách từ tốn đứng dậy:

— Ngài hỏi ai?

— Chào cụ huyện Thanh Quan. Tôi là quan huyện Hoàn Long đến thăm cụ.

— Ngài cứ gọi tôi theo tên tục — Nguyễn Thị Hình khoan thai nói.

— Cụ cho tôi thưa rõ. Tôi là cháu ngoại cố Phạm Quý Thích.

Nguyễn Thị Hình cố kìm sự ngạc nhiên:

— Tưởng ai hóa ra thân thuộc cả.

— Thượng cấp lệnh cho tôi phải tìm ra người cả gan thảo lá đơn chống lệ nộp sấm cầm của dân chúng vùng này.

— Đến thế kia à?

— Nghe lý trưởng nhắc đến tên cụ, tôi biết ngay nhưng cố lơ đi. Đơn cụ thảo sắc quá làm vua tức giận. Họ sẽ trị một cách ngấm ngầm nhưng khủng khiếp.

— Ngài cứ bảo là ta — Cặp mắt đen lay láy của Nguyễn Thị Hình long lên — Chính ta, vợ ông huyện Thanh Quan xưa, từng giữ chức trong triều Minh Mệnh, Thiệu Trị thảo cho dân đen lá đơn ấy. Nếu cần phải nói thêm cho rõ thì ngài cứ thưa với quan trên rằng, thời ấy ta phải nhịn nhục, cam chịu là nhằm lần. Lúc ấy tưởng như vậy ta được yên thân. Nhưng nay rời bỏ triều đình ta mới hiểu được mọi lẽ, ta mới tự biết kính trọng phẩm giá mình.

Viên quan huyện ngó nhìn ra sân:

— Xin cụ hiểu cho, tôi làm quan cũng vì thời thế. Có thể tôi chưa dám làm như cụ.

— Đó là việc của ngài. Nhưng chưa dễ mấy ai dám làm những điều mình nghĩ. Đòi thật bao giờ cũng phũ phàng hơn mộng tưởng. Trách sao được?

— Cụ nói đúng — viên quan huyện đứng dậy — Tôi phải thừa hành lệnh trên nhưng thực bụng thì không đồng tình. Huống hồ lại biết chính cụ là người thảo đơn.

Nguyễn Thị Hình trở lại dáng đoan trang, nhã nhặn thường ngày:

— Vào tuổi ngài, tôi chưa nghĩ được như thế!

— Thân mẫu tôi biết cụ ở đây thế nào cũng đòi lại thăm.

— Ngài cho tôi kính thăm cụ nhà.

Viên quan huyện về rồi, cũng như bao chiều khác, Nguyễn Thị Hình lững thững đi về phía Hồ Tây đón gió. Nguyễn Thị Hình gật đầu đáp lại nụ cười thiện cảm của những người hàng xóm vừa từ rừng giâm bụt sau nhà đi ra. Nụ cười của họ như còn đọng lại nổi lo lắng khi nãy chưa tan hết.

Chao ôi! Họ tốt bụng quá và cảnh chiều mênh mông quá, Nguyễn Thị Hình thầm nhủ — Chiều hồ Tây bao giờ cũng huyền diệu. Và, từ lâu rồi, đối với Nguyễn Thị Hình, cảnh chiều không hẳn là buồn.

QUỲNH CƯ

MỤC LỤC

		Trang
1. MAI THỨC LOAN	Văn Lang	5
2. NGÔ QUYỀN	Nguyễn Anh	27
3. TRẦN QUANG KHẢI	Văn Lang	49
4. NGUYỄN BIỂU	Nguyễn Anh	68
* * 5. TRẦN NGUYỄN HÂN	Quỳnh Cư	86
* 6. LÊ HỮU TRÁC	Văn Lang	122
* * 7. NGUYỄN HUỆ	Quỳnh Cư	146
8. BÀ HUYỀN THANH QUAN	Quỳnh Cư	197

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC

Tập 3

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Biên tập : PHAN XUÂN
 Sửa bài : NGUYỄN Mẫn
 Trình bày bìa : NGUYỄN NGHIÊM

In 20.200 cuốn tại Nhà máy in Tiến bộ Hà Nội. Khổ 13×18,8
 Số xuất bản 46/XBTN — Số in 853 — Xong ngày 15-10-1975.
 Gửi lưu chiều tháng 10 năm 1975